CÔNG TY CỔ PHẦN **TẬP ĐOÀN YEAH1** ***YEAH1 GROUP CORPORATION*** Số/*No.*: 08/2501/CBTT/CTHĐQT/YEG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom - Happiness*** ------o0o------ Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2025 *Ho Chi Minh City, January 07, 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To:* **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission***
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM/*HoChiMinh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Tầng 7, Toà nhà Galleria, số 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM / *Floor 7th, Galleria Building, 258 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone*: (+84) 287300 6071 Fax: 028 3823 3301

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/01/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công Ty**") công bố các tài liệu bao gồm:

1. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng.
2. Các phụ lục đính kèm Bản cáo bạch bao gồm:
   - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25/07/2024).
   - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024.
   - Tờ trình số 166/2404/TT/ĐHĐCĐ/YEG ngày 12/04/2024 về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công Ty.
   - Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 937/2409/NQ/HĐQT/YEG ngày 09/09/2024 thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
   - Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
   - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 và năm 2023 được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2024; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024.

- Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13/09/2023 đến ngày 31/03/2024 số 1.1029/24/TC-AC ngày 02/05/2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

Nội dung chi tiết được thể hiện trong các tài liệu đính kèm.

*Pursuant to Certificate of registration for public offering No. 13/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on January 06, 2025, Yeah1 Group Corporation (the "**Company**") discloses the following documents:*

1. *Prospectus on additional public offering.*
2. *The appendices attached to Prospectus including:*
   - *Enterprise registration certificate (registered for the 31st change on July 25, 2024).*
   - *Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ dated May 6, 2024.*
   - *Submission No. 166/2404/TT/ĐHĐCĐ/YEG dated April 12, 2024 on the Plan to offer additional shares to the public to existing shareholders to increase the Company's charter capital.*
   - *Resolution of the Board of Directors No. 937/2409/NQ/HĐQT/YEG dated September 9, 2024 approving the detailed implementation of the plan to offer additional shares to the public to existing shareholders.*
   - *Charter of Yeah1 GroupCorporation.*
   - *Audited separate and consolidated financial statements in 2022 and 2023; Overall review separate and consolidated financial statements for the 2024 semi-annual period; Separate and consolidated financial statements for the third quarter of 2024.*
   - *Report on the use of capital from the private offering to increase charter capital by VND 450,000,000,000 (from VND 312,799,680,000 to VND 762,799,680,000) from September 13, 2023 to March 31, 2024 No. 1.1029/24/TC-AC dated May 2, 2024, audited by A&C Auditing and Consulting Company Limited.*

Detailed content is shown in the attached documents.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại đường dẫn: http://yeah1group.com/investor-relations.

This information was disclosed on the company's Portal on January 07, 2025. Available at: http://yeah1group.com/investor-relations.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*
- Bản cáo bạch/ *Prospectus.*

Đại diện tổ chức/*Organization representative*
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*

LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

Where Diversity Unites

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 13 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 01 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ___/___/2024 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7300 6071 **Fax**: (+84) 28 3910 1073

Email: ir@yeah1.vn

Website: https://yeah1group.com/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 7, lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (+84) 0225 3842 335 **Fax:** (+84) 0225 3746 266

Website: https://haseco.vn/

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Phương Thảo

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số điện thoại: (+84) 28 7300 6071

(QUYỂN 1/2)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 54.800.581 cổ phiếu.
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 548.005.810.000 đồng.

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3824 5252
Website: https://www.ey.com/vi_vn

CÔNG TY TNHH PwC (VIỆT NAM)
Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3823 0796
Website: https://www.pwc.com/vn/vn.html

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Số 7, lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: (+84) 0225 3842 335 Fax: (+84) 0225 3746 266
Website: https://haseco.vn/

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8
1. Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 8
2. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG 8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 8
1. Rủi ro về kinh tế 8
2. Rủi ro về luật pháp 12
3. Rủi ro đặc thù (ngành, công ty, lĩnh vực hoạt động) 12
4. Rủi ro về đợt chào bán (việc chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán) 14
5. Rủi ro pha loãng 15
6. Rủi ro quản trị Công ty 18
7. Rủi ro khác 18
III. CÁC KHÁI NIỆM 18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 19
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 19
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 26
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 32
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 41
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 50
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 51
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 51
10. Hoạt động kinh doanh 52
11. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan 81
12. Chính sách đối với người lao động 81
13. Chính sách cổ tức 84

14. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 85

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 85

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 86

17. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 86

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 86

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 86

2. Tình hình tài chính 91

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 106

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 107

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 109

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập 109

2. Thông tin về cổ đông lớn 110

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng 112

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 141

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 147

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 147

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 161

1. Tổ chức Tư vấn 161

2. Tổ chức Kiểm toán: 162

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán: 162

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 162

XII. PHỤ LỤC 163

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. So sánh EPS năm 2024 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần 16
Bảng 2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2024 của Công ty 16
Bảng 3. Ngành nghề kinh doanh chính 20
Bảng 4. Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty 21
Bảng 5. Thông tin các Công ty con trực tiếp 33
Bảng 6. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty con trực tiếp 35
Bảng 7. Thông tin các công ty con gián tiếp 36
Bảng 8. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty con gián tiếp 38
Bảng 9. Thông tin các công ty liên kết trực tiếp 39
Bảng 10. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty liên kết trực tiếp 39
Bảng 11. Thông tin các công ty liên kết gián tiếp 40
Bảng 12. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty liên kết gián tiếp 41
Bảng 13. Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 43
Bảng 14. Các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của YEG từ năm 2022 đến nay 50
Bảng 15. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm 22/10/2024 51
Bảng 16. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo BCTC riêng 58
Bảng 17. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo BCTC hợp nhất 59
Bảng 18. Cơ cấu chi phí của Công ty theo BCTC riêng 60
Bảng 19. Cơ cấu chi phí của Công ty theo BCTC hợp nhất 60
Bảng 20. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo BCTC riêng 61
Bảng 21. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo BCTC hợp nhất 61
Bảng 22. Tài sản cố định của Công ty theo BCTC riêng 62
Bảng 23. Tài sản cố định của Công ty theo BCTC hợp nhất 62
Bảng 24. Một số tài sản lớn tính đến thời điểm 30/09/2024 64
Bảng 25. Tình hình đầu tư tại các công ty con trực tiếp 65
Bảng 26. Tình hình đầu tư tại các công ty liên kết trực tiếp 66
Bảng 27. Các hợp đồng lớn trong giai đoạn từ năm 2022 đến hiện tại 70
Bảng 28. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp chính 73
Bảng 29. Danh sách đăng ký nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu Trí tuệ ra Quyết định về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ 78
Bảng 30. Cơ cấu lao động của Công ty 82
Bảng 31. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty 85

Bảng 32. Kết quả hoạt động kinh doanh theo BCTC riêng 86
Bảng 33. Kết quả hoạt động kinh doanh theo BCTC hợp nhất 87
Bảng 34. Tình hình vốn điều lệ của Công ty 91
Bảng 35. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng 91
Bảng 36. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất 92
Bảng 37. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty 92
Bảng 38. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định 94
Bảng 39. Mức lương bình quân của người lao động Công ty 94
Bảng 40. Tình hình công nợ riêng và hợp nhất của Công ty 94
Bảng 41. Tình hình phải thu theo BCTC riêng 95
Bảng 42. Tình hình phải thu theo BCTC hợp nhất 96
Bảng 43. Các khoản phải thu khác tại 30/09/2024 97
Bảng 44. Các khoản phải thu quá hạn theo BCTC hợp nhất tại 30/09/2024 98
Bảng 45. Tình hình phải trả theo BCTC riêng 99
Bảng 46. Tình hình phải trả theo BCTC hợp nhất 99
Bảng 47. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC riêng năm 2022 100
Bảng 48. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC riêng năm 2023 101
Bảng 49. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC riêng 09 tháng đầu năm 2024 101
Bảng 50. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất năm 2022 102
Bảng 51. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất năm 2023 102
Bảng 52. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2024 102
Bảng 53. Tình hình trích lập các quỹ theo BCTC hợp nhất 103
Bảng 54. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo BCTC riêng 104
Bảng 55. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo BCTC hợp nhất 105
Bảng 56. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 107
Bảng 57. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận 108
Bảng 58. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty 110
Bảng 59. Thông tin cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn 111
Bảng 60. Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị 112
Bảng 61. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 123
Bảng 62. Thành viên Ban kiểm soát 136

Bảng 63. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 143
Bảng 64. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt chào bán 147

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2023 (%) 9
Hình 2. Tốc độ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2023 10
Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty tại ngày 30/09/2024 25
Hình 4. Cơ cấu tổ chức và Hệ thống quản trị của CTCP Tập đoàn Yeah1 26

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Bà **Lê Phương Thảo** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà **Ngô Thị Vân Hạnh** - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà **Nguyễn Thị Khánh Trang** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Bà **Lý Thị Thu Hà** - Chức vụ: Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

(Quyết định số 225/2024/QĐ-CKHP ngày 03/10/2024 về việc ủy quyền ký kết hồ sơ chứng từ tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành chứng khoán)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 05/2024/HĐTVPH-NHĐT/YEG-HAC ngày 05/09/2024 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cần trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

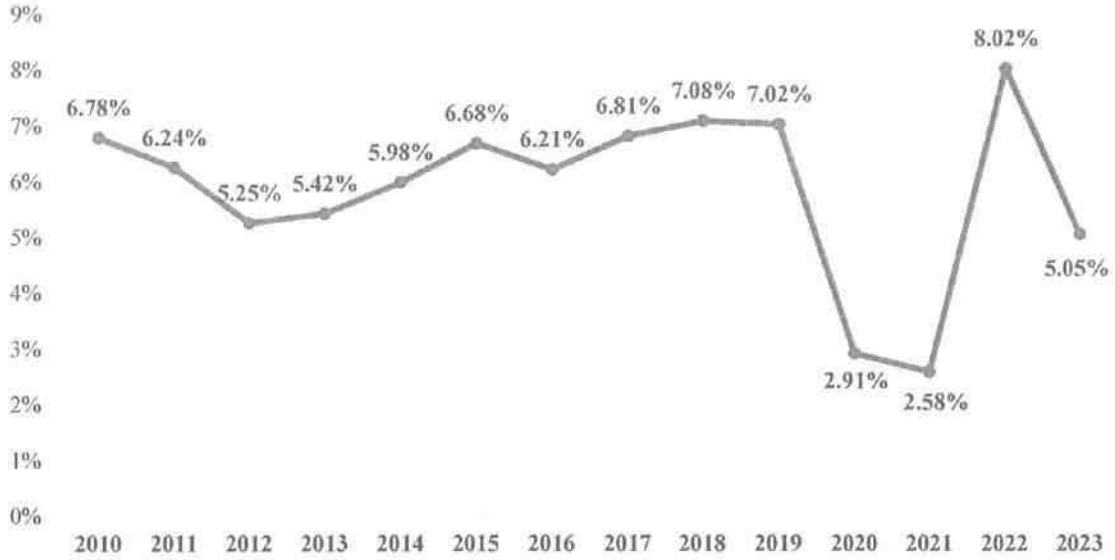
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất và các chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng GDP là nhân tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa ("**GDP**") của Việt Nam đã có nhiều khả quan, mức tăng trong giai đoạn 2015-2019 đều đạt trên 6%. Năm 2020 là năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng do đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 đạt 2,91% và năm 2021 giảm nhẹ xuống 2,58%. Từ năm 2022, nền kinh tế Việt Nam có sự phục hồi tích cực, GDP tăng cao đạt ở mức 8,02% và GDP năm 2023 đạt 5,05%.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2023 (%)



(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

GDP chín tháng năm 2024 thể hiện rõ xu hướng cải thiện của nền kinh tế diễn ra ở cả phía cung và phía cầu, với tốc độ ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19%, đóng góp 46,22%; khu vực dịch vụ tăng 6,95%, đóng góp 48,41%. Trong đó, riêng Quý 3/2024 ước tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng của Quý 1/2024 và Quý 2/2024. Hoạt động sản xuất phục hồi tích cực ở hầu hết các ngành, lĩnh vực. Riêng ngành nông, lâm, thủy sản tăng trưởng thấp hơn do chịu ảnh hưởng bởi cơn bão số 3. Bên cạnh đó, mặc dù hoạt động sản xuất diễn ra khá tích cực trong các tháng đầu năm 2024, tuy nhiên, do ảnh hưởng của cơn bão số 3, các lĩnh vực của ngành sản xuất đang đối mặt với khó khăn, rủi ro thu hẹp *(Nguồn: Tổng cục thống kê).*

Sự phát triển của thị trường chứng khoán ("**TTCK**") chịu ảnh hưởng lớn từ sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế vững mạnh và tăng trưởng mở ra cơ hội tăng trưởng cao và ổn định cho doanh nghiệp, giúp lành mạnh hóa các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và thúc đẩy nhà đầu tư tích cực tham gia thị trường. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế cũng là động lực thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường huy động nguồn lực tài chính trên thị trường chứng khoán, làm cho TTCK trở nên sôi động và phát triển một cách bền vững. Ngược lại, khi nền kinh tế bất ổn hoặc chậm phát triển, "sức khỏe" của doanh nghiệp và sự lạc quan của nhà đầu tư sẽ bị giảm sút, thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của Yeah1 nói riêng sẽ gián tiếp bị ảnh hưởng bất lợi.

Tính chung chín tháng năm 2024, về thanh khoản, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường chứng khoán đạt 22.655 tỷ đồng/phiên, tăng 28,9% so với bình quân năm 2023. VN-index tăng 13,98% so với cuối năm 2023, HNX-index tăng 2,82% và Upcom-index tăng 7,49%. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 7.049 nghìn tỉ đồng, tăng 18,74%, chiếm 68,96% GDP của năm 2023.

Sự tăng trưởng này được bắt nguồn từ đà phục hồi của mảng sản xuất và xuất khẩu, cộng thêm tăng trưởng lợi nhuận từ các công ty trong 09 tháng năm 2024 ở mức khả quan và các chính sách của Quốc hội Việt Nam liên quan đến Luật Đất đai, Luật các Tổ chức Tín dụng để giải quyết các nút thắt liên quan đến ngành bất động sản và tài chính – ngân hàng.

Tăng trưởng của TTCK Việt Nam là cơ hội để các doanh nghiệp thực hiện huy động nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời thuận lợi cho việc áp dụng các quy tắc quản trị mới giúp minh bạch và lành mạnh hoá hoạt động của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam những năm gần đây tương đối ổn định, Việt Nam trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, từ đó đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước. Nhờ vào kinh nghiệm và vị thế của mình, Công ty luôn chủ động trong việc nghiên cứu chiến lược để tận dụng lợi thế và nắm bắt cơ hội. Bên cạnh đó, Công ty luôn theo dõi sát sao và cập nhật tình hình biến động vĩ mô trong nước và quốc tế để có những hành động nhanh chóng, đáp ứng phù hợp nhu cầu của thị trường và gia tăng uy tín thương hiệu Công ty.

1.2. Lạm phát

Bên cạnh GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát tăng sẽ dẫn đến gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023 lạm phát Việt Nam đạt mức 3,25% và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây là mức tăng cao hơn của bình quân 05 năm gần đây nhưng thấp hơn khá nhiều so với mức tăng lạm phát bình quân của các năm trong giai đoạn 2010 – 2014.

Hình 2. Tốc độ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2023



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong nước, vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc điều hành các chính sách tài khóa và chính

sách tiền tệ linh hoạt. Theo đó, trong suốt những năm qua, lạm phát của Việt Nam luôn được kiểm soát và duy trì ổn định ở mức dưới 4%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 09/2024 tăng 0,29% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 09/2024 tăng 2,18% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,63%. CPI bình quân Quý 3/2024 tăng 3,48% so với Quý 3/2023. Tính chung chín tháng năm nay, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%, đây là mức thấp nhất trong vòng 8 tháng qua, cho thấy lạm phát tiền tệ đang được kiểm soát chặt chẽ. *(Nguồn: Tổng cục Thống kê).*

Trong trường hợp lạm phát của Việt Nam tăng cao, chi phí hoạt động của Công ty, bao gồm cả chi phí trả lương cho người lao động, chi phí tài chính và các chi phí quản lý, vận hành khác dự kiến cũng sẽ tăng theo tương ứng. Nếu Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá dịch vụ cho khách hàng thì các chi phí đó có thể sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát còn làm cho Công ty khó tiếp cận với nguồn vốn vay do lãi suất cho vay tăng, qua đó khó có thể mở rộng đầu tư kinh doanh. Ngoài ra, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và do đó ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất

Bên cạnh yếu tố lạm phát, lãi suất cũng là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh và đầu tư hợp lý.

Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay trong nước 09 tháng đầu năm 2024 duy trì xu hướng giảm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại trong nước đối với cả các khoản vay mới và các khoản vay cũ còn dư nợ ở mức 6,8 - 9,2%/năm, giảm 0,1% so với tháng 8/2024. Mức lãi suất này cũng đã giảm mạnh gần 1%/năm so với đầu năm 2024 (7,8 - 10,1%/năm). Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,7%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (4,0%/năm). Bên cạnh đó, tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định, thị trường chứng khoán duy trì xu hướng tăng trưởng theo đà phục hồi của nền kinh tế.

Những biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Yeah1 do Công ty có sử dụng vốn vay các tổ chức để phục vụ hoạt động kinh doanh. Một điểm nữa đó là sự thay đổi của lãi suất có thể làm thay đổi quyết định đầu tư của các nhà đầu tư, ảnh hưởng lớn đến TTCK, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.4. Tỷ giá

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí tài chính do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sử dụng ngoại tệ cho một số dịch vụ đầu vào. Mặc dù thị trường ngoại hối Việt Nam về cơ bản ổn định (do quan hệ cung cầu cơ bản ổn, thanh khoản thị trường tương đối dồi dào, dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng) nhưng những biến động mạnh trên thị trường ngoại hối quốc tế có tác động nhất định tới tỷ giá đô la Mỹ và tiền đồng Việt Nam (USD/VND).

Theo giới phân tích, áp lực tỷ giá chỉ mang tính chất thời điểm khi (1) sản xuất phục hồi khiến nhu cầu ngoại tệ phục vụ hoạt động nhập khẩu lên cao và (2) chênh lệch lãi suất VND – USD hiện âm sâu, thanh khoản hệ thống dư thừa kích thích các hoạt động đầu cơ ngoại tệ. Vì vậy ngày 11/03/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có những động thái làm ổn định tỷ giá, ví dụ như đã thực hiện đấu thầu tín phiếu kho bạc kỳ hạn 28 ngày trên thị trường mở, đây là động thái nhằm rút bớt thanh khoản thị trường 2 để giảm áp lực đầu cơ tỷ giá trong ngắn hạn trong bối cảnh thanh khoản trong hệ thống ngân hàng dồi dào, tăng trưởng tín dụng thấp và tỷ giá USD/VND tăng cao.

Tính từ đầu năm đến tháng 11/2024, tỷ giá USD/VND tăng gần 4,4% và được dự báo sẽ còn tiếp tục tăng trong tháng 11 và tháng 12/2024. Mặc dù vẫn tồn tại áp lực biến động tỷ giá, tuy nhiên, tỷ giá USD/VND được kỳ vọng vẫn nằm trong tầm kiểm soát với quy mô dự trữ ngoại hối tương đối lớn và việc điều hành linh hoạt của Ngân hàng nhà nước.

Yeah1 không có nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự tác động một phần bởi biến động tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và các đồng ngoại tệ khác (đặc biệt là USD), do đặc thù hoạt động kinh doanh trên các nền tảng nước ngoài như Google, Facebook, Dailymotion. Vì vậy, Công ty luôn đặc biệt chú trọng theo dõi sát sao các diễn biến tỷ giá thị trường để có phương án phòng ngừa và kiểm soát rủi ro, nghiên cứu mở rộng việc sử dụng các hợp đồng tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa. Bên cạnh đó, sự thay đổi tỷ giá hối đoái cũng có thể làm thay đổi quyết định của nhà đầu tư nước ngoài (lực lượng đầu tư quan trọng trên TTCK Việt Nam).

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của Công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật. Với sự ổn định của môi trường pháp lý, sự chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chung của pháp luật cũng như những yêu cầu riêng của ngành trong các hoạt động của Công ty, rủi ro về pháp luật luôn được kiểm soát và giảm thiểu đến mức thấp nhất.

3. Rủi ro đặc thù (ngành, công ty, lĩnh vực hoạt động)

3.1. Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là cung cấp dịch vụ và nội dung giải trí trên nhiều phương tiện và nền tảng khác nhau, Yeah1 phải đối mặt với rủi ro lớn nhất là mức độ cạnh tranh đến từ các đơn vị trong ngành. Quảng cáo số hiện đang phát triển mạnh mẽ cùng với xu thế phát triển chung của thế giới sẽ thu hút ngày càng nhiều các doanh nghiệp mới tham gia vào thị trường. Trên các mảng kinh doanh khác nhau sẽ có những doanh nghiệp cạnh tranh khác nhau.

Theo đó, trên thị trường truyền thông giải trí, ngoài một số doanh nghiệp Việt Nam như POPS Worldwide (Việt Nam), Sen Vàng, Cát Tiên Sa, DatViet VAC (gồm các công ty truyền thông trực thuộc: Vie Channel, Đông Tây Promotion,...), Yeah1 còn chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực như GMM Grammy (Thái Lan), CJ (Hàn Quốc), v.v.

Ở phương diện nền tảng kênh truyền hình, Yeah1 phải cạnh tranh với các kênh truyền hình truyền thống như VTV, HTV, VTVCab vốn có thị phần lớn, kho nội dung đa dạng và đặc sắc cùng nguồn vốn dồi dào. Trong thời gian gần đây, Yeah1 cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ trong mảng sản xuất các chương trình truyền hình thực tế của các đơn vị đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, điển hình như ở chương trình "Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai". Ngoài ra, thị trường gameshow cũng đã và đang chứng kiến nhiều chương trình hấp dẫn với sự tham gia của các nhà sản xuất như Madison, CJ ENM với "Nữ hoàng vũ đạo đường phố" hay BHD với "Hành trình kỳ thú" cũng tạo được những hiệu ứng tốt trên thị trường.

Ngoài ra, công ty con của Yeah1, Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam - Đối tác Xuất bản duy nhất của Google tại thị trường Đông Nam Á phải cạnh tranh với các đối tác xuất bản khác trên toàn cầu như Acceleration eMarketing, Acqua Media, AddApptr. Bên cạnh đó, Công ty cũng liên tục chịu áp lực từ các doanh nghiệp cùng ngành nhưng quy mô nhỏ hơn, tính đặc thù của ngành đòi hỏi quy trình sáng tạo không ngừng nên sức ép cạnh tranh cũng vô cùng lớn. Trước bối cảnh đó, Yeah1 tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, xây dựng chiến lược kinh doanh riêng biệt, hướng tới nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời mở rộng và quảng bá hình ảnh của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

3.2. Rủi ro thay đổi xu hướng công nghệ

Cùng với cuộc cách mạng số, xu hướng công nghệ đang vận động không ngừng. Thời gian xuất hiện các trào lưu và các nền tảng công nghệ mới ngày càng thu hẹp. Các công nghệ như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo (AI), và dữ liệu lớn (Big Data) tiếp tục phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam khiến nhiều công ty không bắt kịp xu hướng công nghệ đã nhanh chóng phải giảm quy mô, bị đào thải hoặc bị mua lại. Với đặc thù là công ty truyền thông phục vụ giới trẻ, doanh nghiệp buộc phải luôn vận động, nắm bắt và vận dụng các công nghệ mới để phục vụ cho việc phát triển kinh doanh một cách nhanh chóng và bền vững.

Để giảm thiểu rủi ro này, Yeah1 đã và đang chú trọng đầu tư và/hoặc hợp tác nâng cao công nghệ, chất lượng dịch vụ và đặc biệt là con người - phát triển đội ngũ nhân sự để nhanh chóng cập nhật các trào lưu, xu hướng công nghệ mới. Bên cạnh đó, việc sở hữu cộng đồng rộng lớn sẽ hỗ trợ Công ty trong việc khai thác cơ sở dữ liệu của mình để nắm bắt và dẫn đầu các xu hướng mới.

3.3. Rủi ro về vấn đề vi phạm bản quyền

Trong bối cảnh phân phối nội dung số đang diễn ra cực kỳ sôi động, sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng truyền hình OTT (Over-The-Top) và kĩ thuật số mang đến những thách thức chưa từng có trong việc bảo mật và bảo vệ bản quyền nội dung. Việc vi phạm bản quyền nói chung ở Việt Nam còn phổ biến, đặc biệt trên lĩnh vực internet. Các nội dung số do Công ty hoặc đối tác sở hữu có thể bị sao chép nguyên bản, hoặc vi phạm các vấn đề về âm thanh, hình ảnh, thương hiệu. Điều này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu của Công ty và đối tác hợp tác nếu không có các biện pháp kiểm soát, bảo vệ và chế tài xử lý vi phạm thỏa đáng. Nhìn chung vấn đề vi phạm bản quyền trên internet rất khó xử lý triệt để do đặc thù ngành nội dung số dễ sao chép, nhân rộng trong khi chế tài pháp lý chưa chặt chẽ và nghiêm minh.

Tuy nhiên, ngoài những quy định hiện nay như Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Báo chí, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin, Luật Xuất bản và các cam kết quốc tế về bản quyền,

các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiện nay cũng đang tích cực nghiên cứu, soạn thảo, đề xuất các quy định và nghiên cứu các giải pháp thực tiễn để thực thi vấn đề bản quyền tốt hơn trong môi trường công nghệ số. Đối với mạng xã hội như Facebook, Google, là các nền tảng mà Yeah1 có hoạt động kinh doanh trọng yếu, để ngăn chặn hành vi vi phạm bản quyền, Yeah1 đã phối hợp với đại diện của các mạng xã hội để tiến hành rà soát, kiểm tra định kỳ và áp dụng các ứng dụng công nghệ để giảm thiểu vấn nạn bản quyền.

3.4. Rủi ro về nắm bắt thị hiếu

Thị hiếu người xem thường nhanh thay đổi và khó nắm bắt. Các nội dung xa rời hoặc không nắm bắt kịp thị hiếu sẽ ít hấp dẫn khán giả, người xem, từ đó kéo theo doanh thu từ việc khai thác nội dung bị ảnh hưởng tiêu cực. Rủi ro về thị hiếu người xem sẽ đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải liên tục nghiên cứu thị trường – đặc biệt là tệp khách hàng phù hợp, liên tục đổi mới và sáng tạo nội dung sản xuất. Với việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường quốc tế, Công ty cũng sẽ đối mặt với vấn đề về thị hiếu người xem tại thị trường địa phương do thị hiếu đa dạng ở theo vùng, địa phương, quốc gia.

3.5. Rủi ro kinh doanh

Ngoài hoạt động trên những nền tảng xã hội lớn như Facebook, Google, TikTok, Dailymotion, kể từ năm 2023, Yeah1 bắt đầu tập trung mở rộng các mảng kinh doanh, đặc biệt là mảng sản xuất nội dung chất lượng cao, lấn sân sang lĩnh vực sản xuất chương trình truyền hình thực tế với mức đầu tư lớn và trở thành đối tác chiến lược của Mango TV – trực thuộc Công ty Mango Excellent Media (một đơn vị được sở hữu và vận hành bởi Đài truyền hình Hồ Nam – Trung Quốc) kể từ tháng 03 năm 2024. Hợp tác với Mango TV mang đến kỳ vọng giúp Yeah1 nâng cao chất lượng từ khâu sản xuất, kịch bản, nội dung, kinh nghiệm sáng tạo, công nghệ trình diễn, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sản xuất chương trình, quản lý và đào tạo nghệ sĩ và các lĩnh vực nghệ thuật liên quan.

Một trong những rủi ro lớn mà Yeah1 phải đối mặt là sự cạnh tranh gay gắt với những doanh nghiệp lớn cùng ngành, bên cạnh đó những dự án mà Yeah1 đang thực hiện đều có mức đầu tư rất lớn, do đó việc kiểm soát chi phí cũng cần được cẩn trọng để đảm bảo cân bằng và hiệu quả trong sử dụng vốn.

4. Rủi ro về đợt chào bán (việc chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán)

4.1. Rủi ro về việc chào bán

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và tâm lý chung của nhà đầu tư.

Việc phân phối cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ chính thức được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Do đó việc thành công của đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán.

Với triển vọng tăng trưởng của Công ty cũng như mức độ khả quan về dòng tiền đầu tư trên thị trường chứng khoán trong thời gian tới, Công ty có khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư và sẽ đạt được thành công cho đợt chào bán này.

4.2. Rủi ro đối với việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Phương án sử dụng vốn của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty nói riêng và xu hướng của thị trường truyền thông giải trí nói chung trong bối cảnh nền kinh tế

Việt Nam đang dần hồi phục. Rủi ro của việc sử dụng nguồn vốn có thể bắt nguồn từ sự không hiệu quả trong các hoạt động kinh doanh được phân bổ nguồn vốn. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn nghiên cứu, đánh giá để nâng cao hiệu quả trong các quyết định đầu tư.

Với mục đích sử dụng vốn để góp vốn vào công ty con/hoàn trả tiền mua sở hữu để chuyển công ty liên kết thành công ty con; bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Như đã trình bày tại các rủi ro đặc thù liên quan đến ngành bên trên, cộng với việc chuẩn bị kỹ lưỡng cho kế hoạch kinh doanh từ số tiền thu được từ đợt chào bán, Yeah1 nhận thấy rủi ro từ việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán là không cao. Hiện nay nhu cầu về giải trí, quảng cáo thương mại, xem truyền hình, nền tảng xã hội luôn duy trì ở mức cao và chưa có dấu hiệu giảm, do đó nếu quản trị tốt chi phí thì việc huy động được thêm nguồn vốn để gia tăng tần suất kinh doanh là cơ hội tốt cho Yeah1 để mở rộng hoạt động kinh doanh cũng như cải thiện hiệu quả kinh doanh.

5. Rủi ro pha loãng

Công ty hiện đã có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

$$\textbf{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{\textbf{X*12 + Y*t}}{\textbf{12}}$$

Trong đó: *X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành*
Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm
t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 02 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (Không phát hành)} = \frac{137.001.454*12}{12} = 137.001.454 \text{ cổ phiếu}$$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (Phát hành)} = \frac{137.001.454*12 + 54.800.581*02}{12} = 146.134.884 \text{ cổ phiếu}$$

Bảng 1. So sánh EPS năm 2024 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	65.000.000.000	65.000.000.000
2	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Cổ phiếu	137.001.454	146.134.884
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	474,4	444,8

(Nguồn: Theo kế hoạch kinh doanh hợp nhất của YEG)

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận trong năm 2024. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 54.800.581 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2024 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Bảng 2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2024 của Công ty

Chỉ tiêu	30/09/2024
Theo BCTC riêng	
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	**1.694.766.977.034**
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	137.001.454
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	12.370
Theo BCTC hợp nhất	
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	**1.434.706.230.272**
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	137.001.454
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	10.472

(Nguồn: BCTC riêng lẻ và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán, nếu tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

5.4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng.

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm phát hành cổ phiếu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1: Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ:

Giả sử Giá đóng cửa của cổ phiếu YEG tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu (cao hơn giá phát hành), theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 100:40, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau:

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền = [15.000 + (0,4 x 10.000)]/(1+0,4) = 13.571 đồng/cổ phiếu

Trong trường hợp, giá đóng cửa của cổ phiếu YEG tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn hoặc bằng giá phát hành thì theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định:

"4. Trường hợp giao dịch chứng khoán không được hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng với giá phát hành cao hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

b) Doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền.

c) Doanh nghiệp thực hiện trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu."

Trường hợp này giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban Điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, v.v cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, v.v. khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban kiểm soát. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, v.v là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, để giảm thiểu thiệt hại, Công ty phải chấp nhận và có biện pháp cho riêng mình, sau đó mới tính đến hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Nhà nước về việc giảm chi phí, tăng cơ hội chuyển đổi.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BCTC	:	Báo cáo tài chính
Công ty/Tập đoàn/Tổ chức phát hành/Yeah1/YEG/Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	:	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CMND	:	Chứng minh nhân dân
CCCD	:	Căn cước công dân

CP	:	Cổ phần
CTCK	:	Công ty chứng khoán
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội
HCM	:	Hồ Chí Minh
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
HĐTV	:	Hội đồng Thành viên
HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
Tổ chức Tư vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng
USD	:	Đồng đô la Mỹ
VND	:	Việt Nam Đồng
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
TVLK	:	Các thành viên lưu ký
TTCK	:	Thị trường chứng khoán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

-	Tên công ty viết bằng tiếng Việt:	**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**
-	Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:	**YEAH1 GROUP CORPORATION**
-	Tên công ty viết tắt:	**YEG CORP**
-	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số:	0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2024
-	Trụ sở chính:	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
-	Điện thoại:	(+84) 28 7300 6071

- Fax: (+84) 28 3910 1073
- Website: https://yeah1group.com/
- Email: ir@yeah1.vn
- Vốn điều lệ: 1.370.014.540.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Phương Thảo – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
  Bà Ngô Thị Vân Hạnh – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu: YEG
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Bảng 3. Ngành nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	**Hoạt động tư vấn quản lý** Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). (Doanh nghiệp không được cung cấp dịch vụ trọng tài hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán; không được cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn; không được cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng hoạt động lĩnh vực quảng cáo; không được thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động – việc làm, hoạt động vận động hành lang).	7020 (Chính)
2	**Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận** Chi tiết: Nghiên cứu thị trường (Doanh nghiệp không được thực hiện dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng quy định tại CPC 86402)	7320
3	**Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu** (Trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ phân phối thuốc lá và xì gà, sách báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).	4799
4	**Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí** Chi tiết: Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống và xiếc) (CPC 9619) (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hoá chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

CTCP Tập đoàn Yeah1 được thành lập vào tháng 09/2006, hoạt động trong lĩnh vực chính là truyền thông đa phương tiện dựa trên sức mạnh công nghệ, sáng tạo, sản xuất nội dung giải trí đa thể loại và phát hành trên đa nền tảng.

Bảng 4. Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty

Thời gian	Những cột mốc phát triển
2006	**Khởi đầu** ▪ Thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Siêu Sao (tên cũ) với vốn điều lệ 500.000.000 đồng. Ra mắt trang tin Yeah1.com sở hữu gần 40.000 người dùng.
2008	**Cộng đồng người dùng lớn nhất Việt Nam** ▪ Yeah1 xây dựng được cộng đồng lớn nhất Việt Nam với 400.000 người dùng và tiếp tục ra mắt Yeah1 TV - Kênh truyền hình Việt Nam đầu tiên dành cho giới trẻ.
2010	**Hệ thống kênh TV cho giới trẻ** ▪ Yeah1 ra mắt hệ thống TV dành cho giới trẻ là kênh Yeah1 Family dành cho gia đình và kênh phim Imovie, nâng số người dùng lên con số 2.000.000.
2015	**Chứng nhận YouTube MCN** ▪ Yeah1 nhận giấy chứng nhận YouTube MCN (Mạng lưới đa kênh của YouTube) với số lượt người xem tích lũy đạt 2,4 tỷ views, nhận 2 nút vàng. Tiếp đó, Yeah1 tiếp tục ra mắt YeaH1CMG - Sản xuất phim điện ảnh.
2017	**Nền tảng truyền thông số hàng đầu** ▪ Yeah1 khẳng định được nền tảng truyền thông số hàng đầu trên YouTube khi là MCN số 01 Việt Nam về lượt xem. Sau đó, Yeah1 sáp nhập Netlink - đơn vị sở hữu chứng nhận GCPP Google (Google Certified Publishing Partner - Đối tác xuất bản được chứng nhận của Google) tại Đông Nam Á và TNT (Đại lý bán quảng cáo hàng đầu).
2018	**Niêm yết cổ phiếu và mở rộng** ▪ Ngày 26/06/2018, Yeah1 trở thành doanh nghiệp trong lĩnh vực truyền thông đầu tiên niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). ▪ Cùng trong năm, Yeah1 ghi dấu khi giành được giải thưởng Apex 2018 dành cho Doanh nghiệp Truyền thông xuất sắc nhất. Yeah1 mở rộng đầu tư sang Thái Lan, Philippines, Indonesia và hợp tác độc quyền với công ty âm nhạc hàng đầu thế giới Universal Music Group và AKS Nhật Bản.
2020 - 2021	**Dẫn đầu giải pháp sáng tạo truyền thông** ▪ Yeah1 liên tục gặt hái nhiều thành quả lớn như đạt Top 7 Châu Á - Thái Bình Dương về số lượng người xem (unique viewers) video; Top

Thời gian	Những cột mốc phát triển
	10 Doanh nghiệp dịch vụ, giải pháp Công nghệ thông tin; Top 50 Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam. Yeah1 tiếp tục được công nhận bởi các tổ chức uy tín như các giải thưởng của HR Asia Award 2021, Vietnam Excellence 2021 do Anphabe tổ chức. ▪ Đặc biệt trong năm 2021, Yeah1 đã phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, cùng Bộ Thông tin Truyền thông tổ chức, phát sóng trực tiếp chương trình "Dân hỏi - Thành phố trả lời" giúp hàng chục triệu người dân Thành phố Hồ Chí Minh được tiếp cận với thông tin của chính quyền một cách thời sự nhất.
2022	**Bứt phá** ▪ Yeah1 phục hồi và bứt phá mạnh mẽ khi tiến hành tái cấu trúc bộ máy quản trị doanh nghiệp và tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh chủ lực. Công ty tái định vị thương hiệu và thay đổi bộ nhận diện sau 16 năm. Giữa năm 2022, Yeah1 gia tăng bộ sưu tập 01 nút kim cương cùng hàng loạt kênh giải trí YouTube đạt tỷ lượt xem khi chào đón sự gia nhập của T-Studio, BigCat. ▪ Yeah1 tiếp tục ghi nhận nhiều thành quả khác khi đạt các giải thưởng, danh hiệu như "Nhà xuất bản nội dung video có lượt xem và tương tác cao nhất Việt Nam trên Facebook Watch" do Meta vinh danh; Top 10 video nổi bật trên YouTube Việt Nam; Top 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu Nhà tuyển dụng hấp dẫn 2022 do Anphabe và VCCI khảo sát, tổ chức.
2023	**Đổi mới** ▪ **Chiến lược kinh doanh trọng tâm** Yeah1 tập trung nhiệm vụ vào các lĩnh vực kinh doanh chủ lực như: Kinh doanh truyền hình và nội dung cao cấp; Sản xuất và xuất bản nội dung trên các nền tảng mạng xã hội; Quản lý quảng cáo cho Google; Mua sắm giải trí trực tuyến; Dịch vụ tư vấn quảng cáo và tổ chức sự kiện; Đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng sản xuất. ▪ **Tăng vốn điều lệ** Yeah1 hoàn thành 02 đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, qua đó tăng vốn điều lệ Công ty từ 312,8 tỷ đồng lên 1.313,5 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn vốn thực hiện các chiến lược kinh doanh. ▪ **Khởi đầu hợp tác** Yeah1 đầu tư sản xuất và phát sóng chương trình giải trí cao cấp Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023 trên kênh VTV3 và là tiền đề để sản xuất và phát sóng các chương trình cao cấp khác như Mẹ Siêu Nhân, Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai,... trong năm 2024. Các chương trình được mua bản quyền từ phiên bản gốc của Mango TV và độc quyền sản xuất tại Việt Nam. ▪ **Vinh danh**

Thời gian	Những cột mốc phát triển
	Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023 thu hút gần 700 triệu lượt người xem video trên đa nền tảng, hơn 6 tỷ lượt xem được đo lường từ các hashtag liên quan chương trình, đạt Top #1 Rating trên VTV3, Top #1 chủ đề thảo luận trên mạng xã hội, Top #3 đề cử WeChoice hạng mục "**TV Show của năm**" và đoạt giải "**Chương trình Giải trí Ấn tượng**" của VTV Awards 2023,... 24h Live - Phiên Chợ Cuối vươn tầm Đông Nam Á khi đoạt giải Bạc ở hạng mục "**Quan hệ công chúng Xuất sắc Đông Nam Á**" của APRN, "**Chiến dịch Quan hệ công chúng & Truyền thông xuất sắc kết hợp với người nổi tiếng có ảnh hưởng**" của VNPR. Top 2 Nhà tuyển dụng yêu thích nhất trong nhóm Báo chí - Thông tin - Truyền thông; Top 35 Nhà tuyển dụng yêu thích nhất thuộc khối doanh nghiệp vừa của CareerViet; Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam của Anphabe tổ chức và VCCI.
2024	**Thăng cấp** ▪ Yeah1 đánh dấu mối quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện với MangoTV trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nội dung giải trí chất lượng cao. ▪ LUNAS - nhóm nhạc nữ bước ra từ Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023 do Yeah1 quản lý đã ghi dấu ấn trên thị trường âm nhạc Việt và trở thành khách mời đặc biệt để biểu diễn sân khấu Đạp Gió 2024 tại Trung Quốc. MV đầu tay "Moonlight" ngay sau khi ra mắt đã lọt top dẫn đầu trên các nền tảng nhạc số như YouTube Music, iTunes, Spotify,... ▪ Chương trình Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai bùng nổ và nhận được phản hồi tích cực khi vừa phát sóng. Bên cạnh đó, Yeah1 tổ chức các buổi biểu diễn quy mô lớn sau khi phát sóng chương trình với sự tham gia của hàng chục nghìn khán giả, tạo nên hiệu ứng truyền thông xã hội văn hóa rộng khắp và là chương trình ghi dấu ấn to lớn cho ngành công nghiệp giải trí của Việt Nam. ▪ Hàng loạt nội dung giải trí theo định dạng ngắn (short-series) của Yeah1 thu hút hàng trăm triệu lượt xem trên các nền tảng mạng xã hội. ▪ Dự án "**Triệu Khoảnh Khắc Gà Giòn Vui Vẻ**" được vinh danh ở giải Bạc BSI Awards 2024 trong hạng mục "**The Best CSR Campaign**". ▪ Tiếp nối thành công của mùa 1, Yeah1 tiếp tục thực hiện mùa 2 chương trình Chị Đẹp Đạp Gió và phát sóng trên VTV3 vào Quý 4/2024.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

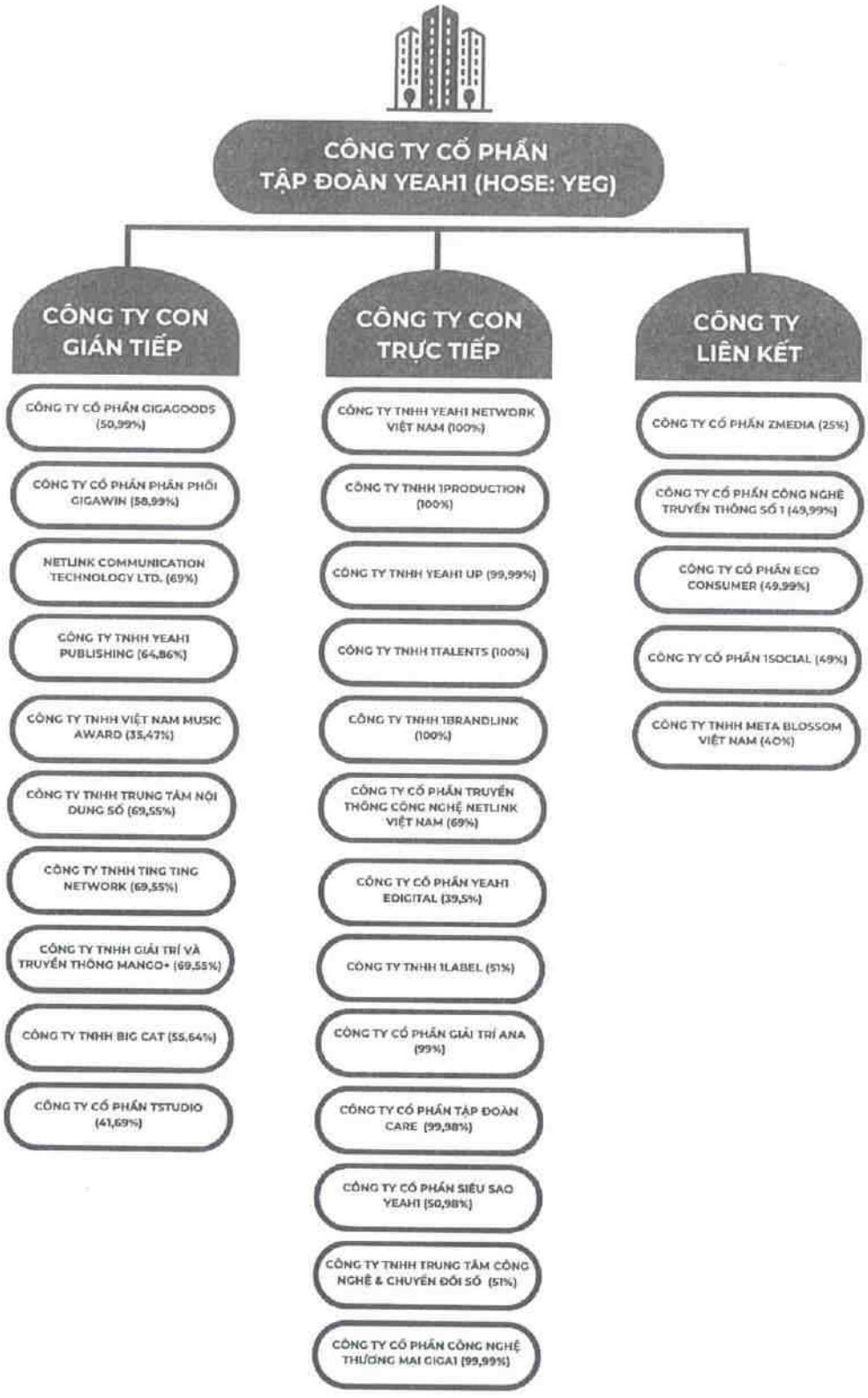
Cơ cấu tổ chức của CTCP Tập đoàn Yeah1 và các công ty trực thuộc được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ("**Luật Doanh Nghiệp**"). Các hoạt động của Công ty và

các công ty trực thuộc tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua.

Tính đến thời điểm 30/09/2024, CTCP Tập đoàn Yeah1 có tổng cộng 23 công ty con, trong đó có 13 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết. Các công ty con/ công ty liên kết cùng hoạt động trong lĩnh vực hoạt động sáng tác, nghệ thuật, truyền thông và giải trí.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

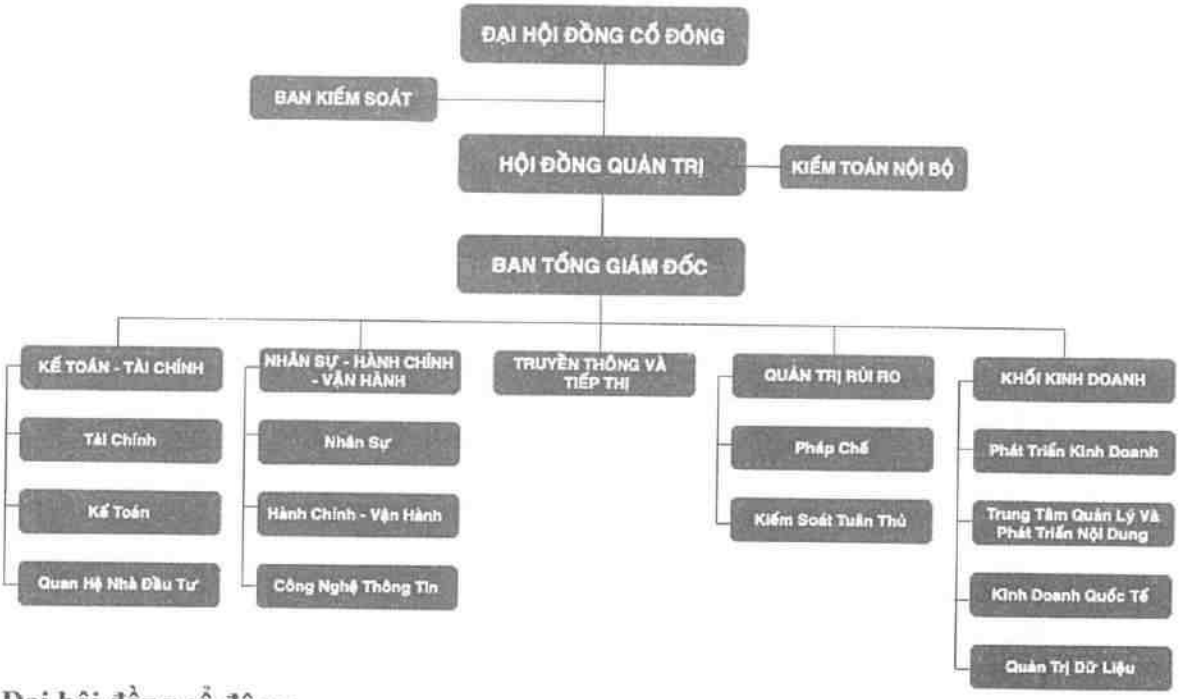
Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty tại ngày 30/09/2024



(Nguồn: YEG)

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 4. Cơ cấu tổ chức và Hệ thống quản trị của CTCP Tập đoàn Yeah1



- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, chịu trách nhiệm quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược và quản trị của Công ty. Đại hội đồng cổ đông được quyền quyết định những vấn đề mà pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty quy định. Những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

▪ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm Soát là cơ quan độc lập trong Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đóng vai trò then chốt trong việc giám sát tình hình tài chính, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh của Công ty, những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

▪ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng chiến lược, giám sát và điều hành các hoạt động của Công ty, đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả, từ đó gia tăng giá trị cho cổ đông và nâng cao uy tín của công ty trên thị trường. Hội đồng Quản trị có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty, những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

- Quyết định giá bán cổ phần, phương án phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành trái phiếu của Công ty, bao gồm cả trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế, trừ trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh Nghiệp.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

▪ **Kiểm toán nội bộ**

Phòng Kiểm toán nội bộ, hoạt động theo định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, đảm nhận vai trò chủ chốt trong việc bảo vệ tài sản và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Đội ngũ kiểm toán không chỉ thực hiện các cuộc kiểm toán định kỳ và bất thường, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, mà còn chủ động tham gia vào việc xây dựng và cải thiện các quy trình, chính sách của Công ty.

Bên cạnh đó, Phòng Kiểm toán nội bộ còn theo dõi sát sao việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán, đồng thời rà soát và tư vấn xây dựng, cải thiện quy trình hoạt động cho các phòng ban và công ty thành viên. Với tinh thần chủ động và trách nhiệm cao, đội ngũ kiểm toán luôn sẵn sàng báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc về những vấn đề tồn động, sai phạm trong hệ thống kiểm soát nội bộ, cũng như đưa ra các đề xuất cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo tuân thủ pháp luật của toàn Công ty.

- **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành và quản lý hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai và thực hiện các chiến lược, kế hoạch và quyết định của Hội đồng Quản trị. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

Ban Tổng Giám đốc là cầu nối giữa Hội đồng Quản trị và các phòng ban, đơn vị trực thuộc, đảm bảo sự đồng bộ và nhất quán trong hoạt động quản lý và điều hành của công ty.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

- **Các Khối, Phòng/Ban**

❖ **Kế toán**

Phòng Kế toán đảm nhận vai trò đảm bảo tuân thủ các quy định về thuế, kiểm soát và quản lý quy trình hồ sơ kế toán. Phòng Kế toán chịu trách nhiệm giải trình toàn bộ công việc với Ban Tổng Giám đốc, cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra, các tổ chức tín dụng và các bên liên quan. Nhiệm vụ chính của phòng bao gồm đánh giá các quy định về thuế, đề xuất kế hoạch tuân thủ nghĩa vụ thuế; kiểm tra tính chính xác, hợp lý và cân đối của số liệu hạch toán; đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục liên quan đến ghi nhận doanh thu, thanh toán, mua bán tài sản, tạm ứng và hoàn ứng, kê khai thuế. Đồng thời, Phòng Kế toán còn theo dõi tình hình thu hồi công nợ để tối ưu hóa dòng tiền và đảm bảo quản lý hiệu quả tài chính của Công ty.

❖ **Tài chính**

Phòng Tài chính đóng vai trò then chốt trong việc quản lý và tối ưu hóa nguồn lực tài chính của Công ty, theo dõi chặt chẽ và kiểm soát ngân sách, chi phí hoạt động, đảm bảo mọi hoạt động tài chính đều diễn ra theo đúng kế hoạch và mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh đó, Phòng Tài chính thực hiện chức năng quản lý nguồn vốn đầu tư, đảm bảo nguồn lực tài chính dồi dào cho việc sản xuất và kinh doanh, đánh giá và triển khai các chiến lược đầu tư mới, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty. Phòng Tài chính cũng chịu trách nhiệm chuẩn bị và công bố các báo cáo tài chính định kỳ, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật.

❖ **Quan hệ Nhà đầu tư**

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư có các chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động truyền thông quan hệ đầu tư đối với các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng trong nước và ngoài nước, giải quyết các thắc mắc từ cổ

đông và nhà đầu tư, những người có quan tâm đến cổ phiếu, tình hình tài chính và hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, còn phối hợp trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, các sự kiện đối thoại của Công ty ra bên ngoài công chúng; các hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định pháp luật.

❖ **Nhân sự**

Phòng Nhân sự chịu trách nhiệm giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Phòng Nhân sự cung cấp các dịch vụ đối tác nhân sự chất lượng cao, xây dựng chính sách nhân sự hợp lý, tối ưu về ngân sách và cạnh tranh với thị trường nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Nhiệm vụ của Phòng Nhân sự bao gồm tuyển dụng, triển khai các dịch vụ nhân sự, thực hiện các tư vấn và hướng dẫn hiệu quả, quản trị hiệu suất, xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn và phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc gắn kết và hiệu suất cao.

Phòng Nhân sự cũng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phối hợp xây dựng mô tả công việc tại các chức danh, tạo nền tảng nhân sự bảo đảm đủ năng lực để triển khai các hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty. Phòng Nhân sự thực hiện triển khai các chương trình và hoạt động nhân sự kịp thời và hiệu quả, đồng thời phối hợp với phòng/ban/tổ chức liên quan nhằm phát triển các ứng dụng nhằm số hóa quy trình nhân sự, tạo thuận lợi trong quá trình quản lý nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, Phòng Nhân sự còn có nhiệm vụ tổ chức đào tạo. Theo đó, Bộ phận Đào tạo trực thuộc Phòng Nhân sự thực hiện khảo sát yêu cầu đào tạo từ Ban lãnh đạo và nhu cầu phát triển cá nhân của CBNV để xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo phù hợp. Thông qua các hoạt động này, Phòng Nhân sự không chỉ thu hút và giữ chân nhân tài mà còn tạo động lực để mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

❖ **Công nghệ thông tin**

Phòng Công nghệ thông tin với chức năng quản lý hệ thống công nghệ thông tin, thiết kế, phát triển và vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, trong đó công tác lưu trữ, đảm bảo an toàn dữ liệu, bảo mật thông tin là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Song song đó, Phòng Công nghệ thông tin cung cấp hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho toàn Công ty, đảm bảo hoạt động liên tục và hiệu quả của toàn bộ Công ty.

❖ **Hành chính - Vận hành**

Phòng Hành chính – Vận hành đảm nhiệm việc vận hành các hoạt động hành chính văn phòng, từ quản lý công việc, hồ sơ thanh toán, hợp đồng, đến việc đảm bảo vận hành văn phòng, quản lý kho bãi, tài sản và mua sắm các nhu yếu phẩm cần thiết. Việc quản lý con dấu, văn thư lưu trữ, lễ tân, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động cũng được phòng thực hiện một cách chặt chẽ và chuyên nghiệp.

Đặc biệt, phòng Hành chính - Vận hành còn đóng góp vào việc xây dựng và quảng bá thương hiệu Yeah1 thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ, tổ chức các hoạt động gắn kết đội ngũ và xây dựng môi trường làm việc tích cực, đồng thời thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng, chứng từ và thuế cho các dự án kinh doanh của Công ty.

❖ **Truyền thông và Tiếp thị**

Phòng Truyền thông và Tiếp thị của Công ty chịu trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai các chiến lược truyền thông và quảng bá cho Tập đoàn, theo dõi và quản lý việc thực hiện kế hoạch với các phòng ban liên quan.

Phòng Truyền thông và Tiếp thị cũng thực hiện sáng tạo và sản xuất nội dung truyền thông, bao gồm ấn phẩm 2D, video chất lượng cao phục vụ cho các chương trình và dự án trên tất cả các nền tảng. Ngoài ra, Phòng Truyền thông và Tiếp thị đảm nhận việc đăng ký quảng cáo, biên tập và điều phối nội dung, xây dựng thương hiệu tập đoàn, sản xuất nội dung truyền thông như bài PR, ý tưởng video/hình ảnh và duy trì quan hệ với báo chí. Bộ phận này cũng hỗ trợ tổ chức sự kiện, họp báo, xây dựng và quản lý các chiến dịch marketing, đồng thời tối ưu hóa và phân phối nội dung trên các nền tảng số, đảm bảo hình ảnh Tập đoàn và các đơn vị kinh doanh được thể hiện một cách tối ưu.

❖ **Quản trị Rủi ro**

Khối Quản trị Rủi ro chịu trách nhiệm quản lý và giảm thiểu rủi ro toàn diện cho Tập đoàn. Bộ phận này thực hiện đánh giá, phân tích và quản lý các rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành. Khối này cũng soạn thảo, rà soát và cập nhật các văn bản pháp lý, hợp đồng và chính sách nội bộ, đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật.

Việc quản trị rủi ro luôn là yếu tố quan trọng đối với các công ty niêm yết, quản trị rủi ro tốt không những giúp hoạt động của Công ty bền vững mà còn bảo vệ quyền lợi của cổ đông cũng như nhà đầu tư. Nhận diện được việc này, Công ty luôn luôn theo sát diễn biến thị trường, cập nhật những thay đổi của chính sách pháp luật liên quan đến các doanh nghiệp niêm yết, quy định công bố thông tin nhằm giảm thiểu rủi ro một cách triệt để.

Ngoài ra, Khối Quản trị Rủi ro còn xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo về tuân thủ cho nhân viên, theo dõi và báo cáo tình hình tuân thủ, điều tra và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh, cũng như hỗ trợ các phòng ban trong việc hiểu và áp dụng các quy định pháp lý và chính sách của Công ty.

❖ **Khối Kinh doanh**

Khối Kinh doanh là động lực chính cho sự tăng trưởng của Công ty, chịu trách nhiệm phát triển và thực thi chiến lược kinh doanh của Công ty. Nhiệm vụ trọng tâm của Khối Kinh doanh bao gồm tập trung mở rộng thị trường và tăng doanh số, quản lý và phát triển nội dung chất lượng cao, mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài/hoạt động kinh doanh quốc tế và quản lý dữ liệu hiệu quả.

Trung tâm Quản lý và Phát triển nội dung

Với sứ mệnh là nhà sản xuất và phát hành nội dung số hàng đầu tại Việt Nam với hệ sinh thái truyền thông đa kênh, đa nền tảng cùng đội ngũ nhân sự chuyên môn cao trong lĩnh vực truyền thông. Trung tâm Quản lý và Phát triển nội dung đóng vai trò chính trong việc lên kế hoạch sản xuất và phát sóng/đăng tải nội dung, là đơn vị chịu trách nhiệm thẩm

định nội dung và kiểm soát chất lượng, kiểm soát tính tuân thủ của mỗi nội dung được tạo ra, là đơn vị thực hiện nghiên cứu thị trường để nhanh chóng nắm bắt, đề xuất các nội dung phù hợp tại từng thời điểm, từ đó giúp Công ty sản xuất những nội dung có giá trị, truyền cảm hứng và kết nối cộng đồng, nâng cao chất lượng nội dung, nâng cao hiệu quả phân phối nội dung và xây dựng mối quan hệ bền vững với đối tác và khách hàng. Ngoài ra, còn cung cấp các dịch vụ truyền thông đa dạng bao gồm: tư vấn xây dựng thương hiệu, lên kế hoạch truyền thông, sản xuất nội dung sáng tạo, quản lý truyền thông xã hội và đo lường hiệu quả chiến dịch, mang đến cho khách hàng những giải pháp truyền thông hiệu quả nhất, giúp thương hiệu của khách hàng tỏa sáng và đạt được mục tiêu kinh doanh.

Kinh doanh Quốc tế

Bộ phận Kinh doanh Quốc tế với vai trò tìm kiếm cơ hội để mở rộng sự hợp tác của Yeah1 với các đối tác có tên tuổi trong lĩnh vực truyền thông giải trí của khu vực, trong bối cảnh công nghệ truyền thông toàn cầu thông qua chuyển giao kiến thức (Sáng tạo, Sản xuất, Công nghệ) bằng việc ký kết hợp tác chiến lược với các đối tác này. Thông qua đó, tạo nền tảng và cơ hội để Yeah1 mở rộng thị trường hoạt động, nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo nội dung cũng như hướng tới mục tiêu xuất khẩu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Từ khi thành lập đến nay, Bộ phận Kinh doanh Quốc tế đã giúp Công ty đặt quan hệ hợp tác, hợp tác chiến lược với các đối tác lớn trên thế giới tại Trung Quốc và Mỹ, mang lại cho Công ty những lợi thế cạnh tranh về bản quyền, nội dung chất lượng cao, năng lực sản xuất.

Quản trị Dữ liệu

Bộ phận Quản trị Dữ liệu là đơn vị hỗ trợ Khối Kinh doanh trong việc thống kê về các dữ liệu hoạt động của Công ty trên tất cả các nền tảng số cũng như là đơn vị tham gia mạnh mẽ trong quá trình chuyển đổi quản trị sang kỹ thuật số của Tập đoàn. Bộ phận đã đồng hành cùng các phòng ban trong Tập đoàn để thu thập dữ liệu , cung cấp số liệu thực tế và bám sát thị trường nhất, từ đó giúp Trung tâm Quản lý và Phát triển nội dung, các bộ phận sản xuất có được các thống kê đầy đủ và hiệu quả, kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kế hoạch khai thác của đơn vị mình, tối ưu được hoạt động kinh doanh và đa dạng hoá được nguồn thu cho Tập đoàn.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách Công ty mẹ của Tổ chức phát hành:

Không có.

5.2. Danh sách những Công ty con của Tổ chức phát hành:

- **Danh sách Công ty con nắm giữ trực tiếp của Công ty trong 02 (hai) năm gần đây và đến thời điểm hiện tại**

◆ Thông tin các công ty con trực tiếp

Bảng 5. Thông tin các Công ty con trực tiếp

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	19/07/2017	0314526114	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
2	Công ty TNHH 1Production	21/02/2023	0317690271	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
3	Công ty TNHH Yeah1 Up	08/08/2022	0317420589	Quảng cáo, sản xuất chương trình
4	Công ty TNHH 1Talents	16/10/2023	0318105371	Dịch vụ quảng cáo
5	Công ty TNHH 1Brandlink	17/10/2023	0318106103	Dịch vụ quảng cáo
6	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (*)	05/11/2020	0109406470	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin
7	Công ty TNHH 1Label (**)	14/03/2024	0318347998	Quảng cáo, sản xuất chương trình
8	CTCP Yeah1 Edigital (***)	04/01/2012	0311465311	Quảng cáo, sản xuất chương trình
9	CTCP Giải trí ANA	25/08/2010	0310275558	Quảng cáo, sản xuất chương trình
10	CTCP Tập đoàn Care	09/05/2012	0311776620	Quảng cáo, sản xuất chương trình
11	CTCP Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ Trẻ (****)	15/10/2015	0313491606	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo
12	CTCP YAG Entertainment (****)	18/07/2018	0315171182	Dịch vụ quảng cáo

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính
13	CTCP Appnews Việt Nam (****)	15/08/2019	0315852128	Dịch vụ quảng cáo
14	CTCP Siêu Sao Yeah1	16/03/2020	0316198596	Dịch vụ quảng cáo
15	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	11/06/2020	1301092937	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính
16	CTCP Tổ hợp Truyền thông STV (*****)	03/06/2008	0102768915	Quảng cáo, sản xuất chương trình
17	Công ty TNHH STVProduction (*****)	21/04/2023	0317800358	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
18	CTCP Công nghệ Thương mại Giga1	20/08/2007	0102349978	Công nghệ, bán buôn

(Nguồn: YEG)

(*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 898-2408-HĐCNCP.NETLINK-VENTURES-YEG ngày 06/08/2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.360 cổ phần CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam. Theo đó, Công ty hiện đang sở hữu 69% cổ phần CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam.

(**) Theo Quyết định của Chủ tịch HĐQT Công ty số 1092/2411/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 29/11/2024, Công ty đã thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng thêm 48,9% cổ phần CTCP 1Label, thời gian thực hiện dự kiến trong Quý 4/2024. Theo đó, tại thời điểm hoàn thành chuyển nhượng, Công ty sở hữu 99,9% cổ phần CTCP 1Label.

(***) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 896-2408-HĐCNCP.Y1D-ANA-YEG ngày 06/08/2024, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 897-2408-HĐCNCP.Y1D-ĐPD-YEG ngày 06/08/2024 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 899-2408-HĐCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 06/08/2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng tổng cộng 3.886.500 cổ phần CTCP Yeah1 Edigital. Theo đó, tại thời điểm 30/09/2024, Công ty sở hữu 69,55% cổ phần CTCP Yeah1 Edigital và CTCP Yeah1 Edigital là công ty con trực tiếp của Công ty.

(****) Vào ngày 18/06/2024, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con bao gồm: CTCP Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ, CTCP YAG Entertainment và CTCP Appnews Việt Nam. Tính đến ngày 30/06/2024, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ

phần tại các công ty con này, qua đó các công ty này không còn là công ty con của Công ty kể từ thời điểm hoàn tất chuyển nhượng.

(*****) Vào ngày 29/03/2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% cổ phần của CTCP Tổ hợp Truyền thông STV theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ theo phê duyệt của Nghị quyết HĐQT số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, CTCP Tổ hợp Truyền thông STV không còn là công ty con của Công ty kể từ thời điểm ngày 29/03/2024.

Công ty TNHH STVProduction là công ty con gián tiếp của Công ty đến thời điểm 29/03/2024 thông qua CTCP Tổ hợp Truyền thông STV. Sau thời điểm 29/03/2024, Công ty TNHH STVProduction không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.

❖ Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty con trực tiếp

Bảng 6. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty con trực tiếp

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ biểu quyết (%)		
		31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH 1Production	0,00%	100%	100%	0,00%	100%	100%
3	Công ty TNHH Yeah1 Up	99,99%	99,99%	99,99%	100%	100%	100%
4	Công ty TNHH 1Talents	0,00%	100%	100%	0,00%	100%	100%
5	Công ty TNHH 1Brandlink	0,00%	100%	100%	0,00%	100%	100%
6	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	0,00%	35%	69%	0,00%	35%	69%
7	Công ty TNHH 1Label	0,00%	0,00%	51%	0,00%	0,00%	51%
8	CTCP Yeah1 Edigital	0,00%	39,51%	69,55%	0,00%	39,55%	69,55%
9	CTCP Giải trí ANA	99%	99%	99%	99%	99%	99%
10	CTCP Tập đoàn Care	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ biểu quyết (%)		
		31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
11	CTCP Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ Trẻ	67%	67%	0,00%	67%	67%	0,00%
12	CTCP YAG Entertainment	95%	95%	0,00%	95%	95%	0,00%
13	CTCP Appnews Việt Nam	70%	70%	0,00%	70%	70%	0,00%
14	CTCP Siêu Sao Yeah1	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
15	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	51%	51%	51%	51%	51%	51%
16	CTCP Tổ hợp Truyền thông STV	51%	51%	0,00%	51%	51%	0,00%
17	Công ty TNHH STVProduction	0,00%	100%	0,00%	0,00%	100%	0,00%
18	CTCP Công nghệ Thương mại Giga1	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%

(Nguồn: YEG)

- **Danh sách công ty con kiểm soát gián tiếp trong 02 (hai) năm gần đây và đến thời điểm hiện tại**

❖ Thông tin các công ty con gián tiếp

Bảng 7. Thông tin các công ty con gián tiếp

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty con sở hữu gián tiếp qua CTCP Công nghệ Thương mại Giga1			
1.1	CTCP Gigagoods	22/03/2021	0316763583	Bán lẻ
1.2	CTCP Phân phối Gigawin	02/02/2021	0316703552	Dịch vụ quảng cáo
2	Công ty con sở hữu gián tiếp qua CTCP Tổ hợp Truyền thông STV			
2.1	Công ty TNHH Một thành viên Style TV	17/04/2012	0311730425	Quảng cáo, sản xuất chương trình

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính
3	Công ty con sở hữu gián tiếp qua CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam			
3.1	Netlink Communication Technology Ltd	10/03/2022	2093531	Dịch vụ quảng cáo
3.2	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	19/10/2017	0314688330	Quảng cáo
4	Công ty con sở hữu gián tiếp qua CTCP Yeah1 Edigital			
4.1	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	28/12/2022	0317626318	Xử lý dữ liệu
4.2	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	29/12/2017	1301046426	Dịch vụ tạo lập nội dung số (sản phẩm nội dung số là video số)
	Công ty con sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số			
4.2.1	Công ty TNHH Ting Ting Network	21/07/2022	0317396978	Xử lý dữ liệu
4.2.2	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	21/07/2023	1301125847	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
4.2.3	Công ty TNHH Big Cat	06/12/2021	0317069995	Quảng cáo, sản xuất chương trình
4.2.4	CTCP TStudio	17/09/2020	0316490939	Quảng cáo, sản xuất chương trình

(Nguồn: YEG)

Ghi chú:
Ngày 22/10/2024, Netlink Communication Technology Ltd. đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 100% cổ phần tại Netlink Online Pte. Ltd., theo đó Netlink Online Pte. Ltd. (Netlink Singapore) trở thành công ty con gián tiếp của CTCP Tập đoàn Yeah1.
Ngày 25/10/2024, Netlink Communication Technology Ltd. hoàn tất phát hành cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược, theo đó tỷ lệ sở hữu của CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam tại Netlink Communication Technology Ltd. là 51%.

❖ Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty con gián tiếp

Bảng 8. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty con gián tiếp

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ biểu quyết (%)		
		31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	CTCP Gigagoods	50,99%	50,99%	50,99%	51%	51%	51%
2	CTCP Phân phối Gigawin	58,99%	58,99%	58,99%	59%	59%	59%
3	Công ty TNHH Một thành viên Style TV	51%	51%	0,00%	100%	100%	0,00%
4	Netlink Communication Technology Ltd	0,00%	35%	69%	0,00%	35%	100%
5	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	0,00%	32,90%	64,86%	0,00%	32,90%	94,00%
6	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	0,00%	20,15%	35,47%	0,00%	20,15%	51%
7	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	0,00%	39,5%	69,55%	0,00%	39,5%	100%
8	Công ty TNHH Ting Ting Network	0,00%	39,5%	69,55%	0,00%	39,5%	100%
9	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	0,00%	39,5%	69,55%	0,00%	39,5%	100%
10	Công ty TNHH Big Cat	0,00%	31,6%	55,64%	0,00%	31,6%	80,00%
11	CTCP TStudio	0,00%	23,7%	41,69%	0,00%	23,7%	59,95%

(Nguồn: YEG)

5.3. Danh sách những Công ty mà tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

- **Danh sách công ty liên kết kiểm soát trực tiếp của Công ty trong 02 (hai) năm gần đây và đến thời điểm hiện tại**

❖ Thông tin các công ty liên kết trực tiếp

Bảng 9. Thông tin các công ty liên kết trực tiếp

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính
1	CTCP Công nghệ Ting Việt Nam	05/06/2020	0109212475	Dịch vụ thông tin
2	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	03/07/2024	0318547718	Phần mềm
3	CTCP Yeah1 Edigital	04/01/2012	0311465311	Quảng cáo, sản xuất chương trình
4	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	05/11/2020	0109406470	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin

(Nguồn: YEG)

❖ Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty liên kết trực tiếp

Bảng 10. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty liên kết trực tiếp

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ biểu quyết (%)		
		31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	CTCP Công nghệ Ting Việt Nam (*)	20%	20%	0,00%	20%	20%	0,00%
2	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam (**)	0,00%	0,00%	40%	0,00%	0,00%	40%
3	CTCP Yeah1 Edigital (***)	0,00%	39,51%	0,00%	0,00%	39,55%	0,00%
4	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (****)	0,00%	35,00%	0,00%	0,00%	35,00%	0,00%

(Nguồn: YEG)

(*) CTCP Công nghệ Ting Việt Nam đã giải thể tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch này.

(**) Vào ngày 26/06/2024, Công ty ban hành Quyết định Chủ tịch HĐQT số 776/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG thông qua chủ trương góp vốn thành lập công ty liên kết của Công ty là Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng. Sau khi thành lập, Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam trở thành công ty liên kết trực tiếp của Công ty với tỷ lệ sở hữu 40%.

(***) Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty sở hữu trực tiếp 35% cổ phần CTCP Yeah1 Edigital. Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 896-2408-HĐCNCP.Y1D-ANA-YEG ngày 06/08/2024, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 897-2408-HĐCNCP.Y1D-ĐPD-YEG ngày 06/08/2024 và

Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 899-2408-HĐCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 06/08/2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng tổng cộng 3.886.500 cổ phần CTCP Yeah1 Edigital. Theo đó, Công ty hiện đang sở hữu trực tiếp 69,55% cổ phần CTCP Yeah1 Edigital và CTCP Yeah1 Edigital trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

*(****) Tại thời điểm 31/12/2023, CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("**Netlink**") là công ty liên kết trực tiếp của Công ty (Công ty sở hữu 35% cổ phần Netlink). Vào ngày 19/04/2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần, tương ứng với 16% vốn điều lệ Netlink theo Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Netlink lên 51%. CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam trở thành công ty con trực tiếp của Công ty kể từ ngày này. Tiếp đó, vào ngày 06/08/2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 45.360 cổ phần, tương ứng với 18% vốn điều lệ Netlink. Do đó, hiện nay Công ty đang sở hữu 69% cổ phần CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam.*

- **Danh sách công ty liên kết kiểm soát gián tiếp của Công ty trong 02 (hai) năm gần đây và đến thời điểm hiện tại**

❖ Thông tin các công ty liên kết gián tiếp

Bảng 11. Thông tin các công ty liên kết gián tiếp

TT	Tên Công ty	Ngày thành lập lần đầu	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ			
1.1	CTCP Đầu tư Việt Nam Giải trí	29/03/2018	0314954737	Đầu tư, sản xuất phim và các dịch vụ liên quan
2	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp qua CTCP Công nghệ Thương mại Giga1			
2.1	CTCP Zmedia	07/08/2015	0313388359	Dịch vụ quảng cáo
2.2	CTCP Công nghệ Truyền thông Số 1	06/02/2007	0102158814	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
2.3	CTCP Eco Consumer	03/03/2022	0317178271	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp qua CTCP Tổ hợp Truyền thông STV			
3.1	CTCP Sóng Toàn Cầu	29/07/2013	0106245835	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
4	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH 1Talents			
4.1	CTCP 1Social	23/04/2024	0318422878	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình

(Nguồn: YEG)

*Ghi chú: Với 02 khoản đầu tư vào CTCP Công nghệ Tự động Kolorlife và CTCP Giải trí 100 Độ thông qua sở hữu gián tiếp qua CTCP Tập đoàn Care: Vào ngày 20/11/2023, Công ty cam kết chuyển nhượng 30% cổ phần tại CTCP Giải trí 100 Độ ("**100 Độ**") và 35% cổ phần tại CTCP Công nghệ Tự động Kolorlife ("**Kolorlife**") với tổng giá chuyển nhượng là 28.000.000.000 đồng, theo Biên bản ghi nhớ số 2011/2023/CARE/BBGN cùng ngày và phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 3112B/2020/YEG/QĐ-CTHĐQT ngày 31/12/2020. Theo đó, khoản đầu tư vào 100 Độ và Kolorlife được phân loại lại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty khác kể từ ngày 20/11/2023.*

❖ Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty liên kết gián tiếp

Bảng 12. Tỷ lệ sở hữu của YEG tại các công ty liên kết gián tiếp

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)			Tỷ lệ biểu quyết (%)		
		31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	CTCP Đầu tư Việt Nam Giải trí	14,60%	14,60%	0,00%	20,00%	20,00%	0,00%
2	CTCP Công nghệ Tự động Kolorlife	34,99%	34,99%	34,99%	35%	35%	35%
3	CTCP Giải trí 100 Độ	29,99%	29,99%	29,99%	30%	30%	30%
4	CTCP Zmedia	25%	25%	25%	25%	25%	25%
5	CTCP Công nghệ Truyền thông Số 1	50%	50%	50%	50%	50%	50%
6	CTCP Eco Consumer	50%	50%	50%	50%	50%	50%
7	CTCP Sóng Toàn Cầu	17,96%	17,96%	0,00%	35,21%	35,21%	0,00%
8	CTCP 1Social	0,00%	0,00%	49%	0,00%	0,00%	49%

(Nguồn: YEG)

5.4. Danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành:

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

CTCP Tập đoàn Yeah1 được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào tháng 09/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005276 (Mã số doanh nghiệp 0304592171) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 12/09/2006. Kể từ thời điểm thành lập Công ty đến nay, Công ty chưa thực hiện đợt giảm vốn điều lệ nào. Cụ thể, quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 13. Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/Thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Góp vốn thành lập	06/2006	0	500.000.000	Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập Công ty.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 1	12/2007	1.500.000.000	2.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 150.000 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 2	01/2008	1.200.000.000	3.200.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Số lượng cổ phiếu phát hành: 120.000 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 3	06/2008	2.133.330.000	5.333.330.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Số lượng	ĐHĐCĐ Công ty;	Không có

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/Thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				cổ phiếu phát hành: 213.333 cổ phiếu).	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	
Lần 4	11/2010	25.326.410.000	30.659.740.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.524.197 cổ phiếu) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Số lượng cổ phiếu phát hành: 8.444 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 5	11/2013	14.340.260.000	45.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.434.026 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 6	04/2014	20.000.000.000	65.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Số lượng cổ	ĐHĐCĐ Công ty;	Không có

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/Thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				phiếu phát hành: 2.000.000 cổ phiếu).	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	
Lần 7	02/2015	100.000.000	65.100.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Số lượng cổ phiếu phát hành: 10.000 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 8	02/2015	34.900.000.000	100.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.490.000 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 9	02/2018	138.000.000.000	238.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Số lượng cổ phiếu phát hành: 397.244 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/Thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Số lượng cổ phiếu phát hành: 11.378.000 cổ phiếu). Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược (Số lượng cổ phiếu phát hành: 360.000 cổ phiếu). Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ nhân viên (Số lượng cổ phiếu phát hành: 240.000 cổ phiếu).		
Lần 10	04/2018	35.699.680.000	273.699.680.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.569.968 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 24/04/2018 số hiệu HCM7235 của Công ty TNHH PwC (Việt Nam): Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/Thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						Công ty tại ngày 24 tháng 4 năm 2018, phù hợp với các Chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 2 của Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu.
Lần 11	08/2018	39.100.000.000	312.799.680.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.910.000 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; UBCKNN Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 27/08/2018 số hiệu HCM7464 của Công ty TNHH PwC (Việt Nam): Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 27 tháng 8 năm 2018, phù hợp với các Chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 2 của Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu.
Lần 12	09/2023	450.000.000.000	762.799.680.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Số lượng cổ phiếu phát hành: 45.000.000 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tình hình thay đổi vốn cổ phần vào ngày 13 tháng 9 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 13 tháng 9 năm 2023 số tham chiếu 12925844/67488977/CAP của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tình hình thay đổi vốn cổ phần đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/Thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						yếu, tình hình vốn cổ phần của Công ty vào ngày 13 tháng 9 năm 2023 và những thay đổi của vốn cổ phần cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến 13 tháng 9 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tình hình thay đổi vốn cổ phần.
Lần 13	12/2023	550.732.960.000	1.313.532.640.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (Số lượng cổ phiếu phát hành: 55.073.296 cổ phiếu).	ĐHĐCĐ Công ty; UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	Không có
Lần 14	07/2024	56.481.900.000	1.370.014.540.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Số lượng cổ phiếu phát hành:	ĐHĐCĐ Công ty; UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành	Không có

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/Thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				5.648.190 cổ phiếu).	phố Hồ Chí Minh.	

(Nguồn: YEG)

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 (hai) năm liên tục trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/09/2024, Công ty có phát sinh các khoản góp vốn, thoái vốn lớn được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2024 của Công ty, cụ thể như sau:

Bảng 14. Các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của YEG từ năm 2022 đến nay

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ %TTS tính trên BCTC hợp nhất gần nhất tại thời điểm thực hiện	Giá trị đầu tư (Đồng)	Giá trị thoái vốn (đồng)	Phương thức thực hiện	Thời gian thực hiện
I	**Các khoản góp vốn, đầu tư**					
1	CTCP Yeah1 Edigital	10,38%	128.756.250.000	0	Đầu tư mua cổ phần	02/2023
2	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	8,30%	103.005.000.000	0	Đầu tư mua cổ phần	02/2023
3	Công ty TNHH 1Production	11,20%	139.000.000.000	0	Góp vốn vào công ty con	02/2023 và 09/2023
4	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2,53%	47.088.000.000	0	Đầu tư mua cổ phần	04/2024
5	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2,85%	52.974.000.000	0	Đầu tư mua cổ phần	08/2024
6	CTCP Yeah1 Edigital	5,93%	110.333.070.000	0	Đầu tư mua cổ phần	08/2024

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ %TTS tính trên BCTC hợp nhất gần nhất tại thời điểm thực hiện	Giá trị đầu tư (Đồng)	Giá trị thoái vốn (đồng)	Phương thức thực hiện	Thời gian thực hiện
II	**Các khoản thoái vốn:** Không có.					

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

- **Cổ phiếu phổ thông**

Tại thời điểm hiện tại, cổ phiếu của Công ty đã phát hành và đang lưu hành như sau:

Bảng 15. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm 22/10/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**4.746**	**126.692.108**	**92,48%**
1	Tổ chức	20	1.802.458	1,32%
2	Cá nhân	4.726	124.889.650	91,16%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**106**	**10.209.209**	**7,45%**
1	Tổ chức	16	8.120.165	5,93%
2	Cá nhân	90	2.089.044	1,52%
III	**Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**	**2**	**100.137**	**0,07%**
IV	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**4.854**	**137.001.454**	**100,00%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông của YEG do VSDC cung cấp chốt tại ngày 22/10/2024)

- **Cổ phiếu ưu đãi:** Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.
- **Các loại chứng khoán khác:** Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật:
  Theo Công văn số 4316/UBCK-PTTT ngày 11/07/2024 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành là 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty *(nếu có)*: Không quy định.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công Ty tính đến thời điểm 27/12/2024 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VSDC: 8,77%. *(Link: https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/461/VPZXd_27122024%20viet.pdf)*

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

Thành lập năm 2006, Yeah1 từng bước phát triển, trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực truyền thông giải trí tại Việt Nam với hệ sinh thái truyền thông đa phương tiện với những mảng hoạt động chính như: sản xuất và phát hành nội dung, giải pháp truyền thông, quản lý và đào tạo nghệ sĩ, phát hành nhạc số, tiếp thị trên các nền tảng số, tổ chức sự kiện, giải pháp thương mại kết hợp trên nền tảng số.

a. Các sản phẩm/dịch vụ chính

❖ **Sản xuất nội dung**

Trong những năm gần đây, Yeah1 nhận thức rõ về những thay đổi trong thị hiếu nghe nhìn tại thị trường Việt Nam và các quốc gia mà Công ty thâm nhập, cũng như tiềm năng, xu hướng của thị trường giải trí, Tập đoàn đã tập trung duy trì, xây dựng và phát triển hoạt động sản xuất và kinh doanh cốt lõi là sản xuất và xuất bản nội dung. Trong đó, đặc biệt chú trọng vào việc sản xuất các nội dung chất lượng cao. Các chương trình/dự án mà Yeah1, thông qua đơn vị thành viên, đã sản xuất/phát sóng và dự kiến thực hiện:

Chương trình sản xuất	Nội dung chương trình	Kênh phát sóng
Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023 	Chương trình truyền hình thực tế về âm nhạc. Đây là phiên bản Việt Nam của chương trình truyền hình Trung Quốc "Tỷ Tỷ Đạp Gió Rẽ Sóng" do MangoTV sản xuất. Chương trình quy tụ 30 nữ nghệ sĩ ở tuổi 30 trở lên, đã và đang thành công trong sự nghiệp.	VTV3 (Đài Truyền hình Việt Nam) vào tháng 10/2023
Tết Đẹp 2024	Chương trình Tết Đẹp với thông điệp "Tết Đẹp Sum Vầy - Tết Đẹp Đủ Đầy", phát sóng vào Mùng 2 Tết Giáp Thìn do Yeah1 sản xuất và phát sóng đã mang đến một bữa tiệc âm nhạc đầu năm 2024 rực rỡ, hội tụ dàn Chị Đẹp và Anh Tài. Trong đó, nhiều tiết mục đặc sắc được dàn dựng công	VTV3 (Đài Truyền hình Việt Nam) vào tháng 02/2024

Chương trình sản xuất	Nội dung chương trình	Kênh phát sóng
	phu, hoành tráng để cùng "kể" những câu chuyện khơi nguồn cảm hứng, mang nhiều ý nghĩa nhân văn.	
Mẹ Siêu Nhân 2024 	Chương trình truyền thực tế giúp khán giả quan sát về hành trình nuôi dạy con của những người mẹ nổi tiếng, hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật với tính cách và hoàn cảnh sống khác nhau. Xuyên suốt chương trình là cuộc sống thường ngày của các cặp mẹ con đáng yêu cùng nhau trải qua trải nghiệm những hoạt động ý nghĩa, đúc kết được kỷ niệm để cùng nhau trưởng thành. Thông qua đó, những người mẹ nổi tiếng sẽ thể hiện những quan điểm, phương pháp để nuôi dạy con cái, cùng những đứa con trưởng thành đồng thời thể hiện được trách nhiệm, thiên chức thiêng liêng của người mẹ.	VTV3 (Đài Truyền hình Việt Nam) bắt đầu từ tháng 03/2024

Chương trình sản xuất	Nội dung chương trình	Kênh phát sóng
Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai 2024 	Cuộc đua âm nhạc rực lửa, trí và tài - chương trình truyền hình thực tế truyền cảm hứng tập trung những ngôi sao nam hàng đầu Việt Nam ở đa lĩnh vực cùng nhau kết hợp, dùng âm nhạc để kể chuyện và tạo nên những màn trình diễn bùng nổ theo hình thức nhóm nhạc. Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai 2024 được Việt hóa từ "Call Me By Fire" do MangoTV sở hữu. Tại Việt Nam, Yeah1 chính là đơn vị duy nhất sở hữu bản quyền sản xuất chương trình "Call Me by Fire" từ MangoTV.	VTV3 (Đài Truyền hình Việt Nam) từ tháng 06/2024
HaHa Nông Dân	Chương trình truyền hình thực tế "Haha nông dân" do Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), TikTok và Yeah1 phối hợp sản xuất, dự kiến sẽ ra mắt trong năm 2025 (Do Chương trình đang tiếp tục được hoàn thiện nội dung, kế hoạch ghi hình và dự kiến sản xuất, phát sóng sang năm 2025). Chương trình được Việt hóa từ format gốc ăn khách tại Trung Quốc với tên gọi "Haha Nông Phu" do MangoTV sản xuất, phát sóng độc quyền trên Đài truyền hình Hồ Nam. Thông qua chương trình, có ba mục tiêu lớn nhà sản xuất muốn thực hiện gồm: Tuyên truyền, quảng bá cảnh đẹp, du lịch làng nghề, con người, văn hóa, nông sản của từng vùng miền; Đẩy mạnh chương trình quốc gia "mỗi xã một sản phẩm" (OCOP), từ đó xây dựng thương hiệu, tuyên truyền quảng bá và hỗ trợ tiêu thụ nông sản trên	Các nền tảng số, TikTok, dự kiến trong năm 2025

Chương trình sản xuất	Nội dung chương trình	Kênh phát sóng
	phương tiện số; Đẩy mạnh xúc tiến thương mại điện tử trong nước và giao thương quốc tế cho các sản vật địa phương.	
Chị Đẹp Đạp Gió 2024 	Thực hiện từ cuối Quý 3/2024. Tiếp nối thành công của mùa 1, chương trình mùa 2 với một số sự đổi mới nhất định, mang đến hơi thở mới mẻ và hiện đại. Chương trình đã lên sóng trên VTV3 vào ngày 26/10/2024. Chương trình quy tụ 30 tên tuổi nữ hoạt động trong làng giải trí và một số lĩnh vực khác tại Việt Nam, thông qua các màn trình diễn của nghệ sỹ tham gia chương trình, sân khấu, âm nhạc và những câu chuyện truyền cảm hứng mang lại những giá trị tinh thần và thông điệp ý nghĩa cho cộng đồng.	VTV3 (Đài Truyền hình Việt Nam) vào ngày 26/10/2024
Short-series (Phim ngắn)	Yeah1 vẫn tiếp tục sản xuất và phát hành hàng loạt Short-series thu hút hàng trăm triệu lượt xem trên các nền tảng cho mỗi series và được phát hành đều đặn hàng tháng (trung bình 10 series/tháng) như Dâu Hào Môn, Hướng Dương Khuất Nắng, Sói Săn Cừu, Dưới Bóng Con Hầu,... Các short-series nắm bắt xu hướng, thị hiếu giải trí của khán giả và nhận được phản hồi tích cực trên các nền tảng phát sóng.	Trên các nền tảng số

Với việc lập kế hoạch bài bản và rõ ràng về sản xuất, năng lực vốn, nghệ sĩ tham gia, biên tập biên kịch, âm nhạc và hình ảnh cũng như dàn dựng các tiết mục với những màu sắc mới lạ và độc đáo. Sự chuẩn bị chu đáo và chuyên nghiệp từ lúc đầu đã giúp các chương trình mời gọi được tài trợ từ các nhãn hàng lớn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, Thẩm mỹ, Thực phẩm, Mỹ phẩm, Trang sức và vàng bạc đá quý, … và có những kết quả vô cùng ấn tượng từ góc độ doanh thu, cũng như tạo ra sức hút mạnh mẽ đối với khán giả.

- **Quản lý và đào tạo nghệ sĩ**

LUNAS là nhóm nhạc nữ thế hệ mới được lấy cảm hứng từ những mặt trăng tỏa sáng, đại diện cho vẻ đẹp quyến rũ và thu hút của những người phụ nữ trưởng thành. Nhóm bao gồm 5 thành viên bước ra từ chương trình Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023 là Trang Pháp, Diệp Lâm Anh, Ninh Dương Lan Ngọc, Khổng Tú Quỳnh, Huyền Baby. Hiện LUNAS cũng là nhóm nhạc đầu tiên của Việt Nam khi mà các thành viên được ra mắt ở độ tuổi U40 và thu hút làn sóng chú ý của giới trẻ. Video ca nhạc (MV) "Moonlight" của nhóm cũng thành công vang dội khi liên tục đứng top đầu trên bảng xếp hạng âm nhạc. Đồng thời LUNAS cũng là nhóm nhạc duy nhất được mời biểu diễn ở chương trình Đạp Gió tại Trung Quốc - chương trình ăn khách bậc nhất của quốc gia tỷ dân. LUNAS do 1Talents - Công ty con trực tiếp của Yeah1 quản lý.



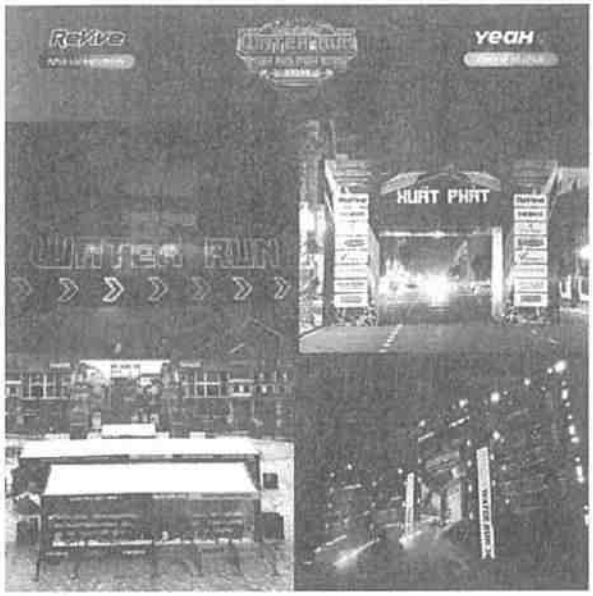
❖ **Giải pháp truyền thông**

Sự kiện đường chạy **One Piece Film Red Run** 2022 đã diễn ra vô cùng thành công với sự tham gia của hơn 5.000 vận động viên cùng loạt những khoảnh khắc ấn tượng vào ngày 26/11/2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh.



Sự kiện chạy bộ và âm nhạc **Revive Water Run** (2022, 2023, 2024) diễn ra Bắc, Trung, Nam thu hút hơn 10.000 vận động viên tham gia hàng năm. Là sự kiện thường niên của giới trẻ và gia đình

Việt Nam tham gia rèn luyện sức khỏe ở các đường chạy nước và thỏa sức giải trí với đêm nhạc đầy ấn tượng cùng các ca sĩ nổi tiếng.



Jollibee - Triệu Khoảnh Khắc Gà Giòn Vui Vẻ 2023: Dự án "Triệu khoảnh khắc Gà Giòn Vui Vẻ" của Jollibee do YeaH1 Network thực hiện với mục đích lan tỏa niềm vui ẩm thực và tạo nên giá trị tích cực cho cộng đồng. Theo đó, với mỗi hình ảnh được chia sẻ dưới dạng bình luận trên Facebook của fanpage Jollibee Việt Nam sẽ đóng góp 1.000 VNĐ vào Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam để xây dựng trường học cho trẻ em vùng cao. Dự án hoàn thành mục tiêu kêu gọi 1.000.000 khoảnh khắc của người tiêu dùng trên cả nước, tương đương quyên góp được 1 tỷ đồng để giúp đỡ trẻ em khó khăn và xây trường tiểu học cho các em nhỏ ở Hà Giang.



24h Live Phiên Chợ Cuối diễn ra trước dịp Tết nguyên đán 2023 là một trong chương trình livestream kéo dài 24 giờ đồng hồ không ngừng nghỉ của Việt Nam. Bên cạnh đạt được những con số khủng về bán hàng, chương trình xuất sắc mang giải Bạc về truyền thông của khu vực Đông Nam Á APRN. **Mega Livestream** diễn ra vào tháng 02/03/2023 trở thành một chương trình livestream tiên phong ở Việt Nam khi mang xu hướng mới là shoppertainment - mua sắm kết hợp với giải trí. Nối tiếp sau đó là các chương trình livestream bán hàng khác như **Chợ siêu chất - deal độc nhất** khi kết hợp với người nổi tiếng như KOC Mai Anh Trần, ca sĩ Trang Pháp, diễn viên Tú Vi,...

- **Phát hành nhạc số**

Yeah1 hiện đang là đơn vị hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, quản lý và phát hành âm nhạc. Các sản phẩm âm nhạc của 1Label - công ty con trực tiếp của Yeah1 đã phát hành bao gồm tất cả các ca khúc trong chương tình của Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai 2024, Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023, LUNAS và các đĩa đơn, MV của các nghệ sĩ trẻ tại Việt Nam. Nền tảng phát hành nhạc số của 1Label rộng khắp từ Itunes, Spotify, Apple Music cho đến nền tảng nội địa như ZingMp3.

❖ **Tiếp thị trên các nền tảng số**

Netlink, công ty con trực tiếp của Yeah1, là đối tác xuất bản được chứng nhận của Google duy nhất tại Việt Nam, với chuyên môn về lĩnh vực quảng cáo trên Google, góp phần mang lại doanh thu tiềm năng lớn cho Tập đoàn. Bên cạnh đó, Netlink vận hành website tin tức Yeah1.com, là trang tổng hợp thông tin giải trí, đời sống, xã hội thu hút hàng triệu lượt truy cập hàng tháng từ các độc giả Việt Nam và người Việt Nam ở nước ngoài.

b. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

c. Cơ cấu Doanh thu, Chi phí và Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động chính của Công ty

▪ **Cơ cấu doanh thu của Công ty**

Bảng 16. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.893,40	178.347,67	315,79%	192.321,71
1.1	*Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số*	*0,00*	*105.956,09*	*N/A*	*41.529,22*
1.2	*Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại*	*42.893,40*	*44.579,60*	*3,93%*	*39.091,91*
1.3	*Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông*	*0,00*	*27.811,97*	*N/A*	*111.700,58*
2	Doanh thu hoạt động tài chính	28.257,43	55.256,62	95,55%	19.959,70
3	Thu nhập khác	2.825,26	0,00	-100,00%	0,28
Tổng cộng		**73.976,09**	**233.604,29**	**215,78%**	**212.281,68**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Từ nền tảng tạo dựng trong các năm qua cùng với sự chuyển dịch mạnh mẽ ở lĩnh vực truyền thông số, trong giai đoạn 2022-2023, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ có sự tăng trưởng mạnh trên 300%. Sự tăng trưởng đột biến này chủ yếu đến từ doanh thu về cung cấp bản

quyền nội dung số với giá trị gần 106 tỷ đồng. Ngoài ra, nguồn doanh thu mới từ tài trợ và cung cấp quảng cáo trên truyền hình và cung cấp dịch vụ quảng cáo khác cũng đóng góp phần nhỏ cho sự gia tăng của doanh thu với giá trị đạt gần 28 tỷ đồng. Mảng doanh thu từ hoạt động tài chính cũng được hưởng lợi, tăng mạnh khoảng 95,5% lên hơn 55 tỷ đồng vào 2023 đánh dấu năm có sự tăng trưởng vượt bậc của Yeah1.

Tiếp nối đà tăng đó, trong 09 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần của Công ty mẹ có bước tăng trưởng mạnh mẽ đạt 192,3 tỉ đồng, tăng 320% so với cùng kì năm trước, chủ yếu đến từ sự phát triển của mảng doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông.

Bảng 17. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	314.124,31	411.666,78	31,05%	629.070,50
1.1	*Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số*	*0,00*	*167.958,87*	*N/A*	*39.822,92*
1.2	*Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông*	*236.471,70*	*203.358,21*	*-14,00%*	*560.359,84*
1.3	*Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông*	*77.652,61*	*40.349,71*	*-48,04%*	*28.887,75*
2	Doanh thu hoạt động tài chính	47.340,39	43.586,40	-7,93%	101.500,87
3	Thu nhập khác	19.096,48	1.799,16	-90,58%	43,74
Tổng cộng:		**380.561,17**	**457.052,35**	**20,10%**	**730.615,11**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

Doanh thu hợp nhất của Công ty trong năm 2023 cũng ghi nhận mức tăng khoảng 31,05% so với năm trước đó, từ hơn 314 tỷ đồng lên hơn 411 tỷ đồng, tuy nhiên con số này thấp hơn so với mức tăng đột biến ở công ty mẹ. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thuần quảng cáo và tư vấn truyền thông giảm nhẹ 14% còn hơn 203 tỷ đồng, doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông giảm 48% còn hơn 40 tỷ đồng. Mặc dù có sự sụt giảm nhẹ ở các mảng trên, doanh thu thuần cung cấp bản quyền nội dung số đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng về doanh thu hợp nhất, khoảng 168 tỷ đồng do năm 2023 công ty hướng đến phát triển các show truyền hình thực tế và nội dung cao cấp có bản quyền. Dư địa tăng trưởng của mảng này còn lớn và hứa hẹn sẽ càng phát triển hơn nữa trong các năm tới.

Bước sang năm 2024, Tập đoàn đã gặt hái được nhiều thành công trên lĩnh vực quảng cáo và truyền thông, đặc biệt là các chương trình truyền hình được đông đảo khán giả yêu thích như "Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng" và "Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai". Tổng doanh thu thuần 09 tháng đầu năm đạt 629 tỷ đồng, tăng 148% so với cùng kì năm trước. Trong đó, doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông chiếm tỉ trọng 89% trên tổng doanh thu, đạt hơn 560 tỷ đồng, tăng 221% so với 03 quý đầu năm 2023 nhờ vào việc đầu tư hiệu quả vào các chương trình truyền hình chất lượng cao.

- **Cơ cấu chi phí của Công ty**

Bảng 18. Cơ cấu chi phí của Công ty theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2022		Năm 2023		09 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT (%)
1	Giá vốn hàng bán	30.332,43	70,72%	80.307,91	45,03%	129.058,42	67,11%
2	Chi phí tài chính	7.297,48	17,01%	78.819,45	44,19%	14.128,24	7,35%
3	Chi phí bán hàng	52,27	0,12%	0,00	0,00%	0,00	0,00%
4	Chi phí QLDN	13.702,77	31,95%	22.286,81	12,50%	56.751,55	29,51%
Tổng cộng		**51.384,95**	**119,80%**	**181.414,18**	**101,72%**	**199.938,21**	**103,96%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Bảng 19. Cơ cấu chi phí của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2022		Năm 2023		09 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/Tổng DT (%)
1	Giá vốn hàng bán	209.645,62	65,96%	296.480,95	71,55%	518.264,65	82,39%
2	Chi phí tài chính	9.021,75	2,84%	23.482,42	5,67%	20.475,66	3,25%
3	Chi phí bán hàng	20.658,75	6,50%	14.260,50	3,44%	16.635,90	2,64%
4	Chi phí QLDN	93.384,17	29,38%	66.900,48	16,15%	97.313,08	15,47%
Tổng cộng		**332.710,29**	**104,67%**	**401.124,34**	**96,80%**	**652.689,30**	**103,75%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

Nhìn chung, cơ cấu chi phí của Công ty chiếm tỷ trọng cao từ 65% trên tổng doanh thu. Trong đó, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất do Công ty trong các năm qua tiếp tục mở rộng hoạt động các mảng kinh doanh cốt lõi, tích cực sản xuất các chương trình truyền hình chất lượng cao, đa dạng hoá việc sản xuất nội dung phân phối trên đa nền tảng, tư vấn thực hiện các chiến dịch quảng cáo lớn.

Chi phí tài chính năm 2023 tăng đáng kể so với năm 2022, chủ yếu do việc gia tăng vốn huy động để tài trợ cho các dự án sản xuất nội dung chất lượng cao của Tập đoàn. Ngoài ra, Công ty đã tiến hành tái cấu trúc và tối ưu hệ thống quản trị nhân sự trong năm 2023, dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm gần 30% so với năm trước.

Trong 09 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên tổng doanh thu tăng cao lên hơn 82% do đặc thù của mảng hệ thống đấu giá và phân phối quảng cáo của Google tại CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (công ty con vừa được hợp nhất trong quý 02 năm 2024). Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước do Tập đoàn đã tiến hành đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng vật chất để nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh.

- **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

Bảng 20. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%tăng/giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận gộp cung cấp bản quyền nội dung số	0,00	99.589,64	N/A	32.387,73
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ và thương mại	12.560.97	2.740,62	-78,18%	22.805,47
Lợi nhuận gộp quảng cáo và tư vấn truyền thông	0,00	(4.290,50)	N/A	8.070,09
Tổng cộng	**12.560,97**	**98.039,76**	**680,51%**	**63.263,29**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Bảng 21. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%tăng/giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận gộp cung cấp bản quyền nội dung số	0,00	70.084,13	N/A	23.771,24
Lợi nhuận gộp quảng cáo, tư vấn truyền thông	57.544,03	19.858,46	-65,49%	75.686,27
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	41.512,25	(157,05)	-100,38%	11.348,34
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	5.422,41	25.400,30	368,43%	0,00
Tổng cộng	**104.478,69**	**115.185,83**	**10,25%**	**110.805,85**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

10.2. Tài sản

Bảng 22. Tài sản cố định của Công ty theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**									
1	Thiết bị văn phòng	1.833,78	(1.540,54)	293,24	695,10	(513,28)	181,82	903,49	(595,60)	307,89
II	**Tài sản cố định vô hình**									
1	Bản quyền nội dung	0,00	0,00	0,00	82.828,58	(6.356,74)	76.471,84	135.180,89	(23.663,44)	111.517,45
2	Nhãn hiệu, tên thương mại	2.534,83	(709,26)	1.815,13	2.524,38	(769,33)	1.755,05	2.489,38	(812,93)	1.676,45
3	Phần mềm máy tính	0,00	0,00	0,00	160,00	(13,33)	146,67	160,00	(37,33)	122,67

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Bảng 23. Tài sản cố định của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**									
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.837,33	(1.837,33)	0,00	1.723,88	(1.723,88)	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Máy móc và thiết bị	16.468,02	(15.705,70)	762,33	9.394,61	(9.106,38)	288,23	12.511,28	(5.472,08)	7.039,20

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
3	Phương tiện vận tải	12.966,95	(12.007,33)	959,62	2.536,67	(1.621,11)	915,56	1.783,91	(1.321,63)	462,27
4	Thiết bị văn phòng	790,85	(597,75)	193,10	763,65	663,40	100,25	199,10	(157,19)	41,91
II	**Tài sản cố định vô hình**									
1	Bản quyền nội dung	0,00	0,00	0,00	82.828,58	(6.356,74)	76.471,84	185.710,94	(28.806,36)	156.904,58
2	Nhãn hiệu, tên thương mại	3.185,96	(1.048,29)	2.137,67	3.185,96	(1.240,68)	1.945,28	3.185,96	(1.383,52)	1.802,44
3	Phần mềm máy tính	15.867,54	(7.692,82)	8.174,73	16.164,96	(9.600,80)	6.564,16	23.219,78	(12.285,39)	10.934,39

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

So với số liệu cuối năm 2023, giá trị tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có sự biến động mạnh ở khoản mục máy móc thiết bị, nguyên nhân đến từ việc đầu tư mua mới các thiết bị phục vụ việc sản xuất chương trình 2,1 tỷ và ghi nhận tăng do hợp nhất các công ty con. Bên cạnh đó, tài sản cố định vô hình tăng đột biến trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024, chủ yếu là kho bản quyền nội dung chương trình với nội dung đa dạng phong phú, từ các nội dung giải trí, phim truyện ngắn đến các chương trình truyền hình chất lượng cao. Tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2024, tổng nguyên giá của bản quyền nội dung chương trình đạt 185,7 tỉ đồng.

Bảng 24. Một số tài sản lớn tính đến thời điểm 30/09/2024

Đơn vị: Đồng

STT	Tên tài sản	Ngày đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Số hao mòn lũy kế đến ngày 30/09/2024 (đồng)
1	Chi phí phát triển các trang thông tin điện tử	01/01/2011	2.489.382.154	(777.932.935)
2	Chương trình, series phim ngắn	11/08/2023	155.514.983.829	(22.402.784.372)
3	Phim truyền hình dài tập	31/10/2023	17.461.582.587	(3.701.135.984)

10.3. Thị trường hoạt động

Do đặc thù lĩnh vực hoạt động kinh doanh, Tập đoàn có ghi nhận doanh thu nước ngoài do một số công ty con trực thuộc Tập đoàn phát sinh nguồn doanh thu đến từ các nền tảng nước ngoài như Facebook, Google.

Tỷ trọng cơ cấu doanh thu theo thị trường như sau:

Thị trường	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Trong nước	97,17%	48,30%
Nước ngoài	2,83%	51,70%

Trong Q2/2024, Tập đoàn đã hợp nhất Netlink (công ty con trực tiếp), vì vậy, sau khi hợp nhất số liệu, tỷ trọng cơ cấu Doanh thu từ nước ngoài của Tập đoàn có sự thay đổi tương đối lớn trong 09 tháng đầu năm 2024.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.

a. Tình hình đầu tư và hiệu quả đầu tư

Bảng 25. Tình hình đầu tư tại các công ty con trực tiếp

		31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
STT	Tên công ty	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
1	CTCP Công nghệ Thương mại GIGA1	588.167.412.233	(*)	0	588.167.412.233	(*)	0	588.167.412.233	(*)	0
2	CTCP Tập đoàn Care	399.900.000.000	(*)	(383.785.632.263)	399.900.000.000	(*)	(399.900.000.000)	399.900.000.000	(*)	(399.900.000.000)
3	Công ty TNHH 1Production	0		0	139.000.000.000	(*)	0	139.000.000.000	(*)	0
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	79.910.000.000	(*)	0	79.910.000.000	(*)	(32.352.924.293)	79.910.000.000	(*)	(32.352.924.293)
5	CTCP Tổ hợp Truyền thông STV (ii)	76.500.000.000	(*)	0	40.000.000.000	(*)	0	0		0
6	CTCP Giải trí ANA (Tên cũ: Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1)	29.700.000.000	(*)	(29.700.000.000)	29.700.000.000	(*)	(29.700.000.000)	29.700.000.000	(*)	(29.700.000.000)
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	0		0	23.000.000.000	(*)	(8.620.503.672)	23.000.000.000	(*)	(8.620.503.672)
8	CTCP YAG Entertainment (i)	15.640.000.000	(*)	(15.640.000.000)	15.640.000.000	(*)	(15.640.000.000)	0	(*)	0
9	CTCP AppNews Việt Nam (i)	10.538.000.000	(*)	(5.348.848.644)	10.538.000.000	(*)	(7.493.872.062)	0	(*)	0
10	Công ty TNHH STVProduction (ii)	0		0	10.000.000.000	(*)	0	0		0
11	CTCP Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ Trẻ (i)	6.300.000.000	(*)	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(*)	(6.300.000.000)	0	(*)	0
12	Công ty TNHH 1Talents	0		0	120.000.000	(*)	0	2.000.000.000	(*)	0

		31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
STT	Tên công ty	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
13	Công ty TNHH 1Brandlink (Tên cũ: Công ty TNHH Adlink Network)	0		0	40.000.000	(*)	0	2.000.000.000	(*)	0
14	CTCP Siêu sao Yeah1	12.000.000	(*)	0	12.000.000	(*)	0	12.000.000	(*)	0
15	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.000.000	(*)	0	10.000.000	(*)	0	10.000.000	(*)	0
16	CTCP 1Label (iii)	0		0	0		0	1.020.000.000	(*)	0
17	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (iv)	0		0	0		0	203.319.000.000	(*)	0
18	CTCP Yeah1 Edigital (v)	0		0	0		0	255.844.800.000	(*)	0

(Nguồn: YEG)

Bảng 26. Tình hình đầu tư tại các công ty liên kết trực tiếp

		31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
STT	Tên công ty	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
1	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	0		0	0		0	2.000.000.000	(*)	0
2	CTCP Yeah1 Edigital (v)	0		0	128.756.250.000	(*)	0	0		0
3	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (vi)	0		0	103.005.000.000	(*)	0	0		0

(Nguồn: YEG)

(*) Tại ngày 30/12/2022, 31/12/20223, 30/09/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
(i) Vào ngày 18/06/2024, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm CTCP Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ, CTCP YAG Entertainment và CTCP AppNews Việt Nam. Hiện nay, các công ty này không còn là công ty con của YEG.

(ii) Vào ngày 15/03/2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của Công ty TNHH STVProduction ("**STVPro**") cho CTCP Tổ hợp Truyền thông STV ("**STV**") theo phê duyệt của Nghị quyết HĐQT số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15/03/2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại STVPro giảm từ 100% xuống 51%. Tiếp đó, vào ngày 29/03/2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần STV cho đối tác theo chủ trương tại Nghị quyết HĐQT số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày, qua đó STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

(iii) Vào ngày 14/03/2024, Chủ tịch HĐQT Công ty ban hành Quyết định số 81/2403/QĐ/CTHĐQT/YEG thông qua việc góp vốn thành lập mới CTCP 1Label ("**1 Label**") với vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Label trở thành công ty con trực tiếp của Công ty với tỷ lệ sở hữu 51,00% trên vốn chủ sở hữu.

(iv) Vào ngày 19/04/2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần, tương ứng với 16% cổ phần của CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("**Netlink**") theo Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 51,00%. CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam cũng trở thành công ty con trực tiếp của Công ty kể từ ngày này.
Theo Nghị quyết HĐQT số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 06/08/2024, Công ty cũng đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 45.360 cổ phần, tương ứng với 18% cổ phần Netlink, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Netlink lên thành 69,00%.

(v) Vào ngày 06/08/2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% cổ phần của CTCP Yeah1 Edigital ("**Y1D**") theo Nghị quyết HĐQT số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Y1D lên thành 69,55%. CTCP Yeah1 Edigital cũng trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Tính đến ngày 30/09/2024, CTCP Tập đoàn Yeah1 đầu tư trực tiếp 13 công ty con, và 01 công ty liên kết trực tiếp. Tổng lợi nhuận thu được hàng năm từ các khoản đầu tư trực tiếp đạt giá trị dương và có sự tăng trưởng giai đoạn 2023 – hiện tại.

Xét về góc độ truyền thông có thể thấy Tập đoàn đã xây dựng được một hệ sinh thái truyền thông, giải trí đa dạng và hỗ trợ lẫn nhau giữa các công ty trực thuộc Tập đoàn tạo thành hệ sinh thái khép kín và tối ưu hoá biên lợi nhuận. Cụ thể: về mảng quảng cáo, Netlink đã xây dựng được mối quan hệ đối tác với các nền tảng lớn như Google, Meta, Tiktok...; về phát triển dự án âm nhạc: 1Label còn là đối tác tin cậy trong việc phát triển các dự án âm nhạc cho thế hệ nghệ sĩ mới. Với sự hiện diện trên đa nền tảng streaming quốc tế và nội địa, từ iTunes, Spotify, Apple Music đến ZingMP3, 1Label đang dẫn đầu xu hướng phát hành nhạc số tại Việt Nam. Ngoài ra, trong thời gian vừa qua Yeah1 đã tạo dấu ấn đặc biệt trong lĩnh vực giải trí tại Việt Nam qua loạt chương trình Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng và Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai.

Việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết bước đầu đòi hỏi nguồn vốn tương đối lớn, cũng như cần quá trình hoàn thiện mô hình kinh doanh để thấy được hiệu quả các khoản đầu tư. Tuy nhiên, Tập đoàn tin tưởng rằng sự cải thiện ở kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn đã cho thấy hiệu quả bước đầu của các khoản đầu tư và hiệu quả từ việc tái cơ cấu hoạt động kinh doanh trong những năm vừa qua.

b. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Năm 2023 vẫn là một năm khó khăn chung của nền kinh tế. Đối với Yeah1, 2023 là giai đoạn thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ các công ty và nền tảng kinh doanh trong toàn Tập đoàn. Kết quả kinh doanh của Tập đoàn đã ghi nhận các con số tương đối khả quan so với năm 2022. Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 đạt 411,6 tỷ đồng, tăng 31,05% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 97% so với kế hoạch đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên 2022. Việc tái cấu trúc toàn diện Tập đoàn tập trung vào việc xác định lại các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi, vì vậy trong năm 2023 Tập đoàn đã đẩy mạnh việc sản xuất và khai thác bản quyền các nội dung chất lượng cao, dẫn đến doanh thu từ mảng khác bản quyền nội dung số đạt 168 tỷ đồng, chiếm gần 41% trong cơ cấu doanh thu, doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông đạt 203 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng gần một nửa trên tổng doanh thu (49%). Lợi nhuận Công ty năm 2023 cũng ghi nhận sự tăng trưởng nhẹ, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 26,52 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2022.

09 tháng đầu năm 2024, Tập đoàn tiếp tục duy trì kết quả hoạt động kinh doanh một cách tích cực. Doanh thu thuần 09 tháng/2024 đạt 629 tỷ đồng, tăng 148% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tập trung chủ yếu ở doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông 560,3 tỷ đồng, tăng 220% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt mức tăng trưởng vượt bậc 55,7 tỷ đồng, gấp hơn 4,5 lần so với cùng kỳ năm 2023 cho thấy việc cơ cấu lại, xác định và tập trung và đúng mảng kinh doanh đang mang lại những tín hiệu vô cùng tích cực cho kết quả kinh doanh. Trong 03 tháng cuối năm 2024, Tập đoàn đã và đang thực hiện các chương trình với quy mô lớn như Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai, Chị Đẹp Đạp Gió 2024, trong đó chương trình Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai đã phát sóng và nhận được rất nhiều sự yêu thích từ khán giả ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Tiếp nối việc phát sóng chương trình Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai, Tập đoàn đã tổ chức những buổi biểu diễn trực tiếp (concert) quy mô lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 10/2024 và dự kiến tổ chức tại Hà Nội vào tháng 12/2024, trong đó việc tổ chức concert tại Thành phố Hồ Chí Minh

đã tạo được hiệu ứng truyền thông cực kỳ to lớn và tích cực nhờ những sản phẩm âm nhạc chất lượng cao, sự kết hợp khéo léo giữa văn hoá Việt và quốc tế, thể hiện bằng sự ủng hộ nhiệt tình của khán giả, qua đó thu hút được sự quan tâm của các nhà tài trợ lớn cũng như nâng cao được vị thế và khẳng định khả năng của Tập đoàn trong ngành truyền thông giải trí. Vì vậy dự kiến kết quả kinh doanh của Tập đoàn năm 2024 sẽ đạt được những con số khả quan so với kế hoạch.

Khả năng sinh lời của Tập đoàn duy trì ở mức ổn định trong hai năm gần đây, biên lợi nhuận ròng trong khoảng 6-8%. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn, vòng quay vốn lưu động được Tập đoàn duy trì ở mức cao, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2023 là 2,32 lần, tăng nhẹ so với năm 2022. Cơ cấu nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cũng được Tập đoàn duy trì ổn định qua các năm. Trong năm 2023-2024, Tập đoàn cũng chú trọng việc mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong nước thông qua việc ký kết các hợp đồng tín dụng nhằm tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn mới, phục vụ nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

10.5. Các hợp đồng lớn

Từ năm 2022 đến thời điểm hiện tại, YEG có các hợp đồng lớn như sau:

Bảng 27. Các hợp đồng lớn trong giai đoạn từ năm 2022 đến hiện tại

Hợp đồng	Giá trị (Đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng xây dựng số 24/HĐXD-YEAH1	17.448.503.425	24/12/2023	Từ lúc ký hợp đồng đến khi hoàn thành thời hạn bảo hành hợp đồng	Thi công xây dựng văn phòng Công ty tại địa chỉ 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	CTCP Quảng Cáo Bồ Công Anh	Bên có liên quan với Người nội bộ	Không có
Hợp đồng cấp bản quyền nội dung số 415/2307/HĐCBQND/ YEG-TERA	55.388.452.000	28/07/2023	5 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Cung cấp quyền phát sóng và khai thác không độc quyền bản quyền nội dung trên các kênh truyền hình và phần mềm truyền hình di động	CTCP Tera Group	Không có	Không có
Hợp đồng cấp bản quyền nội dung số 634/2308/HĐCBQND/ YEG-BMD	21.605.510.000	21/08/2023	5 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Cung cấp quyền phát sóng và khai thác không độc quyền bản quyền nội dung trên các kênh kĩ thuật số	Công ty TNHH Ban Media	Không có	Không có

Hợp đồng	Giá trị (Đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng dịch vụ số 500/2023/HDDV/MB-YEG	20.995.200.000	21/09/2023	Từ lúc ký hợp đồng đến khi 2 bên hoàn thành nghĩa vụ	Cung cấp các dịch vụ truyền thông, quảng cáo cho MBBank	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Không có	Không có
Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG /UNI	200.000.000.000	20/12/2022	3 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Hợp tác đầu tư mạo hiểm các dự án start-up	CTCP Unicorn Venture	Không có	Không có
Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG /BIGCAT	150.000.000.000	03/06/2022	Từ ngày ký hợp đồng đến khi hoàn thành dự án	Hợp tác đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường.	CTCP Giải trí TKK	Không có	Không có
Hợp đồng số 536-2309-HĐTVP-YEG.SG3	1.693.226.700 /tháng	27/09/2023	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2033	Thuê văn phòng	CTCP Thương mại Bất động sản Sài Gòn 3	Không có	Không có
Hợp đồng số 08/HĐXD-1Studio	142.795.425.415	22/11/2023	Từ ngày ký hợp đồng đến khi hoàn thành dự án	Hợp đồng xây dựng	CTCP Quảng cáo Bổ Công Anh	Bên có liên quan với Người nội bộ	Không có
Hợp đồng số 872-2408-HDDV-YEG-TERAGROUP	105.000.000.000	01/08/2024	18 tháng kể từ ngày kí Hợp đồng	Hợp đồng sản xuất phần mềm (thực hiện xây dựng và phát triển các	CTCP Tera Group	Không có	Không có

Hợp đồng	Giá trị (Đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác
				tính năng của ứng dụng Onstudio)			
Hợp đồng 873-2408-HDDV-YEG-TERAGROUP	80.000.000.000	01/08/2024	18 tháng kể từ ngày kí Hợp đồng	Hợp đồng sản xuất phần mềm (thực hiện xây dựng và phát triển các tính năng của phần mềm quản lý doanh nghiệp)	CTCP Tera Group	Không có	Không có

(Nguồn: YEG)

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Từ năm 2022 đến thời điểm hiện tại YEG có các khách hàng, nhà cung cấp lớn như sau:

Bảng 28. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp chính

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu (%)	Tỷ lệ trên tổng chi phí (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành
I	Năm 2022						
1	Công ty TNHH Shopee	30.145.890.700	9,60%	N/A	Tháng 01-12 năm 2022	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
2	Công Ty TNHH Grab	26.147.975.252	8,32%	N/A	Tháng 01-12 năm 2022	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
3	CTCP Yeah1 Edigital	21.325.605.402	6,79%	N/A	Tháng 01-12 năm 2022	Dịch vụ tư vấn chiến lược và nhân sự; Dịch vụ tư vấn và khảo sát thị trường; Cung cấp hệ thống tối ưu không gian quảng cáo	Công ty liên kết
4	CTCP Giải trí TKK	16.408.571.429	5,22%	N/A	Tháng 01-12 năm 2022	Dịch vụ tư vấn chiến lược và nhân sự; Chuyển nhượng bản quyền nội dung; Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
5	CTCP Hàng không VIETJET	10.669.050.900	3,40%	N/A	Tháng 01-12 năm 2022	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
6	Công ty TNHH Truyền thông WPP	10.660.172.000	3,39%	N/A	Tháng 01-12 năm 2022	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu (%)	Tỷ lệ trên tổng chi phí (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành
7	CTCP Truyền thông Giải trí Đại Việt	16.753.128.959	N/A	5,18%	Tháng 01-12 năm 2022	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
8	Công ty TNHH Công nghệ Truyền thông Pearl	15.248.104.889	N/A	4,71%	Tháng 01-12 năm 2022	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
9	CTCP Tập đoàn CapitalX	8.211.332.260	N/A	2,54%	Tháng 01-12 năm 2022	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo Mua bản quyền chương trình	Không có
II	**Năm 2023**						
1	CTCP Tera Group	96.045.729.363	23,3%	N/A	Tháng 11-12 năm 2023	Cung cấp bản quyền nội dung; Dịch vụ quảng cáo trên kênh truyền hình	Không có
2	CTCP Yeah1 Edigital	33.099.042.768	8,0%	N/A	Tháng 01-12 năm 2023	Chia sẻ doanh thu khai thác bản quyền nội dung; Dịch vụ tư vấn chiến lược	Công ty liên kết
3	Công ty TNHH Ban Media	29.695.649.583	7,2%	N/A	Tháng 01-12 năm 2023	Cung cấp bản quyền nội dung; Dịch vụ tư vấn chiến lược	Không có
4	Công ty TNHH Shopee	28.793.971.766	7,0%	N/A	Tháng 01-12 năm 2023	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
5	Công ty TNHH Truyền thông WPP	22.898.424.345	5,6%	N/A	Tháng 01-12 năm 2023	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu (%)	Tỷ lệ trên tổng chi phí (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành
6	CTCP Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	18.647.412.945	4,5%	N/A	Tháng 02-12 năm 2023	Cung cấp bản quyền nội dung, sản xuất chương trình	Không có
7	Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	15.428.853.602	3,7%	N/A	Tháng 01-12 năm 2023	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
III	**09 tháng đầu năm 2024**						
1	Google Asia Pacific Pte. Ltd	296.504.984.343	47,1%	N/A	Tháng 04-09 năm 2024	Dịch vụ quảng cáo trên nền tảng Google	Không có
2	CTCP Yeah1 Edigital	38.323.181.293	6,1%	N/A	Tháng 01-07 năm 2024	Chia sẻ doanh thu khai thác bản quyền nội dung; Doanh thu cho thuê mặt bằng	Công ty liên kết (đến tháng 07/2024)
3	CTCP Tera Group	36.683.619.048	5,8%	N/A	Tháng 01-09 năm 2024	Dịch vụ tư vấn chiến lược và nhân sự; Chuyển nhượng bản quyền nội dung; Doanh thu cho thuê mặt bằng	Không có
4	Công ty TNHH Shopee	27.032.088.605	4,3%	N/A	Tháng 01-09 năm 2024	Tư vấn truyền thông, dịch vụ quảng cáo	Không có
5	Meta Platforms, Inc	21.120.340.513	3,4%	N/A	Tháng 08-09 năm 2024	Dịch vụ quảng cáo trên nền tảng Facebook	Không có
6	CTCP Z Holding	93.702.278.595	N/A	14,82%	Tháng 04-09 năm 2024	Giá vốn nội dung cho dịch vụ quảng cáo Google	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu (%)	Tỷ lệ trên tổng chi phí (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành
7	NMP Network Corp	76.228.715.944	N/A	12,06%	Tháng 04-09 năm 2024	Giá vốn nội dung cho dịch vụ quảng cáo Google	Không có
8	JF GLOBAL, LLC	68.263.143.922	N/A	10,80%	Tháng 04-09 năm 2024	Giá vốn nội dung cho dịch vụ quảng cáo Google	Không có

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Yeah1 là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực truyền thông và giải trí với hơn 18 năm kinh nghiệm tại Việt Nam. Với tầm nhìn phát triển dài hạn và sự linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, Yeah1 đã xây dựng được hệ sinh thái truyền thông với chiến lược cốt lõi 3C (Content - Convince - Commerce), bao gồm: sản xuất nội dung chất lượng cao, truyền thông mạng xã hội, phát hành nhạc số, quản lý và đào tạo nghệ sĩ, giải pháp truyền thông cho nhãn hàng, thương mại trên nền tảng số, xuất bản nội dung trực tuyến, giải pháp công nghệ truyền thông. Yeah1 làm chủ tối đa biên lợi nhuận trong chuỗi giá trị của ngành từ (1) Bản quyền nội dung thông qua hợp tác chiến lược với Đài truyền hình Hồ Nam, MangoTV, đơn vị dẫn đầu về các chương trình giải trí cao cấp tại Trung Quốc, đến việc (2) sở hữu các công ty trực thuộc Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nội dung, cung cấp hơn 60,000+ phút nội dung mỗi năm, và (3) hệ thống phân phối nội dung đa kênh Việt Nam và nước ngoài từ Facebook, Youtube, TikTok, Dailymotion,…

Thêm vào đó, thế mạnh của Yeah1 là khả năng nắm bắt thị hiếu khán giả ở nhiều độ tuổi và đi đầu trong sáng tạo những xu hướng mới. Với hơn 18.000 nội dung nguyên bản, hơn 22.000 nội dung bản quyền, Yeah1 thu hút hơn 3,5 tỷ lượt xem mỗi tháng từ hơn 73 triệu người xem quen thuộc. Sản xuất và phát hành nội dung đa thể loại, đa nền tảng là hoạt động kinh doanh chủ lực và tạo ra doanh thu ổn định cùng tiềm năng phát triển dài hạn cho Yeah1. Việc Yeah1 đầu tư mạnh mẽ vào phát triển nội dung gốc, hợp tác với các nhà sản xuất, nghệ sĩ, chuyên gia nổi tiếng và trở thành đối tác với các đơn vị đầu ngành ở các quốc gia lớn trên thế giới không chỉ giúp Yeah1 duy trì được yếu tố bản quyền trong các sản phẩm của mình, mà còn tạo ra xu hướng mới, mang lại giá trị độc đáo, khó bị sao chép bởi các đối thủ cạnh tranh như Đất Việt VAC, Cát Tiên Sa, MCV…

Theo số liệu từ Kantar Media Việt Nam, trong các chương trình giải trí của Đài Truyền hình Việt Nam trong khung giờ 20-23h, từ thứ hai đến Chủ nhật, chỉ số lượt xem trung bình của Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai tại 4 thành phố lớn (Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng, Cần Thơ)

hầu hết giữ vị trí số 1 trên VTV3 đối với đối tượng khán giả nữ trong độ tuổi từ 18-50 tuổi, được xem là tệp khách hàng tiếp thị tiềm năng của nhiều nhãn hàng. Đây cũng là đối tượng có sức ảnh hưởng đến quyết định quảng cáo của nhãn hàng trên truyền hình trong khung giờ vàng. Đối với khán giả trên toàn quốc, Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai giữ vững thành tích tốt với rating trên 4.0, top 1 hầu hết các tập phát sóng (trừ tập 2,8,10) và tập 3 đạt rating ấn tượng 5.1.

Không những giành được thành tích xuất sắc trong phân khúc chương trình giải trí cao cấp, Yeah1 tiên phong mở ra một phân khúc mới đến người dùng Việt Nam - Short Drama, với bộ phim Dâu Hào Môn, góp mặt bởi "Chị Đẹp" Tú Vi, đạt được hơn 200 triệu lượt xem chỉ sau chưa tới 1 tháng phát sóng trên hệ thống kênh Facebook thuộc sở hữu và vận hành bởi Yeah1. Vì vậy, Yeah1 luôn được Đối tác Facebook ghi nhận là đơn vị tạo ra nhiều lượt xem trên nền tảng.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Từ chiến lược kinh doanh linh hoạt, đầu tư mạnh mẽ của công nghệ vào tất cả các hoạt động kinh doanh và khả năng mở rộng thị trường quốc tế, đã tạo nên triển vọng phát triển tích cực cho Yeah1 trong tương lai. Bên cạnh đó, Yeah1 đang đứng trong bối cảnh truyền thông số được chú trọng và đã chứng minh sự nhạy bén của mình bằng việc nắm bắt và tận dụng các xu hướng mới, giúp Yeah1 thu hút một lượng lớn người dùng, đặc biệt là thế hệ trẻ tuổi, đồng thời mở rộng tầm ảnh hưởng trên thị trường quốc tế.

Yeah1 cũng đặt mục tiêu mở rộng ra các thị trường quốc tế, đặc biệt là trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương. Điều này không chỉ giúp Yeah1 đa dạng hóa nguồn thu mà còn tạo ra cơ hội hợp tác với các đối tác quốc tế, từ đó nâng cao chất lượng và giá trị của các sản phẩm và dịch vụ. Với tầm nhìn chiến lược, khả năng sáng tạo và sự cam kết đối với chất lượng, Yeah1 có tiềm năng để nâng vị thế là tập đoàn truyền thông hàng đầu khu vực.

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Yeah1 vẫn kiên định với mục tiêu tạo ra những nội dung gốc chất lượng, xu hướng mới và mang lại giá trị tích cực cho cộng đồng thông qua chương trình truyền hình thực tế như Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng, Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai, Mẹ Siêu Nhân và các chương trình mang tính sáng tạo, nhân văn và truyền cảm hứng nhằm mục đích tôn vinh, quảng bá hình ảnh về văn hóa, con người Việt Nam, hay sâu xa hơn là thực hiện sứ mệnh góp phần giữ gìn và phát triển văn hóa và bản sắc của Việt Nam.

Là tập đoàn truyền thông dựa trên sức mạnh công nghệ, Yeah1 luôn chú trọng việc ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số vào các hoạt động quản trị và kinh doanh, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, qua đó góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Xác định con người, công nghệ, hợp tác là nền tảng để phát triển nguồn lực của Tập đoàn, Yeah1 luôn chú trọng và có chiến lược đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Yeah1 mang sứ mệnh vì cộng đồng và luôn hướng đến những giá trị này trong tất cả các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, đây cũng chính là cơ sở để phát triển bền vững. Đồng

thời, Tập đoàn cũng luôn cập nhật và tuân thủ các quy định, chính sách của nhà nước trong từng hoạt động kinh doanh.

Yeah1 cũng tăng cường hợp tác quốc tế để học hỏi, chuyển giao kinh nghiệm sản xuất từ các đối tác đầu ngành ở các quốc gia lớn trên thế giới. Đồng thời, Yeah1 cũng áp dụng chiến lược "xuất khẩu" nội dung, văn hóa nước nhà vươn tầm khu vực.

10.8. Hoạt động Marketing

Với thế mạnh hệ sinh thái đa kênh, Yeah1 sử dụng nguồn lực hàng đầu này để truyền tải, quảng bá hình ảnh của mình thông qua các sản phẩm, nội dung, hoạt động, dịch vụ đa dạng, thu hút hàng chục tỷ lượt xem mỗi năm. Đồng thời, Yeah1 đã tài trợ, đầu tư, hợp tác và thực hiện các dự án trên nhiều lĩnh vực, trong đó nổi bật nhất có thể kể đến thương hiệu Yeah1 được quảng bá thông qua các dự án sáng tạo nội dung gốc từ các chương trình thực tế, series phim truyền hình, các video ngắn trên mạng xã hội. Bên cạnh đó, Yeah1 quảng bá thương hiệu của mình thông qua các hoạt động đa kênh khác nhau như truyền hình, báo chí chính thống, trang tin tức, quảng cáo trực tuyến nhằm thu hút khách hàng tiềm năng. Chính những hoạt động này không chỉ giúp Yeah1 duy trì vị thế hàng đầu trong ngành truyền thông và giải trí tại Việt Nam mà còn tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng ra thị trường quốc tế.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo của Công ty:

Where Diversity Unites

Ý nghĩa của logo:

Slogan "Where Diversity Unites" thể hiện Công ty sẽ luôn là nơi chào đón những con người có sức sáng tạo khác biệt, dám nghĩ dám làm để tạo ra những xu hướng dẫn đầu.

Danh sách đăng ký nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu Trí tuệ ra Quyết định về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ:

Bảng 29. Danh sách đăng ký nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu Trí tuệ ra Quyết định về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ

STT	Nhãn hiệu	Cấp bởi
1	YEAH1 SHOW	Bộ Khoa học và Công nghệ
2	YEAH1 MUSIC	Bộ Khoa học và Công nghệ
3	YEAH1 MOVIE	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	YEAH1 TV	Bộ Khoa học và Công nghệ
5	YEAH1 KIDS	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	AWE me	Bộ Khoa học và Công nghệ

Ngoài ra, Công ty còn sở hữu hơn 100 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do Cục Bản quyền Tác giả cấp cho các kịch bản chương trình livestream, kịch bản chương trình phim ngắn dài kỳ, kịch bản chương trình talkshow, kịch bản chương trình mini gameshow.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Yeah1 tập trung vào việc tạo ra các sản phẩm tiên phong mang xu hướng đột phá, không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khán giả, mà còn là giải pháp hiệu quả cho nhãn hàng, giúp duy trì vị thế cạnh tranh trên thị trường. Theo đó, Yeah1 đặc biệt chú trọng và kiên định vào việc tạo ra các nội dung gốc chất lượng cao, truyền cảm hứng và phản ánh văn hóa, con người và giá trị đẹp của đất nước Việt Nam. Yeah1 cũng không ngừng tìm kiếm và hợp tác với nhân sự tài năng để phát triển các dự án mới trong các dự án truyền hình thực tế và nội dung số.

Là doanh nghiệp quy tụ những con người sáng tạo, Yeah1 hiểu rõ khán giả/người dùng/nhãn hàng là chìa khóa để đạt được những thành công trong lĩnh vực truyền thông giải trí. Cụ thể, Yeah1 đang sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu và nghiên cứu thị trường để thu thập thông tin về sở thích, thói quen xem và xu hướng tiêu dùng của khán giả. Từ đó, Công ty có thể điều chỉnh chiến lược sản xuất và phân phối nội dung một cách hiệu quả.

Yeah1 hiểu rằng, nguồn lực chất lượng cao là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Công ty đầu tư vào cơ sở vật chất hạ tầng, các chương trình đào tạo chuyên sâu, khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học nâng cao và các hội thảo quốc tế để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới nhất trong ngành. Yeah1 không ngừng mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế với các đối tác đầu ngành ở các quốc gia lớn trên thế giới. Việc này giúp Yeah1 tiếp cận các công nghệ tiên tiến, học hỏi các mô hình kinh doanh thành công và nhằm mở rộng thị trường ra quốc tế.

10.11. Chiến lược kinh doanh

❖ **Chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn:**

Chiến lược kinh doanh của Yeah1 được thiết kế một cách toàn diện, bao gồm cả các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành truyền thông giải trí.

Yeah1 xây dựng chiến lược trọng điểm đẩy mạnh sản xuất và phân phối nội dung chất lượng cao. Yeah1 vẫn kiên định với định hướng sản xuất, phân phối các chương trình nội dung chất lượng cao (premium show), mang thông điệp truyền cảm hứng và nhân văn đến các đối tượng khán giả đa dạng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Trong thời gian tiếp theo, Yeah1 sẽ tiếp tục sản xuất các chương trình truyền hình quy mô lớn, hợp tác với MangoTV thuộc Đài truyền hình Hồ Nam, Trung Quốc và các đối tác khác. Các chương trình này dự kiến đều được phát sóng trên các kênh của Đài truyền hình Việt Nam và trên đa nền tảng mạng xã hội kỹ thuật số thuộc sở hữu của Yeah1. Mỗi chương trình đều truyền tải những thông điệp riêng đến các nhóm đối tượng khán giả khác nhau. Cùng với những chương trình truyền hình với nội dung chất lượng cao nói trên, Yeah1 sẽ tiếp tục nghiên cứu và xây dựng các định dạng nội dung đa dạng, đặc biệt hướng đến tập khán giả GenZ tại Việt Nam cũng như trong khu vực.

Yeah1 tiên phong về sản xuất và xuất bản nội dung ngắn trên đa nền tảng. Nắm bắt xu thế mới của toàn cầu trong việc sản xuất và khai thác nội dung trên nền tảng số, cụ thể là từ nội

dung dài (long-form videos) đang chuyển dịch sang nội dung ngắn (short-form videos), Yeah1 sẽ triển khai đầu tư vào nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất để tiếp tục là thương hiệu tiên phong phát triển xu hướng mới này tại Việt Nam, điều mà các nước nước châu Á và thế giới đang rất thành công. Với hơn 22.000 nội dung có bản quyền của Yeah1 đang sở hữu được sản xuất, phát hành trung bình trong năm trên các nền tảng số, sẽ là đóng góp đáng kể đến sự tăng trưởng doanh thu của tập đoàn trong thời gian tới. Đồng thời, Yeah1 cũng hướng tới là đơn vị tiên phong trong việc sản xuất cho các đối tác nước ngoài với các định dạng nội dung đa dạng, phân phối cho các thị trường giải trí quốc tế.

Yeah1 hợp tác chiến lược với các tập đoàn truyền thông hàng đầu quốc tế nhằm nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo nội dung, cùng với mục tiêu xuất khẩu văn hoá Việt Nam ra nước ngoài. Yeah1 và MangoTV đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác chiến lược, đánh dấu giai đoạn mới của hợp tác mạnh mẽ và sâu rộng hơn của tập đoàn, bao gồm từ việc chuyển giao kịch bản và kinh nghiệm sản xuất những nội dung gốc chất lượng cao, quy trình sản xuất và quản lý nội dung cũng như mảng đào tạo, phát triển tài năng. Tiếp tục, cả hai sẽ tăng cường sự hợp tác toàn diện, bao gồm xây dựng khung phát sóng Mango Fun Time trên kênh truyền hình tại Việt Nam, mang đến cho người xem nhiều nội dung đặc sắc của MangoTV và Yeah1.

Hiện tại, Yeah1 cũng đang tiếp cận với nhiều đối tác quốc tế tại các quốc gia như Hàn Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ,... để tìm kiếm các cơ hội hợp tác bền vững trong mảng kinh doanh này. Bên cạnh đó, Yeah1 cũng kết hợp với các đối tác để phát hành các nội dung của Yeah1 ra các nước trên quốc tế. Cụ thể, các nội dung chương trình giải trí của Yeah1 có thể phát hành trên nền tảng OTT MangoTV - nền tảng được phát sóng trên 195 quốc gia, vùng lãnh thổ và thu hút đến 150 triệu lượt tải ứng dụng, đây sẽ là bước đệm để Yeah1 đưa văn hóa nước nhà đi "xuất khẩu" ra quốc tế.

Yeah1 đẩy mạnh phát triển mảng quản lý, đào tạo tài năng, và sẽ là một trong những mảng kinh doanh trọng yếu và nòng cốt, tạo nền tảng vững chắc về nghệ sĩ để Yeah1 triển khai các hoạt động kinh doanh khác. Trong năm 2024, Yeah1 đẩy mạnh mảng quản lý, kinh doanh tài năng cũng như xây dựng trung tâm đào tạo các tài năng nhằm phục vụ cho chính năng lực sản xuất của Yeah1 cũng như nhu cầu của thị trường. Tập đoàn đã thành lập Công ty TNHH 1Talents, là đơn vị sẽ phụ trách việc quản lý và khai thác thương mại các nghệ sĩ tham gia vào các chương trình của Yeah1 sản xuất, giúp Công ty chủ động trong nguồn lực sản xuất nội dung cũng như nhu cầu của thị trường. Song song đó, Yeah1 lựa chọn đối tác nước ngoài tin cậy để xây dựng Trung tâm đào tạo tài năng chất lượng, đa dạng và đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hiện tại, nhóm nhạc LUNAS do Yeah1 quản lý, nhóm nhạc quy tụ từ 5 nữ nghệ sĩ bước ra từ Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng gồm: Trang Pháp, Ninh Dương Lan Ngọc, Diệp Lâm Anh, Huyền Baby, Khổng Tú Quỳnh.

Yeah1 đang trong quá trình đầu tư cơ sở vật chất hiện đại chuẩn quốc tế và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động kinh doanh như việc xây dựng văn phòng mới, xây dựng khu tổ hợp phim trường - tổ chức sự kiện – khu biểu diễn và hợp tác với các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới như Google để hỗ trợ, triển khai vào các hoạt động kinh doanh cũng như quản trị nội bộ của Tập đoàn.

Yeah1 phát triển mô hình "Content to Commerce" với xu hướng mua sắm giải trí mới của toàn cầu là "shoppertainment". Với thế mạnh sản xuất nội dung chất lượng cao, Yeah1 sẽ là nền tảng nội dung và truyền thông cho các nhãn hàng tiếp cận đến đối tượng khách hàng mục tiêu hiệu quả thông qua gói dịch vụ đa dạng, bao gồm cả việc tổ chức các buổi livestream bán hàng, dịch vụ hỗ trợ nhãn hàng mở và quản lý bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử, kết nối với những người có sức ảnh hưởng (KOCs).

Yeah1 tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển con người toàn diện, bởi hoạt động trong ngành giải trí và truyền thông, được định nghĩa là ngành 'human-led, technology empowered', nên Yeah1 sẽ không ngừng đầu tư mạnh mẽ vào việc thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài. Theo đó, đầu năm 2024 Yeah1 vừa thực hiện việc chuyển trụ sở mới với không gian làm việc được thiết kế sang trọng, chuyên nghiệp, thúc đẩy sự sáng tạo cho toàn thể nhân viên. Cùng với đó là tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển nhân tài toàn diện bao gồm các chính sách phúc lợi hấp dẫn, chính sách xây dựng văn hoá học tập tại nơi làm việc, khuyến khích các nhân viên tự do sáng tạo, cống hiến hết mình cho sự phát triển của cá nhân nói riêng và công ty nói chung. Tập đoàn cũng xây dựng những chương trình giải thưởng lớn trong công nghệ và nội dung để khuyến khích toàn thể nhân viên tham gia đóng góp.

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:**

Mạng lưới đối tác sở hữu và bản quyền nội dung giải trí cao cấp đến từ các quốc gia: Trung Quốc (CCTV, MangoTV, Youku, iQIYI, Tencent, COL Group, Huace Group, Huanyu, TVB, Dramabox, ShortMax, StardustTV, Media Culture, ...), Đài Loan (TTV), Thailand (True Digital, GMM ...) cộng thêm đội ngũ lãnh đạo và nhân sự có bề dày kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực truyền thông giải trí là nguồn lực to lớn giúp Công ty thực hiện các chiến lược kinh doanh đã đề ra.

Để đảm bảo nguồn vốn cho việc thực hiện kế hoạch, Công ty đang tiến hành các phương án tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu, nhằm tái cơ cấu nguồn vốn và bổ sung hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng đang tích cực làm việc với các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư, nhà đầu tư tiềm năng nhằm tìm kiếm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và tối ưu hóa chi phí tài chính.

11. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có.

12. Chính sách đối với người lao động

a. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động tính đến thời điểm 30/09/2024 của Công ty mẹ là 66 người và hợp nhất là 315 người, trong đó :

Bảng 30. Cơ cấu lao động của Công ty

TT	Tiêu chí	ĐVT	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
			Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
I	**Theo trình độ**							
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	42	78	56	153	54	240
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	5	10	11	30	5	46
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	4	4	3	3	1	20
4	Lao động phổ thông	Người	7	7	7	7	6	9
II	**Theo giới tính**							
1	Nam	Người	18	27	30	60	25	122
2	Nữ	Người	40	72	47	133	41	193
Tổng cộng		**Người**	**58**	**99**	**77**	**193**	**66**	**315**

(Nguồn: YEG)

b. Chính sách với người lao động

Với việc đề cao yếu tố con người trong sự phát triển bền vững của Công ty, trong thời gian qua, Công ty luôn nỗ lực cải tiến chất lượng và môi trường làm việc, giúp nhân viên phát huy tối đa năng lực và định hướng nghề nghiệp. Trong năm qua, Yeah1 tiếp tục được vinh danh trong "Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam", đánh dấu cột mốc 5 năm liên tiếp là môi trường làm việc hấp dẫn và thương hiệu tuyển dụng hàng đầu tại Việt Nam. Đây là thành quả từ 5 giá trị cốt lõi: "Chủ động - Sáng tạo - Chuyên nghiệp - Hợp tác - Hành động".

- **Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc quy định tại Công ty không quá 08 giờ mỗi ngày và không quá 48 giờ mỗi tuần.

- **Chính sách tuyển dụng**

Chính sách tuyển dụng và hội nhập của Công ty được thiết kế để thu hút những cá nhân xuất sắc và giúp họ nhanh chóng hòa nhập, phát huy tối đa tiềm năng trong môi trường năng động của Công ty.

Công ty tuyển dụng dựa trên năng lực và kinh nghiệm, không phân biệt giới tính, độ tuổi, tôn giáo, dân tộc hay bất kỳ yếu tố cá nhân nào khác. Quy trình tuyển dụng của Công ty được công khai, rõ ràng và minh bạch, đảm bảo tính công bằng cho tất cả ứng viên.

- **Chính sách đào tạo**

Yeah1 luôn coi trọng việc phát triển nhân lực thông qua các chính sách đào tạo toàn diện và hiệu quả. Mục tiêu của Công ty là giúp nhân viên phát huy tối đa tiềm năng và đóng góp vào sự phát triển chung. Chính sách đào tạo của Yeah1 tập trung vào ba yếu tố chính: đào tạo chuyên môn, kỹ năng mềm và đào tạo lãnh đạo.

- Đào tạo Chuyên môn: Nhân viên được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về chuyên môn để nâng cao kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc. Các khóa học này được thiết kế phù hợp với từng vị trí và cấp bậc, từ đó giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và phát triển sự nghiệp.
- Đào tạo Kỹ năng mềm: Yeah1 cung cấp các chương trình đào tạo kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Những kỹ năng này không chỉ giúp nhân viên làm việc hiệu quả hơn mà còn tạo điều kiện cho họ phát triển toàn diện.
- Đào tạo Lãnh đạo: Yeah1 chú trọng đào tạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo tương lai thông qua các chương trình đào tạo lãnh đạo chuyên biệt. Công ty tập trung vào việc trang bị cho các nhà quản lý và lãnh đạo các kỹ năng quản lý, lãnh đạo và định hướng chiến lược để họ có thể dẫn dắt đội ngũ và đưa Tập đoàn phát triển bền vững.

Hình thức đào tạo: Các chương trình đào tạo tại Yeah1 được thực hiện dưới nhiều hình thức linh hoạt như hội thảo, lớp học trực tuyến, workshop và các khóa học nội bộ. Công ty cũng hợp tác với các chuyên gia và tổ chức đào tạo uy tín để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của chương trình.

Đánh giá và phát triển: Sau mỗi chương trình đào tạo, Yeah1 tiến hành đánh giá hiệu quả để cải tiến và điều chỉnh phù hợp. Công ty cũng khuyến khích nhân viên phản hồi và đề xuất các nhu cầu đào tạo mới, từ đó liên tục nâng cao chất lượng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của từng cá nhân.

Chính sách đào tạo tại Yeah1 không chỉ là một phần của chiến lược phát triển nhân sự mà còn là cam kết của Công ty trong việc đầu tư vào con người, tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và đóng góp vào thành công chung của Tập đoàn.

- **Chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ**

Yeah1 luôn cam kết xây dựng và duy trì một chính sách đãi ngộ, phúc lợi ưu việt nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Công ty áp dụng chế độ lương theo ngạch bậc, quản lý và đánh giá người lao động dựa trên năng suất và hiệu quả công việc. Điều này đảm bảo mỗi nhân viên đều được công nhận và đền đáp xứng đáng cho những nỗ lực và đóng góp của mình.

Ngoài thu nhập chính từ lương, Yeah1 còn thường xuyên tổ chức các chương trình khen thưởng để vinh danh những nhân viên có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến cải tiến. Công ty duy trì chế độ thưởng hiệu quả công việc hoặc các khoản thưởng khác, bao gồm những khoản thưởng đột xuất (tùy thuộc vào kết quả kinh doanh của Tập đoàn và mức độ hoàn thành công việc của người lao động). Những phần thưởng này không chỉ mang lại giá trị vật chất mà còn tạo động lực mạnh mẽ, khuyến khích Cán bộ nhân viên tận tâm với công việc, không ngừng phát huy năng lực và nâng cao chất lượng công việc.

Chính sách đãi ngộ và phúc lợi của Yeah1 bao gồm các chương trình phúc lợi toàn diện như đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt

buộc đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty có có các chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khoẻ, bảo hiểm tai nạn, và các chế độ nghỉ phép hấp dẫn. Công ty cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, sự kiện nội bộ và các chương trình chăm sóc sức khỏe để tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên.

Bằng cách chuẩn hóa và liên tục cải tiến chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ, Yeah1 không chỉ tạo ra một môi trường làm việc lý tưởng mà còn xây dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của tập đoàn, đảm bảo mỗi nhân viên đều cảm thấy được tôn trọng, công nhận và có động lực để cống hiến lâu dài.

- **Chính sách trợ cấp**

Chính sách trợ cấp được thiết kế đa dạng và toàn diện nhằm hỗ trợ tốt nhất cho đời sống và công việc của cán bộ nhân viên bao gồm ngày nghỉ sinh nhật, phụ cấp điện thoại, di chuyển... Ngoài ra, Công ty còn có chính sách thưởng sinh nhật Tập đoàn, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cung cấp bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ cán bộ nhân viên gặp khó khăn đặc biệt.

Chính sách trợ cấp của Yeah1 không chỉ là sự hỗ trợ vật chất mà còn thể hiện sự quan tâm, chia sẻ và đồng hành cùng cán bộ nhân viên trong mọi hoàn cảnh nhằm tạo sự yên tâm, gắn bó và cống hiến hết mình của cán bộ nhân viên cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

- **Chế độ bảo hiểm sức khỏe**

Công ty áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho tất cả nhân viên ký hợp đồng lao động chính thức và được phân loại theo cấp bậc. Ngoài ra, nhân viên có thể tự nguyện đăng ký tham gia bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người thân.

Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho tất cả nhân viên ký hợp đồng lao động chính thức, tuân thủ theo quy định của Bộ luật Lao động.

- **Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động:**

Công ty không có quy chế cụ thể để áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động, hàng năm, dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, Hội đồng Quản trị sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động cụ thể.

Ví dụ: Vào tháng 07/2024, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 5.648.190 cổ phiếu cho 38 người lao động *(Công ty đã thực hiện đợt phát hành theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) ban hành kèm theo Nghị quyết số 689/2405/NQ/HĐQT/YEG ngày 30/05/2024 của Hội đồng Quản trị CTCP Tập đoàn Yeah1).*

13. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của Công ty được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Hội đồng Quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở Lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi đã hoàn thành xong các nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, việc chi trả cổ tức của Công ty còn dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh thực tế cũng như kế hoạch, chiến lược hoạt động kinh doanh trong tương lai để đưa ra mức chi trả cổ tức hợp lý nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông cũng như hoạt động kinh doanh bền vững của Công ty.

Bảng 31. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty

Nội dung	2022	2023
Tỷ lệ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức	0%	0%
Hình thức chi trả	Không chi trả	Không chi trả

(Nguồn: YEG)

14. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

14.1. Thông tin về đợt chào bán gần nhất:

- Hình thức: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược.
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán đã chào bán: 45.000.000 cổ phiếu.
- Tổng vốn/số tiền đã huy động: 450.000.000.000 đồng.
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 11/09/2023.

14.2. Thông tin về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn so với phương án đã được phê duyệt:

Không có.

14.3. Thông tin về tình hình sử dụng vốn:

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng hết 100% số tiền thu được từ đợt chào bán gần nhất. Công ty đã thực hiện kiểm toán sử dụng vốn và thực hiện công bố thông tin theo quy định. Công ty đã báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ 450.000.000.000 đồng tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (tổ chức vào ngày 06/05/2024) và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho giai đoạn từ 13/09/2023 đến ngày 31/03/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Tại ngày 30/09/2024, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty	Vốn cam kết (Đồng)	Vốn đã góp (Đồng)	Vốn còn phải góp (Đồng)
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
CTCP Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
CTCP Eco Consumer	5.000.000.000	0	5.000.000.000
CTCP Gigagoods	918.000.000	0	918.000.000
CTCP Gigawin	1.062.000.000	0	1.062.000.000

(Nguồn: YEG)

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

17. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 (hai) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 32. Kết quả hoạt động kinh doanh theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
Tổng giá trị tài sản	1.295.180,80	1.943.356,68	50,05%	2.327.842,80
Vốn chủ sở hữu	1.181.339,76	1.683.465,35	42,50%	1.694.766,98
Doanh thu thuần	42.893,40	178.347,67	315,79%	192.321,71

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.765,88	52.190,11	164,04%	12.343,20
Lợi nhuận khác	(10.102,77)	(64,52)	0,00%	(1.041,57)
Lợi nhuận trước thuế	9.663,11	52.125,59	439,43%	11.301,63
Lợi nhuận sau thuế	9.663,11	52.125,59	439,43%	11.301,63
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,00%	0,00%	N/A	0,00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	0,82%	3,10%	278,05%	0,67%
Tỷ lệ cổ tức	0,00%	0,00%	N/A	0,00%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Bảng 33. Kết quả hoạt động kinh doanh theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
Tổng tài sản	1.240.977,88	1.860.398,04	49,91%	2.423.076,45
Vốn chủ sở hữu	906.780,18	1.383.299,14	52,55%	1.434.706,23
Doanh thu thuần	314.124,31	411.666,78	31,05%	629.070,50
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.260,30	49.274,89	68,40%	63.751,33
Lợi nhuận khác	(345,29)	(20.350,77)	0,00%	(4.227,87)
Lợi nhuận trước thuế	28.915,01	28.924,12	0,03%	59.523,46

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	09 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận sau thuế	24.890,86	26.518.96	6,54%	55.750,90
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,00%	0,00%	N/A	0,00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	2,74%	1,92%	-29,93%	3,89%
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông công ty mẹ	10.903,99	26.858,71	146,32%	55.210,52
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	13.986,87	(339,75)	-102,43%	540,39
Tỷ lệ cổ tức	0,00%	0,00%	N/A	0,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

Về Tổng tài sản: Tại thời điểm cuối năm 2023, Tổng tài sản hợp nhất của Công ty đạt 1.860 tỷ đồng, tăng gần 50% so với cuối năm 2022. Công ty có hơn 900 tỷ đồng tài sản dài hạn, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu và đầu tư tài chính. Kết thúc 09 tháng đầu năm 2024, tổng tài sản hợp nhất của Công ty tăng khoảng 563 tỷ, chủ yếu tăng ở khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu khách hàng và lợi thế thương mại. Tổng nguyên giá tài sản cố định 09 tháng đầu năm 2024 đạt 226 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định hữu hình tăng mạnh 85 tỷ so với cuối năm 2023.

Về Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu hợp nhất tính đến hết ngày 31/12/2023 của Công ty đạt 1.383 tỷ đồng, tăng 52% so với cuối năm 2022. Có thể thấy, Công ty tăng trưởng về cả vốn chủ sở hữu và vốn nợ, nâng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu Nguồn vốn. Hết Quý 03 năm 2024, Vốn chủ sở hữu của Công ty ở mức 1.434 tỷ đồng.

Về hiệu quả kinh doanh: Kết thúc năm 2023, theo số liệu hợp nhất năm 2023 của Công ty, tổng doanh thu thuần đạt 411 tỷ đồng, tăng 31,05% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt 26,52 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2022. Tính đến hết Quý 03 năm 2024, số liệu hợp nhất của Công ty như sau: doanh thu thuần hợp nhất đạt 629 tỷ đồng, tăng 148% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 55,7 tỷ đồng, tăng 351,2% so với cùng kỳ năm 2023 và gấp 2,1 lần tổng lợi nhuận sau thuế cả năm 2023. Lợi nhuận tăng chủ yếu do tăng doanh thu từ hoạt động kinh doanh cốt lõi quảng cáo và tư vấn truyền thông. Đây là mức hiệu suất lãi ròng vượt bậc so với giai đoạn trước của Công ty, minh chứng cho thấy hiệu quả kinh doanh của Công ty đang được cải thiện mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu.

- Các chỉ tiêu khác: Không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1. Tình hình kinh tế thế giới

Trong Tổng quan dự báo tình hình kinh tế thế giới Quý 3 và chín tháng năm 2024 của Tổng cục thống kê, đa số các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 so với các dự báo đưa ra trước đó. Cụ thể, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2024. Khoảng cách tăng trưởng giữa các nền kinh tế đang dần thu hẹp so với thời điểm đầu năm 2024 khi các yếu tố chu kỳ yếu dần và hoạt động kinh tế dần phù hợp hơn so với mức tiềm năng. Lạm phát giá tiêu dùng giảm góp phần hỗ trợ chi tiêu hộ gia đình, phần nào trung hòa tác động tiêu cực từ các điều kiện tài chính hạn chế và bất ổn từ các cuộc xung đột đang diễn ra ở Ukraina và Trung Đông.

Tại Hoa Kỳ, tốc độ tăng trưởng chậm lại phản ánh tiêu dùng giảm và ảnh hưởng tiêu cực từ thương mại ròng. Tăng trưởng kinh tế của Liên minh châu Âu dự báo đạt 1,0% năm 2024, giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 01/2024, tuy nhiên, đang có dấu hiệu phục hồi với sự cải thiện trong hoạt động dịch vụ. Tăng trưởng GDP cũng tương đối cao ở một số nền kinh tế phát triển khác. Các nền kinh tế thị trường mới nổi tăng trưởng thuộc vào từng quốc gia. Tại Trung Quốc, xuất khẩu tăng mạnh thúc đẩy tăng trưởng sản xuất công nghiệp nhưng nhu cầu tiêu dùng vẫn ở mức khiêm tốn và lĩnh vực bất động sản vẫn đang tiếp tục điều chỉnh.

Báo cáo toàn cầu hàng tháng của World Bank số ra tháng 9/2024 nhận định giá năng lượng tiếp tục giảm trong tháng 9/2024 sau khi giảm 3% trong tháng 8/2024. Giá một số kim loại công nghiệp tăng nhẹ trong tháng 9/2024 khi nhu cầu tăng lên nhờ các biện pháp kích cầu kinh tế ở Trung Quốc. Giá vàng lập đỉnh mới vào giữa tháng 9/2024 do nhu cầu cao của ngân hàng trung ương và căng thẳng địa chính trị. Chỉ số giá lương thực, thực phẩm (FAO Food Price Index (FFPI)) đạt 120,7 điểm vào tháng 8/2024, giảm nhẹ so với tháng trước khi chỉ số giá đường, thịt và ngũ cốc giảm nhiều hơn so với mức tăng của dầu thực vật và các sản phẩm từ sữa.

Mặc dù các tổ chức quốc tế có những đánh giá tích cực, tuy nhiên nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với rất nhiều thách thức trong năm 2024, phần lớn đến từ lạm phát, lãi suất xung đột địa chính trị hay biến đổi khí hậu. Rủi ro lạm phát có thể tăng do giá dịch vụ giảm chậm và áp lực giá phát sinh từ căng thẳng thương mại hoặc địa chính trị. Đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ gắn liền với việc thiết lập mặt bằng tiền lương và giá cả vì chi phí cho lao động chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí dịch vụ. Rủi ro lạm phát có thể kéo theo nguy cơ lãi suất tăng cao hơn, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia. Cùng với đó, có thể có những thay đổi đáng kể trong chính sách kinh tế xuất phát từ kết quả của các cuộc bầu cử năm nay mang đến rủi ro tài chính, làm trầm trọng thêm gánh nặng nợ và đẩy mạnh chủ nghĩa bảo hộ.

Nhìn chung, nền kinh tế toàn cầu được nhận định đã đi qua giai đoạn khó khăn nhất. Với những điểm sáng trong nỗ lực phục hồi của các quốc gia, hầu hết các tổ chức quốc tế (OECD,

Quỹ tiền tệ quốc tế và Liên hợp quốc) đều nhận định tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2024 sẽ tương đương mức tăng năm 2023, đạt từ 2,7% đến 3,2%.

Theo báo cáo "Triển vọng phát triển châu Á" của Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB), tăng trưởng khu vực Đông Nam Á dự báo đạt 4,6% trong năm 2024 do nhu cầu nội địa mạnh mẽ và du lịch tiếp tục phục hồi. Indonesia sẽ duy trì mức tăng trưởng 5,0% trong năm 2024. Ngoài nhu cầu trong nước mạnh mẽ, thay đổi trong xuất khẩu hàng hóa bắt đầu từ giữa năm 2024 sẽ thúc đẩy tăng trưởng ở Thái Lan (2,6%), Malaysia (4,5%), Việt Nam (6,0%), và Philipines (6,0%). (*Nguồn: Tổng Cục thống kê)*

1.2.2.Triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Dự báo tăng trưởng kinh tế: Triển vọng kinh tế của Việt Nam được nhìn nhận tích cực với cả những thách thức và cơ hội. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6,1% năm 2024, tăng 0,6 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2024. Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng chế biến, chế tạo dự kiến sẽ chững lại trong nửa cuối năm 2024, sau khi phục hồi ở mức 16,9% (so với cùng kỳ năm trước) trong nửa đầu năm 2024. Thị trường bất động sản cho thấy dấu hiệu phục hồi và dự báo sẽ xoay chiều vào cuối năm 2024 và đầu 2025 sau khi giải quyết được tình trạng đóng băng thị trường trái phiếu doanh nghiệp và Luật đất đai có hiệu lực từ tháng 08/2024. Trong điều kiện xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng và bất động sản có dấu hiệu phục hồi, nhu cầu trong nước sẽ tăng lên vào nửa cuối năm 2024 khi tâm lý nhà đầu tư và người tiêu dùng được cải thiện. Một trong những rủi ro là tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể thấp hơn dự kiến, nhất là tăng trưởng của những đối tác thương mại lớn của Việt Nam, điều này có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu các mặt hàng chế biến, chế tạo trong nước. Ngoài ra, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng cũng có thể là một rủi ro tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

Dự báo lạm phát: Cho năm 2024, Quốc hội đề ra mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4%-4,5%. Các yếu tố có thể tác động đến lạm phát gồm: Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao và đồng USD tăng giá sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Cùng với đó, việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý và khả năng tiếp tục tăng giá điện khi nguyên liệu đầu vào tăng giá sẽ tác động làm tăng CPI. Mục tiêu kiểm soát mức tăng CPI bình quân từ 4-4,5% trong năm 2024 đề ra đặt trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục nỗ lực thúc đẩy phục hồi kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025. Do đó, lạm phát tại Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục được kiểm soát trong năm 2024. Các biện pháp kiểm soát giá cả và chính sách tiền tệ của Chính phủ đã giúp giữ lạm phát trong tầm kiểm soát, mặc dù vẫn còn những áp lực từ giá cả hàng hóa toàn cầu.

Dự báo lãi suất: Xét điều kiện diễn biến kinh tế thế giới và các cân đối vĩ mô lớn ổn định, về mặt điều hành, Ngân hàng Nhà nước không đặt vấn đề tăng lãi suất trong năm 2024. Nếu giảm được lãi suất thì phải giảm. Còn về điều hành tín dụng, Ngân hàng Nhà nước định hướng tăng trưởng 15% trong năm nay. Lãi suất tại Việt Nam dự kiến sẽ duy trì ở mức ổn định trong năm 2024. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể tiếp tục các chính sách tiền tệ linh hoạt để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát

Dự báo tỷ giá: Nửa đầu năm 2024, dù các yếu tố cơ bản như hoạt động xuất nhập khẩu được cải thiện, song tỷ giá VND/USD vẫn tăng lên mức cao kỷ lục do USD mạnh và những diễn

biến kinh tế bất ổn tại Trung Quốc. VND sẽ mất giá nhẹ và dự kiến phục hồi sau khi Fed cắt giảm thêm lãi suất thời gian tới, cùng các yếu tố về chi tiêu đầu tư công, vốn FDI tăng. Theo nhận định, tỷ giá VND/USD sớm đạt đỉnh trong Quý 3 và sau đó sẽ hạ nhiệt dần. Tỷ giá VND/USD bình quân năm 2024 dự kiến ở mức 25.040 VND/USD. Sự chủ động và linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ của nhà điều hành, cùng với những tín hiệu tích cực từ thị trường tiền tệ thế giới đã làm vơi áp lực lên tỷ giá USD/VND. Đến nay, VND mất giá khoảng 1,66% so với USD, là mức mất giá phù hợp và cũng tạo điều kiện ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn cố gắng bám sát các chiến lược, kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT quyết định triển khai thực hiện. Tuy nhiên, vẫn luôn tồn tại rủi ro từ sự biến động của các yếu tố vĩ mô như tình hình địa chính trị, suy thoái kinh tế, các yếu tố bất khả kháng như dịch bệnh Covid đã từng xảy ra năm 2021 có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động liên tục của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty có mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi là phân phối nội dung thông qua các nền tảng trực tuyến, vì vậy việc thay đổi trọng yếu trong chính sách của các nền tảng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng đến cách ghi nhận doanh thu, lợi nhuận, Công ty có thể mất thời gian để điều chỉnh hoạt động, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với chính sách mới, dẫn đến tiến độ các dự án, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chậm trễ hơn so với kế hoạch. Đến hiện tại chưa có biến động lớn nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 34. Tình hình vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vốn điều lệ	312.799.680.000	1.313.532.640.000	1.370.014.540.000

(Nguồn: YEG)

- **Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng bao gồm:**

Bảng 35. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	43.210,41	23.010,82	335.181,13
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	0,00	94.365,92	42.248,76
Vốn chủ sở hữu	**1.181.339,76**	**1.683.465,35**	**1.694.766,98**

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Trong đó:			
- Vốn góp của chủ sở hữu	312.799,68	1.313.532,64	1.370.014,54
- Thặng dư vốn cổ phần	550.873,48	140,52	140,52
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	317.666,61	369.792,19	324.611,92

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

- **Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất bao gồm:**

Bảng 36. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn	94.317,81	171.352,69	498.686,81
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn	1.000,00	39.014,43	32.214,76
Vốn chủ sở hữu	**906.780,18**	**1.383.299,14**	**1.434.706,23**
Trong đó:			
- Vốn góp của chủ sở hữu	312.799,68	1.313.532,64	1.370.014,54
- Thặng dư vốn cổ phần	550.873,48	140,52	140,52
- Quỹ đầu tư phát triển	0,00	0,00	10.913,36
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.555,63	57.414,34	4.129,03
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	12.551,39	12.211,64	49.508,78

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

- **Vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng như sau:**

Bảng 37. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm 2023/2022	30/09/2024
Theo BCTC riêng				
Tiền và tương đương tiền	17.365,01	6.392,54	-63,19%	2.382,01
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50,00	230,00	360,00%	230,00
Các khoản phải thu ngắn hạn	272.339,13	522.012,57	91,68%	656.512,00
Hàng tồn kho	0,00	18.471,43	N/A	25.144,37
Tài sản ngắn hạn khác	1.582,59	3.238,74	104,65%	2.157,54
Các khoản phải thu dài hạn	220.139,44	227.793,20	3,48%	240.102,98
Tài sản cố định	2.108,36	78.555,37	3.625,90%	113.624,46
Tài sản dở dang dài hạn	5.000,00	5.000,00	0,00%	5.000,00
Đầu tư tài chính dài hạn	774.002,93	1.080.639,62	39,62%	1.261.858,04
Tài sản dài hạn khác	2.593,33	1.023,21	-60,54%	20.831,39
Theo BCTC hợp nhất				
Tiền và tương đương tiền	26.473,01	8.461,34	-68,04%	16.748,53
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50,00	230,00	360,00%	230,00
Các khoản phải thu ngắn hạn	541.296,93	845.395,42	56,18%	1.132.569,61
Hàng tồn kho	15.511,00	29.168,61	88,05%	53.682,39
Tài sản ngắn hạn khác	39.827,69	64.384,33	61,66%	27.560,69
Các khoản phải thu dài hạn	368.503,50	389.469,49	5,69%	472.250,68
Tài sản cố định	12.227,45	86.305,32	605,83%	177.184,79
Tài sản dở dang dài hạn	22.565,45	13.367,02	-40,76%	16.920,58
Đầu tư tài chính dài hạn	140.347,51	383.408,54	173,19%	138.800,99
Tài sản dài hạn khác	74.175,33	40.207,98	-45,79%	387.128,19

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

CTCP Tập đoàn Yeah1 luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng.

Bảng 38. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của YEG)

Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

c. Mức lương bình quân

Bảng 39. Mức lương bình quân của người lao động Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024
Mức lương bình quân	Triệu đồng/người /tháng	12,1	15,8	22,9

(Nguồn: YEG)

Theo số liệu thu thập về tình hình lao động [(1)], việc làm Quý 3 và 09 tháng năm 2024 của Tổng cục thống kê cho thấy, thu nhập bình quân của người lao động Quý 3/2024 là 7,6 triệu đồng/tháng, tăng 519 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2023, thu nhập bình quân của người lao động ở khu vực thành thị là 9,3 triệu đồng/tháng. Tính trung bình chín tháng đầu năm 2024, thu nhập bình quân của người lao động là 7,6 triệu đồng/tháng, trong đó thu nhập bình quân của người lao động ở khu vực thành thị là 9,2 triệu đồng/tháng.

Như vậy so với mức lương cơ bản theo quy định của doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề trên địa bàn, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là khá.

(1) https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/10/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2024/

d. Tình hình công nợ của Công ty

Bảng 40. Tình hình công nợ riêng và hợp nhất của Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
BCTC riêng				
I	**Tổng nợ phải thu**	**492.478,58**	**749.805,76**	**896.614,98**
1	Phải thu ngắn hạn	272.339,13	522.012,57	656.512,00
2	Phải thu dài hạn	220.139,44	227.793,20	240.102,98
II	**Tổng nợ phải trả**	**113.841,04**	**259.891,33**	**633.075,83**
1	Nợ ngắn hạn	113.841,04	165.525,41	590.827,07
2	Nợ dài hạn	0,00	94.365,92	42.248,76
BCTC hợp nhất				
I	**Tổng nợ phải thu**	**909.800,43**	**1.234.864,91**	**1.604.820,29**
1	Phải thu ngắn hạn	541.296,93	845.395,42	1.132.569,61
2	Phải thu dài hạn	368.503,50	389.469,49	472.250,68
II	**Tổng nợ phải trả**	**334.197,70**	**477.098,90**	**988.370,22**
1	Nợ ngắn hạn	315.495,84	408.623,65	927.123,64
2	Nợ dài hạn	18.701,86	68.475,26	61.246,58

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

e. Tình hình các khoản phải thu

Bảng 41. Tình hình phải thu theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**272.339,13**	**522.012,57**	**656.512,00**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.748,14	112.326,81	107.743,64
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	156,18	2.549,09	138.387,67
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	173.136,65	270.238,77	301.537,90
4	Phải thu ngắn hạn khác	91.598,17	159.015,73	131.947,98

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.300,00)	(22.117,83)	(23.105,19)
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**220.139,44**	**227.793,20**	**240.102,98**
1	Phải thu về cho vay dài hạn	119.000,00	21.412,26	10.680,58
2	Phải thu dài hạn khác	101.139,44	206.380,93	229.422,41
Tổng cộng		**492.478,58**	**749.805,76**	**896.614,98**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Bảng 42. Tình hình phải thu theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**541.296,93**	**845.395,42**	**1.132.569,61**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	161.650,77	239.558,30	320.344,51
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	82.005,14	80.957,66	343.993,02
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	164.433,23	266.334,27	311.764,90
4	Phải thu ngắn hạn khác	209.178,38	340.356,20	244.143,43
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(75.970,59)	(81.811,01)	(87.676,24)
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**368.503,50**	**389.469,49**	**472.250,68**
1	Phải thu về cho vay dài hạn	119.000,00	44.329,58	104.018,58
2	Phải thu dài hạn khác	249.503,50	345.139,91	368.232,11
	Tổng cộng	**909.800,43**	**1.234.864,91**	**1.604.820,29**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

Trong đó có một số khoản phải thu lớn khác như sau:

Bảng 43. Các khoản phải thu khác tại 30/09/2024

Đối tượng	Số dư tại 30/09/2024 (Đồng)	Nội dung	Ghi chú
Ngắn hạn			
Tạm ứng cho nhân viên	88.796.669.178	Tạm ứng cho nhân viên để ứng trước việc thực hiện sản xuất nội dung và tổ chức sự kiện cho khách hàng	Đối với các công việc đã hoàn thành thì dự kiến thu hồi/hoàn ứng trước 31/12/2024.
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	75.906.413.793		
- CTCP Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	*22.023.255.898*	*Các khoản phải thu từ việc phát sóng các chương trình trên kênh truyền hình, khai thác trò chơi điện tử và dự án hợp tác đầu tư*	*Đang thực hiện*
- CTCP Tổ hợp Truyền thông STV	*26.163.157.895*		*Đang thực hiện*
- Công ty TNHH Đầu tư An Đông Sài Gòn	*19.600.000.000*		*Không có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lập dự phòng 100% vào năm 2021*
- Travellet Tech Limited	*8.120.000.000*		*Không có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lập dự phòng 100% vào năm 2021*
Đặt cọc mua cổ phần	30.000.000.000	Khoản đặt cọc để mua cổ phần CTCP Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	Công ty đã gia hạn việc chuyển nhượng cổ phần đến năm 2025, và Công ty dự kiến hoàn tất giao dịch vào quý 2 năm 2025.
Phải thu khác ngắn hạn	49.440.342.439	Bổ sung cho hoạt động kinh doanh của Công ty	
Dài hạn			
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	338.533.000.000		
CTCP Unicorn Venture	*199.875.000.000*	*Khoản hợp tác đầu tư để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân.*	*Dự án đang trong quá trình triển khai, dự kiến thu hồi khoản đầu tư một phần trước 31/12/2024. Năm 2023 ghi nhận doanh thu tài chính là 19,9875 tỷ đồng.*
CTCP Giải trí TKK	*138.658.000.000*	*Khoản hợp tác đầu tư để đầu tư dự án sản xuất phim*	*Dự án đang trong quá trình triển khai*
Phải thu khác dài hạn	29.699.108.457	Bổ sung cho hoạt động kinh doanh của Công ty	

(Nguồn: YEG)

Đánh giá về khả năng thu hồi và rủi ro đối với các Khoản Phải thu khác tại BCTC kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất năm 2023 và BCTC soát xét công ty mẹ và hợp nhất 06 tháng năm 2024: Các khoản mục phải thu khác như tạm ứng cho nhân viên, đặt cọc mua cổ phần, hợp tác kinh doanh,..., là các giao dịch phát sinh trong hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, Công ty đều đánh giá hiệu quả và có kế hoạch thu hồi/xử lý trong thời gian tới đảm bảo đúng quy định liên quan, vì vậy tại thời điểm hiện tại Công ty đánh giá rủi ro về khả năng thu hồi các khoản nêu trên ở mức thấp. Ngoài ra, trên 80% các giao dịch phải thu khác như hợp tác kinh doanh, đặt cọc tiền mua cổ phần, tạm ứng,... được ghi nhận số dư tại 30/09/2024 đều đã được kiểm toán hoặc soát xét tại kỳ BCTC năm 2023 và BCTC 06 tháng năm 2024, đối với khoản phải thu khác Công ty cam kết đảm bảo thực hiện theo quy định về chế độ kế toán và pháp luật có liên quan.

Các khoản nợ phải thu quá hạn

Bảng 44. Các khoản phải thu quá hạn theo BCTC hợp nhất tại 30/09/2024

STT	Chỉ tiêu	Đối tượng	Giá gốc (Đồng)	Thời gian quá hạn	Giá trị đã trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Khả năng Thu hồi
1	Phải thu khách hàng	CTCP Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	Từ 1 - 2 năm	9.757.454.055	Khách hàng gặp khó khăn về tài chính	Thấp
		CTCP Giải trí 100 Độ	6.731.991.724	Trên 3 năm	6.731.991.724	Khách hàng gặp khó khăn về tài chính	Thấp
		Các đối tượng khác	25.925.505.927	Trên 6 tháng	17.083.470.338	Lập dự phòng theo tuổi nợ	Thấp
2	Trả trước người bán	Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	Từ 1 - 2 năm	7.500.943.970	Chưa đạt được thỏa thuận hai bên	Theo thỏa thuận
		Something Big SAS	8.160.450.000	Trên 3 năm	8.160.450.000	Khách hàng gặp khó khăn về tài chính	Thấp
		Các đối tượng khác	3.710.715.884	Trên 6 tháng	2.863.181.372	Lập dự phòng theo tuổi nợ	Thấp
3	Phải thu khác	Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	Trên 3 năm	19.600.000.000	Dự án không đạt hiệu quả kinh doanh	Thấp
		Công ty TNHH Travellet Tech Việt Nam	8.120.000.000	Trên 3 năm	8.120.000.000	Dự án không đạt hiệu quả kinh doanh	Thấp
		Các đối tượng khác	14.754.174.245	Trên 6 tháng	7.858.753.415	Lập dự phòng theo tuổi nợ	Thấp
Tổng cộng			**142.135.092.364**		**87.676.244.875**		

(Nguồn: YEG)

f. Tình hình công nợ phải trả

Bảng 45. Tình hình phải trả theo BCTC riêng

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	**Nợ ngắn hạn**	**113.841,04**	**165.525,41**	**590.827,07**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.426,84	67.795,68	50.452,08
2	Người mua trả tiền trước hạn	0,00	24.616,97	10.623,53
3	Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước	3.441,43	1.537,87	4.707,52
4	Phải trả người lao động	1.525,06	1.529,15	4.226,74
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.414,71	5.287,27	17.381,43
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0,00	0,00	3.218,45
7	Phải trả ngắn hạn khác	60.822,59	41.747,66	165.036,20
8	Vay ngắn hạn	43.210,41	23.010,82	335.181,13
II	**Nợ dài hạn**	0,00	**94.365,92**	**42.248,76**
1	Vay dài hạn	0,00	94.365,92	42.248,76
	Tổng cộng	**113.841,04**	**259.891,33**	**633.075,83**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Bảng 46. Tình hình phải trả theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	**Nợ ngắn hạn**	**315.495,84**	**408.623,65**	**927.123,64**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	83.181,80	98.153,10	166.366,27
2	Người mua trả tiền trước hạn	6.405,92	29.155,37	16.645,47
3	Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước	42.048,65	32.330,18	48.765,44

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
4	Phải trả người lao động	4.685,85	5.107,80	9.962,44
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	18.755,98	27.448,68	41.935,39
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0,00	0,00	9.996,86
7	Phải trả ngắn hạn khác	66.099,83	45.075,83	131.913,84
8	Vay ngắn hạn	94.317,81	171.352,69	498.686,81
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0,00	0,00	2.851,12
II	**Nợ dài hạn**	**18.701,86**	**68.475,26**	**61.246,58**
1	Phải trả dài hạn khác	87,60	0,00	0,00
2	Vay dài hạn	1.000,00	39.014,43	32.214,76
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.614,26	29.460,82	29.031,82
Tổng Nợ phải trả		**334.197,70**	**477.098,90**	**988.370,22**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Đến hiện tại, các khoản nợ vay đều được Công ty thanh toán đầy đủ. Công ty không có các khoản nợ vay tổ chức tín dụng phải trả quá hạn. Tại thời điểm 30/09/2024, Công ty không có các khoản phải trả bị quá hạn thanh toán.

g. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 47. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC riêng năm 2022

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2022
1	Thuế giá trị gia tăng	0,00	4.612,46	(3.749,11)	863,34
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	284,04	0,00	(284,04)	0,00
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.917,43	1.054,49	(2.458,08)	513,85

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2022
4	Các loại thuế khác	5,00	2.069,10	(9,85)	2.064,25
Tổng cộng		**2.206,48**	**7.736,04**	**(6.501,09)**	**3.441,43**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán của YEG)

Bảng 48. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC riêng năm 2023

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2023	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2023
1	Thuế giá trị gia tăng	863,34	14.238,62	(14.090,95)	1.011,00
2	Thuế thu nhập cá nhân	513,85	4.232,74	(4.453,82)	292,77
3	Thuế nhà thầu	0,00	234,10	0,00	234,10
4	Các loại thuế khác	2.064,25	0,00	(2.064,25)	0,00
Tổng cộng		**3.441,43**	**18.705,45**	**(20.609,02)**	**1.537,87**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của YEG)

Bảng 49. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC riêng 09 tháng đầu năm 2024

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	30/09/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Thuế giá trị gia tăng	1.011,00	16.162,33	(16.628,72)	544,62
3	Thuế thu nhập cá nhân	292,77	4.365,68	(2.559,80)	2.098,65
4	Thuế khác	234,10	2.491,64	(661,49)	2.064,25
Tổng cộng		**1.537,87**	**23.019,65**	**(19.850,01)**	**4.707,52**

(Nguồn: BCTC riêng Quý 3 năm 2024 của YEG)

Bảng 50. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất năm 2022

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.301,79	6.456,27	(11.365,27)	23.392,80
2	Thuế thu nhập cá nhân	8.957,39	5.329,16	(10.951,03)	3.335,52
3	Thuế giá trị gia tăng	(562,35)	37.111,58	(31.091,38)	5.457,52
4	Thuế khác	8.091,82	2.167,90	(397,24)	9.862,48
Tổng cộng		**44.788,66**	**51.064,91**	**(53.804,91)**	**42.048,33**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của YEG)

Bảng 51. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất năm 2023

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2023	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	31/12/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.392,80	2.384,19	(11.349,75)	14.427,24
2	Thuế thu nhập cá nhân	3.335,52	9.745,16	(7.959,27)	5.121,41
3	Thuế giá trị gia tăng	5.457,85	37.830,63	(39.451,24)	3.837,24
4	Thuế nhà thầu	4.107,67	107,30	(1.147,41)	3.067,56
5	Thuế khác	5.754,81	2,189,61	(2,067,69)	5.876,73
Tổng cộng		**42.048,65**	**52.256,90**	**(61.975,37)**	**32.330,18**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của YEG)

Bảng 52. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2024

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Tăng do hợp nhất công ty con	Giảm trong kỳ	Giảm do thoái vốn công ty con	30/09/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.427,24	0,00	967,59	(65,74)	0,00	15.329,09
2	Thuế thu nhập cá nhân	5.121,41	14.042,86	2.906,53	(10.828,91)	(1.910,35)	9.331,54
3	Thuế giá trị gia tăng	3.837,24	46.473,19	2.996,01	(39.601,74)	(1.023,12)	12.681,58
4	Thuế nhà thầu và thuế khác	8.944,29	2.392,06	1.347,21	(1.025,72)	(234,61)	11.423,24
Tổng cộng		**32.330,18**	**62.908,11**	**8.217,34**	**(51.522,11)**	**(3.168,08)**	**48.765,44**

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của YEG)

Công ty tuân thủ các quy định liên quan các khoản thuế phải nộp (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà thầu,…) với Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật và Luật thuế hiện hành.

h. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Bảng 53. Tình hình trích lập các quỹ theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0,00	0,00	2.851,12
2	Quỹ đầu tư phát triển (**)	0,00	0,00	10.913,36
Tổng cộng		**0,00**	**0,00**	**13.764,48**

Theo Nghị quyết số 294B/2021/Y1D/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021, Nghị quyết số 2208/2022/NQ/ĐHĐCĐ/Y1D ngày 05/07/2022 và nghị quyết số 449-2311-NQ-DHDCD-Y1D ngày 10/11/2023, Đại hội đồng Cổ đông CTCP Yeah1 Edigital (Công ty con của Tập đoàn) đã thông qua việc:

(*) Thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ tương ứng là 5%, 5% và 18% trên lợi nhuận sau thuế các năm 2020, 2021 và 2022 với tổng số tiền là 7.119.741.806 đồng. Tính đến ngày 30/09/2024, số dư quỹ khen thưởng phúc lợi còn lại là 2.851.117.808 đồng.

(**) Thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ tương ứng là 10%, 10% và 5% trên lợi nhuận sau thuế các năm 2020, 2021 và 2022 với tổng số tiền là 10.913.360.672 đồng.

i. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 54. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo BCTC riêng

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,56	3,32
- Hệ số thanh toán nhanh: ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	2,56	3,21
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,09	0,13
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,15
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,03	0,11
- Vòng quay vốn lưu động: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	0,10	0,42
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	N/A	8,70
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	0,23	0,29
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,01	0,03
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):	0,01	0,04

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)	309	397

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 và năm 2023 đã được kiểm toán của YEG)

Bảng 55. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo BCTC hợp nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,98	2,32
- Hệ số thanh toán nhanh: ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,93	2,25
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,27	0,26
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,34
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,24	0,27
- Vòng quay vốn lưu động: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	0,36	0,52
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	9,07	13,27
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	0,08	0,06
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	0,02	0,02
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	0,03	0,02
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	796	202

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 và năm 2023 đã được kiểm toán của YEG)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Báo cáo tài chính năm 2022

Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2022 (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất) cho CTCP Tập đoàn Yeah1. BCTC kiểm toán năm 2022 đã được ban hành theo BCTC riêng số hiệu HCM13616 ngày 31/03/2023 và BCTC hợp nhất số hiệu HCM13659 ngày 31/03/2023.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Báo cáo tài chính năm 2023

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2023 (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất) cho CTCP Tập đoàn Yeah1. BCTC kiểm toán năm 2023 đã được ban hành theo BCTC riêng số 12925844/67488977 ngày 29/03/2024 và BCTC hợp nhất số 12925844/67488977/HN ngày 29/03/2024.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt

Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

3.3. Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2024 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 ("**BCTC giữa niên độ năm 2024**") (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất) cho CTCP Tập đoàn Yeah1. BCTC giữa niên độ năm 2024 soát xét đã được ban hành theo BCTC riêng số 12925844/67736242/LR ngày 29/08/2024 và BCTC hợp nhất số 12925844/67736242/LR/HN ngày 29/08/2024.

- **Ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính riêng:**

  Căn cứ kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- **Ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất:**

  Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Kế hoạch chỉ tiêu hoạt động năm 2024 dự kiến hợp nhất như sau:

Bảng 56. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	411,7	800	94,32%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% tăng/giảm
Lợi nhuận sau thuế	26,5	65	145,28%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (i)	6,4%	8,13%	27,03%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (i)	2,3%	4,59%	99,57%
Tỷ lệ cổ tức	0,00%	0,00%	N/A

(Nguồn:YEG)

Trong đó:

Bảng 57. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị: Đồng

Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu dự kiến	Lợi nhuận dự kiến
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	720.000.000.000	48.400.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại	48.000.000.000	1.600.000.000
Doanh thu bản quyền nội dung	32.000.000.000	15.000.000.000
Tổng	**800.000.000.000**	**65.000.000.000**

(Nguồn: YEG)

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch: Đại hội đồng cổ đông.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 của Công ty đã được HĐQT trình bày tại Tờ trình số 169/2404/TT/ĐHĐCĐ/YEG ngày 12/04/2024 về việc Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và Tờ trình số 170/2404/TT/ĐHĐCĐ/YEG ngày 12/04/2024 về việc thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 và đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024.

(i) Chỉ tiêu này được tính toán dự kiến dựa trên Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Mặc dù trong 09 tháng đầu năm 2024, Tập đoàn đạt mức tăng trưởng khá tốt. Tuy nhiên, Tập đoàn luôn nhận thức những khó khăn của nền kinh tế vẫn tiềm tàng và ảnh hưởng mạnh đến lĩnh vực truyền thông giải trí, vốn phụ thuộc nhiều vào ngân sách marketing của các ngành hàng cũng như phù thuộc nhiều vào thói quen tiêu dùng của người dân, nhu cầu văn hóa và thị hiếu thưởng thức nghệ thuật của khán giả. Tập đoàn kỳ vọng đạt doanh thu cả

năm lên tới 800 tỷ đồng, với 90% trong số đó đến từ mảng quảng cáo và truyền thông. Đặc thù của ngành truyền thông giải trí cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ trong những tháng cuối năm, cùng với việc ghi nhận doanh thu từ các chương trình truyền hình ăn khách sẽ mang lại nguồn thu đáng kể cho Tập đoàn trong quý 3 và quý 4. Lợi nhuận dự kiến cho cả năm 2024 đạt mức 65 tỷ đồng, tương ứng với biên lợi nhuận ròng là 8,13% trên tổng doanh thu. Những con số này không chỉ phản ánh hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn mà còn khẳng định vị thế của Yeah1 trong ngành giải trí và truyền thông.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, CTCP Chứng khoán Hải Phòng đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của CTCP Tập đoàn Yeah1.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Công ty đã có những chiến lược, định hướng phù hợp với tình hình hiện tại trong năm 2024. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh Nghiệp: *"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó"*. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

CTCP Tập đoàn Yeah1 được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 12/09/2006. Ở thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Cổ đông là cá nhân

Tại thời điểm 22/10/2024, Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty như sau:

Bảng 58. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty

STT	Tên Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND/CCCD/ Passport	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Phương Thảo	1977	Việt Nam	001177017052	7.892.748	5,7611%

(Nguồn: YEG)

- Lợi ích liên quan đối với YEG: Được nhận lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ sở hữu tương ứng.
- Lợi ích của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với YEG hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của YEG:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty TNHH Yeah1 Up	- Hoạt động chính: Quảng cáo, sản xuất chương trình. - Phân khúc khách hàng: đa dạng theo từng lĩnh vực cốt lõi - Địa bàn hoạt động: Theo địa điểm dự án/dịch vụ cung cấp - Sản phẩm dịch vụ: Tiếp thị, mua bán hàng hóa trên sàn thương mại điện tử	Bà Lê Phương Thảo giữ chức vụ Chủ tịch HĐTV của Công ty TNHH Yeah1 Up.	Bà Lê Phương Thảo có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Bà Lê Phương Thảo có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Yeah1 Up. Đồng thời Bà Lê Phương Thảo và/hoặc người liên quan của Bà Lê Phương Thảo không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty, các cuộc họp HĐTV của Công ty TNHH Yeah1 Up thông qua các giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Yeah1 Up.

- Hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn với YEG:

Loại giao dịch	Giá trị Giao dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối tượng
Hợp đồng dịch vụ tư vấn chiến lược số 15/2303/HDDV/YEG/Y1UP ký ngày 01/01/2023	3.541.171.056	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Yeah1 Up
Hợp đồng vay số 79/2302/HĐCV/YEG/YEAHUP ký ngày 21/02/2023	5.000.000.000	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Yeah1 Up
Hợp đồng vay số 680-2312-HĐCV- YEG-Y1U ký ngày 27/12/2023	18.000.000.000	Không có	HĐQT	Công ty TNHH Yeah1 Up

2.2. Cổ đông lớn là tổ chức:

Không có.

2.3. Thông tin cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn:

Thông tin của cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn về số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại, và dự kiến sau chào bán:

Bảng 59. Thông tin cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn (12/09/2023)			Tại ngày chốt danh sách gần nhất trước thời điểm đăng ký phát hành (22/10/2024)			Dự kiến sau phát hành		
1	Lê Phương Thảo	4.200.000	4.200.000	5,51%	7.892.748	7.892.748	5,76%	11.049.847	11.049.847	5,76%
	Người có liên quan đến cổ đông lớn nắm giữ cổ phiếu									
1.1	Lê Văn Lãnh	511.800	511.800	0,67%	881.319	881.319	0,64%	1.233.846	1.233.846	0,64%
1.2	Phạm Lê Anh Thư	20.000	20.000	0,03%	34.440	34.440	0,03%	48.216	48.216	0,03%
1.3	Nguyễn Hoàng Linh	189.200	189.200	0,25%	325.802	325.802	0,24%	456.122	456.122	0,24%
1.4	Phạm Minh Hồng	39.000	39.000	0,05%	67.158	67.158	0,05%	94.021	94.021	0,05%

(Nguồn: YEG)

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng Quản trị

Tính đến thời điểm 30/09/2024, Công ty có 05 (năm) thành viên HĐQT. Cụ thể:

Bảng 60. Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	Người đại diện theo pháp luật
2	Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	Người đại diện theo pháp luật và Tổng Giám đốc
4	Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT độc lập	
5	Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư

a. Bà Lê Phương Thảo – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : **LÊ PHƯƠNG THẢO**
- Ngày tháng năm sinh : 13/08/1977
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số : 001177017052
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 106 Lương Sử C, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2007 - 04/2011	CTCP Chứng khoán SSI	Phó Giám đốc Bộ phận Truyền thông doanh nghiệp
06/2011 – 04/2014	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	Giám đốc MIS, Khối Dịch vụ Tài chính
04/2014 – 11/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	Phó Giám đốc Khối Chiến lược, Năng suất & Hiệu suất

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2015 – 04/2016	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	Phó Giám đốc Tài chính, Giám đốc MIS, Khối Dịch vụ Tài chính
04/2016 – 03/2019	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	Giám đốc Bán lẻ và Tiếp thị Kỹ thuật số, Khối Ngân hàng Bán lẻ
03/2019 – 12/2021	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	Giám đốc Tiếp thị và Truyền thông
01/2022 – 04/2022	CTCP Yeah1 Edigital	Giám đốc Tài chính
05/2022 – 04/2023	CTCP Tập đoàn Yeah1	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
07/2022 - 06/2024	CTCP Tổ hợp Truyền thông STV	Thành viên HĐQT
10/2023 – nay	Công ty TNHH Yeah1 Up	Chủ tịch Hội đồng thành viên
06/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 15/06/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Công ty TNHH Yeah1 Up – Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu : 7.892.748 cổ phiếu chiếm 5,76 % vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 1.308.719 cổ phiếu chiếm 0,96% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Là cổ đông	Là người nội bộ
Lê Văn Lãnh	Cha	881.319	0,64%	x	
Phạm Lê Anh Thư	Mẹ	34.440	0,03%	x	
Nguyễn Hoàng Linh	Chồng	325.802	0,24%	x	
Phạm Minh Hồng	Em dâu	67.158	0,05%	x	

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các cấp phê duyệt	YEG/Công ty con của YEG/YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng dịch vụ tư vấn chiến lược số 15/2303/HDDV/YEG/Y1UP ký ngày 01/01/2023	3.541.171.056	Không có	HĐQT	YEG	Công ty TNHH Yeah1 Up
2	Hợp đồng vay số 79/2302/HĐCV/YEG/YEAHUP ký ngày 21/02/2023	5.000.000.000	Không có	HĐQT	YEG	Công ty TNHH Yeah1 Up
3	Hợp đồng vay số 680-2312-HĐCV- YEG-Y1U ký ngày 27/12/2023	18.000.000.000	Không có	HĐQT	YEG	Công ty TNHH Yeah1 Up

(Nguồn: YEG)

- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Lê Phương Thảo	1.339.864.000	502.449.000	0	660.348

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty TNHH Yeah1 Up	- Hoạt động chính: Quảng cáo, sản xuất chương trình. - Phân khúc khách hàng: đa dạng theo từng lĩnh vực cốt lõi - Địa bàn hoạt động: Theo địa điểm dự án/dịch vụ cung cấp - Sản phẩm dịch vụ: Mua bán hàng hóa trên sàn thương mại điện tử	Bà Lê Phương Thảo giữ chức vụ Chủ tịch HĐTV của Công ty TNHH Yeah1 Up.	Bà Lê Phương Thảo có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Bà Lê Phương Thảo có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Yeah1 Up. Đồng thời Bà Lê Phương Thảo và/hoặc người liên quan của Bà Lê Phương Thảo không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty, các cuộc họp HĐTV của Công ty TNHH Yeah1 Up thông qua các giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Yeah1 Up.

b. Ông Nguyễn Hoàng Giang – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN HOÀNG GIANG**
- Ngày tháng năm sinh : 12/06/1986
- Nơi sinh : Hải Dương
- CCCD số : 030086000194
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P1A1 – 198 Tây Sơn, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2018 - nay	CTCP Công nghệ Tài chính Encapital	Tổng Giám đốc
2019 - nay	CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam	Thành viên HĐQT
11/2019 – 10/2022	CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	Thành viên HĐQT
04/2020 - 06/2020	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Thành viên HĐQT
05/2020 – 12/2022	CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Thành viên HĐQT
05/2020 - nay	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	Thành viên HĐQT
07/2020 - nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Chủ tịch HĐQT
06/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 15/06/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ CTCP Công nghệ Tài chính Encapital – Tổng Giám đốc.
  - ✓ CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS) – Thành viên HĐQT.
  - ✓ CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG) – Thành viên HĐQT.
  - ✓ CTCP Chứng khoán DNSE – Chủ tịch HĐQT.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Nguyễn Hoàng Giang	0	0	0	0

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

c. Bà Ngô Thị Vân Hạnh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **NGÔ THỊ VÂN HẠNH**
- Ngày tháng năm sinh : 16/08/1974
- Nơi sinh : Hải Phòng
- CCCD số : 031174001722
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 3/11 Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tiếng Anh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 2004	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA	Giám sát hành chính
2004 – 2005	Tập đoàn Truyền thông Đất Việt	Quản lý khách hàng
2005 – 2007	CTCP Truyền thông đa phương tiện Lát Sa Ta	Giám đốc Kinh doanh
2007 – 02/2023	Tập đoàn Truyền thông Cát Tiên Sa	Phó Tổng Giám đốc
02/2023 –03/2024	CTCP Tổ hợp Truyền thông STV	Tổng Giám đốc
02/2023 – 09/2023	CTCP Tập đoàn Yeah1	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
04/2023 – 04/2024	Công ty TNHH STVProduction	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
09/2023 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Tổng Giám đốc
11/2023 - 11/2024	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng thành viên

04/2024 - nay	CTCP 1Social	Chủ tịch HĐQT
05/2024 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Tổng Giám đốc	Từ ngày 18/09/2023
Thành viên HĐQT	Từ ngày 06/05/2024

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ CTCP 1Social – Chủ tịch HĐQT.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 551.081 cổ phiếu, chiếm 0,4022% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các cấp phê duyệt	YEG/Công ty con của YEG/YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng Xây dựng số 08/HĐXD-1Studio ký ngày 22/11/2023	142.795.425.415	Không có	HĐQT	Công ty TNHH 1Production	CTCP Quảng cáo Bồ Công Anh

(Nguồn: YEG)

- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Ngô Thị Vân Hạnh	0	2.250.000.000	2.025.000.000	551.081

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	CTCP 1Social	- Hoạt động chính: Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. - Phân khúc khách hàng: đa dạng theo từng lĩnh vực cốt lõi - Địa bàn hoạt động: Theo địa điểm dự án/dịch vụ cung cấp - Sản phẩm dịch vụ: Sản xuất nội dung	Bà Ngô Thị Vân Hạnh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của CTCP 1Social.	Bà Ngô Thị Vân Hạnh có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Bà Ngô Thị Vân Hạnh có thể được hưởng thông qua CTCP 1Social. Đồng thời Bà Ngô Thị Vân Hạnh và/hoặc người liên quan của Bà Ngô Thị Vân Hạnh không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty và CTCP 1Social để thông qua các giao dịch giữa Công ty và CTCP 1Social.
2	CTCP Quảng cáo Bồ Công Anh	- Hoạt động chính: Cung cấp các dịch vụ xây dựng dân dụng - Phân khúc khách hàng: đa dạng theo từng lĩnh vực cốt lõi - Địa bàn hoạt động: Theo địa điểm dự án/dịch vụ cung cấp	Bà Ngô Thị Vân Hạnh là nhóm cổ đông chi phối của CTCP Quảng cáo Bồ Công Anh.	Bà Ngô Thị Vân Hạnh có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Bà Ngô Thị Vân Hạnh có thể được hưởng thông qua CTCP Quảng cáo Bồ Công Anh. Đồng thời Bà Ngô Thị Vân Hạnh và/hoặc người liên quan của Bà Ngô Thị Vân

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
		- Sản phẩm dịch vụ: công trình kỹ thuật dân dụng		Hạnh không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty và CTCP Quảng cáo Bồ Công Anh để thông qua các giao dịch giữa Công ty và CTCP Quảng cáo Bồ Công Anh.

d. Ông Đinh Hoài Nam – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên : **ĐINH HOÀI NAM**
- Ngày tháng năm sinh : 18/11/1977
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số : 001077008492
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 189 Vương Thừa Vũ, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2000 – 01/2001	CTCP FPT	Nhân viên phòng Kế toán
01/2001 – 10/2007	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Chuyên viên Phòng Đầu tư
10/2007 - 2022	CTCP Đầu tư và Tư vấn Liên Minh	Chuyên viên, Ủy viên HĐQT
2022 - nay	CTCP One Capital Hospitality	Ủy viên HĐQT
11/2022 – nay	CTCP Chứng khoán SBS	Thành viên HĐQT độc lập
12/2022 – nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT độc lập	Từ ngày 21/12/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ CTCP One Capital Hospitality – Ủy viên HĐQT.

✓ CTCP Chứng khoán SBS – Thành viên HĐQT độc lập

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Đinh Hoài Nam	0	0	0	0

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

*e. **Ông Kim Min Soo – Thành viên HĐQT***

- Họ và tên : **KIM MIN SOO**
- Ngày tháng năm sinh : 14/09/1974
- Nơi sinh : Seoul, Hàn Quốc
- Hộ chiếu số : M45454297
- Quốc tịch : Hàn Quốc
- Dân tộc : Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú : Silver House 4209, Sunwah Pearl, 90 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Trình độ chuyên môn : Kinh tế/Triết học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 2003	Goldman Sachs	Giám đốc Điều hành Phòng Quản lý Đầu tư
2003 – 2006	Ngân hàng ABN AMRO	Phó Chủ tịch
2006 – 2015	Quỹ Đầu tư PMA/SPARX Asia	Giám đốc Điều hành/Giám đốc chiến lược
2015 – nay	Ambrasia Group	Người sáng lập/Tổng Giám đốc
2015 - 2017	Quỹ Đầu tư Oracle Capital	Giám đốc Chiến lược
2017 – 2019	Quỹ Đầu tư Tư nhân Shang International	Giám đốc Điều hành
2019 - 2020	Quỹ Đầu tư VCG Partners Pte.	Đối tác điều hành
2020 - 2022	CTCP Đất Việt VAC Group Holdings	Giám đốc Tài chính/Giám đốc Chiến lược/Giám đốc Thông tin
2022 – nay	True Spec Golf Asia Ltd.	Đối tác Điều hành/Tổng Giám đốc
06/2023 – nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Thành viên HĐQT
06/2023 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	Từ ngày 02/06/2023
Phó Tổng Giám đốc Đầu tư	Từ ngày 05/06/2023

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Ambrasia Group – Người sáng lập/Tổng Giám đốc.
  - ✓ True Spec Golf Asia Ltd. – Đối tác điều hành/Tổng Giám đốc.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 8.265 cổ phiếu, chiếm 0,0060% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
- ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.

- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Kim Min Soo	0	0	0	0

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 61. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	Người đại diện theo pháp luật
2	Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	
3	Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Digital Media	
4	Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư	Thành viên HĐQT
5	Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc Chiến lược	
6	Nguyễn Thị Khánh Trang	Kế toán trưởng Tập đoàn	

a. Bà Ngô Thị Vân Hạnh – Tổng Giám đốc

Vui lòng xem thông tin chi tiết tại mục Thành viên HĐQT phía trên.

b. Ông Chế Đoàn Viên – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **CHẾ ĐOÀN VIÊN**

- Ngày tháng năm sinh : 04/09/1985
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- CCCD số : 068085004068
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 05 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Thương mại – Tài chính Ứng dụng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Chuyên viên Văn phòng HĐQT và Phòng Đầu tư
2015 - 2019	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	Trưởng Bộ phận Tư vấn Phát hành
2019 - 2022	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	Giám đốc Nghiệp vụ và Sản phẩm Thị trường Vốn – Khối Ngân hàng Đầu tư
2019 - 2022	CTCP Quản lý Quỹ Việt Cát	Thành viên Ban đại diện Quỹ Đầu tư Giá Trị Việt
02/2023 - nay	Công ty TNHH 1Production	Chủ tịch Công ty
11/2023 - 06/2024	CTCP Yeah1 Edigital	Thành viên HĐQT
03/2023 – 04/2024	CTCP Tập đoàn Yeah1	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính
04/2024 – nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/04/2024

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Công ty TNHH 1Production – Chủ tịch Công ty.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu : 6.833.725 cổ phiếu, chiếm 4,9881% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các cấp phê duyệt	YEG/Công ty con của YEG/YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Hợp đồng ủy quyền số 51-2403-HDUQ-1PRO-YEG ký ngày 01/02/2024	6.080.142.873	Không có	HĐQT Công ty, Chủ tịch Công ty TNHH 1Production	CTCP Tập đoàn Yeah1	Công ty TNHH 1Production
2	Hợp đồng sản xuất số 52-2403-HDDV-1PRO-YEG ký ngày 01/02/2024	16.944.000.000	Không có	HĐQT Công ty, Chủ tịch Công ty TNHH 1Production	CTCP Tập đoàn Yeah1	Công ty TNHH 1Production
3	Hợp đồng đặt hàng sản xuất số 52-2403-HDDV-1PRO-YEG ngày 01/02/2024	16.944.000.000	Không có	HĐQT Công ty, Chủ tịch Công ty TNHH 1Production	CTCP Tập đoàn Yeah1	Công ty TNHH 1Production
4	Hợp đồng đặt hàng sản xuất số 84-2405-HDDV-YEG-	66.825.000.000	Không có	HĐQT Công ty, Chủ tịch Công ty TNHH 1Production	CTCP Tập đoàn Yeah1	Công ty TNHH 1Production

	1PRO ngày 19/04/2024					
5	Hợp đồng ủy quyền số 51-2403-HDUQ-1PRO-YEG ký ngày 01/05/2024	9.963.286.341	Không có	HĐQT Công ty, Chủ tịch Công ty TNHH 1Production	CTCP Tập đoàn Yeah1	Công ty TNHH 1Production

(Nguồn: YEG)

- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Chế Đoàn Viên	0	1.063.307.700	1.055.371.800	462.325

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty TNHH 1Production	Hoạt động chính: Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Phân khúc khách hàng: đa dạng khách hàng theo từng lĩnh vực cốt lõi Địa bàn hoạt động: Tùy theo địa điểm phù hợp với việc ghi hình và hoạt động kinh doanh Sản phẩm dịch vụ: Sản xuất nội dung	Ông Chế Đoàn Viên giữ chức vụ Chủ tịch Công ty của Công ty TNHH 1Production.	Ông Chế Đoàn Viên có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc, HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà ông Chế Đoàn Viên có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH 1Production.

c. Ông Phạm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Digital Media

- Họ và tên : **PHẠM MINH TIẾN**
- Ngày tháng năm sinh : 11/09/1994
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- CCCD số : 051094012382
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Trường Thọ Tây, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Truyền thông kỹ thuật số, Chiến lược nội dung số
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2012 – 05/2013	CTCP Tập đoàn Yeah1	Nhân viên Social Media - Yeah1 TV
05/2013 – 01/2015	CTCP Phát Triển Thương Hiệu Đại Sứ Trẻ	Trưởng nhóm Social Media
01/2015 – 07/2017	CTCP NVU (Tên cũ của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital)	Trưởng phòng Social Media
07/2017 – 12/2018	Công Ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Giám đốc khối WebFace
12/2018 - 03/2020	CTCP Yeah1 Publishing	Người sáng lập và Giám đốc điều hành
03/2020 – 12/2021	CTCP Yeah1 Edigital	Giám đốc
08/2020 – nay	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Giám đốc
06/2021 – nay	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Chủ tịch Công ty
12/2021 – nay	CTCP Yeah1 Edigital	Tổng Giám đốc
03/2023 – nay	CTCP Yeah1 Edigital	Chủ tịch HĐQT
12/2021 – nay	Công ty TNHH Big Cat	Chủ tịch HĐTV
12/2021 – 07/2024	Công ty TNHH Big Cat	Giám đốc
05/2022 – nay	CTCP TStudio	Giám đốc, Chủ tịch HĐQT
12/2022 – nay	Công ty TNHH Vietnam Music Award	Chủ tịch HĐTV
06/2023 – nay	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Thành viên HĐQT
05/2024 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách mảng Digital Media

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc Phụ trách mảng Digital Media	Từ ngày 06/05/2024

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ CTCP Yeah1 Edigital – Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT.
  - ✓ Công ty TNHH Vietnam Music Award – Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
  - ✓ Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số - Giám đốc, Chủ tịch Công ty.
  - ✓ CTCP TStudio – Giám đốc, Chủ tịch HĐQT.
  - ✓ CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam – Thành viên HĐQT.
  - ✓ Công ty TNHH Big Cat – Chủ tịch HĐTV.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 3.202.462 cổ phiếu, chiếm 2,3375 % vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các cấp phê duyệt	YEG/Công ty con của YEG/YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ

1	Hợp đồng cấp bản quyền khai thác số số 659/2023/HĐNT/YEG-Y1D ngày 27/11/2023 và các Phụ lục	18.735.200.000	Không có	HĐQT Công ty, HĐQT CTCP Yeah1 Edigital	CTCP Tập đoàn Yeah1	CTCP Yeah1 Edigital
2	Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Publishing số 3012/2022/HĐCNCP/Y1D/Y1P/NETLINK ký ngày 03/01/2023	17.020.000.000	Không có	HĐQT CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam, HĐQT CTCP Yeah1 Edigital	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	CTCP Yeah1 Edigital
3	Hợp đồng cấp bản quyền khai khác số 659/2023/HĐNT/YEG-Y1D ký ngày 30/11/2023 (Phụ lục số 1)	13.018.400.000	Không có	HĐQT Công ty, HĐQT CTCP Yeah1 Edigital	CTCP Tập đoàn Yeah1	CTCP Yeah1 Edigital
4	Hợp đồng cho vay số 676-2312-HĐCV-Y1D-YEG ngày 27/12/2023	5.950.000.000	Không có	HĐQT Công ty, HĐQT CTCP Yeah1 Edigital	CTCP Tập đoàn Yeah1	CTCP Yeah1 Edigital
5	Thoả thuận cho sử dụng lại diện tích văn phòng số 635/2405/TTCSDDTVP/YEG/Y1D ngày 01/04/2024	5.692.500.000	Không có	HĐQT Công ty, HĐQT CTCP Yeah1 Edigital	CTCP Tập đoàn Yeah1	CTCP Yeah1 Edigital

(Nguồn: YEG)

- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Phạm Minh Tiến	0	0	300.200.000	447.262

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	CTCP Yeah1 Edigital	- Hoạt động chính: Sản xuất nội dung và tối ưu khai thác nội dung trên nền tảng số. - Phân khúc khách hàng: Đa dạng khách hàng theo từng chủ đề nội dung. - Địa bàn hoạt động: Tại địa chỉ trụ sở chính và theo địa điểm ghi hình/sản xuất nội dung. - Sản phẩm dịch vụ: Nội dung khai thác trên nền tảng số	Ông Phạm Minh Tiến giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT của CTCP Yeah1 Edigital.	Ông Phạm Minh Tiến có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Phạm Minh Tiến có thể được hưởng thông qua CTCP Yeah1 Edigital. Đồng thời Ông Phạm Minh Tiến và/hoặc người liên quan của Ông Phạm Minh Tiến không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của CTCP Yeah1 Edigital thông qua các giao dịch giữa CTCP Yeah1 Edigital và Công ty.
2	Công ty TNHH Vietnam Music Award	- Hoạt động chính: Phát hành nhạc số - Phân khúc khách hàng: khách hàng có nhu cầu sử dụng bản quyền nhạc, khách hàng nghe nhạc. - Địa bàn hoạt động: Tại địa chỉ trụ sở chính. - Sản phẩm dịch vụ: Nhạc số, cấp bản quyền tác phẩm âm nhạc	Ông Phạm Minh Tiến giữ chức vụ Chủ tịch HĐTV của Công ty TNHH Vietnam Music Award.	Ông Phạm Minh Tiến có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Phạm Minh Tiến có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Vietnam Music Award. Đồng thời Ông Phạm Minh Tiến và/hoặc người liên quan của Ông Phạm Minh Tiến không được biểu quyết tại các cuộc họp HĐTV của Công ty TNHH Vietnam Music Award thông qua các giao dịch giữa Công ty TNHH Vietnam Music Award và Công ty.
3	Công ty TNHH	- Hoạt động chính: Tối ưu khai thác nội	Ông Phạm Minh Tiến giữ chức vụ	Ông Phạm Minh Tiến có nghĩa vụ thông báo/báo cáo

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
	Trung Tâm Nội Dung Số	dung trên nền tảng số. - Phân khúc khách hàng: Tổ chức/cá nhân sở hữu nội dung. - Địa bàn hoạt động: Tại địa chỉ trụ sở chính. - Sản phẩm dịch vụ: Dịch vụ tối ưu khai thác nội dung trên nền tảng số.	Giám đốc, Chủ tịch Công ty của Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	cho HĐQT của Công ty và HĐQT của Chủ sở hữu Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số (là CTCP Yeah1 Edigital) tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Phạm Minh Tiến có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số.
	Công ty TNHH Big Cat	- Hoạt động chính: Sản xuất nội dung. - Phân khúc khách hàng: Đa dạng theo từng chủ đề nội dung. - Địa bàn hoạt động: Tại địa chỉ trụ sở chính và theo địa điểm ghi hình/sản xuất nội dung. - Sản phẩm dịch vụ: Nội dung để khai thác trên nền tảng số.	Ông Phạm Minh Tiến giữ chức vụ Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Big Cat.	Ông Phạm Minh Tiến có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Phạm Minh Tiến có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Big Cat. Đồng thời Ông Phạm Minh Tiến và/hoặc người liên quan của Ông Phạm Minh Tiến không được biểu quyết tại các cuộc họp HĐTV của Công ty TNHH Big Cat thông qua các giao dịch giữa Công ty TNHH Big Cat và Công ty.
4	CTCP TStudio	- Hoạt động chính: Sản xuất nội dung và tối ưu khai thác nội dung trên nền tảng số. - Phân khúc khách hàng: Đa dạng theo theo từng chủ đề nội dung.	Ông Phạm Minh Tiến giữ chức vụ Giám đốc, Chủ tịch HĐQT CTCP Tstudio.	Ông Phạm Minh Tiến có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Phạm Minh Tiến có thể được hưởng thông qua CTCP TStudio.

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Mối quan hệ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
		- Địa bàn hoạt động: Tại địa chỉ trụ sở chính và theo địa điểm ghi hình/sản xuất nội dung. - Sản phẩm dịch vụ: Nội dung khai thác trên nền tảng số, dịch vụ tối ưu khai thác nội dung.		Đồng thời Ông Phạm Minh Tiến và/hoặc người liên quan của Ông Phạm Minh Tiến không được biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT của CTCP TStudio thông qua các giao dịch giữa CTCP TStudio và Công ty.
5	CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	- Hoạt động chính: Dịch vụ quảng cáo. - Phân khúc khách hàng: Đa dạng theo nhu cầu quảng cáo. - Địa bàn hoạt động: Tại địa chỉ trụ sở chính. - Sản phẩm dịch vụ: Dịch vụ quảng cáo thông qua các nền tảng của Google.	Ông Phạm Minh Tiến giữ chức vụ thành viên HĐQT CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Ông Phạm Minh Tiến có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT của Công ty và HĐQT của CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Phạm Minh Tiến có thể được hưởng thông qua CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam. Đồng thời Ông Phạm Minh Tiến và/hoặc người liên quan của Ông Phạm Minh Tiến không được biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT của CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam để thông qua các giao dịch giữa CTCP Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam và Công ty.

d. Ông Kim Min Soo – Phó Tổng Giám đốc Đầu tư

Vui lòng xem thông tin chi tiết tại mục Thành viên HĐQT phía trên.

e. Ông Yam Kong Fatt – Phó Tổng Giám đốc Chiến lược

- Họ và tên : **YAM KONG FATT**

- Ngày tháng năm sinh : 12/05/1965
- Nơi sinh : Johor, Malaysia
- Hộ chiếu số : A55467763
- Quốc tịch : Malaysia
- Dân tộc : Malaysia
- Địa chỉ thường trú : B-25-6 Seni Mont Kiara, 2A Changkat Duta Kiara, 50480 Kuala Lumpur, Malaysia
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2014	Serai Saujana Development Sdn Bhd	Giám đốc Điều hành
2005 -2011	Biodel Sdn Bhd	Giám đốc Điều hành
2007 – 2012	Sierra Damai Sdn Bhd	Giám đốc
2008 – 2012	C-Three Entertainment Sdn Bhd	Giám đốc Điều hành
2008 – 2012	SoHoKL Sdn Bhd	Giám đốc và Cổ đông
2009 – 2011	Tenji Restaurants	Giám đốc Điều hành
2012 – nay	Oohm International Holdings Sdn Bhd	Giám đốc Điều hành
09/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Phó Tổng Giám đốc Chiến lược

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc Chiến lược	Từ ngày 29/09/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Oohm International Holdings Sdn Bhd – Giám đốc Điều hành.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.

✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.

- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Yam Kong Fatt	0	0	0	0

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

f. Bà Nguyễn Thị Khánh Trang – Kế toán trưởng Tập đoàn

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG**
- Ngày tháng năm sinh : 01/07/1979
- Nơi sinh : Bình Phước
- CCCD số : 070179000072, cấp ngày 29/7/2022, cấp bởi Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : C3-07.04 Vinhomes Central Park, 720A Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Kế toán Tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2001 - 05/2005	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VAE	Kế toán tổng hợp
10/2007 - 04/2014	Công ty TNHH Tiếp thị và Quảng cáo Đất Việt VAC	Kế toán trưởng
05/2014 - 10/2017	Công ty TNHH Dịch vụ Thực phẩm và Giải khát Việt Nam	Kế toán trưởng

11/2017 - 02/2019	Công ty TNHH JPS Fashions (Việt Nam)	Kế toán trưởng
03/2019 - 02/2021	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	Kế toán trưởng
04/2021 - 11/2022	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land	Kế toán trưởng
12/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Kế toán trưởng Tập đoàn

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Kế toán trưởng Tập đoàn	30/12/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 50.550 cổ phiếu, chiếm 0,0369% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Nguyễn Thị Khánh Trang	0	1.090.572.000	817.929.000	50.550

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.3. Ban Kiểm soát

Bảng 62. Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Lê Thị Bích Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát

a. Ông Nguyễn Văn Nam – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN NAM**
- Ngày tháng năm sinh : 02/04/1986
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số : 001086013983
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 85 Trần Quốc Hoàn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2008 – 11/2015	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	Trưởng phòng Kiểm toán
01/2016 – 06/2017	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Trưởng Bộ phận Cấp cao Quản lý Rủi ro và Kiểm soát Chất lượng
03/2019 – 03/2021	CTCP Tập đoàn Yeah1	Thành viên Ủy ban kiểm toán
03/2019 – 09/2024	CTCP Tập đoàn Yeah1	Giám đốc Kiểm toán Nội bộ
06/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban Kiểm soát	Từ 15/06/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 30.120 cổ phiếu, chiếm 0,0220% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Nguyễn Văn Nam	0	0	0	30.120

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

b. Bà Lê Thị Bích Hằng – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **LÊ THỊ BÍCH HẰNG**
- Ngày tháng năm sinh : 25/01/1980
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- CCCD số : 079180031580
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2009	Công ty Dịch vụ Kế toán Nguyễn & Cộng Sự	Kế toán cao cấp

2009 - 2015	Công ty TNHH Odyssey Resources Việt Nam	Quản lý khách hàng
2016 - 2018	CTCP Công Nghệ & Tầm Nhìn Yêu Âm Nhạc	Kế toán trưởng
2018 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ
06/2022– nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ	12/2018
Thành viên Ban Kiểm soát	15/06/2022

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Lê Thị Bích Hằng	0	0	0	0

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

c. Ông Vương Hồ Trí Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : **VƯƠNG HỒ TRÍ DŨNG**
- Ngày tháng năm sinh : 14/08/1984
- Nơi sinh : Sóc Trăng
- CCCD số : 094084000245
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Địa chỉ thường trú : 1.04 tầng 2 (Khu Ngoài), chung cư 242-244 Phan Văn Khỏe, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 - 2018	CTCP Chứng khoán Hoàng Gia	Trưởng phòng môi giới
2018 - 2022	Công ty TNHH MTV Đầu tư DHA	Trưởng bộ phận tài chính nguồn vốn
2022 – 02/2023	CTCP Chứng khoán KS	Giám đốc trung tâm tư vấn đầu tư
05/2023 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ
06/2023 - nay	CTCP Tập đoàn Yeah1	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại YEG:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Chuyên viên Kiểm soát nội bộ	Từ 05/2023
Thành viên Ban Kiểm soát	Từ 02/06/2023

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 27/12/2024):
  - ✓ Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
  - ✓ Cá nhân sở hữu : 50.527 cổ phiếu, chiếm 0,0369% vốn điều lệ
  - ✓ Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: Không có.
  - ✓ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa YEG, công ty con của YEG hoặc YEG nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Người nội bộ	Thu nhập (đồng)			ESOP 2 năm gần nhất (cổ phần)
	Năm 2022	Năm 2023	09 tháng đầu năm 2024	
Vương Hồ Trí Dũng	0	0	0	50.527

(Nguồn: YEG)

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số lượng cổ phiếu chào bán**: 54.800.581 cổ phiếu, tương ứng chiếm 40% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán.
4. **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá**: 548.005.810.000 đồng.
5. **Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phiếu
6. **Phương pháp tính giá**

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu là một trong những căn cứ cơ sở cùng các yếu tố khác để giúp các Nhà đầu tư xem xét mức giá trị của cổ phiếu phát hành.
- ***Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định như sau:***

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- ***Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023 theo BCTC hợp nhất của Công ty:***

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{1.383.299.139.059}{131.353.264} = 10.531 \text{ đồng}$$

Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh Nghiệp: "*Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:*

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

2. ***Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;***

……."

Để đảm bảo cho đợt chào bán thành công, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được HĐQT đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua là: 10.000 đồng/cổ phiếu

7. **Phương thức phân phối**

- ❖ Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- ❖ Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- ❖ Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:40 (Tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 40 cổ phiếu mới).
- ❖ Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ:
  Số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được xử lý theo phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán.
  *Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 154 cổ phiếu YEG. Cổ đông A sẽ được hưởng 154 quyền. Cổ đông A sẽ được quyền mua thêm: 154*40/100*

= 61,6 cổ phiếu YEG. Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A được quyền mua thêm 61 cổ phiếu YEG. Phần lẻ thập phân 0,6 cổ phiếu sẽ được xử lý theo phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết.

❖ Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết:

Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (bao gồm số lượng cổ phiếu dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, số lượng cổ phiếu phát sinh lẻ do làm tròn) sẽ được HĐQT quyết định huỷ bỏ hoặc chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc theo quyết định khác của HĐQT tuỳ từng tình hình thực tế.

- Trong trường hợp phân phối tiếp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết. Việc phân phối cổ phiếu chưa bán hết phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp hết thời hạn phân phối số lượng cổ phiếu này theo quy định của pháp luật mà vẫn chưa phân phối hết thì số lượng cổ phiếu này được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định.

❖ Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cụ thể phụ thuộc theo thời gian phân phối cổ phiếu, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật. Công ty sẽ thông báo thời hạn đăng ký mua cụ thể trong Thông báo phát hành cổ phiếu và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu tối thiểu cho Nhà đầu tư là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

❖ Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có): Không quy định.

❖ Số lượng cổ phiếu chào bán: 54.800.581 cổ phiếu.

❖ Phương thức thanh toán:

a. Đối với cổ đông đã lưu ký:

Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua cổ phiếu chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.

b. Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty.

c. Hình thức chuyển tiền:

Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào Tài khoản phong toả của Công ty.

❖ Chuyển nhượng quyền mua:

- Cổ đông hiện hữu có tên theo Danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác.

- Các bên tự thoả thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.

❖ Chuyển giao cổ phiếu:

- Sau khi VSDC gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các TVLK, TVLK hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.
- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của cổ đông.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty.
- Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực nhưng không được vượt quá 90 (chín mươi) ngày. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc phát hành kéo dài hơn thời hạn 90 (chín mươi) ngày, Công ty sẽ xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa gia hạn thêm không quá 30 (ba mươi) ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Quý IV/2024 và/hoặc Quý I/2025.

Bảng 63. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.	T
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới VSDC và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để triển khai.	T đến T+2
3	Công bố thông tin về việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T đến T+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	T+13
6	Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các cổ đông.	T+15 đến T+18
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền mua; nộp tiền mua cổ phiếu.	T+19 đến T+40
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu.	T+47
9	HĐQT phân phối tiếp số cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần, thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ cho nhà đầu tư.	T+48 đến T+58
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành.	T+59

11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua; thực hiện và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu.	T+59 đến T+88

Thời gian phân phối cổ phiếu cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Bản thông báo chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ đông hiện hữu có tên theo danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác.
- Các bên tự thoả thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.
- Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong trạng thái hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh lẻ do làm tròn sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1
- Số tài khoản: 116002980287
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định.

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền)

Không có.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Do Công ty không thực hiện huy động vốn sử dụng cho mục đích thực hiện dự án nên không áp dụng.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo công văn số 4316/UBCK-PTTT ngày 11/07/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

Ngày 09/09/2024, HĐQT CTCP Tập đoàn Yeah1 đã có Nghị quyết số 937/2409/NQ/HĐQT/YEG về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trong đó đã thông qua nội dung phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo đúng quy định pháp luật trong đợt chào bán:

- Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này của Công Ty, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công Ty. Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này theo tỷ lệ thực hiện quyền mua theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Đối với số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết: HĐQT cam kết chỉ phân phối số cổ phiếu này cho nhà đầu tư trong nước.

15. Các loại thuế có liên quan

- **Thuế liên quan đến hoạt động Công ty**

❖ **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam thực hiện theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước ngoài sẽ tùy thuộc vào quy định của nước sở tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở. Hiện nay, Yeah1 có công ty con gián tiếp là: (i) Netlink Communication Technology Ltd tại BVI, Công ty này được hưởng chính sách thuế ưu đãi miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp và (ii) Netlink Online Pte. Ltd. tại Singapore, Công ty này được hưởng chính sách ưu đãi miễn thuế một phần theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Singapore. Theo đó, Doanh nghiệp được miễn 75% đối với 10.000 SGD thu nhập chịu thuế đầu tiên và miễn 50% đối với 190.000 SGD thu nhập chịu thuế tiếp theo.

❖ **Thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**

❖ **Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần căn cứ theo quy định tại Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng, áp dụng theo quy định đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân ("**Thông Tư 111/2013/TT-BTC**").

Thu nhập từ cổ tức

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông Tư 111/2013/TT-BTC.

❖ **Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu tư: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

Thu nhập từ cổ tức

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp 2008.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về việc thực hiện hoàn thiện nộp hồ sơ đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Công ty cam kết đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về việc "Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích".

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024 và Nghị quyết HĐQT số 937/2409/NQ/HĐQT/YEG ngày 09/09/2024, mục đích chào bán bao gồm:

- Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công ty đang sở hữu.
- Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp hoặc đầu tư dưới các hình thức khác để phát triển hoạt động kinh doanh Công ty; thực hiện các kế hoạch góp vốn; bổ sung vốn lưu động của Công ty; cơ cấu lại các khoản nợ).

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Tờ trình số 166/2404/TT/ĐHĐCĐ/YEG ngày 12/04/2024 về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty và được Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thông qua tại Nghị quyết số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024 ("**Nghị Quyết ĐHĐCĐ 616**") và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") số 937/2409/NQ/HĐQT/YEG ngày 09/09/2024 ("**Nghị Quyết HĐQT 937**") về việc thông qua triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty, phương án dự kiến sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:

Bảng 64. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt chào bán

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến	Phương thức sử dụng tiền
1	Thanh toán hoàn trả tiền vay để mua cổ phần Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	100.062.000.000	Quý I/2025	Thanh toán hoàn trả tiền vay để mua cổ phần
2	Thanh toán hoàn trả tiền vay để mua cổ phần Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	127.088.550.000	Quý I/2025	Thanh toán hoàn trả tiền vay để mua cổ phần
3	Bổ sung nguồn vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty cho các hoạt động kinh doanh sản xuất nội dung	47.455.260.000	Trong năm 2025	Bổ sung vốn lưu động
4	Thanh toán góp tăng vốn cho Công ty TNHH 1Production	211.000.000.000	Quý I/2025	Thanh toán tiền góp vốn
5	Thanh toán nợ vay Ngân hàng	62.400.000.000	Trong năm	Thanh toán nợ

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến	Phương thức sử dụng tiền
	Vietinbank		2025	vay
	Tổng cộng	**548.005.810.000**		

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn theo thứ tự từ (1) đến (5).

Đồng thời trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên, HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Chi tiết về việc sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán:

1. ***Thanh toán hoàn trả tiền vay để mua cổ phần Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink") và Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Y1D"):***

Công ty đã thực hiện vay tiền để thanh toán việc nhận chuyển nhượng cổ phần Netlink và Y1D. Thông tin về khoản vay như sau:

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số tiền vay	Số tiền dự kiến thanh toán nợ vay từ số tiền thu được từ đợt chào bán	Mục đích	Ghi chú
1	Vũ Thị Tuyết Vân	- Hợp đồng số 198-2404-HĐCV-VTTV-YEG ngày 24/04/2024 giữa Vũ Thị Tuyết Vân và YEG; - Thẩm quyền thông qua: Biên bản họp HĐQT số 196A/2404/BBH/HĐQT/YEG ngày 22/04/2024 của YEG	38.000.000.000	37.670.400.000	Thanh toán tiền mua cổ phần Netlink cho lần thanh toán lần 1 của Đợt 1 (37,6704 tỷ đồng) và bổ sung vốn kinh doanh (0,3296 tỷ đồng)	**Thông tin về việc nhận chuyển nhượng Netlink Đợt 1** - Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Tera Ventures ("**Tera Ventures**") - Thẩm quyền thông qua giao dịch: Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19/04/2024 của YEG và Nghị quyết HĐQT số 02/2404/NQ/HĐQT/VENTURES ngày 19/04/2024 của Tera Ventures - Nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng số 186-2404-HĐCNCP.NETLINK-YEG-VENTURES ngày 19/04/2024 giữa YEG và Tera Ventures (Đợt 1), YEG mua 40.320 cổ phần (tương ứng 16%) với giá nhận chuyển nhượng là 47.088.000.000 đồng, thanh toán tiền thành 02 lần (Thanh toán lần 1 là 37.670.400.000 đồng và Thanh toán lần 2 là 9.417.600.000 đồng)

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số tiền vay	Số tiền dự kiến thanh toán nợ vay từ số tiền thu được từ đợt chào bán	Mục đích	Ghi chú
		- Hợp đồng số 879-2408-HĐCV-VTTV-YEG ngày 07/08/2024 giữa Vũ Thị Tuyết Vân và YEG; - Thẩm quyền thông qua: NQ HĐQT số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 07/08/2024 của YEG	79.147.080.000	79.147.080.000	Thanh toán tiền mua cổ phần Netlink cho lần thanh toán lần 2 của Đợt 1 và thanh toán tiền Đợt 2 (62,3916 tỷ đồng) và thanh toán tiền mua cổ phần Y1D (16,75548 tỷ đồng)	**Thông tin về việc nhận chuyển nhượng Netlink Đợt 2** - Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Tera Ventures ("**Tera Ventures**") - Thẩm quyền thông qua giao dịch: Nghị quyết HĐQT số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 06/08/2024 của YEG và Nghị quyết HĐQT số 03/2408/NQ/HĐQT/VENTURES ngày 05/08/2024 của Tera Ventures - Nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng số 898-2408-HĐCNCP.NETLINK-VENTURES-YEG ngày 06/08/2024 giữa YEG và Tera Ventures (Đợt 2), YEG mua 45.360 cổ phần (tương ứng 18%) với giá nhận chuyển nhượng là 52.974.000.000 đồng. **Thông tin về việc nhận chuyển nhượng Y1D** - Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Giải trí ANA ("**ANA**") - Thẩm quyền thông qua giao dịch: Nghị quyết HĐQT số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 06/08/2024 của YEG và Nghị quyết HĐQT số 11/2408/NQ/HĐQT/ANA ngày 06/08/2024 của ANA - Nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng số 896-2408-HĐCNCP.Y1D-ANA-YEG ngày 06/08/2024 giữa YEG và ANA, YEG mua 512.400 cổ phần (tương ứng 4,55%) với giá nhận chuyển nhượng là 16.755.480.000 đồng.

STT	Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số tiền vay	Số tiền dự kiến thanh toán nợ vay từ số tiền thu được từ đợt chào bán	Mục đích	Ghi chú
2	Nguyễn Hải Tường Vi	- Hợp đồng số 878-2408-HĐCV-NHTV-YEG ngày 07/08/2024 giữa Nguyễn Hải Tường Vi và YEG - Thẩm quyền thông qua: NQ HĐQT số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 07/08/2024 của YEG	54.743.070.000	54.743.070.000	Thanh toán tiền mua cổ phần Y1D (54,74307 tỷ đồng)	**Thông tin về việc nhận chuyển nhượng Y1D** - Bên chuyển nhượng: Đặng Phương Dung - Thẩm quyền thông qua giao dịch: Nghị quyết HĐQT số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 06/08/2024 của YEG - Nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng số 897-2408-HĐCNCP.Y1D-ĐPD-YEG ngày 06/08/2024 giữa YEG và Đặng Phương Dung, YEG mua 1.674.100 cổ phần (tương ứng 14,88%) với giá nhận chuyển nhượng là 54.743.070.000 đồng.
3	Võ Xuân Huy	- Hợp đồng số 877-2408-HĐCV-VXH-YEG ngày 07/08/2024 giữa Võ Xuân Huy và YEG - Thẩm quyền thông qua: NQ HĐQT số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 07/08/2024 của YEG	55.590.000.000	55.590.000.000	Thanh toán tiền mua cổ phần Y1D (55,59 tỷ đồng)	**Thông tin về việc nhận chuyển nhượng Y1D** - Bên chuyển nhượng: Trần Văn Quân - Thẩm quyền thông qua giao dịch: Nghị quyết HĐQT số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 06/08/2024 của YEG - Nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng số 899-2408-HĐCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 06/08/2024 giữa YEG và Trần Văn Quân, YEG mua 1.700.000 cổ phần (tương ứng 15,11%) với giá nhận chuyển nhượng là 55.590.000.000 đồng.
	Tổng cộng		**227.480.150.000**	**227.150.550.000**		

1.1. Thanh toán tiền vay cho Bà Vũ Thị Tuyết Vân

- Bên cho vay: Vũ Thị Tuyết Vân
- Mối quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Bên có liên quan của YEG.
- Giá trị khoản vay: 117.147.080.000 đồng, trong đó:
  - Theo Hợp đồng cho vay số 198-2404-HĐCV-VTTV-YEG ngày 24/04/2024 ("**Hợp Đồng Cho Vay 198**") giá trị vay là 38.000.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại ngày 18/11/2024 là 38.000.000.000 đồng.
  - Theo Hợp đồng cho vay số 879-2408-HĐCV-VTTV-YEG ngày 07/08/2024 ("**Hợp Đồng Cho Vay 879**") giá trị vay là 79.147.080.000 đồng, số dư nợ gốc tại ngày 18/11/2024 là 79.147.080.000 đồng
- Lãi suất: 8%/năm.
- Kỳ hạn: 01 năm.
- Mục đích vay nợ: nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn việc đầu tư mua cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác; bổ sung vốn lưu động; thanh toán các khoản nợ vay (bao gồm cả gốc, lãi và các khoản thanh toán có liên quan).
- Thông tin về việc YEG sử dụng số tiền vay:
  - Thanh toán tiền mua cổ phần Netlink cho lần thanh toán lần 1 của Đợt 1 (37,6704 tỷ đồng) và bổ sung vốn kinh doanh (0,3296 tỷ đồng)
  - Thanh toán tiền mua cổ phần Netlink cho lần thanh toán lần 2 của Đợt 1 và thanh toán tiền Đợt 2 (62,3916 tỷ đồng) và thanh toán tiền mua cổ phần Y1D (16,75548 tỷ đồng)
- YEG thanh toán nợ vay cho Bà Vũ Thị Tuyết Vân với số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 116.817.480.000 đồng.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý I/2025.

  (Liên quan đến điều kiện thanh toán nợ trước hạn: Căn cứ Điều 7.2 của Hợp Đồng Cho Vay 198 và Hợp Đồng Cho Vay 879, YEG có quyền "Trước khi kết thúc Thời Hạn Vay theo quy định tại Điều 2.5 Hợp Đồng, Bên Vay có quyền thanh toán toàn bộ hoặc một phần Khoản Vay vào bất cứ thời điểm nào miễn là Bên Vay thông báo trước cho Bên Cho Vay bằng văn bản ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc trước khi thanh toán. Khi thanh toán trước hạn theo quy định tại điều khoản này, Bên Vay thanh toán Khoản Vay gốc và lãi vay phải trả cho thời gian vay tương ứng theo quy định tại Điều 2.1 Hợp Đồng", do đó, khi thu được tiền từ đợt chào bán, YEG sẽ đề nghị thanh toán trước hạn cho Bà Vũ Thị Tuyết Vân).

1.2. Thanh toán tiền vay cho Bà Nguyễn Hải Tường Vi:

- Bên cho vay: Nguyễn Hải Tường Vi
- Mối quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có liên quan đến Công ty, người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ.
- Giá trị khoản vay: Theo Hợp đồng cho vay số 878-2408-HĐCV-NHTV-YEG ngày 07/08/2024 ("**Hợp Đồng Cho Vay 878**") là 54.743.070.000 đồng, số dư nợ gốc tại ngày 18/11/2024 là 54.743.070.000 đồng.
- Lãi suất: 8%/năm.

- Kỳ hạn: 01 năm.
- Mục đích vay nợ: nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn việc đầu tư mua cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác; bổ sung vốn lưu động; thanh toán các khoản nợ vay (bao gồm cả gốc, lãi và các khoản thanh toán có liên quan).
- Thông tin về việc YEG sử dụng số tiền vay: Thanh toán tiền mua cổ phần Y1D (54,74307 tỷ đồng).
- YEG thanh toán nợ vay cho Bà Nguyễn Hải Tường Vi với số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 54.743.070.000 đồng.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý I/2025.

(Liên quan đến điều kiện thanh toán nợ trước hạn: Căn cứ Điều 7.2 của Hợp Đồng Cho Vay 878, YEG có quyền "Trước khi kết thúc Thời Hạn Vay theo quy định tại Điều 2.5 Hợp Đồng, Bên Vay có quyền thanh toán toàn bộ hoặc một phần Khoản Vay vào bất cứ thời điểm nào miễn là Bên Vay thông báo trước cho Bên Cho Vay bằng văn bản ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc trước khi thanh toán. Khi thanh toán trước hạn theo quy định tại điều khoản này, Bên Vay thanh toán Khoản Vay gốc và lãi vay phải trả cho thời gian vay tương ứng theo quy định tại Điều 2.1 Hợp Đồng", do đó, khi thu được tiền từ đợt chào bán, YEG sẽ đề nghị thanh toán trước hạn cho Bà Nguyễn Hải Tường Vi).

1.3. Thanh toán tiền vay cho Ông Võ Xuân Huy:

- Bên cho vay: Võ Xuân Huy
- Mối quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có liên quan đến Công ty, người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ.
- Giá trị khoản vay: Theo Hợp đồng cho vay số 877-2408-HĐCV-VXH-YEG ngày 07/08/2024 ("**Hợp Đồng Cho Vay 877**") là 55.590.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại ngày 18/11/2024 là 55.590.000.000 đồng.
- Lãi suất: 8%/năm.
- Kỳ hạn: 01 năm.
- Mục đích vay nợ: nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn việc đầu tư mua cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác; bổ sung vốn lưu động; thanh toán các khoản nợ vay (bao gồm cả gốc, lãi và các khoản thanh toán có liên quan).
- Thông tin về việc YEG sử dụng số tiền vay: Thanh toán tiền mua cổ phần Y1D (55,59 tỷ đồng).
- YEG thanh toán nợ vay cho Ông Võ Xuân Huy với số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán là 55.590.000.000 đồng.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý I/2025.

(Liên quan đến điều kiện thanh toán nợ trước hạn: Căn cứ Điều 7.2 của Hợp Đồng Cho Vay 877, YEG có quyền "Trước khi kết thúc Thời Hạn Vay theo quy định tại Điều 2.5 Hợp Đồng, Bên Vay có quyền thanh toán toàn bộ hoặc một phần Khoản Vay vào bất cứ thời điểm nào miễn là Bên Vay thông báo trước cho Bên Cho Vay bằng văn bản ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc trước khi thanh toán. Khi thanh toán trước hạn theo quy định tại điều khoản này, Bên Vay thanh toán Khoản Vay gốc và lãi vay phải trả cho thời gian vay tương ứng

theo quy định tại Điều 2.1 Hợp Đồng", do đó, khi thu được tiền từ đợt chào bán, YEG sẽ đề nghị thanh toán trước hạn cho Ông Võ Xuân Huy).

Thông tin về Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink")

Netlink được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109406470 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 05/11/2020, cấp đăng ký thay đổi tùy từng thời điểm. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Netlink được thành lập với mục tiêu tạo ra một môi trường thân thiện để kết nối nhà xuất bản và nhà phát triển với các mạng quảng cáo chất lượng cao như Google. Hiện nay, Netlink là một trong những công ty công nghệ hàng đầu giúp chuyên nghiệp hoá quảng cáo kỹ thuật số tại Việt Nam. Netlink có đội ngũ chuyên gia được trang bị đầy đủ các công cụ nhằm đáp ứng những yêu cầu của từng nhà xuất bản, không chỉ giúp tăng doanh thu quảng cáo mà còn có thể giải quyết các vấn đề như: giới hạn tài khoản, thanh toán chậm. Bên cạnh đó, Netlink cung cấp các công cụ chuyên dụng để tăng lượng truy cập và doanh thu trên trang web, có đầy đủ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc thành thạo với Google Ad Manager 360, Google AdSense MCM và Google AdExchange MCM, đảm bảo một phương pháp toàn diện để tối ưu hóa chiến lược quảng cáo của khách hàng.

Việc YEG đầu tư thêm vào Netlink đưa Netlink từ công ty liên kết trở thành công ty con trực tiếp của YEG nhằm mục đích củng cố năng lực của YEG trong mảng quảng cáo kỹ thuật số, hoàn thiện hệ sinh thái của Tập đoàn theo đúng định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị, thông qua đó góp phần gia tăng nguồn doanh thu cho Tập đoàn từ mảng hoạt động này.

- Tiến độ nhận chuyển nhượng cổ phần: YEG đã thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Netlink vào Quý 02/2024 và Quý 03/2024.
- Hình thức nhận chuyển nhượng cổ phần: YEG nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Netlink.
- Tỷ lệ sở hữu của YEG tại Netlink trước khi nhận chuyển nhượng: 35% vốn điều lệ của Netlink.
- Tỷ lệ sở hữu của YEG tại Netlink sau khi nhận chuyển nhượng và đến thời điểm hiện tại: YEG sở hữu 69% vốn điều lệ của Netlink.
- Tiến độ thanh toán: YEG đã thanh toán đầy đủ cho bên chuyển nhượng để sở hữu thêm 34% vốn điều lệ tại Netlink, nâng tổng tỷ lệ sở hữu của YEG tại Netlink là 69%.
- Thông tin về việc chuyển nhượng cổ phần Netlink:

Stt	Bên nhận chuyển nhượng	Số cổ phần nhận chuyển nhượng	Giá chuyển nhượng/cổ phần (đồng/cổ phần)	Giá trị chuyển nhượng (đồng)
01	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	85.680	1.167.857	100.062.000.000

Ghi chú:

- *Giá trị định giá một cổ phần của Netlink tại thời điểm 30/06/2024 được xác định là 1.240.000 đồng/cổ phần. Căn cứ giá mua cổ phần Netlink được HĐQT thông qua ngày 13/02/2023 là 1.635.000 đồng/cổ phần và đàm phán giữa các bên liên quan để tăng sở hữu thêm 34% thành 69% vốn điều lệ Netlink – nắm quyền quyết định mọi vấn đề tại Netlink, HĐQT quyết định nhận chuyển nhượng cổ phần Netlink với giá 1.167.857 đồng/cổ phần.*
- *Việc nhận chuyển nhượng cổ phần Netlink không thuộc trường hợp tái cấu trúc Công ty theo quy định của pháp luật (Tổng tài sản theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của Công ty năm 2023 là 1.860 tỷ đồng).*

Thông tin về Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Y1D")

Y1D được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0311465311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2012, cấp đăng ký thay đổi tùy từng thời điểm. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Y1D là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất và xuất bản nội dung trên các nền tảng mạng xã hội tại Việt Nam và có ảnh hưởng lớn ở khu vực Châu Á. Với mục đích ban đầu từ khi thành lập là kết nối cộng đồng và quảng bá nội dung lên các nền tảng kỹ thuật số, chỉ với cộng đồng hơn 100.000 người theo dõi từ những năm đầu thành lập, nay đã lớn mạnh trở thành một đơn vị truyền thông kỹ thuật số đa nền tảng hàng đầu tại Việt Nam, sở hữu hơn 72 triệu người xem hàng ngày với trọng tâm sản xuất và phân phối nội dung trên các đơn vị nền tảng mạng xã hội lớn như Facebook, Youtube, Dailymotion, TikTok. Nắm bắt xu thế dịch chuyển từ nội dung dài (long-form videos) sang nội dung ngắn theo định dạng dọc (vertical) đã được khẳng định thành công ở các nước Châu Á và trên thế giới, Y1D đã đầu tư vào nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất để tiên phong trong việc sản xuất các nội dung này với hơn 20.000 nội dung có bản quyền được sản xuất và phát hành trung bình trong năm trên các nền tảng mạng xã hội đóng góp đáng kể vào doanh thu. Bên cạnh đó, Y1D hiện đang trong quá trình mở rộng thị phần ra các nền tảng và khu vực khác trên thế giới thông qua việc không ngừng tìm kiếm cơ hội xuất bản nội dung sang các nước có tiềm năng với kỳ vọng sẽ mang lại nguồn doanh thu từ các thị trường mới. Đồng thời, Y1D cũng hướng tới việc sản xuất cho các đối tác nước ngoài với định dạng nội dung đa dạng và phân phối cho các thị trường giải trí quốc tế. Việc đầu tư thêm vào Y1D góp phần hiện thực hóa mục tiêu và đi đúng chiến lược phát triển lĩnh vực kinh doanh nội dung số của YEG.

- Tiến độ nhận chuyển nhượng cổ phần: YEG đã thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Y1D vào Quý 03/2024.
- Hình thức nhận chuyển nhượng cổ phần: YEG nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Y1D.
- Tỷ lệ sở hữu của YEG tại Y1D trước khi nhận chuyển nhượng: 35% vốn điều lệ của Y1D.
- Tỷ lệ sở hữu của YEG sau khi nhận chuyển nhượng và đến thời điểm hiện tại: YEG sở hữu 69,55% vốn điều lệ của Y1D.
- Tiến độ thanh toán: YEG đã thanh toán đầy đủ cho các bên chuyển nhượng để sở hữu 69,55% vốn điều lệ tại Y1D.

- Thông tin về việc chuyển nhượng cổ phần Y1D:

STT	Bên nhận chuyển nhượng	Số cổ phần nhận chuyển nhượng	Giá chuyển nhượng/cổ phần (đồng/cổ phần)	Giá trị chuyển nhượng (đồng)
01	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	3.886.500	32.700	127.088.550.000

Ghi chú:

- *Giá trị định giá một cổ phần của Y1D tại thời điểm 30/06/2024 được xác định là 33.900 đồng/cổ phần. Căn cứ giá mua cổ phần Y1D được HĐQT thông qua ngày 13/02/2023 là 32.700 đồng/cổ phần và đàm phán giữa các bên liên quan để tăng sở hữu thêm 34,55% thành 69,55% vốn điều lệ Y1D – nắm quyền quyết định mọi vấn đề tại Y1D, HĐQT quyết định nhận chuyển nhượng cổ phần Y1D với giá 32.700 đồng/cổ phần.*
- *Việc nhận chuyển nhượng cổ phần Y1D không thuộc trường hợp tái cấu trúc Công ty theo quy định của pháp luật (Tổng tài sản theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của Công ty năm 2023 là 1.860 tỷ đồng).*

2. Bổ sung nguồn vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty cho các hoạt động kinh doanh sản xuất nội dung

- ***Lập luận về hoạt động kinh doanh của YEG***

Tiếp nối năm 2023 với kết quả kinh doanh tương đối khả quan của YEG trong bối cảnh tình hình chung của nền kinh tế, với doanh thu thuần 2023 hợp nhất của YEG đạt 411,6 tỷ đồng (tăng 31% so với năm 2022) và lợi nhuận sau thuế đạt 26,5 tỷ đồng (tăng 6,5% so với năm 2022). Trong năm 2024, YEG tiếp tục thực hiện kế hoạch tái cấu trúc toàn bộ hoạt động của Tập đoàn, trong đó trọng tâm vào việc xác định lại và phân bổ nguồn lực vào những mảng hoạt động mà YEG xác định sẽ là hoạt động kinh doanh cốt lõi, mang tính xu hướng, có thị trường để phát triển và có tiềm năng mang lại nguồn doanh thu lớn cho YEG.

Bên cạnh việc tái định vị vị thế hàng đầu trong lĩnh vực truyền thông giải trí của YEG, YEG xác định chiến lược tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi là nhà sản xuất và xuất bản nội dung hàng đầu trên các nền tảng mạng xã hội. Năm 2023, thông qua việc thực hiện đầu tư, sản xuất và phát sóng thành công chương trình Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023, đã phần nào chứng minh được YEG đang đi đúng hướng và bước đầu gặt hái được thành quả thể hiện bằng sự đón nhận của khán giả, góp phần trực tiếp vào sự cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của YEG so với các năm trước và tạo nền tảng vững chắc để YEG kiên định thực hiện tiếp tục chiến lược đã đề ra cho các năm tiếp theo. Ngoài việc sản xuất các chương trình truyền hình thực tế lớn, thì mảng sản xuất nội dung để phát sóng/phân phối nội dung trên các nền tảng xã hội như Facebook, Youtube, Tiktok, Dailymotion vẫn luôn là hoạt động kinh doanh cốt lõi của YEG từ khi thành lập. Các nội dung phân phối trên các nền tảng mạng xã hội của YEG đa dạng thể loại như phim ngắn, tin tức, vlog... và luôn luôn hướng tới các thông điệp nhân văn, đạo đức và những câu chuyện lan toả tích cực đến cộng đồng mạng, hướng tới các đối tượng trẻ.

Đẩy mạnh mảng sản xuất và khai thác các nội dung ngắn là một trong những trọng tâm trong bức tranh lớn của hoạt động sản xuất nội dung của YEG. Hiện nay, YEG không ngừng áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất về quy trình sản xuất và quản lý nội dung nhằm gia tăng về số lượng cũng như chất lượng nội dung trên các nền tảng. Trong kế hoạch kinh doanh của YEG cho năm 2024, doanh thu từ khai thác nội dung tự sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu doanh thu của YEG, đến từ việc khai thác những series nội dung độc quyền và được đăng tải lần đầu tiên (nước một) trên các kênh khai thác của YEG. Một số series điển hình như Dâu Hào Môn, Giám Đốc Lao Công, Anh Áo Đen, Anh Thám Tử, Cháo Trắng, Cơm Sườn, Chị Chính Nghĩa,... đã nhận được hàng triệu lượt xem và được rất nhiều khán giả yêu thích. Vì vậy, để duy trì được sự yêu thích của khán giả và tạo ra dòng doanh thu ổn định thì YEG buộc phải liên tục đổi mới sáng tạo, sản xuất ra những nội dung mới hợp thị hiếu, đa dạng nội dung để giữ chân những khán giả cũ và mở rộng lượng người xem mới.

- ***Dự kiến phân bổ***

Kế hoạch sản xuất nội dung phát sóng trên các nền tảng sẽ bao gồm đa dạng các thể loại như: phim nhiều tập (sitcom) đa dạng các chủ đề (drama, anh hùng..), mini series (phim ngắn 3 phút), web series ... Đối tượng của các nội dung sản xuất được nghiên cứu để có thể tiếp cận đến mọi đối tượng khán giả như: giới trẻ yêu thích sự hài hước, phụ nữ có gia đình, mẹ chồng-nàng dâu, đối tượng thích chủ đề ẩm thực, người miền Tây, shipper, người lao động, đối tượng trung lưu... Trong quá trình sản xuất và phát sóng, Công ty cũng sẽ liên tục ghi nhận các phản hồi của khán giả để có thể kịp thời điều chỉnh nội dung, chủ đề, đối tượng, điều chỉnh kế hoạch sản xuất để bắt kịp xu hướng và nhu cầu giải trí của khán giả.

Thể loại nội dung series	Số tập dự kiến sản xuất	Chi phí dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến chi phí sử dụng từ nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán (tỷ đồng)
Digital sitcom	730	9	4,5
Phim ngắn 3 phút	1.150	19	9,5
Sitcom (đa dạng các chủ đề)	3.900	40	20
Web series	1.100	25	13,5
Tổng cộng		**93**	**47,5**

Tùy vào tình hình thực tế về số tiền thu được từ đợt chào bán cũng như thị yếu của người xem, YEG sẽ phân bổ số tiền sử dụng vốn cho các thể loại nội dung series để đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho YEG.

YEG dự kiến sử dụng 47,5 tỷ đồng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn lưu động cho các nội dung dự kiến nêu trên.

3. Góp vốn vào Công ty TNHH 1Production theo Nghị quyết HĐQT số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 19/08/2024 của YEG

Công ty TNHH 1Production (**"1Production"**) là công ty con trực tiếp của YEG, có địa chỉ tại 140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ là 139.000.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín tỷ đồng*) theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/02/2023, cấp đăng ký thay đổi tùy từng thời điểm. Hiện tại YEG đang sở hữu trực tiếp 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH 1Production.

Ngày 19/08/2024, Công ty TNHH 1Production đã có Quyết định Chủ tịch Công ty TNHH 1Production số 317/2408/QĐ/CTCT/1PRO ngày 19/08/2024 về việc thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ, cụ thể tăng vốn điều lệ thêm 211.000.000.000 đồng (*Hai trăm mười một tỷ đồng*) theo hình thức Chủ sở hữu góp thêm vốn, với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của 1Production. Đối tượng góp vốn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (Chủ sở hữu).

Ngày 19/08/2024, YEG đã có Nghị quyết HĐQT số số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG về việc thông qua chủ trương góp thêm vốn vào Công ty TNHH 1Production, cụ thể số vốn góp thêm là 211.000.000.000 đồng (*Hai trăm mười một tỷ đồng*).

Theo đó, YEG sẽ thực hiện thanh toán tiền góp vốn là 211.000.000.000 đồng (*Hai trăm mười một tỷ đồng*) vào Công ty TNHH 1Production. Sau khi góp vốn, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 tại Công ty TNHH 1Production là 100% vốn điều lệ (tương đương YEG sở hữu phần vốn góp là 350.000.000.000 đồng).

Số tiền dự kiến phân bổ:

1Production là công ty con trực tiếp của YEG, đóng vai trò là đơn vị chủ chốt sản xuất các chương trình có chất lượng cao (điển hình là chương trình Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023, Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai 2024, Mẹ Siêu Nhân). Triển khai chiến lược kinh doanh của YEG, YEG sẽ tập trung huy động được nguồn vốn để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất các chương trình bao gồm cả nguồn vốn huy động từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng này.

Để tạo nền tảng phát triển vững chắc trong mảng sản xuất các chương trình nội dung cao cấp, 1Production có kế hoạch tiếp tục nâng cao năng lực vốn để đầu tư vào nguồn nhân lực sản xuất, tích cực tìm kiếm các đối tác chất lượng, đàm phán hợp tác/mua bản quyền nội dung các chương trình nổi tiếng nước ngoài để sản xuất và phát sóng tại Việt Nam.

Một số thông tin về các chương trình dự kiến sản xuất của 1Production như sau:

Chị Đẹp Đạp Gió 2024 (Mùa 2):

Chương trình Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng 2023 đã được sản xuất và phát sóng vào cuối năm 2023, đạt được những thành công nhất định về mặt truyền thông lẫn chất lượng nghệ thuật, thu hút gần 700 triệu lượt người xem trên đa nền tảng, hơn 7 tỷ lượt xem được đo lường từ các hashtag liên quan đến chương trình, Top #1 Rating sau khi được phát sóng trên kênh VTV3, Top #1 chủ đề thảo luận trên mạng xã hội, Top #3 đề cử WeChoice cho hạng mục "TV Show của năm", đạt giải VTV Awards 2023 cho hạng mục "Chương trình Giải trí Ấn tượng" của Đài Truyền hình Việt

Nam. Vì vậy, tiếp nối sự thành công của mùa 1, 1Production đã tái khởi động việc thực hiện mùa 2 của chương trình với tên gọi Chị Đẹp Đạp Gió 2024 với một số sự đổi mới nhất định, mang đến hơi thở mới mẻ và hiện đại. Chương trình dự kiến sẽ lên sóng trên VTV3 vào Quý 4/2024 và Quý 1/2025. Chương trình quy tụ 30 tên tuổi nữ hoạt động trong làng giải trí và một số lĩnh vực khác tại Việt Nam, thông qua các màn trình diễn của nghệ sỹ tham gia chương trình, sân khấu, âm nhạc và những câu chuyện truyền cảm hứng mang lại những giá trị tinh thần và thông điệp ý nghĩa cho cộng đồng. Đúc kết từ những kinh nghiệm trong quá trình sản xuất mùa 1, đội ngũ sản xuất nỗ lực để bên cạnh việc mang lại trải nghiệm giải trí với nội dung chất lượng cao dành cho khán giả, chương trình còn hướng tới việc bồi dưỡng, quảng bá những nét đẹp văn hóa, nghệ thuật và con người Việt Nam trong thời đại số, lan tỏa thông điệp tích cực với cộng đồng.

Haha Nông Dân:

Ngày 03/04/2024, YEG đã ký kết thành công Hợp đồng hợp tác chiến lược để triển khai thực hiện chương trình truyền hình thực tế chất lượng cao "HaHa Nông Dân" với Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam và đại diện TikTok Việt Nam. Chương trình dự kiến sẽ ra mắt trong năm 2025, phát sóng trên Đài truyền hình quốc gia và đài địa phương. Chương trình được Việt hóa từ format gốc ăn khách tại Trung Quốc với tên gọi "Haha Nông Phu" do MangoTV sản xuất, phát sóng độc quyền trên Đài truyền hình Hồ Nam. Phiên bản gốc của chương trình đã đạt được hơn 2 tỷ lượt xem trên ứng dụng MangoTV và lọt Top 1 lượt tìm kiếm vào thảo luận trên Weibo trong thời gian phát sóng chương trình.

Mục tiêu chương trình: Chương trình được định vị là chương trình truyền hình thực tế dành cho người trẻ khám phá vẻ đẹp miền quê Việt Nam. Các mục tiêu mà chương trình nhắm tới bao gồm:

- Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Việt Nam gồm cảnh sắc, du lịch làng nghề, con người, văn hóa, nông sản từng vùng miền;
- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, giới thiệu, hỗ trợ tiêu thụ nông sản trên phương tiện số, livestream;
- Thúc đẩy xúc tiến thương mại điện tử trong nước và giao thương quốc tế cho sản vật địa phương.
- Nền tảng cho những người trẻ thành thị, truyền cảm hứng khám phá và tinh thần tự do cho một lối sống tích cực và lành mạnh thông qua giải trí.

Quy mô chương trình dự kiến:
HaHa Nông Dân phiên bản Việt Nam dự kiến thực hiện 3 mùa và lần lượt khai khác, khám phá, trải nghiệm các hoạt động ở khắp các địa phương, vùng miền ở Việt Nam như trải nghiệm các hoạt động trồng trọt, hoạt động nuôi, đánh bắt thủy hải sản, các hoạt động văn hoá, lễ hội đặc trưng của các vùng miền.

Chương trình khác:

Ngoài ra, 1Production đang lên kế hoạch để thực hiện chương trình thực tế về giao lưu văn hóa sân khấu giữa các nhóm nhạc. Chương trình dự kiến sẽ ra mắt năm 2025, phát sóng trên Đài truyền hình quốc gia.

Mục tiêu chương trình nhằm:

- Thông qua chương trình và nhóm nghệ sĩ thực tập sinh, cổ vũ tinh thần cho thế hệ trẻ không ngừng nỗ lực, tôi rèn, dám nghĩ dám làm.
- Xây dựng cầu nối giữa thế hệ trẻ (Gen Z) Việt Nam với thế hệ trẻ quốc tế.
- Đưa âm nhạc đậm chất Việt Nam và Văn hoá đến gần với bạn bè quốc tế, cũng như cầu nối để khán giả Việt Nam trải nghiệm âm nhạc quốc tế. Tạo môi trường âm nhạc xuyên biên giới.

Dự kiến nhu cầu vốn sản xuất các chương trình của 1Production:

Nguồn vốn thu được từ việc tăng vốn điều lệ của 1Production sẽ được sử dụng vào việc đầu tư sản xuất các chương trình chất lượng cao nêu trên nằm trong kế hoạch sản xuất của 1Production cho năm 2024 và 2025.

Chi phí sản xuất chương trình chủ yếu sẽ đến từ các hạng mục chính như: (i) Chi phí giá vốn (chiếm tỷ trọng khoảng 65%/tổng chi phí) và (ii) Chi phí bán hàng (chiếm tỷ trọng khoảng 35%/tổng chi phí). Trong đó:

- Chi phí giá vốn bao gồm: chi phí mua bản quyền chương trình; chi phí sản xuất (nghệ sỹ, nhân sự sản xuất, hỗ trợ, phim trường và đạo cụ, quay phim, âm thanh, ánh sáng và các chi phí khác); chi phí sản xuất các nội dung digital, sản xuất MV (music video)... Để đảm bảo mục tiêu tạo ra các nội dung chất lượng cao, chi phí sản xuất chương trình chiếm tỷ trọng tương đối lớn khoảng 65% trong tổng chi phí giá vốn, bên cạnh đó, format các chương trình được đầu tư mua bản quyền từ các chương trình nổi tiếng đã thành công ở nước ngoài, hạng mục âm nhạc cũng được 1Production mua bản quyền nhằm đảm bảo mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khán giả.
- Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí cho đội ngũ kinh doanh, chi phí marketing truyền thông chương trình.

  Ngoài ra, đối với những chương trình có quy mô lớn như Chị Đẹp Đạp Gió, ngoài việc sản xuất các chương trình để phát sóng, 1Production còn lên kế hoạch để tổ chức các buổi biểu diễn trực tiếp quy mô lớn của các nghệ sỹ tham gia sau thời gian phát sóng chương trình. Các buổi biểu diễn này được tổ chức nhằm tạo sân chơi cho nghệ sỹ cũng như duy trì sức nóng, độ phủ sóng và sức ảnh hưởng của chương trình về mặt truyền thông sau thời gian phát sóng.

  Chi phí dự kiến phân bổ cho các chương trình như sau:

Chương trình	Dự kiến chi phí sản xuất	Dự kiến chi phí sử dụng từ nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán	Thời điểm dự kiến sử dụng
Chị Đạp Đạp Gió 2024	109 tỷ	87 tỷ	Trong năm 2025
HaHa Nông Dân	87 tỷ	69 tỷ	Trong năm 2025
Chương trình khác	65 tỷ	55 tỷ	Trong năm 2025

Tổng cộng	**261 tỷ**	**211 tỷ**	

Tiến độ giải ngân dự kiến: Tùy tình hình thực tế triển khai của từng chương trình, dự kiến từ 2024 - 2025.

4. Thanh toán nợ vay Ngân hàng Vietinbank

YEG dự kiến sử dụng 62.400.000.000 đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để thực hiện mục đích trả nợ ngân hàng góp phần tái cơ cấu nguồn vốn, cân bằng tài chính của YEG.

Hiện tại YEG thực hiện việc bổ sung vốn dưới hình thức vay tín dụng để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của YEG (bao gồm nhưng không giới hạn bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh…). Theo Hợp đồng cho vay hạn mức với Vietinbank, số tiền giải ngân tối đa của YEG theo hạn mức là 80 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 18/11/2024 tổng số tiền giải ngân vốn lưu động của Công ty vào khoảng 77,2 tỷ đồng, theo xác nhận hiện nay số dư nợ phải trả dự kiến sau thời điểm 01/01/2025 khoảng 75 tỷ đồng chưa kể kế hoạch giải ngân thêm để phục vụ kinh doanh cho đến thời điểm kết thúc đợt chào bán. Do đó, việc YEG dự kiến sẽ sử dụng số tiền 62.400.000.000 đồng để thanh toán nợ vay ngân hàng để giảm áp lực vay tài chính cho Công ty.

Kế hoạch giải ngân vốn phụ thuộc vào kinh doanh của Công ty và việc dự kiến thu được tiền từ đợt chào bán là trong tương lai, thêm vào đó các khoản khế ước nhận nợ đều có kỳ hạn ngắn, do đó việc số dư nợ tại từng thời điểm là khác nhau và không thể hiện được hết số dư nợ tại thời điểm kết thúc đợt chào bán.

Với tính chất của các khoản giải ngân sẽ được thực hiện theo cơ chế vay và hoàn trả đảm bảo dư nợ nằm trong phạm vi hạn mức được vay và đúng mục đích vay vốn, YEG đảm bảo sẽ thực hiện sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng quy định của Hợp đồng đã ký, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, căn cứ trên số dư nợ với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Gia Định, Công ty sẽ thực hiện hoàn trả dư nợ tại thời điểm đó và trong trường hợp số dư nợ nhỏ hơn số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán, HĐQT sẽ điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Như vậy, việc Công ty sẽ sử dụng 548.005.810.000 đồng dự kiến thu được từ đợt chào bán để thực hiện cho các mục đích nêu trên là phù hợp với Nghị Quyết ĐHĐCĐ thông qua, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

Địa chỉ: Số 7, lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (+84) 0225 3842 335 **Fax:** (+84) 0225 3746 266

Website: https://haseco.vn/

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Với tư cách là Tổ chức Tư vấn, CTCP Chứng khoán Hải Phòng đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung vốn và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 54.800.581 cổ phiếu (tương đương 40% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của YEG). Giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023 (theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023) là 10.531 đồng/cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) (theo báo cáo tài chính hợp nhất) năm 2023 là 565 đồng/cổ phiếu.

Ngoài ra, việc phân phối chính thức của YEG là một thời điểm trong tương lai, khi đó với trường hợp thị trường chứng khoán hồi phục tích cực thì đây là cơ hội lớn đối với các doanh nghiệp được phát hành nói chung và YEG nói riêng. Do đó với những thông tin trên, chúng tôi – CTCP Chứng khoán Hải Phòng cho rằng đây là cơ hội cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu YEG và khả năng Công ty chào bán không thành công là thấp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức Tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

2. Tổ chức Kiểm toán:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 5252 Website: https://www.ey.com/vi_vn

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3823 0796 Website: https://www.pwc.com/vn/vn.html

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán:

Không có.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/09/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25/07/2024.
2. Phụ lục II:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024.
- Tờ trình số 166/2404/TT/ĐHĐCĐ/YEG ngày 12/04/2024 về việc Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công Ty.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 937/2409/NQ/HĐQT/YEG ngày 09/09/2024 thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

3. Phụ lục III: Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 và năm 2023 được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2024; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024.
5. Phụ lục V: Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 số 1.1029/24/TC-AC ngày 02/05/2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

LÊ PHƯƠNG THẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ THỊ VÂN HẠNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG
GIÁM ĐỐC KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

LÝ THỊ THU HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 225/2024/QĐ-CKHP	*Hải Phòng, ngày 3 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v ủy quyền ký kết hồ sơ chứng từ tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành chứng khoán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng;

- Căn cứ Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng;

- Căn cứ vào nhu cầu công việc;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ủy quyền cho Bà Lý Thị Thu Hà – Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng được thay mặt Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được lập, ký và/hoặc xác nhận các văn bản, hồ sơ, giấy tờ, chứng từ bao gồm:

- Hợp đồng, phụ lục hợp đồng và/hoặc thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành, tư vấn đăng ký lưu ký, tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch, tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp, tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp cùng các dịch vụ tư vấn khác liên quan đến chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu ...) theo quy định tại Luật chứng khoán hiện hành;

- Hợp đồng, phụ lục hợp đồng và/hoặc thanh lý hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán

- Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng và/hoặc thanh lý hợp đồng tư vấn, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán, trước khi niêm yết cùng các dịch vụ tư vấn khác liên quan đến chứng khoán; thủ tục và dịch vụ trước khi thực hiện dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán (nếu có)

- Các văn bản, hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến và/hoặc phát sinh từ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành, tư vấn đăng ký lưu ký, tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu...); dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán; bao gồm nhưng không giới hạn các văn bản, thủ tục trước khi chào bán, trước khi niêm yết và đến khi đăng ký giao dịch, đăng ký lưu ký,

đăng ký niêm yết cùng các dịch vụ tư vấn khác liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu theo luật chứng khoán hiện hành như bản cáo bạch, bản công bố thông tin, báo cáo theo quy định....khi thực hiện các dịch vụ tư vấn theo quy định của Luật chứng khoán hiện hành;

- Các hợp đồng, báo cáo, văn bản thỏa thuận, hồ sơ, giấy tờ, các cam kết, chứng từ khác liên quan đến và/hoặc phát sinh từ hoạt động/ nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Điều 2: Bà Lý Thị Thu Hà chỉ thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Công ty các công việc trong phạm vi được ủy quyền được nêu tại Điều 1 và báo cáo lại cho Tổng Giám đốc các nội dung công việc đã thực hiện.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực 05 (năm) năm kể từ ngày ký.

Ban TGĐ, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Phòng ban, Trưởng các bộ phận và Bà Lý Thị Thu Hà có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TV HĐQT; BKS
- Lưu HCTH.

S.G.P: 119 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG
Q. NGÔ QUYỀN - T.P HẢI PHÒNG

CHỦ TỊCH HĐQT

Ninh Lê Sơn Hải

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0304592171

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 09 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 31, ngày 25 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YEAH1 GROUP CORPORATION
Tên công ty viết tắt: YEG CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *(+84)2873006071* Fax: *08 3910 1073*
Email: *ir@yeah1.vn* Website: *https://www.yeah1group.com*

3. Vốn điều lệ: 1.370.014.540.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn ba trăm bảy mươi tỷ không trăm mười bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
Tổng số cổ phần: 137.001.454

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ PHƯƠNG THẢO Giới tính: *Nữ*
Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị
Sinh ngày: *13/08/1977* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001177017052*
Ngày cấp: *28/03/2018* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư*
Địa chỉ thường trú: *Số 106 Lương Sử C, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Số 106 Lương Sử C, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: NGÔ THỊ VÂN HẠNH Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *16/08/1974* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031174001722*

Ngày cấp: *22/11/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội*

Địa chỉ thường trú: *1/2 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *1/2 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Võ Cẩm Tú

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 0 5 2 3 1 8 Quyển số: 01SCT/BS

Ngày: 13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

S.Đ.K.H.Đ: 41020068-C.T.H.D

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Vũ Thu Hải

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **CÔNG TY CỔ PHẦN** **TẬP ĐOÀN YEAH1** ---------***---------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.** ---------***---------
Số: 616 /2405/YEG/NQ/DHDCD	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;*
- *Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công Ty**");*
- *Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ngày 06/5/2024.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các công ty con;

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2023 và định hướng năm 2024;

Điều 3. Thông qua Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023;

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023;

Điều 5. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công Ty và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

Điều 6. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán riêng lẻ 45.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ Công Ty từ 312.799.680.000 đồng lên 762.799.680.000 đồng;

Điều 7. Thông qua Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Một số nội dung cơ bản như sau:

1. Phương án phát hành:

- Tên Tổ chức Phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1
- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán : YEG

- Hình thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công Ty. Trong đó việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động không thu tiền.
- Đối tượng phát hành ESOP	:	Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Cán bộ nhân viên chủ chốt của Công Ty và các công ty trực thuộc (công ty con, công ty liên kết). ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tiêu chuẩn, danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng đối tượng.
- Mục đích phát hành ESOP	:	▪ Gắn kết và giữ chân cán bộ nhân viên đang nắm giữ các vị trí chủ chốt, các vị trí quan trọng, các cán bộ nhân viên có năng lực đóng góp vào kết quả kinh doanh và sự phát triển của Công Ty. ▪ Tạo chính sách thu hút nhân sự có chất lượng về cho Công Ty, thông qua đó góp phần nâng cao hình ảnh của Công Ty.
- Vốn điều lệ Công Ty trước thời điểm phát hành	:	**1.313.532.640.000** đồng
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và đang lưu hành tính đến trước thời điểm phát hành	:	**131.353.264** cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ tính đến trước thời điểm phát hành	:	**0** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành	:	**5.648.190** cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	**56.481.900.000** đồng
- Thời gian thực hiện dự kiến	:	Dự kiến trong năm 2024 hoặc thời điểm khác theo quyết định của HĐQT và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
- Các hạn chế liên quan	:	▪ Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động bị hạn chế chuyển nhượng, không được chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, được chuyển nhượng 30% trong năm thứ 02 kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, được chuyển nhượng tiếp 35% trong năm thứ 03 và được chuyển nhượng 35% còn lại từ năm thứ 04 kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

- Việc thu hồi cổ phiếu của cán bộ nhân viên đã mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ tuân thủ theo Quy chế phát hành cổ phiếu do HĐQT ban hành.
- Trong trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành, thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ phiếu đã phát hành có sự thay đổi thì cần phải được ĐHĐCĐ thông qua và đảm bảo đủ thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2023 căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
- Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nội dung ủy quyền

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công Ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể:

a) Quyết định lựa chọn thời điểm và thực hiện triển khai phương án phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN, thời điểm niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của Công Ty (nếu cần) nhằm triển khai phương án phát hành đạt hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn kinh doanh của Công Ty, các quy định pháp luật liên quan, điều lệ Công Ty.

c) Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động để thực hiện phương án phát hành nêu trên.

d) Quyết định đối tượng phát hành đủ điều kiện tham gia chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng.

e) Chủ động thực hiện thủ tục pháp lý đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công Ty với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

f) Sửa đổi mức vốn điều lệ quy định tại Điều lệ Công Ty: Vốn điều lệ Công Ty sẽ được điều chỉnh tăng tương ứng với kết quả phát hành cổ phiếu và mức vốn điều lệ thực tế sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu.

g) Triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm

yết cổ phiếu bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công Ty.

h) Đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài đúng quy định của pháp luật.

i) Quyết định tất cả các công việc liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung chi tiết khác của phương án phát hành được thực hiện theo nội dung Tờ trình của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều này.

Điều 8. Thông qua Tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công Ty. Một số nội dung cơ bản như sau:

1. Phương án chào bán:

- Tên Tổ chức Phát hành	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
- Tên cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
- Mã chứng khoán	:	YEG
- Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá:	:	10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ Công Ty dự kiến trước thời điểm chào bán	:	1.370.014.540.000 đồng, tương ứng 137.001.454 cổ phiếu. Bao gồm: ▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2023: 131.353.264 cổ phiếu. ▪ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công Ty: 5.648.190 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	54.800.581 cổ phiếu tương ứng bằng 40% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm chào bán.
- Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá	:	548.005.810.000 đồng.
- Mục đích chào bán	:	▪ Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công Ty đang sở hữu. ▪ Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty (thực hiện các kế hoạch góp vốn/hợp tác thành lập các mảng hoạt động kinh doanh mới; nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp hoặc đầu tư dưới các hình thức khác để phát triển hoạt động kinh doanh Công Ty, cơ cấu lại các khoản nợ; bổ sung vốn lưu động của Công Ty.
- Hình thức chào bán	:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền	:	100:40 (Tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 40 cổ phiếu mới).

- Đối tượng chào bán	:	Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định (Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).
- Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số vốn huy động theo giá chào bán dự kiến	:	548.005.810.000 đồng.
- Thặng dư cổ phần	:	0 đồng.
- Thời gian thực hiện dự kiến	:	Dự kiến trong năm 2024 hoặc thời điểm khác theo quyết định của HĐQT và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có chấp thuận bằng văn bản (Thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động). ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công Ty.
- Phương thức phân phối	:	Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- Chuyển nhượng quyền mua	:	Cổ đông hiện hữu có tên theo Danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác. Các bên tự thoả thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.
- Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý số lượng cổ phiếu lẻ	:	Số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được xử lý theo phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán. *Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 154 cổ phiếu YEG. Cổ đông A sẽ được hưởng 154*

*quyền. Cổ đông A sẽ được quyền mua thêm: 154*40/100 = 61,6 cổ phiếu YEG. Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A được quyền mua thêm 61 cổ phần YEG. Phần lẻ thập phân 0,6 cổ phiếu sẽ được xử lý theo phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết.*

- Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có) : Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (bao gồm số lượng cổ phiếu dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, số lượng cổ phần phát sinh lẻ do làm tròn) sẽ được HĐQT quyết định huỷ bỏ hoặc chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc theo quyết định khác của HĐQT tuỳ từng tình hình thực tế.
  Trong trường hợp phân phối tiếp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết.
  Trong trường hợp hết thời hạn phân phối số lượng cổ phiếu này theo quy định của pháp luật mà vẫn chưa phân phối hết thì số lượng cổ phiếu này được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.

- Các hạn chế liên quan : Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
  Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong trạng thái hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
  Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh lẻ do làm tròn sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
  Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài : ĐHDCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án cụ thể để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công Ty theo quy định của pháp luật khi thực hiện đợt chào bán.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không áp dụng.
- Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án chào bán: : ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý sao cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Phương thức sử dụng tiền
1	Góp vốn liên doanh, thành lập công ty con/liên kết của YEG trong các mảng hoạt động kinh doanh mới (Không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)	53.000.000.000	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay
2	Nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp tại các công ty trong lĩnh vực truyền thông, giải trí, thương mại nhằm gia tăng sở hữu của Công Ty. (Không giới hạn việc đầu tư trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc đầu tư theo đúng quy định)	47.088.000.000	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp và/hoặc thanh toán nợ vay để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp
3	Góp vốn bổ sung để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con/liên kết của Công Ty nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của các công ty. (Không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)	277.000.000.000	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay
4	Bổ sung vốn lưu động (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ vay, nợ ngân hàng, đối tác khác, thanh toán chi phí, bổ sung vốn lưu động khác cho hoạt động kinh doanh của Công Ty, ...)	170.917.810.000	Thanh toán bổ sung vốn lưu động
	Tổng cộng	**548.005.810.000**	

3. Nội dung giao/ủy quyền

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT Công Ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

a) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án chào bán thêm cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của Công Ty (nếu cần) nhằm triển khai phương án chào bán đạt

hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn kinh doanh của Công Ty, các quy định pháp luật liên quan, điều lệ Công Ty.

b) Quyết định lựa chọn thời điểm cụ thể thực hiện triển khai phương án chào bán, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN, thời điểm niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu theo phương án chào bán sau khi nhận được chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

d) Quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần mà cổ đông từ chối mua.

e) Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc phân bổ, cân đối và phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty và mục đích sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua.

f) Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty để ghi nhận sự thay đổi liên quan đến vốn điều lệ Công Ty, thực hiện các thủ tục pháp lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật để ghi nhận, cập nhật mức vốn điều lệ của Công Ty sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu.

g) Quyết định các vấn đề chi tiết và triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết cổ phiếu bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thêm của Công Ty.

h) Đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài đúng quy định của pháp luật.

i) Quyết định tất cả các vấn đề và thực hiện tất cả các thủ tục, công việc liên quan cần thiết khác (nếu có) nhằm đảm bảo thực hiện thành công phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua và tuân thủ quy định của pháp luật.

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả chào bán thêm cổ phiếu và kết quả tăng vốn điều lệ Công Ty tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

Nội dung chi tiết khác của phương án phát hành được thực hiện theo nội dung Tờ trình của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều này.

Điều 9. Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023:

Điều 10. Thông qua Tờ trình về việc thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán/soát xét các báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024:

Điều 11. Thông qua Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

Điều 12. Thông qua Tờ trình thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024:

Điều 13. Thông qua Tờ trình thông qua Thư từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị của ông Đào Phúc Trí, miễn nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị của ông Đào Phúc Trí và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị:

Bầu bà Ngô Thị Vân Hạnh giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 06/5/2024. Từ ngày 06/5/2024, danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty bao gồm:

1. Bà **Lê Phương Thảo** – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Ông **Nguyễn Hoàng Giang** – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;
3. Bà **Ngô Thị Vân Hạnh** - Thành viên Hội đồng quản trị;
4. Ông **Đinh Hoài Nam** – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
5. Ông **Kim Min Soo** – Thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 14. Thông qua Tờ trình phê duyệt Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Điều 15. Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt giao dịch giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 với các bên có liên quan từ ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và cho đến thời điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Điều 16. Thông qua Tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Theo đó:

1. Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty như sau:

- Địa chỉ cũ: **Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**
- Địa chỉ mới: **140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

2. Giao/ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, bao gồm nhưng không giới hạn: Cập nhật thay đổi địa chỉ trụ sở chính vào Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công Ty, thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công Ty tại cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Thông qua Tờ trình bổ sung ngành, nghề kinh doanh. Theo đó:

1. Đăng ký bổ sung các ngành, nghề kinh doanh:

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ phân phối thuốc lá và xì gà, sách báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4799
2	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

	(Ngoại trừ: Hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức: Hoạt động chiếu phim: Hoạt động nhà hát, nhạc sống và xiếc: Kinh doanh trò chơi điện tử: Phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ: không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ: không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230

2. Giao/ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc thay đổi ngành nghề kinh doanh bao gồm nhưng không giới hạn: Cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh vào Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công Ty, thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi/bổ sung nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công Ty tại cơ quan có thẩm quyền.

Điều 18. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/5/2024. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các Đơn vị, Phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ của Công Ty.

Nơi nhận:
- *Cổ đông;*
- *Như Điều 18;*
- *Lưu VT.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05232 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày: 13-12-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

LÊ PHƯƠNG THẢO

Vũ Thu Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---------***---------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 166/2404/TT/DHDCD/YEG	---------***---------
	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công Ty)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021 và các văn bản quy định pháp luật có liên quan;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*
- *Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;*
- *Căn cứ tình hình thực tế.*

Hội đồng Quản Trị ("**HĐQT**") Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công Ty**" hoặc "**YEG**") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công Ty. Cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

- Tên Tổ chức Phát hành	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
- Tên cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
- Mã chứng khoán	:	YEG
- Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá:	:	10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ Công Ty dự kiến trước thời điểm chào bán	:	1.370.014.540.000 đồng, tương ứng 137.001.454 cổ phiếu. Bao gồm: ▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2023: 131.353.264 cổ phiếu. ▪ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công Ty: 5.648.190 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	54.800.581 cổ phiếu tương ứng bằng 40% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm chào bán.

- Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá	:	548.005.810.000 đồng.
- Mục đích chào bán	:	▪ Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công Ty đang sở hữu. ▪ Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty (thực hiện các kế hoạch góp vốn/hợp tác thành lập các mảng hoạt động kinh doanh mới; nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp hoặc đầu tư dưới các hình thức khác để phát triển hoạt động kinh doanh Công Ty, cơ cấu lại các khoản nợ; bổ sung vốn lưu động của Công Ty.
- Hình thức chào bán	:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền	:	100:40 (Tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 40 cổ phiếu mới).
- Đối tượng chào bán	:	Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định (Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).
- Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số vốn huy động theo giá chào bán dự kiến	:	548.005.810.000 đồng.
- Thặng dư cổ phần	:	0 đồng.
- Thời gian thực hiện dự kiến	:	Dự kiến trong năm 2024 hoặc thời điểm khác theo quyết định của HĐQT và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có chấp thuận bằng văn bản (Thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động). ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công Ty.
- Phương thức phân phối	:	Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- Chuyển nhượng quyền mua	:	Cổ đông hiện hữu có tên theo Danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác.

Các bên tự thoả thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.

- Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý số lượng cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được xử lý theo phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán.

  *Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 154 cổ phiếu YEG. Cổ đông A sẽ được hưởng 154 quyền. Cổ đông A sẽ được quyền mua thêm: 154*40/100 = 61,6 cổ phiếu YEG. Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A được quyền mua thêm 61 cổ phần YEG. Phần lẻ thập phân 0,6 cổ phiếu sẽ được xử lý theo phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết.*

- Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có) : Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (bao gồm số lượng cổ phiếu dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, số lượng cổ phần phát sinh lẻ do làm tròn) sẽ được HĐQT quyết định huỷ bỏ hoặc chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc theo quyết định khác của HĐQT tuỳ từng tình hình thực tế.

  Trong trường hợp phân phối tiếp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết.

  Trong trường hợp hết thời hạn phân phối số lượng cổ phiếu này theo quy định của pháp luật mà vẫn chưa phân phối hết thì số lượng cổ phiếu này được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.

- Các hạn chế liên quan : Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

  Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong trạng thái hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

  Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh lẻ do làm tròn sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

  Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài : ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án cụ thể để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công

Tỷ theo quy định của pháp luật khi thực hiện đợt chào bán.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không áp dụng.
- Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án chào bán: : ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý sao cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHA LOÃNG CỦA CỔ PHIẾU DỰ KIẾN SAU ĐỢT CHÀO BÁN:

Trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

(i) Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS).
(ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS).
(iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.
(iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

- **Về pha loãng EPS và BVPS:**

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công Ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như BVPS của Công Ty, cụ thể như sau:

a. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):

Công thức tính: $$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}}$$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = (X*12+Y*t)/12$$

Trong đó:

X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi chào bán

Y: Số lượng cổ phiếu chào bán thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của số lượng cổ phiếu chào bán thêm

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

b. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS):

Công thức tính: $$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Trong thời gian ngắn

ngay sau khi chào bán, nếu tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công Ty.

- **Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).

- **Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm:**

Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch Chứng khoán tính toán. Theo đó, công thức tính toán như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (IxP_r)}{1+I}$$

Trong đó:

- *Ptc: Giá tham chiếu của cổ phiếu YEG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu.*
- *PR_{t-1}: Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.*
- *I: Tỷ lệ vốn tăng theo chào bán quyền mua cổ phiếu.*
- *Pr: Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.*

III. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công Ty bao gồm:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Phương thức sử dụng tiền
1	Góp vốn liên doanh, thành lập công ty con/liên kết của YEG trong các mảng hoạt động kinh doanh mới (Không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)	53.000.000.000	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay
2	Nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp tại các công ty trong lĩnh vực truyền thông, giải trí, thương mại nhằm gia tăng sở hữu của Công Ty. (Không giới hạn việc đầu tư trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc đầu tư theo đúng quy định)	47.088.000.000	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp và/hoặc thanh toán nợ vay để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp
3	Góp vốn bổ sung để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con/liên kết của Công	277.000.000.000	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Phương thức sử dụng tiền
	Tỷ nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của các công ty. (Không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)		
4	Bổ sung vốn lưu động (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ vay, nợ ngân hàng, đối tác khác, thanh toán chi phí, bổ sung vốn lưu động khác cho hoạt động kinh doanh của Công Ty, ...)	170.917.810.000	Thanh toán bổ sung vốn lưu động
	Tổng cộng	**548.005.810.000**	

IV. THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY VỀ NỘI DUNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công Ty thực hiện thủ tục đăng ký tăng/thay đổi vốn điều lệ của Công Ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.
2. Thông qua việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ ghi trong Điều lệ Công Ty tương ứng với kết quả chào bán thêm cổ phiếu và mức vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn thành chào bán thêm cổ phiếu. Theo đó, sau khi hoàn thành chào bán thêm cổ phiếu và thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, Người Đại diện Pháp luật/Chủ tịch HĐQT của Công Ty được quyền ký ban hành bản Điều lệ mới với nội dung duy nhất được sửa đổi khác so với bản Điều lệ hiện hành là mức vốn điều lệ của Công Ty.

V. THÔNG QUA VIỆC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.

VI. THÔNG QUA GIAO VÀ ỦY QUYỀN CHO HĐQT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ SAU:

Ngoài các nội dung ủy quyền cho HĐQT được nêu tại phương án chào bán cổ phiếu chi tiết, ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT Công Ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

1. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án chào bán thêm cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của Công Ty (nếu cần) nhằm triển khai phương án chào bán đạt hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn kinh doanh của Công Ty, các quy định pháp luật liên quan, điều lệ Công Ty.
2. Quyết định lựa chọn thời điểm cụ thể thực hiện triển khai phương án chào bán, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN, thời điểm niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu theo phương án chào bán sau khi nhận được chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần mà cổ đông từ chối mua.
5. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc phân bổ, cân đối và phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty và mục đích sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua.
6. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty để ghi nhận sự thay đổi liên quan đến vốn điều lệ Công Ty, thực hiện các thủ tục pháp lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật để ghi nhận, cập nhật mức vốn điều lệ của Công Ty sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu.
7. Quyết định các vấn đề chi tiết và triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết cổ phiếu bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thêm của Công Ty.
8. Đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài đúng quy định của pháp luật.
9. Quyết định tất cả các vấn đề và thực hiện tất cả các thủ tục, công việc liên quan cần thiết khác (nếu có) nhằm đảm bảo thực hiện thành công phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua và tuân thủ quy định của pháp luật.

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả chào bán thêm cổ phiếu và kết quả tăng vốn điều lệ Công Ty tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *ĐHDCD;*
- *Lưu Văn thư.*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05232 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày: 13-12-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC - LÊ PHƯƠNG THẢO

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC
S.Đ.K.H.Đ: 41020068 - C.T.H.D - QUẬN 9 - T.P HỒ CHÍ MINH

Vũ Thu Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẬP ĐOÀN YEAH1** ***YEAH1 GROUP CORPORATION*** ---------***---------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom - Happiness*** ---------***---------
Số/*No.*: 937/2409/NQ/HĐQT/YEG	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 09 năm 2024* *Ho Chi Minh City, September 09, 2024*

NGHỊ QUYẾT
RESOLUTION
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
BOARD OF DIRECTORS OF YEAH1 GROUP CORPORATION

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
  Pursuant to the Law on Enterprise No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and documents guiding the implementation of the Law on Enterprise ("Law On Enterprise");
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công Ty**" hoặc "**YEG**");*
  *Pursuant to the Charter of Yeah1 Group Corporation ("**Company**" or "**YEG**");*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024 đã được thông qua;*
  *Pursuant to the approved Resolution of the General Meeting of Shareholders ("**GMS**") No. 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ dated May 06, 2024;*
- *Căn cứ Biên bản họp số 936/2409/BBH/HĐQT/YEG ngày 09/09/2024 của Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") của Công Ty về việc triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công Ty;*
  *Pursuant to the Meeting Minutes No. 936/2409/BBH/HĐQT/YEG dated September 09, 2024 of the Board of Directors ("**BOD**") of the Company on the implementation of the plan on additional shares offering for the existing shareholders to increase the Company's charter capital;*

QUYẾT NGHỊ
RESOLVED

Điều 1. Thông qua triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công Ty đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024. Chi tiết như sau:

Article 1. *To approve the detailed implementation of the plan to public offering of additional shares to existing shareholders to increase the Company's charter capital according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ dated May 06, 2024. Details are as follows:*

- Tên Tổ chức Phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
  Issuer name *Yeah1 Group Corporation.*

- Tên cổ phiếu chào bán *Name of shares*	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1. *Yeah1 Group Corporation shares.*
- Mã chứng khoán *Ticker*	:	YEG *YEG*
- Loại cổ phần *Type of shares*	:	Cổ phần phổ thông. *Ordinary shares.*
- Mệnh giá: *Par value*	:	10.000 đồng/cổ phiếu. *VND 10.000/share.*
- Vốn điều lệ Công Ty trước thời điểm chào bán *Company's charter capital before issuance*	:	1.370.014.540.000 đồng, tương ứng 137.001.454 cổ phiếu. *VND 1,370,014,540,000, equivalent to 137,001,454 shares.*
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán *Number of estimated shares to additionally issue*	:	54.800.581 cổ phiếu tương ứng bằng 40% số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chào bán. *54,800,581 shares, equivalent to 40% of the number of outstanding shares at the time of offering.*
- Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá *Total expected offering value at par value*	:	548.005.810.000 đồng. *VND 548.005.810.000.*
- Mục đích chào bán *Purpose of offering*	:	▪ Nhằm nâng cao năng lực về vốn, tương xứng với tổng giá trị tài sản hiện tại mà Công Ty đang sở hữu. *To improve capital capacity, commensurate with the total value of Company's current assets.* ▪ Bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty (nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp hoặc đầu tư dưới các hình thức khác để phát triển hoạt động kinh doanh Công Ty; thực hiện các kế hoạch góp vốn; bổ sung vốn lưu động của Công Ty; cơ cấu lại các khoản nợ). *Supplement capital to serve the Company's business activities (receive transfer of shares/capital contributions or invest in other forms to develop the Company's business activities; implement plans capital contribution plan; supplementing the Company's working capital; debt restructuring).*
- Hình thức chào bán *Form of offering*	:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. *Offering additional shares to existing shareholders.*
- Tỷ lệ thực hiện quyền *Ratio of rights execution*	:	100:40 (Tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 40 cổ phiếu mới). *100:40 (On the record date for rights execution, shareholders owning 01 share will receive 01 right,*

shareholders owning 100 rights enable to purchase 40 new shares).

- Đối tượng chào bán : Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
  Subject of offering *Existing shareholders whose names are on the list of shareholders on the record date for rights execution to purchase additional shares offered granted by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) according to regulations.*
- Giá chào bán dự kiến : 10.000 đồng/cổ phiếu.
  The expected offering price *VND 10,000/share*
- Tổng số vốn huy động theo giá chào bán dự kiến : 548.005.810.000 đồng.
  Total expected offering value at offering price *VND 548,005,810,000.*
- Thặng dư cổ phần : 0 đồng.
  Share capital surplus *VND 0.*
- Thời gian thực hiện dự kiến : Dự kiến trong Quý III hoặc Quý IV năm 2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có chấp thuận bằng văn bản.
  Estimated implementation time *Expected in the third or fourth quarter of 2024, after receiving written approval from the State Securities Commission.*
- Phương thức phân phối : Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
  Distribution method *Distribution by exercising the subscription rights of existing shareholders.*
- Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên theo Danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác.
  Transfer of subscription rights *Existing shareholders in the shareholders list on the record date for subscription rights to purchase additional shares have the rights to transfer their rights to another within the prescribed time and may only transfer 01 (one) time. The party receiving the transfer of the right to purchase from an existing shareholder shall not be allowed to transfer it to another party.*
  Các bên tự thoả thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.

The parties shall agree on the transfer value, payment and be responsible for the obligations as prescribed related to the transfer of purchase rights.

- Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý số lượng cổ phiếu lẻ
  Rounding principles and handling decimal of shares : Số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được xử lý theo phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán.

  The number of additional shares offered that existing shareholders are entitled to purchase will be rounded down to units. The number of decimal shares (if any) will be handled according to the plan for handling undistributed shares after the offering.

  Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 154 cổ phiếu YEG. Cổ đông A sẽ được hưởng 154 quyền. Cổ đông A sẽ được quyền mua thêm: 154*40/100 = 61,6 cổ phiếu YEG. Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A được quyền mua thêm 61 cổ phần YEG. Phần lẻ thập phân 0,6 cổ phiếu sẽ được xử lý theo phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết.

  *For example: On the record date for exercising rights, shareholder A owns 154 YEG shares. Shareholder A will be entitled to 154 rights. Shareholder A will be entitled to purchase: 154*40/100 = 61.6 YEG shares. According to the rounding principle, shareholder A is entitled to purchase 61 YEG shares. The decimal of 0.6 shares will be handled according to the plan for handling the number of undistributed shares.*

- Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có)
  Plan for handling the number of undistributed shares (if any) : Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (bao gồm số lượng cổ phiếu dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, số lượng cổ phần phát sinh lẻ do làm tròn) sẽ được HĐQT quyết định huỷ bỏ hoặc chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc theo quyết định khác của HĐQT tùy từng tình hình thực tế.

  The remaining undistributed shares (including the number of shares remaining due to shareholders not exercising their rights, not paying for the purchase, and the fractional of shares arising due to rounding) will be decided by the BOD to be canceled or offered to other investors at an offering price not lower than the offering price for existing shareholders or according to other decisions of the BOD depending on the actual situation.

Trong trường hợp phân phối tiếp. HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết. Việc phân phối cổ phiếu chưa bán hết phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

In case of further distribution, the BOD will determine the criteria and list of investors eligible to purchase undistributed shares. The distribution of undistributed shares must comply with the provisions of Article 42 of Decree 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government and Article 195 of the Law on Enterprises.

Trong trường hợp hết thời hạn phân phối số lượng cổ phiếu này theo quy định của pháp luật mà vẫn chưa phân phối hết thì số lượng cổ phiếu này được hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.

In case the distribution period of these shares expires according to the provisions of law but the distribution is not yet completed, these shares will be cancelled and the offering period will end.

- Các hạn chế liên quan *Related restrictions* : Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Additional shares offered to existing shareholders are not subject to transfer restrictions.

Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong trạng thái hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

Existing shareholders who own shares in a restricted transfer status are still entitled to purchase additional shares offered. The number of additional shares purchased from exercising right will not be subject to transfer restrictions.

Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh lẻ do làm tròn sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

The number of undistributed shares offered to other investors arising from rounding will not be subject to transfer restrictions.

Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

The number of undistributed shares offered to other investors arising from shareholders not exercising the right or not paying will be subject to transfer restrictions for 01 (one) year from the end date of the offering.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không áp dụng.
  Minimum successful offering rate : *Not applicable.*

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

Article 2. *To approve the detailed plan for using capital raised from the public offering of additional shares to existing shareholders:*

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công Ty bao gồm:

The total proceeds from the offering are expected to be used to supplement the Company's working capital, including:

Stt/ *No.*	**Phương án sử dụng vốn/*Capital utilization plan***	**Giá trị (đồng)/*Value (VND)***	**Phương thức sử dụng tiền/ *Method of using capital***
1	Thanh toán hoàn trả tiền vay để mua cổ phần Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *Repayment of the loan for the purchase of shares of Netlink Vietnam Communication Technology Joint Stock Company*	100.062.000.000	Quý IV/2024 và/hoặc Quý I/2025 *Quarter IV/2024 and/or Quarter I/2025*
2	Thanh toán hoàn trả tiền vay để mua cổ phần Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital *Repayment of the loan for the purchase of shares of Yeah1 Edigital Joint Stock Company*	127.088.550.000	Quý IV/2024 và/hoặc Quý I/2025 *Quarter IV/2024 and/or Quarter I/2025*
3	Bổ sung nguồn vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty cho các hoạt động kinh doanh sản xuất nội dung *Supplementary funding to support the company's ongoing business operations for content production activities.*	47.455.260.000	Quý IV/2024 và/hoặc năm 2025 *Quarter IV/2024 and/or Quarter I/2025*
4	Thanh toán góp tăng vốn cho Công ty TNHH 1Production	211.000.000.000	Quý IV/2024 và/hoặc Quý I/2025

Stt/ *No.*	Phương án sử dụng vốn/*Capital utilization plan*	Giá trị (đồng)/*Value (VND)*	Phương thức sử dụng tiền/ *Method of using capital*
	Payment for capital contribution to 1Production Company Limited		*Quarter IV/2024 and/or Quarter I/2025*
5	Thanh toán nợ vay Ngân hàng Vietinbank *Repayment of Vietinbank debt*	62.400.000.000	Quý IV/2024 và/hoặc năm 2025 *Quarter IV/2024 and/or Quarter I/2025*
	Tổng cộng/*Total*	**548.005.810.000**	

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công Ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn theo thứ tự từ (1) đến (5).

In case of not collecting enough capital according to the issuance plan: In case the amount collected is not enough to use for all the above purposes, the Company will prioritize using capital in order from (1) to (5).

Đồng thời trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên, HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý sao cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

At the same time, in case the above amount is not fully mobilized, the BOD has the full right to decide and rebalance the capital source or propose a suitable solution to compensate for the expected capital shortage mobilized from the offering so as not to affect the capital source as well as the business activities of the Company.

Điều 3. Thông qua cam kết triển khai đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán: Hội đồng quản trị cam kết sẽ triển khai việc đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (mã chứng khoán: YEG) trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định khác có liên quan.

Article 3. *To approve the commitment to implement the registration for listing of additional shares on the stock exchange system: The BOD commits to implement the registration for listing additional shares of Yeah1 Group Corporation (Ticker: YEG) on the stock exchange system after the end of offerring according to the provisions of Clause 2, Article 15 and Clause 2, Article 29 of the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and other related regulations.*

Điều 4. Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCD ngày 06/05/2024:

Article 4. *To approve of the plan to ensure the foreign ownership ratio of the public offering of additional shares to existing shareholders in accordance with Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 616/2405/YEG/NQ/ĐHDCD dated May 6, 2024:*

Theo Công văn số 4316/UBCK-PTTT ngày 11/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty là 49%.

According to Official Letter No. 4316/UBCK-PTTT dated July 11, 2024 of the State Securities Commission, the maximum foreign ownership ratio at the Company is 49%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công Ty tính đến thời điểm 05/09/2024 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VSDC: 2,77%. *(Link: https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/461/9IEKl_05092024%20viet.pdf)*
The foreign ownership ratio at the Company as of September 05, 2024 according to information on foreign investor ownership data of VSDC: 2,77% (Link: https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/461/9IEKl_05092024%20viet.pdf)

Để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài như sau:

To ensure compliance with the provisions of the Law, the BOD has approved a plan to ensure that the issuance of shares meets the foreign investor ratio as follows:

- Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này của Công Ty, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công Ty. Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này theo tỷ lệ thực hiện quyền mua theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

  For this public offering of additional of shares to existing shareholders of the Company, if all existing shareholders exercise their rights according to the proportion of shares owned, the foreign ownership ratio at the Company will not change. Existing shareholders who are foreign investors are entitled to purchase additional shares issued in this offering according to the proportion of the rights exercised as prescribed in Clause 5, Article 139 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020.

- Đối với số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết: HĐQT cam kết chỉ phân phối số cổ phiếu này cho nhà đầu tư trong nước.

  For the remaining undistributed shares: The BOD commits to only distribute these shares to domestic investors.

Điều 5. HĐQT giao và ủy quyền cho Bà Lê Phương Thảo – Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện pháp luật của Công Ty thực hiện các công việc cần thiết và ký kết các văn bản liên quan để triển khai và hoàn tất phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Article 5. *The BOD assigns and authorizes Ms. Le Phuong Thao - Chairwoman of the BOD and Legal Representative of the Company to perform necessary tasks and sign related documents to implement and complete the plan on additional shares offering for the existing shareholders*

and carry out the procedures for registration of issuance with the State Securities Commission (SSC), additional depository registration at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and additional listing at the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) to ensure compliance with legal regulations.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên HĐQT, Ban Điều hành Công Ty, các Bộ phận, Phòng, Ban và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

This Resolution takes effect from the date of signing. Members of the BOD, the Company's Executive Board, relevant Departments, Divisions, Boards and individuals are responsible for implementing this Resolution.

Nơi nhận/*Recipient:*
- *Như Điều 6/As Article 6:*
- *Lưu văn thư/Archived.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRWOMAN

LÊ PHƯƠNG THẢO

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 5 2 3 2 1 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày: 13 -12- 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC
S.Đ.K.H.Đ: 41020058 - C.T.H.D
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Vũ Thu Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 Tháng 12 Năm 2023
M.S.D.N: 0304592171 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Lê Phương Thảo

tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 8
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 9
Điều 12. Quyền của cổ đông 9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 17. Thay đổi các quyền 15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 23

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 30
Điều 34. Người điều hành Công ty 30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 30
IX. BAN KIỂM SOÁT 31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 31
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 31
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 32
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 32
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 33
Điều 40bis. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 33
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng 33
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 34
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 35
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 36
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 36
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 36
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 36
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 36
Điều 48. Năm tài chính 37
Điều 49. Chế độ kế toán 37

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 37
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 37
Điều 51. Báo cáo thường niên 37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 37
Điều 52. Kiểm toán 37
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 38
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 38
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 38
Điều 54. Giải thể công ty 38
Điều 55. Gia hạn hoạt động 38
Điều 56. Thanh lý 39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 39
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 40
Điều 58. Điều lệ công ty 40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 40
Điều 59. Ngày hiệu lực 40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 219 /2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

p) *Ban kiểm soát* có nghĩa là Ban kiểm soát thuộc mô hình tổ chức quản lý công ty cổ phần được quy định tại điểm a, khoản 1, điều 137 Luật Doanh Nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Yeah1 Group Corporation**

- Tên Công ty viết tắt: **YEG CORP**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**

- Điện thoại: (+84) 28 7300 6071

- Fax: 08 3910 1073

- E-mail: ir@yeah1.vn

- Website: www.Yeah1group.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Tổng giám đốc;

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này các quy định khác của Công ty tại từng thời điểm.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	**Hoạt động tư vấn quản lý** *Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). (Doanh nghiệp không được cung cấp dịch vụ trọng tài hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán; không được cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn; không được cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng hoạt động lĩnh vực quảng cáo; không được thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động - việc làm, hoạt động vận động hành lang).*	7020 (Chính)
2	**Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận** *Chi tiết: Nghiên cứu thị trường (Doanh nghiệp không được thực hiện dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng quy định tại CPC 86402).*	7320

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Kinh doanh có hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; huy động vốn của các cá nhân, tổ chức kinh tế để đầu tư mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp; phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 312.799.680.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm mười hai tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 31.279.968 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo

quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền, bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu trực tuyến hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu

quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bằng thể thức Công ty trực tiếp thực hiện và/hoặc sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định về việc cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam) ("VSD").

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của VSD sẽ được thực hiện theo đúng quy định của VSD.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do Công ty trực tiếp thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông vào bất kỳ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần, phương án phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành trái phiếu của Công ty, bao gồm cả trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế, trừ trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng

trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 3 đến 5 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40bis. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán trước đây, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm theo ngày tháng năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn

vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 nhất trí thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Các bản sao được công chứng, chứng thực hợp pháp sẽ có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

LÊ PHƯƠNG THẢO

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

(Ban hành kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ngày 02 tháng 6 năm 2023)

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số Giấy chứng minh nhân dân
1	Nguyễn Ánh Nhượng Tống	R6 Khu Gia Cư Bàu Cát, Đường Nội Bộ, Phường 14, Quận Tân Bình, TPHCM	Cổ phần phổ thông	300	300.000	60%	023014802
2	Lê Đăng Thiện	26/289 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TPHCM	Cổ phần phổ thông	195	195.000	39%	023080444
3	Nguyễn Thị Tú Anh	18Bis/13/1 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Quận 1, TPHCM	Cổ phần phổ thông	5	5.000	1%	024042591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 ---------***---------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ---------***---------
Số: 506 /2309/PL/YEG	*TP.HCM, ngày 13 tháng 09 năm 2023*

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Sửa đổi Điều lệ ngày 02/06/2023 lần thứ 1 ngày 12/09/2023)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ngày 02/06/2023;*
- *Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 505/2309/YEG/NQ/HĐQT ngày 13/09/2023;*

Điều 1: Sửa đổi Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 như sau:

Điều, khoản	Khối nội dung cũ	Khối nội dung mới
Khoản 1 Điều 6	1. Vốn điều lệ của Công ty là **312.799.680.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm mười hai tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).** Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **31.279.968** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	1. Vốn điều lệ của Công ty là **762.799.680.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).** Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **76.279.968** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Điều 2: Điều khoản chung

Các điều khoản khác của Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 không được đề cập và sửa đổi tại Điều 1 của Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Nội dung sửa đổi tại Điều 1 có hiệu lực kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận sự thay đổi vốn điều lệ.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 Tháng 12 Năm 2023
M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Lê Phương Thảo

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ PHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
---------***---------
Số: 692-2312-PL-YEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---------***---------
TP. HCM, ngày 29 tháng 12 năm 2023

SAO Y BẢN CHÍNH
26 Tháng 12 Năm 2024

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

(Sửa đổi Điều lệ ngày 02/06/2023 lần thứ 2 ngày 29/12/2023)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công Ty**") ban hành ngày 02/06/2023 và Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công ty lần thứ 1 ngày 13/09/2023;*
- *Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công Ty số 691-2312-NQ-HĐQT-YEG ngày 29/12/2023;*

Điều 1: Sửa đổi Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 như sau:

Điều, khoản	Khối nội dung cũ	Khối nội dung mới
Khoản 1 Điều 6	1. Vốn điều lệ của Công ty là **762.799.680.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).* Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **76.279.968 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	1. Vốn điều lệ của Công ty là **1.313.532.640.000 đồng** (*Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười ba tỷ, năm trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **131.353.264 cổ phần** (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi bốn cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Điều 2: Điều khoản chung

Các điều khoản khác của Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 không được đề cập và sửa đổi tại Điều 1 của Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Nội dung sửa đổi tại Điều 1 có hiệu lực kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận sự thay đổi vốn điều lệ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ PHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
---------***---------

Số: 764/2406/PL/YEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---------***---------

TP. HCM, ngày 21 tháng 06 năm 2024

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 Tháng 12 Năm 2024

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

(Sửa đổi Điều lệ ngày 02/06/2023 lần thứ 3 ngày 21/06/2024)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công Ty") ban hành ngày 02/06/2023, Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công Ty lần thứ 1 ngày 13/09/2023 và Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công Ty lần thứ 2 ngày 29/12/2023;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 616/2405/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 06/05/2024 đã được thông qua ("Nghị Quyết ĐHĐCĐ 616") và Tờ trình số 175/2404/TT/ĐHĐCĐ/YEG ngày 12/04/2024 về việc ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công Ty cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh vào Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công Ty;*
- *Căn cứ Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty số 762/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 21/06/2024;*

Điều 1: Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công Ty ban hành ngày 02/06/2023 ("Điều Lệ Công Ty") như sau:

- Khối nội dung cũ:

"1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	**Hoạt động tư vấn quản lý** *Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). (Doanh nghiệp không được cung cấp dịch vụ trọng tài hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán; không được cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn; không được cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng hoạt động lĩnh vực quảng cáo; không được thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động - việc làm, hoạt động vận động hành lang).*	7020 (Chính)
2	**Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận** *Chi tiết: Nghiên cứu thị trường (Doanh nghiệp không được thực hiện dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng quy định tại CPC 86402).*	7320

- Khối nội dung mới:

"1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành

1	**Hoạt động tư vấn quản lý** *Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). (Doanh nghiệp không được cung cấp dịch vụ trọng tài hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán; không được cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn; không được cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng hoạt động lĩnh vực quảng cáo; không được thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động - việc làm, hoạt động vận động hành lang).*	7020 (Chính)
2	**Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận** *Chi tiết: Nghiên cứu thị trường (Doanh nghiệp không được thực hiện dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng quy định tại CPC 86402).*	7320
3	**Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu** *(trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ phân phối thuốc lá và xì gà, sách báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).*	4799
4	**Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí** *Chi tiết: Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống và xiếc) (CPC 9619) (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hoá chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).*	9000

Điều 2: Điều khoản chung

Các nội dung khác tại Điều Lệ Công Ty, Phụ lục điều chỉnh Điều Lệ Công Ty lần thứ 1 ngày 13/09/2023 và Phụ lục điều chỉnh Điều Lệ Công Ty lần thứ 2 ngày 29/12/2023 không được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục điều chỉnh Điều Lệ Công Ty lần thứ 3 này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Nội dung sửa đổi tại Điều 1 có hiệu lực kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ghi nhận sự thay đổi ngành nghề kinh doanh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

LÊ PHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
---------***---------
Số: 811 /2407/PL/YEG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---------***---------

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 Tháng 12 Năm 2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lê Phương Thảo

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Sửa đổi Điều lệ ngày 02/06/2023 lần thứ 4 ngày 09/07/2024)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") ngày 02/06/2023, Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công ty lần thứ 01 ngày 13/09/2023, Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công ty lần thứ 02 ngày 29/12/2023, Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công ty lần thứ 03 ngày 21/06/2024;*
- *Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 807/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 09/07/2024.*

Điều 1: Sửa đổi Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty như sau:

Điều, khoản	Khối nội dung cũ	Khối nội dung mới
Khoản 1 Điều 6	1. "Vốn điều lệ của Công ty là **1.313.532.640.000 đồng** *(Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười ba tỷ năm trăm ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).* Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **131.353.264 cổ phần** *(Bằng chữ: Một trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi bốn cổ phần)* với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần."	1. Vốn điều lệ của Công ty là **1.370.014.540.000 đồng** *(Bằng chữ: Một nghìn ba trăm bảy mươi tỷ không trăm mười bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).* Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **137.001.454 cổ phần** *(Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu không trăm lẻ một nghìn bốn trăm năm mươi bốn cổ phần)* với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Điều 2: Điều khoản chung

Các điều khoản khác của Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ban hành ngày 02/06/2023, Phụ lục điều chỉnh Điều Lệ Công ty lần thứ 01 ngày 13/09/2023, Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công ty lần thứ 02 ngày 29/12/2023, Phụ lục điều chỉnh Điều lệ Công ty lần thứ 03 ngày 21/06/2024 không được đề cập và sửa đổi tại Điều 1 của Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Nội dung sửa đổi tại Điều 1 có hiệu lực kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận sự thay đổi vốn điều lệ Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

LÊ PHƯƠNG THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 tháng 12 NĂM 2022

NỘI DUNG | TRANG

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B02 – DN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B03 – DN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B09 – DN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 28 ngày 7 tháng 7 năm 2022.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	Chủ tịch (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Trần Hoài Nam	Phó Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
	Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên (từ ngày 21 tháng 12 năm 2022)
	Ông Lê Minh Nhật Tín	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022 đến ngày 21 tháng 12 năm 2022)
	Ông Don Di Lam	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Trần Quốc Bảo	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Lý Trường Chiến	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
	Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
	Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đoàn Viên	Quyền Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2023)
	Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 9 năm 2022)
	Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022)
	Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022 đến ngày 1 tháng 3 năm 2023)
	Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 9 năm 2022)
	Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
	Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với Báo cáo Tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 6 đến trang 48. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lê Phương Thảo
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28)38230796, www.pwc.com/vn

pwc

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Võ Ngọc Huyền
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13616
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**291.336.732.031**	**585.248.385.719**
110	**Tiền**		**17.365.013.108**	**637.309.463**
111	Tiền	3	17.365.013.108	637.309.463
120	**Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**50.000.000**	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000	-
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**272.339.132.314**	**583.014.813.478**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.748.139.261	36.013.324.374
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		156.181.002	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	173.136.646.038	174.232.088.739
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	91.598.166.013	392.869.400.365
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(20.300.000.000)	(20.100.000.000)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**1.582.586.609**	**1.596.262.778**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.582.586.609	220.355.550
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	-	1.375.907.228

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.003.844.072.670**	**727.685.825.687**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**220.139.444.500**	**73.865.041.288**
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	119.000.000.000	70.307.121.785
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	101.139.444.500	3.557.919.503
220	**Tài sản cố định**		**2.108.361.872**	**6.783.178.926**
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	293.235.502	407.975.684
222	Nguyên giá		1.833.778.240	4.937.142.786
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.540.542.738)	(4.529.167.102)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	1.815.126.370	6.375.203.242
228	Nguyên giá		2.524.382.154	7.024.382.154
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(709.255.784)	(649.178.912)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**5.000.000.000**	**5.086.363.637**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.000.000.000	5.086.363.637
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**774.002.931.326**	**639.469.441.165**
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.206.677.412.233	1.074.515.628.233
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	17.715.625.000	9.615.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(a), 4(b)	(450.390.105.907)	(444.661.812.068)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**2.593.334.972**	**2.481.800.671**
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	2.593.334.972	2.481.800.671
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**1.295.180.804.701**	**1.312.934.211.406**

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**113.841.039.853**	**139.015.351.185**
310	**Nợ ngắn hạn**		**113.841.039.853**	**139.015.351.185**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.426.835.606	4.670.372.687
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	-	1.338.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	3.441.434.852	2.206.475.636
314	Phải trả người lao động		1.525.057.726	4.115.112.818
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.414.710.929	1.303.195.829
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	60.822.591.340	103.508.092.337
320	Vay ngắn hạn	17	43.210.409.400	21.874.101.883
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.181.339.764.848**	**1.173.918.860.221**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**1.181.339.764.848**	**1.173.918.860.221**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	312.799.680.000	312.799.680.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*312.799.680.000*	*312.799.680.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	550.873.478.254	550.873.478.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	317.666.606.594	310.245.701.967
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*308.003.499.267*	*526.592.513.565*
421b	*- LNST/(lỗ) của năm nay*		*9.663.107.327*	*(216.346.811.598)*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**1.295.180.804.701**	**1.312.934.211.406**

Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên	Lê Phương Thảo
Người lập/ Kế toán trưởng	Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Chủ tịch
		Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**42.893.398.706**	**31.300.338.617**
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20	**42.893.398.706**	**31.300.338.617**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	21	**(30.332.433.385)**	**(31.134.353.836)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**12.560.965.321**	**165.984.781**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22	28.257.430.684	257.066.800.574
22	Chi phí tài chính	23	(7.297.483.988)	(426.261.224.928)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	23	*(1.569.190.149)*	*(754.848.361)*
25	Chi phí bán hàng	24	(52.269.317)	(826.948.996)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(13.702.766.739)	(22.526.115.450)
30	**Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**19.765.875.961**	**(192.381.504.019)**
31	Thu nhập khác	26	2.825.258.596	-
32	Chi phí khác	26	(12.928.027.230)	(22.178.146.704)
40	**Lỗ khác**		**(10.102.768.634)**	**(22.178.146.704)**
50	**Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**9.663.107.327**	**(214.559.650.723)**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	27	-	**(1.787.160.875)**
52	**Thuế TNDN hoãn lại**	27	-	-
60	**Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN**		**9.663.107.327**	**(216.346.811.598)**

Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên	Lê Phương Thảo
Người lập/ Kế toán trưởng	Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Chủ tịch
		Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**9.663.107.327**	**(214.559.650.723)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		210.726.145	489.189.071
03	Dự phòng		5.928.293.839	431.886.376.567
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.553.780.048)	(257.066.800.574)
06	Chi phí lãi vay		1.569.190.149	754.848.361
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**(13.182.462.588)**	**(38.496.037.298)**
09	Tăng các khoản phải thu		(49.590.006.110)	(9.203.991.023)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(43.162.851.344)	35.241.258.019
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.473.765.360)	16.933.139.801
14	Tiền lãi vay đã trả		(406.534.355)	(555.183.977)
15	Thuế TNDN đã nộp		(10.423.299)	(1.503.119.750)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(107.826.043.056)**	**2.416.065.772**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(35.909.091)	(454.545.455)
23	Tiền chi cho vay		(320.287.581.035)	(201.111.285.967)
24	Tiền thu hồi cho vay		345.171.745.521	175.589.459.289
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(150.964.984.000)	(1.684.216.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.210.452.833	6.394.547.167
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		30.834.714.956	2.799.516
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**93.928.439.184**	**(21.263.241.450)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn		53.189.675.636	81.638.567.260
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(22.564.368.119)	(64.311.579.072)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**30.625.307.517**	**17.326.988.188**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**16.727.703.645**	**(1.520.187.490)**
60	**Tiền đầu năm**	3	**637.309.463**	**2.157.496.953**
70	**Tiền cuối năm**	3	**17.365.013.108**	**637.309.463**

Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên	Lê Phương Thảo
Người lập/ Kế toán trưởng	Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Chủ tịch
		Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán - Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là "YEG".

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty sở hữu gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 5 công ty sở hữu gián tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 58 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 41 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng năm theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	56.601.896	400.319.892
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.308.411.212	236.989.571
	17.365.013.108	637.309.463

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	2022				2021			
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	383.785.632.263	99,98	399.900.000.000	(*)	367.654.331.414
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,98	588.167.412.233	(*)	-	99,98	588.167.412.233	(*)	-
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam (ii)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,89	79.910.000.000	(*)	-	90,00	810.000.000	(*)	810.000.000
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hoạt động hậu kỳ, ghi âm và xuất bản âm nhạc	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000
7	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (iii)	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	76.500.000.000	(*)	-	-	-	-	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam (i)	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	70,00	10.538.000.000	(*)	5.348.848.644	70,00	10.538.000.000	(*)	5.348.848.644
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 (i)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (i)	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 (iv)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, thiết kế website	99,00	-	-	-	99,00	14.850.000.000	(*)	2.762.416.010
12	Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform (v)	TP. Hồ Chí Minh	Cổng xử lý dữ liệu thông tin, dịch vụ thông tin, quảng cáo	99,98	-	-	-	99,98	8.588.216.000	(*)	8.588.216.000
					1.206.677.412.233		440.774.480.907		1.074.515.628.233		436.803.812.068

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm theo vốn điều lệ tại các công ty con này.

(ii) Trong năm 2022, Công ty đã tăng số vốn góp tương ứng với số tiền 79.100.000.000 Đồng để nâng giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam từ 810.000.000 Đồng lên 79.910.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nâng quyền sở hữu và biểu quyết tại Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam từ 90,00% lên 99,89%.

(iii) Trong năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc mua 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") với tổng giá trị chuyển nhượng là 76.500.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nắm quyền kiểm soát tại STV. Cũng theo việc chuyển nhượng này, công ty TNHH MTV Style TV đã trở thành công ty con gián tiếp của Công ty.

(iv) Trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 với tổng giá trị chuyển nhượng 14.850.000.000 Đồng. Công ty không phát sinh lãi, lỗ từ việc thanh lý này. Cũng theo việc chuyển nhượng này, công ty Cổ phần ZeroZ Creative hiện đang có phần vốn góp của Công ty Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.

(v) Trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform với tổng giá trị chuyển nhượng 13.983.200.000 Đồng. Công ty không phát sinh lãi, lỗ từ việc thanh lý này.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	2022		2021	
				Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99	100,00	-	-
4	Công ty TNHH MTV Style TV	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	100,00	-	-
5	Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	99,63	100,00
6	Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim và dịch vụ thiết kế chuyên nghiệp	-	-	94,05	95,00
7	Công ty TNHH Thương mại Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, dịch vụ quảng cáo	-	-	50,99	51,00

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		2022				2021			
Tên công ty	Hoạt động chính	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	1.757.625.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming (i)	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	8.100.000.000	(*)	-	-	-	-	-
			17.715.625.000		9.615.625.000		9.615.625.000		7.858.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Trong năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming với số tiền là 8.100.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nắm 18% tỷ lệ sở hữu và 18% quyền biểu quyết tại công ty này.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	6.480.000.000	1.564.386.222
Công ty Cổ phần Giải trí TKK	4.320.000.000	-
Khác	6.660.887.713	2.822.473.874
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	10.287.251.548	31.626.464.278
	27.748.139.261	36.013.324.374

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Ông Trần Minh Việt (*)	76.540.600.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số (**)	24.939.396.607	-
Khác (**)	36.035.133.315	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b)) (**)	35.621.516.116	174.232.088.739
	173.136.646.038	174.232.088.739

(*) Số dư thể hiện khoản cho vay với lãi suất 8%/năm, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và được đảm bảo bằng cổ phần của bên thứ ba tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital.

(**) Số dư thể hiện các khoản cho vay với lãi suất từ 6%/năm đến 8,7%/năm, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Vital Investment Group (*)	119.000.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số	-	39.090.075.288
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	-	31.217.046.497
	119.000.000.000	70.307.121.785

(*) Số dư thể hiện khoản cho vay với lãi suất 8,5%/năm, có thời hạn cho vay trên 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng cho nhân viên	30.220.039.367	-	73.456.925.660	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	17.500.000.000	(17.500.000.000)	17.500.000.000	(17.500.000.000)
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	13.983.200.000	-	250.901.052.833	-
Phải thu lãi	10.809.025.678	(2.100.000.000)	3.464.219.172	(2.100.000.000)
Đặt cọc	1.477.711.125	(700.000.000)	1.000.000.000	(500.000.000)
Tạm ứng thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	2.242.202.700	-
Phải thu cổ tức	16.999.811.111	-	44.160.000.000	-
Khác	608.378.732	-	145.000.000	-
	91.598.166.013	(20.300.000.000)	392.869.400.365	(20.100.000.000)
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	25.666.935.320	-	58.155.877.069	-
Bên thứ ba	65.931.230.693	(20.300.000.000)	334.713.523.296	(20.100.000.000)
	91.598.166.013	(20.300.000.000)	392.869.400.365	(20.100.000.000)

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 Đồng, trong đó, Công ty đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 Đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 Đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này (Thuyết minh 8).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 20.600.000.000 Đồng, như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

(b) Dài hạn

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	100.565.000.000	-	-	-
Đặt cọc	574.444.500	-	110.000.000	-
Bảo lãnh thanh toán	-	-	3.447.919.503	-
	101.139.444.500	-	3.557.919.503	-
Trong đó:				
Bên thứ ba	101.139.444.500	-	110.000.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	-	-	3.447.919.503	-
	101.139.444.500	-	3.557.919.503	-

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Unicorn Venture về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	2022			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)	Từ 2 năm đến 3 năm
	20.600.000.000	300.000.000	(20.300.000.000)	

	2021			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	500.000.000	(500.000.000)	Từ 1 năm đến 2 năm
	20.600.000.000	500.000.000	(20.100.000.000)	

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	1.159.452.787	210.976.827
Công cụ, dụng cụ	423.133.822	9.378.723
	1.582.586.609	220.355.550

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	220.355.550	3.717.952.045
Tăng	3.883.695.879	288.921.678
Phân bổ trong năm	(2.521.464.820)	(3.491.291.885)
Thanh lý	-	(295.226.288)
Số dư cuối năm	1.582.586.609	220.355.550

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	1.383.873.724	828.909.844
Chi phí dịch vụ trả trước	770.806.387	1.616.261.651
Công cụ, dụng cụ	438.654.861	36.629.176
	2.593.334.972	2.481.800.671

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.481.800.671	15.917.343.977
Tăng	1.789.863.494	-
Phân bổ trong năm	(1.678.329.193)	(4.105.924.955)
Thanh lý	-	(9.329.618.351)
Số dư cuối năm	2.593.334.972	2.481.800.671

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.797.869.149	3.139.273.637	**4.937.142.786**
Mua trong năm	35.909.091	-	**35.909.091**
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.139.273.637)	**(3.139.273.637)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.833.778.240	-	**1.833.778.240**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.431.051.671	3.098.115.431	**4.529.167.102**
Khấu hao trong năm	109.491.067	41.158.206	**150.649.273**
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.139.273.637)	**(3.139.273.637)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.540.542.738	-	**1.540.542.738**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	366.817.478	41.158.206	**407.975.684**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	293.235.502	-	**293.235.502**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.181.122.376 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.814.706.013 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.500.000.000	2.524.382.154	**7.024.382.154**
Thanh lý, nhượng bán	(4.500.000.000)	-	**(4.500.000.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	2.524.382.154	**2.524.382.154**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	649.178.912	**649.178.912**
Khấu hao trong năm	-	60.076.872	**60.076.872**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	709.255.784	**709.255.784**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.500.000.000	1.875.203.242	**6.375.203.242**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	1.815.126.370	**1.815.126.370**

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án khác	-	86.363.637
	5.000.000.000	5.086.363.637

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, dự án trên vẫn đang trong quá trình triển khai.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	174.090.520	174.090.520	286.000.000	286.000.000
Công ty TNHH Quảng cáo Phượng Hoàng	152.800.560	152.800.560	-	-
Khác	1.094.884.526	1.094.884.526	3.301.672.687	2.593.172.688
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	5.060.000	5.060.000	1.082.700.000	1.082.700.000
	1.426.835.606	1.426.835.606	4.670.372.687	3.961.872.688

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.338.000.000

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	1.375.907.228	2.373.206.755	(3.749.113.983)	-	-	-
(b) Phải nộp						
Thuế TNDN	284.041.125	-	-	(273.617.826)	(10.423.299)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.917.434.511	2.846.971.061	-	(1.792.478.034)	(2.458.080.204)	513.847.334
Thuế GTGT	-	4.612.455.864	(3.749.113.983)	-	-	863.341.881
Khác	5.000.000	3.000.000	-	2.066.095.860	(9.850.223)	2.064.245.637
	2.206.475.636	7.462.426.925	(3.749.113.983)	-	(2.478.353.726)	3.441.434.852

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Lương tháng 13	1.108.560.000	-
Mua hàng	1.775.940.019	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.510.910	-
Chi phí thuê văn phòng	-	1.151.700.000
Khác	700.000	151.495.829
	3.414.710.929	1.303.195.829

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Phải trả từ chuyển nhượng vốn góp	56.500.000.000	38.400.000.000
Lãi vay	1.162.655.794	-
Nhận đặt cọc	-	58.800.000.000
Khác	3.159.935.546	6.308.092.337
	60.822.591.340	103.508.092.337
Trong đó:		
Bên thứ ba	60.743.351.304	44.637.066.091
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	79.240.036	58.871.026.246
	60.822.591.340	103.508.092.337

17 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Cấn trừ (*) VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Bên thứ ba (i)	14.196.000.000	36.000.000.000	(12.907.000.000)	(9.289.000.000)	28.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 29) (ii)	7.678.101.883	17.189.675.636	(9.657.368.119)	-	15.210.409.400
	21.874.101.883	53.189.675.636	(22.564.368.119)	(9.289.000.000)	43.210.409.400

(i) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các bên thứ ba với lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các bên liên quan với lãi suất 8%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(*) Đây là khoản cấn trừ giữa vay ngắn hạn với khoản cho vay ngắn hạn và khoản phải thu từ thanh lý TSCĐ.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.279.968	-	31.279.968	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ancla Asset Ltd.	3.419.249	10,93	3.419.249	10,93
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	-	-	7.731.408	24,72
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	-	-	3.048.192	9,74
Cổ đông khác	27.860.719	89,07	17.081.119	54,61
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	100	31.279.968	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	31.279.968	312.799.680.000	312.799.680.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	312.799.680.000	772.918.333.797	307.313.824.355	**1.393.031.838.152**
Lỗ thuần trong năm	-	-	(216.346.811.598)	**(216.346.811.598)**
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.766.166.333)	**(2.766.166.333)**
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ	-	(222.044.855.543)	222.044.855.543	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	312.799.680.000	550.873.478.254	310.245.701.967	**1.173.918.860.221**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.663.107.327	**9.663.107.327**
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	(2.242.202.700)	**(2.242.202.700)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	**1.181.339.764.848**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2022 số 156/2022/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, ĐHĐCĐ thông qua việc phê duyệt thù lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 2.242.202.700 Đồng.

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về cho thuê mặt bằng và tư vấn chiến lược	38.714.716.552	24.943.129.239
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	3.054.882.154	-
Doanh thu thuần khác	1.123.800.000	6.357.209.378
	42.893.398.706	31.300.338.617

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn cho thuê mặt bằng và tư vấn chiến lược	26.437.321.185	24.943.129.239
Giá vốn hàng bán	2.953.292.199	-
Giá vốn khác	941.820.001	6.191.224.597
	30.332.433.385	31.134.353.836

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức được chia (Thuyết minh 29(a))	16.999.811.111	44.160.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.019.332.573	626.799.513
Lãi thuần từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	-	212.280.001.061
Khác	238.287.000	-
	28.257.430.684	257.066.800.574

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.728.293.839	425.506.376.567
Chi phí lãi vay	1.569.190.149	754.848.361
	7.297.483.988	426.261.224.928

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.158.206	246.948.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.111.111	580.000.000
	52.269.317	826.948.996

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.082.633.293	8.598.695.049
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	3.474.186.638	4.649.828.606
Chi phí nhân viên	1.352.921.942	1.712.692.750
Chi phí thuê văn phòng	423.456.927	942.658.970
Chi phí dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	200.000.000	6.380.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.567.939	242.240.075
	13.702.766.739	22.526.115.450

26 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập khác		
Lãi thuần từ thanh lý TSCĐ	2.534.636.364	-
Khác	290.622.232	-
	2.825.258.596	-
Chi phí khác		
Chi phí từ thiện	12.012.022.397	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	16.645.979.157
Lỗ thuần do thanh lý chi phí trả trước	-	4.651.704.616
Khác	916.004.833	880.462.931
	12.928.027.230	22.178.146.704

27 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	9.663.107.327	(214.559.650.723)
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.932.621.465	(42.911.930.145)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.399.962.222)	(8.832.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	2.703.171.116	3.825.761.526
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(1.235.830.359)	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	47.918.168.619
Dự phòng thiếu của các năm trước	-	1.787.160.875
Chi phí thuế TNDN (*)	-	1.787.160.875
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	1.787.160.875
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	-	1.787.160.875

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	Đã thanh tra thuế	6.468.353.095	(6.179.151.796)	289.201.299
2020	Chưa thanh tra thuế	79.215.247.770	-	79.215.247.770
2021	Chưa thanh tra thuế	239.590.843.095	-	239.590.843.095

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	27.058.438.838	18.045.076.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.190.825.621	20.377.869.281
Chi phí khấu hao TSCĐ	210.726.145	489.189.071
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	200.000.000	6.380.000.000
Chi phí khác	3.474.186.638	4.649.828.606
	41.134.177.242	49.941.963.737

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	Công ty con (đến ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	Công ty con (đến ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	Công ty con (đến ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	Công ty con (đến ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	Công ty con (đến ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Đào Phúc Trí	Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ban Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Ban Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Ban Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Thanh Tân	Ban Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022 đến ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Ban Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Võ Thái Phong	Bên liên quan khác (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022 VND	2021 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	5.400.000.000	13.209.510.247
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.040.000.000	2.425.650.241
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	3.750.000.000	2.505.236.012
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	3.018.181.818	1.639.984.773
Các công ty con khác	1.066.534.731	9.207.164.797
Các công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	-	501.037.714
	18.274.716.549	29.488.583.784
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	13.292.299.621	1.162.529.275
Các công ty con khác	54.992.041	1.166.130.909
	13.347.291.662	2.328.660.184
iii) Cho vay		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	78.552.000.000	107.075.414.500
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	15.947.610.791	73.151.789.141
Các công ty con khác	14.840.818.395	20.884.082.326
	109.340.429.186	201.111.285.967
iv) Thu hồi cho vay		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	174.429.472.644	27.455.941.856
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	78.415.235.660	36.313.673.705
Các công ty con khác	8.074.363.206	111.819.843.728
	260.919.071.510	175.589.459.289

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Tiền lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	1.850.849.812	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.579.504.106	-
Các công ty con khác	1.927.268.005	623.999.997
	5.357.621.923	623.999.997
vi) Vay (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	12.775.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	2.345.520.402	5.811.474.260
Các công ty con khác	2.069.155.234	19.486.093.000
Ông Võ Thái Phong	-	6.999.000.000
Ban Tổng Giám đốc	-	700.000.000
	17.189.675.636	32.996.567.260
vii) Trả tiền vay (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	4.903.014.017	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	2.780.807.102	37.647.955.700
Các công ty con khác	1.973.547.000	26.663.623.372
	9.657.368.119	64.311.579.072
viii) Chi phí lãi vay		
Các công ty con	262.254.183	222.226.028
ix) Cổ tức được chia (Thuyết minh 22)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	16.999.811.111	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	44.160.000.000
	16.999.811.111	44.160.000.000

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
x) Hoàn trả đặt cọc		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	58.800.000.000	5.000.000.000
xi) Tạm ứng		
Ông Đào Phúc Trí	6.418.422.833	65.941.440
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	500.000.000	31.901.074.666
Ông Võ Thái Phong	-	11.584.547.167
	6.918.422.833	43.551.563.273
xii) Thu hồi tạm ứng		
Ông Đào Phúc Trí	4.177.078.651	23.000.000
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	-	12.215.273.925
Ông Võ Thái Phong	-	4.000.000.000
	4.177.078.651	16.238.273.925

xiii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

STT	Họ và Tên	Chức danh		
	Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")			
1	Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Chủ tịch HĐQT	-	1.212.000.000
	Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
1	Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	2.653.384.900	1.030.202.700
2	Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	1.339.864.000	-
3	Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	495.926.200	-
4	Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	743.148.922	1.254.063.805
5	Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	2.009.796.000	-
6	Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc	350.000.000	840.000.000
7	Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	350.000.000	4.418.750.000
8	Nguyễn Văn Cang	Phó Tổng Giám đốc	-	318.000.000
9	Hồ Nam Đông	Phó Tổng Giám đốc	-	75.000.000
			7.942.120.022	7.936.016.505

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	6.515.782.550	5.541.782.550
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Care	1.370.205.927	2.705.759.613
Các công ty con khác	2.401.263.071	20.507.391.997
Công ty thành viên thuộc tập đoàn	-	502.128.313
Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	-	2.369.401.805
	10.287.251.548	31.626.464.278
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.663.836.000	8.863.836.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	10.150.000.000	60.699.421.541
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	95.877.472.644
Các công ty con khác	4.807.680.116	8.791.358.554
	35.621.516.116	174.232.088.739
iii) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	11.918.203.328
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	7.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	-	6.238.843.169
Các công ty con khác	-	5.560.000.000
	-	31.217.046.497
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	17.310.978.718	-
Ông Đào Phúc Trí	5.330.485.622	4.119.344.140
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	-	30.087.766.590
Ông Nguyễn Vũ Nghị	-	15.000.000.000
Ông Võ Thái Phong	-	7.584.547.167
Các công ty con	3.025.470.980	1.364.219.172
	25.666.935.320	58.155.877.069

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	3.447.919.503
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty con	5.060.000	1.082.700.000
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Công ty con	79.240.036	58.800.000.000
Ban Tổng Giám đốc	-	43.797.261
Bên liên quan khác	-	27.228.985
	79.240.036	58.871.026.246
viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	12.775.000.000	-
Các công ty con khác	2.435.409.400	7.678.101.883
	15.210.409.400	7.678.101.883

30 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	3.252.270.391	1.372.388.624
Từ 1 đến 5 năm	1.524.210.000	1.149.025.097
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.776.480.391	2.521.413.721

30 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

(b) Cam kết góp vốn

	2022		
	Vốn cam kết VND	Vốn đã góp VND	Vốn còn phải góp VND
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
	30.630.060.000	10.560.000.000	20.070.060.000

	2021		
	Vốn cam kết VND	Vốn đã góp VND	Vốn còn phải góp VND
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	13.983.200.000	8.588.216.000	5.394.984.000
	44.613.260.000	19.148.216.000	25.465.044.000

31 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

(a) Thành lập công ty con

Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn thành lập Công ty TNHH 1Production với vốn điều lệ 2.000.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nắm giữ 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của công ty này.

(b) Tăng vốn các công ty con

Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn góp tại Công ty TNHH 1Prodution và Công ty TNHH Yeah1 Up với số tiền lần lượt là 137.000.000.000 Đồng và 23.000.000.000 Đồng. Cũng theo việc chuyển nhượng này, Công ty TNHH Yeah1 Up đã trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

(c) Mua các công ty liên kết

Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua 35% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital và 35% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam. Theo đó, các công ty này trở thành công ty liên kết của Công ty.

31 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

(d) Phát hành cổ phiếu

Trong tháng 3 năm 2023, Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược của Công ty. Theo đó, Công ty dự kiến sẽ phát hành 45.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phiếu.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Nguyễn Thị Khánh Trang Người lập/ Kế toán trưởng	Chế Đoàn Viên Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Lê Phương Thảo Chủ tịch

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05.23.07 Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày: 13 -12- 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Vũ Thu Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

NỘI DUNG | TRANG

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	10
Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 28 ngày 7 tháng 7 năm 2022.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	Chủ tịch (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Trần Hoài Nam	Phó Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
	Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên (từ ngày 21 tháng 12 năm 2022)
	Ông Lê Minh Nhật Tín	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022 đến ngày 21 tháng 12 năm 2022)
	Ông Don Di Lam	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Trần Quốc Bảo	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Lý Trường Chiến	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
	Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
	Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đoàn Viên	Quyền Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2023)
	Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 9 năm 2022)
	Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022)
	Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022 đến ngày 1 tháng 3 năm 2023)
	Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 9 năm 2022)
	Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
	Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất . Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 61. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N 0304532171 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phương Thảo
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28)38230796, www.pwc.com/vn

pwc

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Võ Ngọc Huyền
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13659
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**623.158.641.225**	**1.134.580.036.184**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	4	**26.473.013.864**	**4.321.225.874**
111	Tiền		22.373.013.864	4.321.225.874
112	Các khoản tương đương tiền		4.100.000.000	-
120	**Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**50.000.000**	**4.900.000.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000	4.900.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**541.296.932.112**	**1.059.557.585.612**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	161.650.767.393	117.379.744.019
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	82.005.142.464	217.954.579.335
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8(a)	164.433.231.206	1.915.829.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	209.178.378.379	757.590.749.230
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(75.970.587.330)	(35.283.315.972)
140	**Hàng tồn kho**	11	**15.511.002.401**	**30.723.500.694**
141	Hàng tồn kho		75.467.022.274	96.101.925.885
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(59.956.019.873)	(65.378.425.191)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**39.827.692.848**	**35.077.724.004**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	12(a)	27.938.305.891	17.929.095.329
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	18(a)	11.733.669.810	17.043.590.290
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18(a)	155.717.147	105.038.385

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**617.819.241.835**	**237.702.799.766**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**368.503.496.695**	**42.966.607.789**
215	Phải thu về cho vay dài hạn	8(b)	119.000.000.000	39.090.075.288
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	249.503.496.695	3.876.532.501
220	**Tài sản cố định**		**12.227.445.584**	**30.899.153.002**
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	1.915.044.232	2.921.208.332
222	Nguyên giá		32.063.148.590	19.645.497.072
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.148.104.358)	(16.724.288.740)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	10.312.401.352	27.977.944.670
228	Nguyên giá		19.053.507.540	37.281.440.657
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.741.106.188)	(9.303.495.987)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**22.565.454.545**	**5.086.363.637**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	22.565.454.545	5.086.363.637
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**140.347.514.642**	**133.341.086.382**
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(a)	132.247.514.642	131.583.461.382
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	17.715.625.000	9.615.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	(9.615.625.000)	(7.858.000.000)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**74.175.330.369**	**25.409.588.956**
261	Chi phí trả trước dài hạn	12(b)	3.220.915.857	9.225.278.708
269	Lợi thế thương mại	15	70.954.414.512	16.184.310.248
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**1.240.977.883.060**	**1.372.282.835.950**

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**334.197.703.328**	**494.579.526.697**
310	**Nợ ngắn hạn**		**315.495.843.209**	**473.533.140.176**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16	83.181.799.835	87.325.315.040
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	6.405.918.023	10.531.972.357
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18(b)	42.048.654.493	44.788.657.390
314	Phải trả người lao động		4.685.853.174	14.530.928.335
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	18.755.981.834	56.813.526.262
319	Phải trả ngắn hạn khác	20	66.099.828.450	58.740.650.313
320	Vay ngắn hạn	21(a)	94.317.807.400	200.796.216.812
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	5.873.667
330	**Nợ dài hạn**		**18.701.860.119**	**21.046.386.521**
337	Phải trả dài hạn khác		87.600.000	-
338	Vay dài hạn	21(b)	1.000.000.000	1.000.000.000
341	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	22	17.614.260.119	20.046.386.521
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**906.780.179.732**	**877.703.309.253**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**906.780.179.732**	**877.703.309.253**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	23, 24	312.799.680.000	312.799.680.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*312.799.680.000*	*312.799.680.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	24	550.873.478.254	550.873.478.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	24	30.555.633.680	20.536.615.720
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*18.294.413.020*	-
421b	*- LNST của năm nay*		*12.261.220.660*	*20.536.615.720*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	12.551.387.798	(6.506.464.721)
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**1.240.977.883.060**	**1.372.282.835.950**

Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên	Lê Phương Thảo
Người lập/ Kế toán trưởng	Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Chủ tịch
		Ngày 31 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		317.854.901.716	1.082.183.356.214
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(3.730.595.402)	(2.675.562.836)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	27	**314.124.306.314**	**1.079.507.793.378**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	28	**(209.645.620.562)**	**(1.045.382.703.416)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**104.478.685.752**	**34.125.089.962**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	29	47.340.388.199	423.849.348.595
22	Chi phí tài chính	30	(9.021.747.176)	(28.037.984.463)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	30	*(6.906.877.175)*	*(21.801.000.846)*
24	Phần lãi trong công ty liên kết		505.897.455	436.847.500
25	Chi phí bán hàng	31	(20.658.752.305)	(86.766.850.424)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(93.384.172.422)	(211.115.902.487)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**29.260.299.503**	**132.490.548.683**
31	Thu nhập khác	33	19.096.477.919	483.012.405
32	Chi phí khác	33	(19.441.769.061)	(34.656.844.781)
40	**Lỗ khác**		**(345.291.142)**	**(34.173.832.376)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**28.915.008.361**	**98.316.716.307**
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	34	(6.456.274.449)	(38.377.310.844)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	34	2.432.126.402	(29.949.174.101)
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**24.890.860.314**	**29.990.231.362**
	Phân bổ cho:			
61	**LNST của công ty mẹ**		**10.903.987.113**	**19.793.101.930**
62	**LNST của cổ đông không kiểm soát**		**13.986.873.201**	**10.197.129.432**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	25	**349**	**561**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	25	**349**	**561**

Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên	Lê Phương Thảo
Người lập/ Kế toán trưởng	Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Chủ tịch
		Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 61 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**28.915.008.361**	**98.316.716.307**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại		11.001.224.837	60.873.843.139
03	Các khoản dự phòng		31.178.258.773	52.061.632.930
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		28.453.361	158.090.446
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(53.646.900.130)	(417.635.142.186)
06	Chi phí lãi vay		6.906.877.175	21.801.000.846
08	**Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**24.382.922.377**	**(184.423.858.518)**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(152.533.901.863)	57.022.448.497
10	Giảm hàng tồn kho		41.310.624.943	33.631.958.809
11	Giảm các khoản phải trả		(48.903.797.346)	(84.795.032.317)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(6.095.619.097)	114.913.464.323
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.387.461.394)	(12.842.860.526)
15	Thuế TNDN đã nộp		(11.091.647.373)	(11.906.493.786)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(165.318.879.753)**	**(88.400.373.518)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(262.090.909)	(2.911.894.836)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		9.922.527.548	386.363.636
23	Tiền chi cho vay		(201.466.970.449)	(1.360.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		63.856.855.073	17.850.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(62.822.640.694)	(10.699.782.467)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		438.675.501.792	6.624.547.167
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		45.206.894.794	1.298.684.586
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**293.110.077.155**	**11.187.918.086**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay		132.137.409.754	230.230.900.461
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(237.776.819.166)	(185.109.714.427)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(105.639.409.412)**	**45.121.186.034**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**22.151.787.990**	**(32.091.269.398)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	4	**4.321.225.874**	**36.412.495.272**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	4	**26.473.013.864**	**4.321.225.874**

Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên	Lê Phương Thảo
Người lập/ Kế toán trưởng	Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Chủ tịch
		Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 61 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 28 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là "YEG".

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") bao gồm quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 99 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 359 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 14 công ty con và 7 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 :16 công ty con và 6 công ty liên kết), được trình bày như sau:

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	2022 Tỷ lệ sở hữu (%)	2022 Quyền biểu quyết (%)	2021 Tỷ lệ sở hữu (%)	2021 Quyền biểu quyết (%)
	I - Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00	99,00	99,00	99,00
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98	99,98	99,98	99,96
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	67,00	67,00	67,00
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ, bán buôn	99,99	99,99	99,99	99,99
5	Công ty Cổ phần YAG Entertainment (Thuyết minh 3.3)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	95,00	100,00	99,70	100,00
6	Công ty THNN Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,99	100,00	99,99	100,00
7	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam (*)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	76,99	70,00	76,99	70,00
8	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	50,98	50,98	50,98
9	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	51,00	51,00	51,00
10	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (Thuyết minh 3.2)	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	51,00	-	-
11	Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform (Thuyết minh 3.3)	TP. Hồ Chí Minh	Cổng xử lý dữ liệu thông tin	-	-	99,98	99,98
12	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 (Thuyết minh 3.3)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	99,00	99,00
	II - Công ty con gián tiếp						
13	Công ty Cổ phần Gigagoods (*)	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
14	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin (*)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
15	Công ty TNHH MTV Style TV (Thuyết minh 3.2)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	100,00	-	-
16	Công ty TNHH Yeah1 Up (Thuyết minh 3.1)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99	100,00	-	-
17	Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT (Thuyết minh 3.3)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	99,63	100,00
18	Công ty Cổ phần ZeroZ Creative (Thuyết minh 3.3)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, thiết kế chuyên dụng	-	-	94,05	95,00
19	Công ty TNHH Thương mại Yeah1 (Thuyết minh 3.3)	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, dịch vụ quảng cáo	-	-	50,99	51,00
	III - Công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, sản xuất phim và các dịch vụ liên quan	13,40	20,00	13,40	20,00
2	Công ty Cổ phần Zmedia	TP. Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ giải pháp số	34,99	35,00	34,99	35,00
4	Công ty Cổ phần Giải trí 100D	TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	29,99	30,00	29,99	30,00
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
6	Công ty Cổ phần Công nghệ Ting Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ thông tin	20,00	20,00	20,00	20,00
7	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu (Thuyết minh 3.2)	TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính	17,96	35,21	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm theo vốn điều lệ tại các công ty con này.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất . Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng năm theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20%/năm
Máy móc thiết bị	10% – 33%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	10% – 33%/năm
Phần mềm máy tính	17%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm
TSCĐ khác	10% – 20%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các bên thứ ba.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng cán bộ, công nhân viên.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất .

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng Tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

3.1 Thành lập công ty con: Công ty TNHH Yeah1 Up

Tại ngày 8 tháng 8 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Yeah1 Up với vốn điều lệ là 2.000.000.000 Đồng. Theo đó, Tập đoàn đã nắm giữ 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của công ty này.

3.2 Mua nhóm công ty: Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), Công ty TNHH MTV Style TV ("Style TV") và Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu ("Sóng Toàn cầu")

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết của STV với tổng giá trị chuyển nhượng là 76.500.000.000 Đồng. Theo đó, Style TV trở thành công ty con gián tiếp, và Sóng Toàn cầu trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

3.2 Mua nhóm công ty: Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), Công ty TNHH MTV Style TV ("Style TV") và Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu ("Sóng Toàn cầu") (tiếp theo)

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản thuần của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.677.359.306
Các khoản phải thu ngắn hạn	31.154.218.120
Hàng tồn kho	27.385.043.548
TSCĐ	1.105.709.946
Tài sản khác	1.827.065.377
	65.149.396.297
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	50.506.425.228
Phải trả người lao động	2.144.566.223
Vay ngắn hạn	8.450.000.000
Nợ phải trả khác	552.010.333
	61.653.001.784
Tài sản thuần	**3.496.394.513**
Lợi thế thương mại	74.716.838.798
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.713.233.311
Tổng giá phí	76.500.000.000
Khoản tiền thu được	3.677.359.306
Tiền thuần chi ra	**72.822.640.694**

3.3 Chuyển nhượng các công ty con

(a) Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 và công ty con

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 với tổng giá trị chuyển nhượng là 14.850.000.000 Đồng và ghi nhận khoản lãi 27.553.348.847 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 29). Theo đó, Công ty Cổ phần ZeroZ Creative không còn là công ty con gián tiếp của Tập đoàn. Cũng theo việc chuyển nhượng này, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT giảm từ 99,63% xuống 65,90% và tại Công ty Cổ phần YAG Entertainment giảm từ 99,70% xuống 95%.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

3.3 Chuyển nhượng các công ty con (tiếp theo)

(b) Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp còn lại tại Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT với tổng giá trị chuyển nhượng là 22.738.170.000 Đồng và ghi nhận khoản lỗ 6.240.515.587 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 29).

(c) Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform với tổng giá trị chuyển nhượng là 13.983.200.000 Đồng và ghi nhận khoản lãi 14.166.393.045 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 29).

(d) Công ty TNHH Thương mại Yeah1

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại Yeah1 với tổng giá trị chuyển nhượng là 510.000.000 Đồng và ghi nhận khoản lãi 4.854.614.278 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 29).

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	150.752.205	567.478.677
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.222.261.659	3.753.747.197
Các khoản tương đương tiền (*)	4.100.000.000	-
	26.473.013.864	4.321.225.874

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 4,28%/năm.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tên công ty	2022 Tỷ lệ sở hữu %	2022 Quyền biểu quyết %	2022 Giá trị ghi sổ VND	2022 Giá trị hợp lý VND	2021 Tỷ lệ sở hữu %	2021 Quyền biểu quyết %	2021 Giá trị ghi sổ VND	2021 Giá trị hợp lý VND
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	50,00	50,00	89.342.068.344	(*)	50,00	50,00	88.914.982.663	(*)
2	Công ty Cổ phần Giải trí 100D	29,99	30,00	21.253.734.206	(*)	29,99	30,00	21.253.734.206	(*)
3	Công ty Cổ phần Zmedia	25,00	25,00	14.291.916.046	(*)	25,00	25,00	14.179.439.550	(*)
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	34,99	35,00	6.083.551.071	(*)	34,99	35,00	6.083.551.071	(*)
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	13,40	20,00	1.151.753.892	(*)	13,40	20,00	1.151.753.892	(*)
6	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	17,96	35,21	124.491.083	(*)	-	-	-	
				132.247.514.642				131.583.461.382	

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	131.583.461.382	131.146.613.882
Tăng do mua công ty con	158.155.805	-
Lãi từ các công ty liên kết	505.897.455	436.847.500
Số dư cuối năm	132.247.514.642	131.583.461.382

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			2022					2021				
	Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	(1.858.000.000)	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	(1.858.000.000)
2	Công ty cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	(6.000.000.000)	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	(6.000.000.000)
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lí dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	(1.757.625.000)	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	-
4	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming (i)	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	-	-	-	-		
					17.715.625.000		(9.615.625.000)			9.615.625.000		(7.858.000.000)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Trong năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming với số tiền là 8.100.000.000 Đồng. Theo đó, Tập đoàn đã nắm 18% tỷ lệ sở hữu và 18% quyền biểu quyết tại công ty này.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	154.166.178.538	97.870.390.367
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	7.484.588.855	19.509.353.652
	161.650.767.393	117.379.744.019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó có khả năng thu hồi lần lượt là 33.507.104.056 Đồng và 7.063.315.972 Đồng như được trình bày tại Thuyết minh 10.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	48.126.704.193
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	16.883.570.000	-
Công ty Cổ phần World Trading Group	-	128.790.000.000
Khác	16.994.868.271	24.268.043.602
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	-	16.769.831.540
	82.005.142.464	217.954.579.335

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó có khả năng thu hồi là 57.783.420.177 Đồng như được trình bày tại Thuyết minh 10.

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Ông Trần Minh Việt (*)	76.540.600.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số (**)	24.939.396.607	-
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam (**)	23.708.000.000	-
Khác (**)	39.245.234.599	555.829.000
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	-	1.360.000.000
	164.433.231.206	1.915.829.000

(*) Số dư thể hiện khoản cho vay với lãi suất 8%/năm, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và được đảm bảo bằng cổ phần của bên thứ ba Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital.

(**) Số dư thể hiện các khoản cho vay với lãi suất 8%/năm, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Vital Investment Group	119.000.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số	-	39.090.075.288
	119.000.000.000	39.090.075.288

(*) Số dư thể hiện khoản cho vay với lãi suất 8,5%/năm, có thời hạn cho vay trên 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

9 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	60.833.200.000	(21.100.000.000)	20.610.207.535	(17.500.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên	43.146.609.969	-	103.724.655.946	-
Phải thu từ chuyển nhượng công ty con (**)	37.231.370.000	-	521.130.252.833	-
Đặt cọc mua cổ phần (***)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu cổ tức	9.565.680.000	-	53.725.680.000	-
Phải thu từ hợp tác trò chơi trực tuyến	8.120.000.000	(8.120.000.000)	8.120.000.000	(8.120.000.000)
Phải thu lãi vay	8.008.536.440	(2.100.000.000)	2.100.000.000	(2.100.000.000)
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	1.666.978.525	(878.687.180)	1.000.000.000	(500.000.000)
Tạm ứng thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	2.242.202.700	-
Khác	10.606.003.445	(3.149.264.804)	14.937.750.216	-
	209.178.378.379	(35.347.951.984)	757.590.749.230	(28.220.000.000)
Trong đó:				
Bên thứ ba	203.696.880.021	(35.347.951.984)	641.908.732.289	(28.220.000.000)
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	5.481.498.358	-	115.682.016.941	-
	209.178.378.379	(35.347.951.984)	757.590.749.230	(28.220.000.000)

(*) Chi tiết số dư phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	2022 VND	2021 VND
Công ty TNHH Media Investment Hub (i)	39.733.200.000	-
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (ii)	17.500.000.000	17.500.000.000
Khác	3.600.000.000	3.110.207.535
	60.833.200.000	20.610.207.535

(i) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án xây dựng địa điểm tổ chức sự kiện.

Tại ngày 16 tháng 1 năm 2023, Tập đoàn và Công ty TNHH Media Investment Hub đã thỏa thuận thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã thu hồi toàn bộ khoản tạm ứng.

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Tập đoàn và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 Đồng, trong đó, Tập đoàn đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 Đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 Đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng sáu tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2017. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi và quyết định trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này (Thuyết minh 10).

(**) Số dư thể hiện khoản phải thu các bên thứ ba từ việc chuyển nhượng vốn góp tại các công ty con. Chi tiết như sau:

	2022 VND	2021 VND
Ông Đào Công Tiến	22.738.170.000	-
Bà Phan Thị Thùy Vân	13.983.200.000	-
Khác	510.000.000	521.130.252.833
	37.231.370.000	521.130.252.833

(***) Đây là khoản Tập đoàn đặt cọc để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình thực hiện việc mua cổ phần này.

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	247.883.000.000	-	-	-
Bảo lãnh thanh toán	-	-	3.447.919.503	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	1.620.496.695	-	428.612.998	-
	249.503.496.695	-	3.876.532.501	-
Trong đó:				
Bên thứ ba	249.503.496.695	-	428.612.998	-
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	-	-	3.447.919.503	-
	249.503.496.695	-	3.876.532.501	-

(*) Chi tiết số dư tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	2022 VND	2021 VND
Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Big Cat (i)	147.318.000.000	-
Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ii)	100.565.000.000	-
	247.883.000.000	-

(i) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư xây dựng phim trường. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

(ii) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư khoản phải thu khác khó có khả năng thu hồi lần lượt là 35.347.951.984 Đồng và 28.220.000.000 Đồng như được trình bày tại Thuyết minh 10.

10 NỢ KHÓ ĐÒI

	2022				2021			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn khó có khả năng thu hồi								
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.858.420.589	(7.268.283.604)	Trên 1 năm	-	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	6.969.610.039	(6.969.610.039)	Trên 1 năm	-	-	-	
Something Bing SAS	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)	Trên 3 năm	-	-	-	
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)	Trên 3 năm	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)	Dưới 1 năm
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)	Trên 3 năm	-	-	-	
Khác	11.530.601.797	2.839.858.260	(8.690.743.537)	Từ trên 1 năm đến trên 3 năm	544.825.536	-	(544.825.536)	Trên 3 năm
	91.290.524.233	50.667.888.888	(40.622.635.345)		7.063.315.972	-	(7.063.315.972)	
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác khó có khả năng thu hồi								
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Trên 3 năm	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Travellet Tech Việt Nam	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	Trên 2 năm	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	Trên 1 năm
Khác	8.224.107.385	596.155.400	(7.627.951.985)	Từ trên 1 năm đến trên 2 năm	500.000.000	-	(500.000.000)	Trên 1 năm
	35.944.107.385	596.155.400	(35.347.951.985)		28.220.000.000	-	(28.220.000.000)	
	127.234.631.618	51.264.044.288	(75.970.587.330)		35.283.315.972	-	(35.283.315.972)	

11 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	36.487.225.430	(35.931.014.797)	53.704.851.555	(41.929.882.655)
Chương trình	38.384.538.123	(24.025.005.076)	41.801.815.609	(23.448.542.536)
Khác	595.258.721	-	595.258.721	-
	75.467.022.274	(59.956.019.873)	96.101.925.885	(65.378.425.191)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	65.378.425.191	34.159.395.707
(Hoàn nhập dự phòng)/tăng dự phòng (Thuyết minh 28)	(5.422.405.318)	31.219.029.484
Số dư cuối năm	59.956.019.873	65.378.425.191

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Chương trình	26.090.326.974	-
Chi phí dịch vụ trả trước	1.413.929.557	17.737.717.478
Công cụ, dụng cụ	434.049.360	191.377.851
	27.938.305.891	17.929.095.329

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	1.383.873.724	828.909.844
Công cụ, dụng cụ	563.172.702	1.077.992.802
Chi phí bản quyền	-	4.465.617.381
Chi phí phát triển nhóm nhạc	-	683.280.698
Khác	1.273.869.431	2.169.477.983
	3.220.915.857	9.225.278.708

13 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	195.458.495	9.807.860.214	9.478.983.818	102.740.000	60.454.545	**19.645.497.072**
Tăng do mua công ty con	1.180.702.215	8.036.981.033	7.267.241.182	255.832.726	723.168.000	**17.463.925.156**
Mua trong năm	-	42.272.727	-	109.818.182	-	**152.090.909**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.419.090.910)	(3.779.273.637)	-	-	**(5.198.364.547)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.376.160.710	16.468.023.064	12.966.951.363	468.390.908	783.622.545	**32.063.148.590**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(195.458.495)	(7.686.327.681)	(8.679.308.019)	(102.740.000)	(60.454.545)	**(16.724.288.740)**
Tăng do mua công ty con	(1.180.702.215)	(7.562.235.129)	(6.862.314.262)	(237.585.880)	(585.911.057)	**(16.428.748.543)**
Khấu hao trong năm	-	(876.028.218)	(244.985.830)	(50.391.534)	(21.833.333)	**(1.193.238.915)**
Thanh lý, nhượng bán	-	418.895.203	3.779.276.637	-	-	**4.198.171.840**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.376.160.710)	(15.705.695.825)	(12.007.331.474)	(390.717.414)	(668.198.935)	**(30.148.104.358)**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	2.121.532.533	799.675.799	-	-	**2.921.208.332**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	762.327.239	959.619.889	77.673.494	115.423.610	**1.915.044.232**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 28.281.028.128 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 8.396.841.564 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng nguyên giá là 4.365.282.727 đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 21).

13 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.500.000.000	14.088.279.497	17.386.485.310	1.306.675.850	**37.281.440.657**
Tăng do mua công ty con	-	-	178.800.000	-	**178.800.000**
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	(513.288.400)	-	**(513.288.400)**
Mua trong năm	-	-	110.000.000	-	**110.000.000**
Thanh lý, nhượng bán	(4.500.000.000)	(11.553.444.717)	(1.950.000.000)	-	**(18.003.444.717)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	2.534.834.780	15.211.996.910	1.306.675.850	**19.053.507.540**
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	(3.220.874.177)	(5.366.193.823)	(716.427.987)	**(9.303.495.987)**
Tăng do mua công ty con	-	-	(108.266.667)	-	**(108.266.667)**
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	332.721.824	-	**332.721.824**
Khấu hao trong năm	-	(60.076.872)	(3.172.099.922)	(141.216.504)	**(3.373.393.298)**
Thanh lý, nhượng bán	-	2.898.827.940	812.500.000	-	**3.711.327.940**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	(382.123.109)	(7.501.338.588)	(857.644.491)	**(8.741.106.188)**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.500.000.000	10.867.405.320	12.020.291.487	590.247.863	**27.977.944.670**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	2.152.711.671	7.710.658.322	449.031.359	**10.312.401.352**

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 63.375.000 Đồng.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	22.565.454.545	5.000.000.000
Dự án khác	-	86.363.637
	22.565.454.545	5.086.363.637

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình triển khai.

15 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Biến động về lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	16.184.310.248	71.507.855.470
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 3.2)	74.716.838.798	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(13.512.141.910)	(3.042.713.575)
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 32)	(6.434.592.624)	(52.280.831.647)
Số dư cuối năm	70.954.414.512	16.184.310.248

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.515.984.079	16.515.984.079	16.460.486.735	16.460.486.735
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	33.899.563.425	33.899.563.425	20.756.568.161	20.756.568.161
Khác	26.916.462.797	26.916.462.797	50.108.260.144	50.108.260.144
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	5.849.789.534	5.849.789.534	-	-
	83.181.799.835	83.181.799.835	87.325.315.040	87.325.315.040

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	3.112.902.549	-
Khác	3.293.015.474	10.531.972.357
	6.405.918.023	10.531.972.357

18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

		Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng do mua công ty con VND	Giảm do chuyển nhượng công ty con VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ/ phân loại lại trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a)	**Phải thu**							
	Thuế GTGT được khấu trừ	17.043.590.290	-	(2.941.922.797)	25.267.709.276	(27.635.706.959)	-	11.733.669.810
	Thuế khác	105.038.385	231.237.798	(180.559.036)	-	-	-	155.717.147
		17.148.628.675	231.237.798	(3.122.481.833)	25.267.709.276	(27.635.706.959)	-	11.889.386.957
(b)	**Phải nộp**							
	Thuế TNDN	28.301.789.218	-	-	6.456.274.449	(273.617.826)	(11.091.647.373)	23.392.798.468
	Thuế thu nhập cá nhân	8.957.393.895	752.742.052	(524.140.308)	5.100.557.053	(1.792.478.034)	(9.158.550.610)	3.335.524.048
	Thuế GTGT	(562.345.758)	69.929.503	(366.411.496)	37.408.063.149	(27.635.706.959)	(3.455.675.725)	5.457.852.714
	Thuế khác	8.091.820.035	50.313.700	-	2.117.582.235	2.066.095.860	(2.463.332.567)	9.862.479.263
		44.788.657.390	872.985.255	(890.551.804)	51.082.476.886	(27.635.706.959)	(26.169.206.275)	42.048.654.493

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	9.007.306.187	6.903.887.594
Chi phí lãi vay	4.877.556.101	10.358.140.320
Chi phí khảo sát thị trường	2.857.744.046	7.727.461.563
Lương và thưởng cho nhân viên	1.120.560.000	-
Phân chia doanh thu từ hoạt động quảng cáo	-	19.206.971.081
Chi phí phát triển phần mềm, hệ thống	-	5.758.626.849
Chi phí thuê kênh	-	3.620.454.551
Khác	892.815.500	3.237.984.304
	18.755.981.834	56.813.526.262
Trong đó:		
Bên thứ ba	17.705.733.900	50.420.229.413
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	1.050.247.934	6.393.296.849
	18.755.981.834	56.813.526.262

20 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Phải trả tiền mua cổ phần	56.500.000.000	38.400.000.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	5.787.650.000
Khác	7.452.178.450	14.553.000.313
	66.099.828.450	58.740.650.313
Trong đó:		
Bên thứ ba	65.892.255.385	53.177.355.067
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	207.573.065	5.563.295.246
	66.099.828.450	58.740.650.313

21 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng do mua công ty con VND	Tăng VND	Giảm VND	Cấn trừ (*) VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	45.128.414.212	-	26.132.617.179	(71.261.031.391)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	11.441.441.387	-	-	(11.441.441.387)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (i)	-	-	10.778.537.096	(1.150.000.000)	-	9.628.537.096
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế (ii)	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Vital Investment Group (ii)	-	-	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư FPT	70.000.000.000	-	-	(70.000.000.000)	-	-
Vay bên thứ ba (iii)	41.299.361.213	8.450.000.000	65.226.255.479	(82.115.255.479)	(9.289.000.000)	23.571.361.213
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b))	2.927.000.000	-	2.000.000.000	(1.809.090.909)	-	3.117.909.091
	200.796.216.812	8.450.000.000	132.137.409.754	(237.776.819.166)	(9.289.000.000)	94.317.807.400

(i) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam với lãi suất từ 7,8%/năm đến 12,07%/năm và có thời hạn dưới 12 tháng. Đây là các khoản vay có tài sản đảm bảo và nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam với lãi suất từ 7,4%/năm đến 8%/năm và có thời hạn dưới 12 tháng. Đây là các khoản vay tín chấp và nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn.

(iii) Số dư thể hiện các khoản vay từ các bên thứ ba bằng Đồng Việt Nam với lãi suất từ 8%/năm đến 12%/năm và có thời hạn dưới 12 tháng. Đây là các khoản vay tín chấp và nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn.

(*) Đây là khoản cấn trừ giữa vay ngắn hạn và khoản phải thu về cho vay ngắn hạn.

21 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay bên thứ ba (*)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000

(*) Số dư thể hiện các khoản vay từ các bên thứ ba bằng Đồng Việt Nam với lãi suất 8%/năm và có thời hạn trên 12 tháng. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Tập đoàn.

22 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

	2022 VND	2021 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng	17.614.260.119	20.046.386.521

Biến động về thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	(20.046.386.521)	11.740.500.834
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	2.432.126.402	(29.949.174.101)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(1.837.713.254)
Số dư cuối năm	(17.614.260.119)	(20.046.386.521)

Thuế TNDN hoãn lại phải trả chủ yếu đến từ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại phải trả là 20%.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng năm 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp nhận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất . Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	Đã thanh tra/ kiểm tra	55.819.380.148	(37.497.825.506)	18.321.554.642
2020	Chưa thanh tra/ kiểm tra	453.621.189.557	-	453.621.189.557
2020	Đã thanh tra/ kiểm tra	14.401.680.602	(12.151.544.005)	2.250.136.597
2021	Chưa thanh tra/ kiểm tra	363.538.343.389	-	363.538.343.389
2022	Chưa thanh tra/ kiểm tra	32.110.741.265	-	32.110.741.265

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022 Cổ phiếu phổ thông	2021 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	31.279.968	31.279.968
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	31.279.968
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.279.968	31.279.968

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ancla Assets Ltd.	3.419.249	10,93	3.419.249	10,93
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	-	-	7.731.408	24,72
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	-	-	3.048.192	9,74
Cổ đông khác	27.860.719	89,07	17.081.119	54,61
	31.279.968	100,00	31.279.968	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	31.279.968	312.799.680.000	**312.799.680.000**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

24 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	312.799.680.000	772.918.333.797	(255.483.151)	(219.278.689.210)	14.127.806.091	880.311.647.527
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	19.793.101.930	10.197.129.432	29.990.231.362
Thay đổi tỷ lệ của các công ty con đã nắm quyền kiểm soát	-	-	-	743.513.790	(11.443.296.257)	(10.699.782.467)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	-	-	(19.388.103.987)	(19.388.103.987)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(2.766.166.333)	-	(2.766.166.333)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ	-	(222.044.855.543)	-	222.044.855.543	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	255.483.151	-	-	255.483.151
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	312.799.680.000	550.873.478.254	-	20.536.815.720	(6.506.464.721)	877.703.309.253
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.903.987.113	13.986.873.201	24.890.860.314
Thay đổi tỷ lệ của các công ty con đã nắm quyền kiểm soát	-	-	-	1.357.233.547	(1.357.233.547)	-
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 3.2)	-	-	-	-	1.713.233.311	1.713.233.311
Tăng do chuyển nhượng công ty con	-	-	-	-	4.714.979.554	4.714.979.554
Trích thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	-	-	(2.242.202.700)	-	(2.242.202.700)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	-	30.555.633.680	12.551.387.798	906.780.179.732

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2022 số 156/2022/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, ĐHĐCĐ thông qua việc phê duyệt thù lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 2.242.202.700 Đồng.

25 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết như sau:

	2022	2021 (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	10.903.987.113	19.793.101.930
Điều chỉnh giảm số trích thù lao Hội đồng Quản trị (VND)	-	(2.242.202.700)
	10.903.987.113	17.550.899.230
Bình quân số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	31.279.968	31.279.968
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	349	561

(*) Số lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại để thể hiện số thực trích thù lao Hội đồng Quản trị như sau:

	2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	19.793.101.930	(2.242.202.700)	17.550.899.230
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	31.279.968	-	31.279.968
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	633		561

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 1.896,48 Đô la Mỹ, 1.091 Đô la Singapore và 480,67 Yên Nhật (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.547,52 Đô la Mỹ, 1.141,28 Đô la Singapore và 105 chỉ vàng).

27 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	163.108.070.053	887.216.016.927
Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình	77.094.221.620	101.763.426.986
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	70.133.212.252	8.597.231.959
Doanh thu về bán lẻ	7.519.397.791	84.606.680.342
	317.854.901.716	1.082.183.356.214
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(3.730.595.402)	(2.675.562.836)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	163.108.070.053	887.216.016.927
Doanh thu thuần quảng cáo trên kênh truyền hình	73.363.626.218	100.790.752.485
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	70.133.212.252	8.589.284.904
Doanh thu thuần về bán lẻ	7.519.397.791	82.911.739.062
	314.124.306.314	1.079.507.793.378

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	120.960.912.021	745.067.334.538
Giá vốn quảng cáo trên kênh truyền hình	57.966.749.713	106.964.450.991
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	25.432.070.022	44.671.065.907
Giá vốn về bán lẻ	10.708.294.124	117.460.822.496
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	(5.422.405.318)	31.219.029.484
	209.645.620.562	1.045.382.703.416

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi thuần từ chuyển nhượng các công ty con (Thuyết minh 3.3)	40.333.840.583	416.013.691.552
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.955.431.234	1.298.684.586
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	15.558.849	5.895.252.706
Khác	35.557.533	641.719.751
	47.340.388.199	423.849.348.595

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	6.906.877.175	21.801.000.846
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.757.625.000	-
Chiết khấu thanh toán	328.791.640	380.312.000
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm	28.453.361	158.090.446
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	5.698.581.171
	9.021.747.176	28.037.984.463

31 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.843.145.343	51.602.449.064
Chi phí nhân viên	9.708.031.076	33.288.694.838
Chi phí khấu hao TSCĐ	107.575.886	1.875.706.522
	20.658.752.305	86.766.850.424

32 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	28.885.702.566	92.587.449.328
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	36.600.664.091	20.842.603.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.345.318.851	25.356.027.352
Lợi thế thương mại phân bổ (Thuyết minh 15)	6.434.592.624	52.280.831.647
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.241.173.155	6.717.304.970
Chi phí thuê	1.804.661.955	4.976.498.116
Chi phí tiếp khách, công tác phí	1.975.132.331	380.272.733
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	1.096.926.849	7.974.914.895
	93.384.172.422	211.115.902.487

33 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập khác		
Lãi thuần từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.851.730.858	-
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	2.943.200.000	-
Khác	10.301.547.061	483.012.405
	19.096.477.919	483.012.405
Chi phí khác		
Chi phí từ thiện	(12.012.022.397)	-
Tiền phạt thuế	(4.512.551.487)	(2.339.486.050)
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	(1.556.964.000)	(22.121.767.920)
Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản	-	(5.338.351.181)
Khác	(1.360.231.177)	(4.857.239.630)
	(19.441.769.061)	(34.656.844.781)

34 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.915.008.361	98.316.716.307
Thuế tính ở thuế suất 20%	5.783.001.672	19.663.343.261
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(8.167.947.608)	(69.917.761.332)
Chi phí không được khấu trừ	5.257.292.702	34.302.206.529
Phân bổ lợi thế thương mại	1.286.918.525	10.456.166.329
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(16.663.429.096)	(19.973.028)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	10.077.634.415	76.593.556.223
Ưu đãi thuế	-	(3.894.184.243)
Dự phòng thiếu của các năm trước	6.450.677.437	1.143.131.206
Chi phí thuế TNDN (*)	4.024.148.047	68.326.484.945
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	6.456.274.449	38.377.310.844
Thuế TNDN - hoãn lại	(2.432.126.402)	29.949.174.101
Chi phí thuế TNDN	4.024.148.047	68.326.484.945

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.036.819.527	986.993.013.596
Chi phí nhân viên	53.763.948.028	125.876.144.166
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	36.600.664.091	20.842.603.446
Phân bổ lợi thế thương mại	6.434.592.624	52.280.831.647
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.566.632.213	8.593.011.492
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	(5.422.405.318)	31.219.029.484
	312.980.251.165	1.225.804.633.831

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ và khu vực địa lý mà Tập đoàn cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Tập đoàn thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
	Quảng cáo trên kênh truyền hình VND	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện VND	Cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông VND	Bán lẻ VND	Loại trừ hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	73.363.626.218	163.108.070.053	70.133.212.252	7.519.397.791	-	314.124.306.314
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	298.309.091	6.816.944	18.270.921.985	13.911.187.839	(32.487.235.859)	-
Tổng doanh thu thuần	73.661.935.309	163.114.886.997	88.404.134.237	21.430.585.630	(32.487.235.859)	314.124.306.314
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(58.265.058.804)	(120.967.728.965)	(34.147.903.406)	(17.695.555.276)	21.430.625.889	(209.645.620.562)
Lợi nhuận gộp	**15.396.876.505**	**42.147.158.032**	**54.256.230.831**	**3.735.030.354**	**(11.056.609.970)**	104.478.685.752
Tài sản						
Tài sản của bộ phận	102.577.141.405	204.397.542.988	1.312.558.513.247	508.814.231.471	(1.098.671.475.205)	1.029.675.953.906
Tài sản không phân bổ						211.301.929.154
						1.240.977.883.060
Nợ phải trả						
Nợ của bộ phận	71.569.577.112	281.883.197.165	149.721.516.997	35.776.189.332	(222.367.037.397)	316.583.443.209
Nợ không phân bổ						17.614.260.119
						334.197.703.328

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
	Quảng cáo trên kênh truyền hình VND	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện VND	Cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông VND	Bán lẻ VND	Loại trừ hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	100.790.752.485	887.216.016.927	8.589.284.904	82.911.739.062	-	1.079.507.793.378
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	11.130.430.124	79.657.376.318	36.657.139.065	14.482.042.191	(141.926.987.698)	-
Tổng doanh thu thuần	111.921.182.609	966.873.393.245	45.246.423.969	97.393.781.253	(141.926.987.698)	1.079.507.793.378
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(109.582.194.720)	(842.222.533.973)	(51.529.055.359)	(139.613.925.495)	97.565.006.131	(1.045.382.703.416)
Lợi nhuận gộp	**2.338.987.889**	**124.650.859.272**	**(6.282.631.390)**	**(42.220.144.242)**	**(44.361.981.567)**	34.125.089.962
Tài sản						
Tài sản của bộ phận	198.506.880.796	582.180.355.495	10.892.098.303	942.714.843.935	(836.337.700.534)	897.956.477.995
Tài sản không phân bổ						474.326.357.955
						1.372.282.835.950
Nợ phải trả						
Nợ của bộ phận	237.021.564.354	370.341.736.211	51.741.533.383	506.060.143.317	(747.202.097.055)	417.962.880.210
Nợ không phân bổ						76.616.646.487
						494.579.526.697

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Tên	Mối quan hệ
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Nhượng Tống	Chủ tịch (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Đào Phúc Trí	Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ban Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Ông Yam Kong Fatt	Ban Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Ban Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Ban Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Trần Thanh Tân	Ban Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022 đến ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Ban Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Võ Thái Phong	Bên liên quan khác (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Hiệp Phát	Công ty liên quan của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	108.900.000	-
Công ty Cổ phần Zmedia	-	1.168.804.884
	108.900.000	1.168.804.884
ii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	-	750.691.316

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
iii) Tạm ứng		
Ông Đào Phúc Trí	6.422.826.411	65.941.440
Ông Trần Thanh Tân	375.000.000	-
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	-	31.901.074.666
Ông Võ Thái Phong	-	11.584.547.167
Bà Nguyễn Thị Trúc Mai	-	13.090.000
	6.797.826.411	43.564.653.273
iv) Thu hồi tạm ứng		
Ông Đào Phúc Trí	4.178.368.651	23.000.000
Ông Trần Thanh Tân	375.000.000	-
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	-	12.215.273.925
Ông Võ Thái Phong	-	4.000.000.000
	4.553.368.651	16.238.273.925
v) Vay		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	2.000.000.000	-
Ông Võ Thái Phong	-	6.999.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	-	783.148.400
	2.000.000.000	7.782.148.400
vi) Trả nợ vay		
Ông Trần Thanh Tân	1.809.090.909	-
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	-	40.000.000
	1.809.090.909	40.000.000
vii) Chi phí lãi vay		
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	80.657.534	-
Ông Trần Thanh Tân	57.920.400	-
	138.577.934	-

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

STT	Họ và Tên	Chức danh	2022 VND	2021 VND
	Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")			
1	Nguyễn Ánh Nhượng Tống	Chủ tịch HĐQT	-	1.212.000.000
	Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
1	Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	2.653.384.900	1.030.202.700
2	Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	1.339.864.000	-
3	Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	495.926.200	-
4	Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	743.148.922	1.254.063.805
5	Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	2.009.796.000	-
6	Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc	350.000.000	840.000.000
7	Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	350.000.000	4.418.750.000
8	Nguyễn Văn Cang	Phó Tổng Giám đốc	-	318.000.000
9	Hồ Nam Đông	Phó Tổng Giám đốc	-	75.000.000
			7.942.120.022	7.936.016.505

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.731.991.724	6.518.490.436
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	752.597.131	611.028.313
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Tân Hiệp Phát	-	7.758.546.420
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	4.471.463.754
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	149.824.729
	7.484.588.855	19.509.353.652

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	-	16.769.831.540
iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	1.360.000.000
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))		
Ông Đào Phúc Trí	5.333.599.200	4.619.344.140
Công ty Cổ phần Zmedia	147.899.158	147.899.158
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	-	42.993.467.414
Ông Võ Thái Phong	-	38.004.547.167
Ông Nguyễn Vũ Nghị	-	25.219.965.316
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	-	2.251.793.746
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	1.420.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	-	1.025.000.000
	5.481.498.358	115.682.016.941
v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b))		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	-	3.447.919.503
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	5.849.789.534	-

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
vii) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 19)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	357.657.534	5.758.626.849
Ông Trần Thanh Tân	692.590.400	634.670.000
	1.050.247.934	6.393.296.849
viii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 20)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	207.573.065	207.573.065
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	2.147.650.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	-	1.100.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	-	43.148.400
Ông Võ Thái Phong	-	37.712.845
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tống	-	27.210.936
	207.573.065	5.563.295.246
ix) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 21(a))		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	2.000.000.000	-
Ông Trần Thanh Tân	1.117.909.091	2.927.000.000
	3.117.909.091	2.927.000.000

38 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Thuê văn phòng		Chi phí thuê kênh		Tổng cộng	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	4.920.656.311	921.884.773	16.476.382.237	13.704.841.963	21.397.038.548	14.626.726.736
Từ 1 đến 5 năm	3.704.820.432	-	-	1.606.199.704	3.704.820.432	1.606.199.704
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	8.625.476.743	921.884.773	16.476.382.237	15.311.041.667	25.101.858.980	16.232.926.440

(b) Góp vốn

	Vốn cam kết		Vốn đã góp		Vốn còn phải góp	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.200.000.000	10.000.000	10.000.000	10.190.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	7.130.060.000	12.000.000	12.000.000	7.118.060.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	13.300.000.000	10.538.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000	2.762.000.000
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	-	13.983.200.000	-	8.588.216.000	-	5.394.984.000
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Gigagoods	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
	34.230.060.000	48.213.260.000	10.560.000.000	19.148.216.000	23.670.060.000	29.065.044.000

39 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

(a) Thành lập công ty con

Trong tháng 2 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp vốn thành lập Công ty TNHH 1Production với vốn điều lệ 2.000.000.000 Đồng. Theo đó, Tập đoàn đã nắm giữ 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của công ty này.

(b) Tăng vốn các công ty con

Trong tháng 2 năm 2023, Tập đoàn đã thông qua chủ trương tăng vốn góp tại Công ty TNHH 1Prodution và Công ty TNHH Yeah1 Up với số tiền lần lượt là 137.000.000.000 Đồng và 23.000.000.000 Đồng.

(c) Mua các công ty liên kết

Trong tháng 2 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 35% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital và 35% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam. Theo đó, các công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

(d) Phát hành cổ phiếu

Trong tháng 3 năm 2023, Tập đoàn đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn dự kiến sẽ phát hành 45.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phiếu.

40 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên	Lê Phương Thảo
Người lập/ Kế toán trưởng	Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Chủ tịch

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05231 Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày: 13 -12- 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Vũ Thu Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 635/2303/UQ/PC/YEG	*TP. HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2023*

GIẤY ỦY QUYỀN

- *Căn cứ Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;*
- *Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công Ty**");*
- *Căn cứ quyền hạn của Tổng Giám đốc của Công Ty;*

Tôi, ký tên dưới đây, **ĐÀO PHÚC TRÍ**, là Bên ủy quyền, với tư cách là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công Ty**"), ủy quyền cho:

- Bà : **LÊ PHƯƠNG THẢO**
- Sinh ngày : 13/08/1977
- CCCD số : 001177017052 Cấp ngày: 05/11/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội
- Thường trú tại : Số 106 Lương Sử C, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội
- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

("**Bên nhận ủy quyền**")

Bằng Giấy ủy quyền này, Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền ký các báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan đến các báo cáo tài chính của Công Ty với tư cách là đại diện hợp pháp của Công Ty và/hoặc đại diện hợp pháp của Ban Tổng Giám đốc Công Ty.

Bên nhận ủy quyền chỉ được thực hiện công việc trong phạm vi ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo Bên ủy quyền kết quả xử lý công việc trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 03 năm 2023 cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Nơi nhận: *- Bà Lê Phương Thảo;* *- Các phòng ban, bộ phận, đơn vị có liên quan;* *- Lưu Văn thư.*	**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN** **Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành**	**BÊN ỦY QUYỀN** **Tổng Giám đốc**
	LÊ PHƯƠNG THẢO	**ĐÀO PHÚC TRÍ**

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 Tháng 12 Năm 2024

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

YeaH1
Where Diversity Unites

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 13 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 01 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ___/___/2024 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7300 6071 **Fax**: (+84) 28 3910 1073

Email: ir@yeah1.vn

Website: https://yeah1group.com/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 7, lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (+84) 0225 3842 335 **Fax:** (+84) 0225 3746 266

Website: https://haseco.vn/

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Phương Thảo

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số điện thoại: (+84) 28 7300 6071

(QUYỂN 2/2)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 54

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám Đốc	từ ngày 2 tháng 11 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám Đốc	đến ngày 2 tháng 11 năm 2023

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 35-2401-UQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1* của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12925844/67488977

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300911802 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1477-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**550.345.281.762**	**291.336.732.031**
110	***I. Tiền và tương đương tiền***	***5***	***6.392.544.437***	***17.365.013.108***
111	1. Tiền		2.192.544.437	17.365.013.108
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	-
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***6***	***230.000.000***	***50.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	50.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***522.012.565.290***	***272.339.132.314***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	112.326.811.147	27.748.139.261
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.549.093.165	156.181.002
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	270.238.767.925	173.136.646.038
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	159.015.726.054	91.598.166.013
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(22.117.833.001)	(20.300.000.000)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***18.471.428.571***	-
141	1. Hàng tồn kho	11	18.471.428.571	-
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***3.238.743.464***	***1.582.586.609***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.238.743.464	1.582.586.609
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.393.011.400.848**	**1.003.844.072.670**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***227.793.196.854***	***220.139.444.500***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	21.412.263.754	119.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	206.380.933.100	101.139.444.500
220	***II. Tài sản cố định***		***78.555.370.522***	***2.108.361.872***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	181.819.198	293.235.502
222	Nguyên giá		695.101.954	1.833.778.240
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(513.282.756)	(1.540.542.738)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	78.373.551.324	1.815.126.370
228	Nguyên giá		85.512.962.231	2.524.382.154
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.139.410.907)	(709.255.784)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***5.000.000.000***	***5.000.000.000***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.000.000.000	5.000.000.000
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***15***	***1.080.639.622.715***	***774.002.931.326***
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.342.337.412.233	1.206.677.412.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		231.761.250.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.715.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(511.174.664.518)	(450.390.105.907)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***1.023.210.757***	***2.593.334.972***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.023.210.757	2.593.334.972
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.943.356.682.610**	**1.295.180.804.701**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**259.891.332.597**	**113.841.039.853**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***165.525.413.280***	***113.841.039.853***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	67.795.676.253	1.426.835.606
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28	24.616.965.143	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.537.872.433	3.441.434.852
314	4. Phải trả người lao động		1.529.147.261	1.525.057.726
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.287.267.886	3.414.710.929
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	41.747.660.304	60.822.591.340
320	7. Vay ngắn hạn	20	23.010.824.000	43.210.409.400
330	***II. Nợ dài hạn***		***94.365.919.317***	-
338	1. Vay dài hạn	20	94.365.919.317	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.683.465.350.013**	**1.181.339.764.848**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***21***	***1.683.465.350.013***	***1.181.339.764.848***
411	1. Vốn cổ phần		1.313.532.640.000	312.799.680.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.313.532.640.000*	*312.799.680.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		*140.518.254*	550.873.478.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		369.792.191.759	317.666.606.594
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*317.666.606.594*	*308.003.499.267*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*52.125.585.165*	*9.663.107.327*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.943.356.682.610**	**1.295.180.804.701**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	178.347.667.496	42.893.398.706
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(80.307.911.272)	(30.332.433.385)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.039.756.224	12.560.965.321
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	55.256.618.678	28.257.430.684
22	5. Chi phí tài chính	24	(78.819.454.500)	(7.297.483.988)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*18.034.756.396*	*1.569.190.149*
25	6. Chi phí bán hàng		-	(52.269.317)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(22.286.813.036)	(13.702.766.739)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.190.107.366	19.765.875.961
31	9. Thu nhập khác		2.468	2.825.258.596
32	10. Chi phí khác		(64.524.669)	(12.928.027.230)
40	11. Lỗ khác		(64.522.201)	(10.102.768.634)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.125.585.165	9.663.107.327
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	-	-
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		52.125.585.165	9.663.107.327

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**52.125.585.165**	**9.663.107.327**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13	6.541.571.427	210.726.145
03	Các khoản dự phòng		62.602.391.612	5.928.293.839
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.117.354.440)	(30.553.780.048)
06	Chi phí lãi vay	24	18.034.756.396	1.569.190.149
08	**Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**107.186.950.160**	**(13.182.462.588)**
09	Tăng các khoản phải thu		(178.057.556.151)	(49.590.006.110)
10	Tăng hàng tồn kho		(18.471.428.571)	-
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		124.677.206.085	(43.162.851.344)
12	Tăng chi phí trả trước		(86.032.640)	(1.473.765.360)
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.328.003.654)	(406.534.355)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(10.423.299)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**20.921.135.229**	**(107.826.043.056)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(82.988.580.077)	(35.909.091)
23	Tiền chi cho vay		(176.817.714.851)	(320.287.581.035)
24	Tiền thu hồi cho vay		177.123.329.210	345.171.745.521
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(523.231.250.000)	(150.964.984.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.983.200.000	189.210.452.833
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		25.596.077.901	30.834.714.956
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(566.334.937.817)**	**93.928.439.184**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	450.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	415.218.725.134	53.189.675.636
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(330.777.391.217)	(22.564.368.119)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**534.441.333.917**	**30.625.307.517**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(10.972.468.671)**	**16.727.703.645**
60	**Tiền đầu năm**		**17.365.013.108**	**637.309.463**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**6.392.544.437**	**17.365.013.108**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 77 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 58 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.3 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng , kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị bản quyền chương trình là chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập các công ty con

Vào ngày 15 tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp 100% vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH 1Production ("1Pro") với số tiền là 2.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 21 tháng 2 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thành lập công ty.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm vốn điều lệ vào 1PRO với số tiền là 137.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 26 tháng 9 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 điều chỉnh lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của 1Pro từ 2.000.000.000 VND lên 139.000.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Công ty đã thành lập Công ty TNHH 1Talent ("1Talent") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, phê duyệt việc thành lập 1Talent. Vào ngày 14 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn vào 1Talent với số tiền là 120.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Adlink Network ("Adlink") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 10 năm 2023, phê duyệt việc thành lập Adlink. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn vào Adlink với số tiền là 40.000.000 VND.

4.2 Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up ("Yeah1 Up")

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp bổ sung vốn vào Yeah1 Up với tổng số tiền là 23.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2023, Yeah1 Up đã nhận được GCNĐKDN số 0317420589 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 VND lên 25.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Yeah1 Up không thay đổi.

4.3 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc mua 100% vốn góp của STVPro từ STV, với giá mua là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 568-2310-NQ-HĐQT-YEG ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 570-2310-HĐCN-YEG-STV ngày 17 tháng 10 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, STVPro đã nhận được GCNĐKDN số 0317800358 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro tăng từ 51% lên 100%.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.4 *Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")*

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 62/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 63/2302/HĐCNCP/YEG-PTMH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thi Minh Hằng, Công ty đã nhận chuyển nhượng 281.250 cổ phần và 3.656.250 cổ phần của Edigital tương ứng với giá trị lần lượt là 9.196.875.000 VND và 119.559.375.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Edigital và Edigital trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc Số 10/HĐMT/Y1-VNO.20 ngày 17 tháng 8 năm 2020, Công ty đã ứng trước số tiền là 16.755.470.000 VND để mua mã thẻ viễn thông, được bảo lãnh bằng cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Công ty đã nhận chuyển nhượng 512.400 cổ phần của Edigital, tương đương với 4,55% vốn điều lệ của Edigital, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 400-2308-HĐCNCP-BPTC-YEG để tất toán khoản tạm ứng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 39,5% kể từ ngày này.

4.5 *Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")*

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 60/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 61/2302/HĐCNCP/YEG-PTNH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thi Ngọc Hiếu, Công ty đã nhận chuyển nhượng 27.000 cổ phần và 36.000 cổ phần của Netlink Việt Nam tương ứng với giá trị lần lượt là 44.145.000.000 VND và 58.860.000.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Netlink Việt Nam và Netlink Việt Nam trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	-	56.601.896
Tiền gửi ngân hàng	2.192.544.437	17.308.411.212
Các khoản tương đương tiền *(*)*	4.200.000.000	-
TỔNG CỘNG	**6.392.544.437**	**17.365.013.108**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 3,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	25.788.366.350	7.479.354.280
Công ty Cổ phần Ban Media	*22.854.759.622*	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	*2.490.070.000*	-
Khác	*443.536.728*	*7.479.354.280*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 28)*	86.538.444.797	20.268.784.981
TỔNG CỘNG	**112.326.811.147**	**27.748.139.261**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**270.238.767.925**	**173.136.646.038**
Cho các bên khác vay	177.256.431.925	99.304.297.479
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 28)*	92.982.336.000	73.832.348.559
Dài hạn	**21.412.263.754**	**119.000.000.000**
Cho các bên khác vay	7.171.575.396	119.000.000.000
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 28)*	14.240.688.358	-
TỔNG CỘNG	**291.651.031.679**	**292.136.646.038**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	(VND)		*%/năm*	
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	119.000.000.000	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.160.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	8 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.140.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 – 11	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.900.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn CAPITALX	511.258.221	Ngày 29 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền Thông TNT	450.000.000	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**177.256.431.925**			

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 28)*				
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	36.118.500.000	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Tera Group	23.730.000.000	Ngày 20 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.663.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2024	11	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Up	2.880.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	500.000.000	Ngày 21 tháng 8 năm 2024	11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**92.982.336.000**			
Cho các bên liên quan vay dài hạn *(Thuyết minh số 28)*				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	3.680.000.000	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	3.309.688.358	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.136.000.000	Ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty TNHH 1Production	1.735.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	930.000.000	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2025 đến ngày 2 tháng 10 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**14.240.688.358**			

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.564.300.000	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**7.171.575.396**			

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**159.015.726.054**	**91.598.166.013**
Tạm ứng nhân viên	66.600.322.319	30.220.039.367
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	*26.163.157.895*	-
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (ii)	*19.600.000.000*	*19.600.000.000*
Công ty Cổ phần Unicorn Venture (iii)	*9.993.750.000*	-
Công ty TNHH STV Production (iv)	*7.773.261.957*	-
Lỗ phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	*4.380.844.035*	-
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.952.487.777	8.709.025.678
Đặt cọc	1.512.711.125	1.477.711.125
Phải thu cổ tức	2.625.551	16.999.811.111
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	13.983.200.000
Khác	1.036.565.395	608.378.732
Dài hạn	**206.380.933.100**	**101.139.444.500**
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh *(iii)*	199.875.000.000	100.565.000.000
Khác	6.505.933.100	574.444.500
TỔNG CỘNG	**365.396.659.154**	**192.737.610.513**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 10)*	(22.117.833.001)	(20.300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**343.278.826.153**	**172.437.610.513**
Trong đó:		
Các bên khác	*319.509.257.147*	*165.464.870.465*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*45.887.402.007*	*27.272.740.048*

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	20.300.000.000	20.100.000.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.817.833.001	200.000.000
Số cuối năm	22.117.833.001	20.300.000.000

(i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty, VTVcab và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), công ty con của Công ty. Theo đó, VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong *Mục (i)* với số tiền là 26.163.157.895 VND theo Hợp đồng hợp tác được nêu trong *Mục (i)* với số dư công nợ của STV. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV.

(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(iii) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Trong năm, Công ty đã ghi nhận thu nhập tiền lãi từ khoản góp vốn này theo tỷ lệ 10%, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 9.993.750.000 VND.

(iv) Theo hợp đồng ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 giữa Công ty và STVPro, Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho Dự án. Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

(v) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam ("VTVcab"). Theo đó, giá trị Vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh của Dự án với giá trị là 8.761.688.073 VND và ghi nhận khoản phải thu VTVCab theo tỷ lệ phân chia 50% trên khoản lỗ này.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Số cuối năm			
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	261.953.566	(261.953.565)
Công ty TNN Yeah1 Vision	209.824.729	-	(209.824.729)
Nguyễn Văn Hùng	80.000.000	24.000.000	(56.000.000)
Khác	1.535.335.920	1.292.302.213	(243.033.707)
TỔNG CỘNG	**25.439.137.780**	**3.321.304.779**	**(22.117.833.001)**
Số đầu năm			
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
TỔNG CỘNG	**20.600.000.000**	**300.000.000**	**(20.300.000.000)**

11. HÀNG TỒN KHO

Đây là chi phí mua quyền sử dụng các bản ghi âm, ghi hình, phim và các chương trình thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của STV, công ty con của Công ty. Công ty dự kiến chuyển nhượng lại quyền này cho các đối tác.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Thiết bị văn phòng
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.833.778.240
Xóa sổ	(1.138.676.286)
Số cuối năm	695.101.954
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*202.806.000*
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(1.540.542.738)
Khấu hao trong năm	(111.416.304)
Xóa sổ	1.138.676.286
Số cuối năm	(513.282.756)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	293.235.502
Số cuối năm	181.819.198

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	2.524.382.154	-	2.524.382.154
Mua mới	82.828.580.077	-	160.000.000	82.988.580.077
Số cuối năm	82.828.580.077	2.524.382.154	160.000.000	85.512.962.231
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(709.255.784)	-	(709.255.784)
Hao mòn trong năm	(6.356.744.916)	(60.076.872)	(13.333.335)	(6.430.155.123)
Số cuối năm	(6.356.744.916)	(769.332.656)	(13.333.335)	(7.139.410.907)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	1.815.126.370	-	1.815.126.370
Số cuối năm	76.471.835.161	1.755.049.498	146.666.665	78.373.551.324

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 15.1)*	1.342.337.412.233	1.206.677.412.233
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 15.2)*	231.761.250.000	-
Đầu tư dài hạn khác *(Thuyết minh số 15.3)*	17.715.625.000	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	**1.591.814.287.233**	**1.224.393.037.233**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(511.174.664.518)	(450.390.105.907)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.080.639.622.715**	**774.002.931.326**

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Công nghệ, bán buôn	588.167.412.233	-	99,98	588.167.412.233	-	99,98
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Quảng cáo, sản xuất chương trình	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98	399.900.000.000	(383.785.632.263)	99,98
3	Công ty TNHH 1 Production *(Thuyết minh số 4.1)*	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	139.000.000.000	-	100,00	-	-	-
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,98	79.910.000.000	-	99,98
5	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV *(**)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	40.000.000.000	-	51,00	76.500.000.000	-	51,00
6	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Quảng cáo, sản xuất chương trình	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	23.000.000.000	(8.620.503.672)	92	-	-	-
8	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ quảng cáo	15.640.000.000	(15.640.000.000)	99,70	15.640.000.000	(15.640.000.000)	99,70
9	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	10.538.000.000	(7.493.872.062)	70,00	10.538.000.000	(5.348.848.644)	70,00
10	Công ty TNHH STV Production *(Thuyết minh số 4.3)*	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	10.000.000.000	-	100	-	-	-
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ Trẻ	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00
12	Công ty TNHH 1Talent *(Thuyết minh số 4.2)*	Dịch vụ quảng cáo	120.000.000	-	100	-	-	-
13	Công ty TNHH Adlink Network *(Thuyết minh số 4.2)*	Dịch vụ quảng cáo	40.000.000	-	100	-	-	-

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
14	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
15	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số *(*)*	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00
	TỔNG CỘNG		**1.342.337.412.233**	**(500.007.300.027)**		**1.206.677.412.233**	**(440.774.480.907)**	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 29.2)*

(**) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã mua 2.295.000 cổ phần của STV tương ứng với tỷ lệ sở hữu 51% trong STV với giá mua là 76.500.000.000 VND từ Ông Lê Việt Hùng theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 087/2207/HĐCNCP/YEG-STV ngày 1 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2023, giá mua được điều chỉnh giảm là 40.000.0000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng Số 03 ngày 31 tháng 12 năm 2023.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 3 công ty con gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4 công ty con gián tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Quyền sở hữu	*Quyền biểu quyết*	*Quyền sở hữu*	*Quyền biểu quyết*
			%	%	%	%
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH MTV Style TV	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	100,00	51,00	100,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	99,99	100,00

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 công ty liên kết trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital *(Thuyết minh số 4.4)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	128.756.250.000	-	39,50	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.4)*	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	103.005.000.000	-	35,00	-	-	-
	TỔNG CỘNG		**231.761.250.000**	-		-	-	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết* (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Quyền sở hữu	*Quyền biểu quyết*	*Quyền sở hữu*	*Quyền biểu quyết*
			%	%	%	%
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
2	Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
3	Công ty Cổ phần Eco Consumer	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	49,99	49,99	49,99
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	13,40	20,00	13,40	20,00
5	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	17,96	35,21	17,96	35,21
6	Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	-	-	29,99	30,00
7	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	-	-	34,99	35,00

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư vào các công ty khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	-	18,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
3	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
4	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
	TỔNG CỘNG		**17.715.625.000**	**(11.167.364.491)**		**17.715.625.000**	**(9.615.625.000)**	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên liên quan *(Thuyết minh 28)*	63.532.426.544	5.060.000
Các bên khác	4.263.249.709	1.421.775.606
Công ty TNHH Bình Dương Supplier	*1.555.200.000*	-
Khác	*2.708.049.709*	*1.421.775.606*
TỔNG CỘNG	**67.795.676.253**	**1.426.835.606**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm/Điều chỉnh giảm*	*Số đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	863.341.881	14.238.615.910	(14.090.954.080)	1.011.003.711
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.333	4.232.739.147	(4.453.815.747)	292.770.733
Thuế nhà thầu	-	234.097.989	-	234.097.989
Khác	2.064.245.638	-	(2.064.245.638)	-
TỔNG CỘNG	**3.441.434.852**	**18.705.453.046**	**(20.609.015.465)**	**1.537.872.433**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lương tháng 13	2.018.064.776	1.108.560.000
Mua hàng	1.775.940.019	1.775.940.019
Chi phí phải trả Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình	772.160.400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.510.910	529.510.910
Chi phí lãi vay	191.591.781	-
Khác	-	700.000
TỔNG CỘNG	**5.287.267.886**	**3.414.710.929**
Trong đó:		
Các bên khác	*3.272.736.086*	*1.627.570.910*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*2.014.531.800*	*1.787.140.019*

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(i)*	31.500.000.000	-
Lãi vay	4.677.816.755	1.162.655.794
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	928.353.799	111.702.458
Phải trả do nhận chuyển nhượng vốn góp	-	56.500.000.000
Khác	4.641.489.750	3.048.233.088
TỔNG CỘNG	**41.747.660.304**	**60.822.591.340**
Trong đó:		
Các bên khác	*38.779.473.587*	*60.743.351.304*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*2.968.186.717*	*79.240.036*

(i) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". *(Thuyết minh số 9)*

20. VAY

VND

	Số đầu năm	*Vay trong năm*	*Trả nợ vay trong năm*	*Phân loại lại*	*Giảm khác (*)*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn	**43.210.409.400**	**299.672.074.000**	**(317.677.391.217)**	**8.080.731.817**	**(10.275.000.000)**	**23.010.824.000**
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 20.1)*	-	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 20.2 và Thuyết minh số 28)*	15.210.409.400	29.150.000.000	(23.616.141.217)	(1.919.268.183)	(10.275.000.000)	8.550.000.000
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 20.3)*	28.000.000.000	31.760.824.000	(57.300.000.000)		-	2.460.824.000
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 20.4)*	-	238.761.250.000	(236.761.250.000)		-	2.000.000.000
Vay dài hạn	**-**	**115.546.651.134**	**(13.100.000.000)**	**(8.080.731.817)**	**-**	**94.365.919.317**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 20.1)*	-	50.000.000.000	(2.500.000.000)	(10.000.000.000)	-	37.500.000.000
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 20.2 và Thuyết minh số 28)*	-	65.546.651.134	(10.600.000.000)	1.919.268.183	-	56.865.919.317
TỔNG CỘNG	**43.210.409.400**	**415.218.725.134**	**(330.777.391.217)**	**-**	**(10.275.000.000)**	**117.376.743.317**

(*) Theo Biên bản cấn trừ công nợ số 13/2303/BBBTCN/GIGA1/YEG ngày 30 tháng 3 năm 2023, Công ty và Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 đồng ý cấn trừ khoản vay ngắn hạn với khoản phải thu cổ tức với giá trị là 10.275.000.000 VND *(Thuyết minh số 28)*.

20. VAY (tiếp theo)

20.1 *Vay ngân hàng*

Bên cho vay	*Số cuối năm* VND	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* %/năm	*Thế chấp*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	47.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Trong đó				
Vay dài hạn	*37.500.000.000*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.000.000.000*			

20. VAY (tiếp theo)

20.2 *Vay bên liên quan (Thuyết minh số 28)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink	2.300.000.000	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**8.550.000.000**		
Vay dài hạn từ các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	54.603.842.260	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 16 tháng 8 năm 2025	8 – 10,5
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5
TOTAL	**56.865.919.317**		

20.3 *Vay các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Công ty Cổ phần Ban Media	2.260.824.000	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Vietnam Music Award	200.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**2.460.824.000**		

20.4 *Vay cá nhân*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	Ngày 15 tháng 12 năm 2024	10,5

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	310.245.701.967	1.173.918.860.221
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.663.107.327	9.663.107.327
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Số cuối năm	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Năm nay				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược *(*)*	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(**)*	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	52.125.585.165
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013

(*) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 45.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023 và phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND.

(**) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, SSC thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 55.073.296 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:722 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 607-2311-NQ-ĐHĐCĐ-YEG ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 612-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 641-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 24 tháng 11 năm 2023. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 762.799.680.000 VND lên 1.313.532.640.000 VND.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	312.799.680.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	1.000.732.960.000	-
Số cuối năm	1.313.532.640.000	312.799.680.000

21.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã đăng ký	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu quỹ	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	105.956.090.172	-
Doanh thu về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	44.499.603.161	38.714.716.552
Doanh thu tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	25.370.574.489	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo khác	2.441.399.674	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	80.000.000	4.178.682.154
DOANH THU THUẦN	**178.347.667.496**	**42.893.398.706**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*127.543.598.495*	*18.446.797.470*
Doanh thu đối với bên khác	*50.804.069.001*	*24.446.601.236*

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.139.069.269	11.019.332.573
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	19.987.500.000	-
Thu nhập cổ tức	12.129.854.440	16.999.811.111
Khác	194.969	238.287.000
TỔNG CỘNG	**55.256.618.678**	**28.257.430.684**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	41.758.979.499	26.437.321.185
Giá vốn tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	29.751.418.525	-
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	6.366.453.248	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.351.060.000	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	80.000.000	3.895.112.200
TỔNG CỘNG	**80.307.911.272**	**30.332.433.385**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	60.784.558.611	5.728.293.839
Chi phí lãi vay	18.034.756.396	1.569.190.149
Khác	139.493	-
TỔNG CỘNG	**78.819.454.500**	**7.297.483.988**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.917.828.781	8.506.090.220
Chi phí nhân viên	2.899.397.205	1.352.921.942
Chi phí khấu hao và hao mòn	178.894.311	169.567.939
Chi phí khác	2.290.692.739	3.674.186.638
TỔNG CỘNG	**22.286.813.036**	**13.702.766.739**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.846.973.816	10.190.825.621
Chi phí nhân viên	34.926.308.857	27.058.438.838
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12, 13)*	6.541.571.427	210.726.145
Khác	4.279.870.208	3.674.186.638
TỔNG CỘNG	**102.594.724.308**	**41.134.177.242**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**52.125.585.165**	**9.663.107.327**
Thuế TNDN theo thuế suất	10.425.117.033	1.932.621.465
Các khoản điều chỉnh:		
Thu nhập cổ tức	(2.425.970.888)	(3.399.962.220)
Chi phí không được trừ	744.859.056	2.703.171.114
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(8.744.005.201)	(1.235.830.359)
Chi phí thuế TNDN	-	-

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận tính thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận tính thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 275.375.266.158 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 318.806.090.865 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*
2020 (*)	2025	79.215.247.770	(43.430.824.707)	35,784,423,063
2021 (*)	2026	239.590.843.095	-	239.590.843.095
TỔNG CỘNG		**318.806.090.865**	**(43.430.824.707)**	**275.375.266.158**

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính này chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH 1Production	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH STV Production	Công ty con
Công ty TNHH 1Talent	Công ty con
Công ty TNHH Adlink Network	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BigCat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Thành viên chủ chốt có liên quan đến công ty con
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Vay	59.703.842.260	2.345.520.402
	Trả gốc vay	5.100.000.000	2.780.807.102
	Lãi vay	3.449.066.943	16.488.587
	Thu hồi cho vay	1.967.991.758	4.598.099.644
	Cho vay	900.000.000	4.631.679.598
	Trả lãi vay	821.907.819	-
	Thuê kho	109.090.908	-
	Lãi cho vay	28.165.982	26.353.827
	Thu hồi lãi cho vay	28.165.982	1.830.337.077
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Care	Cho vay	1.320.090.853	891.551.000
	Trả nợ vay	516.141.217	550.000.000
	Thu hồi cho vay	390.090.851	7.769.721.196
	Trả lãi vay	45.767.930	-
	Lãi cho vay	34.330.560	-
	Lãi vay	5.228.754	-
	Cung cấp dịch vụ	-	2.250.000.000
	Vay	-	1.046.141.217
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Thu hồi cho vay	430.000.000	-
	Thu hồi lãi cho vay	300.000.000	-
	Lãi cho vay	299.235.995	222.709.138
	Cho vay	-	385.000.000

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Thu hồi cho vay	13.350.000.000	78.415.235.660
	Cung cấp dịch vụ	6.653.109.256	5.040.000.000
	Vay	5.500.000.000	-
	Trả gốc vay	5.500.000.000	-
	Cho vay	3.200.000.000	16.000.603.398
	Thu hồi lãi cho vay	615.769.891	1.332.878.326
	Lãi cho vay	107.108.492	1.579.504.106
	Góp vốn	-	79.100.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Nhận cổ tức	18.852.040.000	-
	Cổ tức được chia	12.129.854.440	-
	Cấn trừ gốc vay và phải thu cổ tức	10.275.000.000	-
	Cho vay	4.640.000.000	67.642.100.000
	Trả gốc vay	2.500.000.000	
	Thu hồi cho vay	460.000.000	174.429.472.644
	Thu hồi lãi cho vay	311.167.607	12.450.682.205
	Lãi vay	227.391.781	11.200.000
	Lãi cho vay	205.538.210	1.850.849.812
	Trả lãi vay	47.000.000	
Công ty TNHH Yeah1 Up	Góp vốn	23.000.000.000	-
	Cho vay	14.500.000.000	-
	Thu hồi cho vay	8.484.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.219.246.414	-
	Lãi cho vay	391.422.270	-
	Thu hồi lãi cho vay	126.538.081	-
	Mua hàng	23.100.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	81.213.000.000	-
	Thu hồi cho vay	45.094.500.000	-
	Cấn trừ công nợ	26.163.157.895	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.007.795.238	-
	Mua chương trình	18.471.428.571	-
	Nhận chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	8.128.116.037	
	Lãi cho vay	1.731.857.100	-
	Thu hồi lãi cho vay	785.269.732	-
Công ty TNHH STV Production	Chi hộ	39.324.783.317	-
	Chi phí sản xuất chương trình	37.445.092.308	-
	Vay	4.200.000.000	-
	Trả gốc vay	4.200.000.000	-
	Lãi vay	3.078.082	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH 1Production	Góp vốn	139.000.000.000	-
	Cho vay	1.735.000.000	-
	Lãi cho vay	59.709.040	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	1.503.106.878	891.916.891
	Cho vay	-	5.300.000.000
Công Ty Cổ Phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	153.541.456	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua chương trình	48.556.395.000	-
	Thu hồi cho vay	26.921.435.836	59.677.764.164
	Cung cấp dịch vụ	15.848.211.060	8.000.000.001
	Vay	15.150.000.000	8.000.000.000
	Cho vay	13.650.000.000	96.429.200.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	10.492.769.249	-
	Trả gốc vay	9.200.000.000	8.000.000.000
	Mua dịch vụ	2.547.179.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	608.076.157	13.593.965.239
	Lãi cho vay	290.708.984	911.548.165
	Lãi vay	31.543.150	198.410.959
	Trả lãi vay	22.227.986	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	9.200.000.000	-
	Trả gốc vay	6.900.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	6.668.231.073	-
	Cho vay	2.328.800.000	-
	Thu hồi cho vay	2.328.800.000	-
	Lãi vay	84.628.767	-
	Lãi cho vay	46.603.398	-
	Thu hồi lãi cho vay	46.603.398	-
	Trả lãi vay	20.967.123	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Thu hồi cho vay	26.189.396.607	12.734.090.909
	Thu hồi lãi cho vay	2.480.674.519	380.000.000
	Lãi cho vay	1.192.452.719	1.288.221.800
	Cho vay	1.250.000.000	166.824.456
	Vay	342.808.874	1.500.000.000
	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	600.000.000	-
	Trả gốc vay	300.000.000	-
	Cho vay	110.000.000	-
	Thu hồi cho vay	110.000.000	-
	Lãi vay	7.364.383	-
	Lãi cho vay	1.338.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	1.338.768	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Big Cat	Mua bản quyền	11.665.638.876	-
	Cho vay	2.800.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.800.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	775.246.004	-
	Cung cấp dịch vụ	755.674.247	-
	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	52.750.906.667	-
	Cho vay	23.890.000.000	-
	Lãi cho vay	689.243.013	-
	Thu hồi cho vay	160.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	9.090.000.000	-
	Lãi cho vay	359.243.836	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	1.135.202.342	-
Ông Đào Phúc Trí	Góp vốn	35.000.000.000	-
	Tạm ứng	10.679.535.966	6.418.422.833
	Thu hồi tạm ứng	10.300.000.000	4.114.141.440
Bà Lê Phương Thảo	Góp vốn	42.000.000.000	-
	Tạm ứng	358.612.451	-
Ông Chế Đoàn Viên	Góp vốn	37.000.000.000	-
	Tạm ứng	37.000.000	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.470.022	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	52.456.952.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cung cấp bản quyền nội dung số	22.360.890.688	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	6.467.782.550	6.515.782.550
Công ty TNHH Yeah1 Up	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.375.535.228	57.096.357
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.154.383.491	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	523.907.131	523.907.131
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	408.922.194	400.000.000
Công ty Cổ phần Tstudio	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	387.340.148	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	312.731.367	534.259.584
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Thuê kho	90.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	6.480.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	2.421.533.432
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.370.205.927
Công ty TNHH Bigcat	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.080.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	486.000.000
TỔNG CỘNG		**86.538.444.797**	**20.268.784.981**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	36.118.500.000	-
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	23.730.000.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Cho vay	20.663.836.000	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	9.090.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	2.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	500.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Cho vay	-	24.939.396.607
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	13.271.435.836
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Cho vay	-	10.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Cho vay	-	3.739.688.358
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Cho vay	-	1.067.991.758
TỔNG CỘNG		**92.982.336.000**	**73.832.348.559**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Phải thu do cấn trừ công nợ	26.163.157.895	-
	Lãi cho vay	946.587.368	-
Công ty TNHH STV Production	Nhờ thu hộ	7.773.261.957	-
Đào Phúc Trí	Tạm ứng	5.327.908.126	5.330.485.622
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	3.323.051.162	1.819.944.284
Công ty TNHH Tera Group	Lãi cho vay	689.243.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Lãi cho vay	658.136.912	658.900.917
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	359.243.836	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Lãi cho vay	264.884.189	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi cho vay	205.538.210	311.167.607
	Phải thu cổ tức	2.625.551	16.999.811.111
Công ty TNHH 1Production	Lãi cho vay	59.709.040	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Lãi cho vay	37.964.381	546.625.780
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	34.330.560	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Lãi cho vay	33.410.819	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	215.753	317.582.927
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi cho vay	-	1.288.221.800
TỔNG CỘNG		**45.887.402.007**	**27.272.740.048**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	3.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Cho vay	3.309.688.358	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	3.136.000.000	-
Công ty TNHH 1Production	Cho vay	1.735.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Cho vay	930.000.000	-
TỔNG CỘNG		**14.240.688.358**	**-**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH STV Production	Sản xuất chương trình	41.866.666.668	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Mua bản quyền	19.395.000.000	-
Công ty TNHH BigCat	Mua bản quyền	2.270.759.876	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Mua dịch vụ	-	5.060.000
TỔNG CỘNG		**63.532.426.544**	**5.060.000**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.310.867.823	-
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.306.097.320	-
TỔNG CỘNG		**24.616.965.143**	**-**
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Mua hàng	1.775.940.019	1.775.940.019
	Lãi vay	238.591.781	11.200.000
TỔNG CỘNG		**2.014.531.800**	**1.787.140.019**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Lãi vay	2.627.159.124	-
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	192.242.316	38.700.860
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	63.661.644	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi vay	47.000.000	-
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	9.315.164	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Lãi vay	7.364.383	-
Công ty TNHH Yeah1 Network	Lãi vay	3.969.863	
Công ty TNHH STV Production	Lãi vay	3.078.082	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	690.411	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi vay	-	40.539.176
TỔNG CỘNG		**2.968.186.717**	**79.240.036**
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	5.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	2.300.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Vay	-	12.775.000.000
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	-	1.919.268.183
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Vay	-	516.141.217
TỔNG CỘNG		**8.550.000.000**	**15.210.409.400**
Vay dài hạn			
Công Ty Cổ phần Giải Trí Yeah1	Vay	54.603.842. 260	-
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	1.919.268.183	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	342.808.874	-
TỔNG CỘNG		**56.865.919.317**	**-**

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.549.007.000	2.653.384.900
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.250.000.000	-
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	1.063.307.700	-
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)	502.449.000	1.339.864.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2024)	123.981.550	495.926.200
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	2.009.796.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)	-	743.148.922
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2022)	-	350.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)	-	350.000.000
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)		
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
TỔNG CỘNG		**6.488.745.250**	**7.942.120.022**

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

29.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	24.261.360.000	14.900.133.847
Trên 1 – 5 năm	94.132.300.000	28.067.251.100
Trên 5 năm	67.729.068.000	1.343.971.200
TỔNG CỘNG	**186.122.728.000**	**44.311.356.147**

29.2 *Cam kết góp vốn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty TNHH Adlink Network *(*)*	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000
Công ty TNHH 1 Talent *(*)*	2.000.000.000	120.000.000	1.880.000.000
TỔNG CỘNG	**34.630.060.000**	**10.720.000.000**	**23.910.060.000**

(*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ vào các công ty này.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh 4.3*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05 23 13 Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày: 13 -12- 2024

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Vũ Thu Hải

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 68

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám Đốc	từ ngày 2 tháng 11 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám Đốc	đến ngày 2 tháng 11 năm 2023

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 35-2401-UQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất .

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12925844/67488977/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 68, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1477-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**947.639.699.363**	**623.158.641.225**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***8.461.339.357***	***26.473.013.864***
111	1. Tiền		4.261.339.357	22.373.013.864
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	4.100.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***230.000.000***	***50.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	50.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***845.395.421.575***	***541.296.932.112***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	239.558.303.914	161.650.767.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	80.957.663.203	82.005.142.464
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	266.334.265.625	164.433.231.206
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	340.356.202.385	209.178.378.379
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(81.811.013.552)	(75.970.587.330)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***12***	***29.168.608.393***	***15.511.002.401***
141	1. Hàng tồn kho		63.724.327.379	75.467.022.274
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.555.718.986)	(59.956.019.873)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***64.384.330.038***	***39.827.692.848***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	50.416.954.766	27.938.305.891
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	13.954.750.488	11.733.669.810
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	12.624.784	155.717.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**912.758.343.006**	**617.819.241.835**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***389.469.485.495***	***368.503.496.695***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	44.329.575.396	119.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	345.139.910.099	249.503.496.695
220	***II. Tài sản cố định***		***86.305.316.088***	***12.227.445.584***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.324.037.529	1.915.044.232
222	Nguyên giá		14.438.805.810	32.063.148.590
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.114.768.281)	(30.148.104.358)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	84.981.278.559	10.312.401.352
228	Nguyên giá		102.179.503.617	19.053.507.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.198.225.058)	(8.741.106.188)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***13.367.018.518***	***22.565.454.545***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	13.367.018.518	22.565.454.545
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***18***	***383.408.540.098***	***140.347.514.642***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	348.572.994.312	132.247.514.642
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	46.002.910.277	17.715.625.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(11.167.364.491)	(9.615.625.000)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***40.207.982.807***	***74.175.330.369***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.484.504.008	3.220.915.857
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	7.895.844.762	-
269	3. Lợi thế thương mại	17	30.827.634.037	70.954.414.512
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.860.398.042.369**	**1.240.977.883.060**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**477.098.903.310**	**334.197.703.328**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***408.623.646.511***	***315.495.843.209***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	98.153.102.705	83.181.799.835
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	29.155.365.881	6.405.918.023
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	32.330.181.730	42.048.654.493
314	4. Phải trả người lao động		5.107.804.827	4.685.853.174
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	27.448.675.197	18.755.981.834
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	45.075.825.259	66.099.828.450
320	7. Vay ngắn hạn	23	171.352.690.912	94.317.807.400
330	***II. Nợ dài hạn***		***68.475.256.799***	***18.701.860.119***
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	87.600.000
338	2. Vay dài hạn	23	39.014.432.856	1.000.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	29.460.823.943	17.614.260.119
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.383.299.139.059**	**906.780.179.732**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***1.383.299.139.059***	***906.780.179.732***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	1.313.532.640.000	312.799.680.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.313.532.640.000*	*312.799.680.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	140.518.254	550.873.478.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	57.414.341.843	30.555.633.680
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*30.555.633.680*	*18.294.413.020*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*26.858.708.163*	*12.261.220.660*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	12.211.638.962	12.551.387.798
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.860.398.042.369**	**1.240.977.883.060**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	414.366.625.633	317.854.901.716
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(2.699.840.733)	(3.730.595.402)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	411.666.784.900	314.124.306.314
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(296.480.952.992)	(209.645.620.562)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.185.831.908	104.478.685.752
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	43.586.401.680	47.340.388.199
22	7. Chi phí tài chính	29	(23.482.415.579)	(9.021.747.176)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(21.505.000.199)*	*(6.906.877.175)*
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	18.1	(4.853.955.053)	505.897.455
25	9. Chi phí bán hàng	30	(14.260.496.293)	(20.658.752.305)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(66.900.478.155)	(93.384.172.422)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.274.888.508	29.260.299.503
31	12. Thu nhập khác	31	1.799.158.515	19.096.477.919
32	13. Chi phí khác	31	(22.149.929.089)	(19.441.769.061)
40	14. Lỗ khác	31	(20.350.770.574)	(345.291.142)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.924.117.934	28.915.008.361
51	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hiện hành	33.1	1.545.560.455	(6.456.274.449)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.1	(3.950.719.062)	2.432.126.402
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.518.959.327	24.890.860.314

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**26.858.708.163**	**10.903.987.113**
62	**20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	**26**	**(339.748.836)**	**13.986.873.201**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**25**	**565**	**349**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**25**	**565**	**349**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**28.924.117.934**	**28.915.008.361**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	14, 15,17	12.939.753.078	11.001.224.837
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(18.008.135.174)	31.178.258.773
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	28.453.361
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.299.492.204)	(53.646.900.130)
06	Chi phí lãi vay	29	21.505.000.199	6.906.877.175
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**18.061.243.833**	**24.382.922.377**
09	Tăng các khoản phải thu		(228.497.578.408)	(152.533.901.863)
10	Giảm hàng tồn kho		11.742.694.895	41.310.624.943
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		59.812.819.534	(48.903.797.346)
12	Tăng chi phí trả trước		(20.742.237.026)	(6.095.619.097)
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.496.776.942)	(12.387.461.394)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(11.349.753.635)	(11.091.647.373)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(192.469.587.749)**	**(165.318.879.753)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(85.145.283.539)	(262.090.909)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.818.413.608	9.922.527.548
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(146.568.497.700)	(201.466.970.449)
24	Tiền thu hồi cho vay		119.157.887.885	63.856.855.073
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(343.361.250.000)	(62.822.640.694)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.231.370.000	438.675.501.792
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức		19.722.595.407	45.206.894.794
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(397.144.764.339)**	**293.110.077.155**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24.1	450.000.000.000	-
33	Tiền vay nhận được	23	564.918.510.949	132.137.409.754
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(443.315.833.368)	(237.776.819.166)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**571.602.677.581**	**(105.639.409.412)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(18.011.674.507)**	**22.151.787.990**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**26.473.013.864**	**4.321.225.874**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**8.461.339.357**	**26.473.013.864**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 193 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 99).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	GCNĐKKD số 0310275558 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	GCNĐKKD số 0311776620 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
3	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	GCNĐKKD số 0102768915 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sử tré	GCNĐKKD số 0313491606 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00%	67,00%	67,00%	67,00%
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	GCNĐKKD số 0102349978 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	GCNĐKKD số 0315171182 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam (*)	GCNĐKKD số 0106000035 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
8	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNĐKKD số 0314526114 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,80%	99,80%	99,80%	99,80%
9	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	GCNĐKKD số 0316198596 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
10	Công ty TNHH 1 Production *(Thuyết minh số 4.1)*	GCNĐKKD số 0317690271 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 2 năm 2023, và GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	-	-
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	GCNĐKKD số 1301092937 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
12	Công ty TNHH Yeah1 Up *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKKD số 0317420589 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
13	Công ty TNHH STV Production *(Thuyết minh số 4.3)*	GCNĐKKD số 03178000358 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	-	-
14	Công ty TNHH 1 Talent *(Thuyết minh số 4.1)*	GCNĐKKD số 0318105371 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	-	-
15	Công ty TNHH Adlink Network *(Thuyết minh số 4.1)*	GCNĐKKD số 0318106103 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	-	-
16	Công ty TNHH MTV Style TV	GCNĐKKD số 0316198596 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Số 58, Đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	100,00%	51,00%	100,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
17	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	GCNĐKKD số 0316703552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	58,99%	59,00%	58,99%	59,00%
18	Công ty Cổ phần Gigagoods	GCNĐKKD số 0316763583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	50,99%	51,00%	50,99%	51,00%

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 35.2)*

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình* (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất :

- Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán na9m và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Thông tin bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm cho thuê và cung cấp các tiện ích khu công nghiệp, bán hàng hóa và thành phẩm, cung cấp dịch vụ tư vấn và xây dựng, đầu tư tài chính vào các lĩnh vực khác.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập các công ty con

Vào ngày 15 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp 100% vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH 1Production ("1Pro") với số tiền là 2.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 21 tháng 2 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thành lập công ty.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp thêm vốn điều lệ vào 1Pro với số tiền là 137.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 26 tháng 9 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 điều chỉnh lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của 1Pro từ 2.000.000.000 VND lên 139.000.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty TNHH 1Talent ("1Talent") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, phê duyệt việc thành lập 1Talent. Vào ngày 14 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã góp vốn vào 1Talent với số tiền là 120.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty TNHH Adlink Network ("Adlink") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 10 năm 2023, phê duyệt việc thành lập Adlink. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã góp vốn vào Adlink với số tiền là 40.000.000 VND.

4.2 Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up ("Yeah1 Up")

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp bổ sung vốn vào Yeah1 Up với tổng số tiền là 23.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2023, Yeah1 Up đã nhận được GCNĐKDN số 0317420589 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 VND lên 25.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Nhóm Công ty trong Yeah1 Up không thay đổi.

4.3 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc mua 100% vốn góp của STVPro từ STV, với giá mua là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 568-2310-NQ-HĐQT-YEG ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 570-2310-HĐCN-YEG-STV ngày 17 tháng 10 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, STVPro đã nhận được GCNĐKDN số 0317800358 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro tăng từ 51% lên 100%.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")* (tiếp theo)

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4.4 *Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")*

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 62/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 63/2302/HĐCNCP/YEG-PTMH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Minh Hằng, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 281.250 cổ phần và 3.656.250 cổ phần của Edigital tương ứng với giá trị lần lượt là 9.196.875.000 VND và 119.559.375.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty sở hữu 35% cổ phần của Edigital và Edigital trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc Số 10/HĐMT/Y1-VNO.20 ngày 17 tháng 8 năm 2020, Nhóm Công ty đã ứng trước số tiền là 16.755.470.000 VND để mua mã thẻ viễn thông, được bảo lãnh bằng cổ phần của Edigital *(Thuyết minh số 8)* thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 512.400 cổ phần của Edigital, tương đương với 4,55% vốn điều lệ của Edigital, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 400-2308-HĐCNCP-BPTC-YEG để tất toán khoản tạm ứng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 39,5% kể từ ngày này.

4.5 *Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")*

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 60/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 61/2302/HĐCNCP/YEG-PTNH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 27.000 cổ phần và 36.000 cổ phần của Netlink Việt Nam tương ứng với giá trị lần lượt là 44.145.000.000 VND và 58.860.000.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Netlink Việt Nam và Netlink Việt Nam trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	-	150.752.205
Tiền gửi ngân hàng	4.261.339.357	22.222.261.659
Các khoản tương đương tiền *(*)*	4.200.000.000	4.100.000.000
TỔNG CỘNG	**8.461.339.357**	**26.473.013.864**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 3,75%/năm.

6 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	121.340.076.164	126.453.561.248
Công ty Cổ phần Ban Media	*26.327.695.034*	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng (*)	*13.939.220.078*	*13.939.220.078*
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	*7.395.539.564*	*4.963.372.340*
Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	*7.382.202.120*	-
Khác	*66.295.419.368*	*107.550.968.830*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	118.218.227.750	35.197.206.145
TỔNG CỘNG	**239.558.303.914**	**161.650.767.393**
Dự phòng phải thu ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	(23.559.491.239)	(24.375.838.748)
GIÁ TRỊ THUẦN	**215.998.812.675**	**137.274.928.645**

(*) Khoản thu này được đảm bảo bằng 3.135.000 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 124-2403-TTBL-YEG-TERA ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	24.375.838.748	5.007.898.648
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.048.880.750	19.367.940.100
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.865.228.259)	-
Số cuối năm	23.559.491.239	24.375.838.748

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	80.932.913.203	81.980.392.464
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế (*)	*48.126.704.193*	*48.126.704.193*
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh (**)	*14.500.000.000*	-
Something Big SAS	*8.160.450.000*	*8.160.450.000*
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	*16.755.470.000*
Khác	*10.145.759.010*	*8.937.768.271*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	24.750.000	24.750.000
TỔNG CỘNG	**80.957.663.203**	**82.005.142.464**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	(18.600.883.301)	(16.246.796.596)
GIÁ TRỊ THUẦN	**62.356.779.902**	**65.758.345.868**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	16.246.796.596	4.793.815.527
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.354.086.705	11.452.981.069
Số cuối năm *(Thuyết minh số 11)*	18.600.883.301	16.246.796.596

(*) Khoản thu này được đảm bảo bằng 3.135.000 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 124-2403-TTBL-YEG-TERA ngày 22 tháng 3 năm 2024.

(**) Theo Hợp đồng Xây dựng số 08/HĐXD-1Studio ngày 22 tháng 11 năm 2023 với Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh về việc xây lắp công trình "Nhà ở kết hợp văn phòng" tại địa chỉ 41-49 An Phú, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng là 142.795.425.415 VND.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**266.334.265.625**	**164.433.231.206**
Cho các bên khác vay	201.616.431.925	126.222.398.763
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 34)*	64.717.833.700	38.210.832.443
Dài hạn	**44.329.575.396**	**119.000.000.000**
Cho bên khác vay	39.429.575.396	119.000.000.000
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 34)*	4.900.000.000	-
TỔNG CỘNG	**310.663.841.021**	**283.433.231.206**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	119.000.000.000	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba
Phan Thái Huy	23.000.000.000	Ngày 14 tháng 9 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.160.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	8 - 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.140.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 - 11	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.900.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 - 10,5	Tín chấp
Công Ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn CAPITALX	511.258.221	Ngày 29 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền Thông TNT	450.000.000	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 - 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**201.616.431.925**			

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
***Cho các bên liên quan vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 34)*				
Công ty TNHH Tera Group	35.736.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	10,5 - 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	14.859.000.000	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 9 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	14.122.833.700	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2024 đến ngày 21 tháng 9 năm 2024	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**64.717.833.700**			
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8	Tín chấp
Đinh Tấn Danh	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.564.300.000	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2026 đến ngày 25 tháng 2 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**39.429.575.396**			
***Cho các bên liên quan vay dài hạn** (Thuyết minh số 34)*				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.450.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2025	10 – 10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**4.900.000.000**			

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**340.356.202.385**	**209.178.378.379**
Tạm ứng nhân viên	230.004.766.104	43.146.609.969
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	48.078.801.570	73.437.407.535
Trong đó:		
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (i)	*19.600.000.000*	*19.600.000.000*
Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ii)	*9.993.750.000*	-
Travellet Tech Limited (iii)	*8.120.000.000*	*8.120.000.000*
Lỗ phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)	*4.380.844.035*	-
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures (v)	*3.600.000.000*	*3.600.000.000*
Công ty Cổ phần MBC Studio (vi)	*1.253.462.535*	*1.253.462.535*
Công ty Cổ phần Mnet (vi)	*1.130.745.000*	*1.130.745.000*
Công ty TNHH Media Investment Hub	-	*39.733.200.000*
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần *(vii)*	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	19.750.861.017	5.908.536.440
Phải thu cổ tức *(viii)*	7.213.579.158	9.565.680.000
Đặt cọc	1.701.978.525	1.666.978.525
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	37.231.370.000
Khác	3.606.216.011	8.221.795.910
Dài hạn	**345.139.910.099**	**249.503.496.695**
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture *(ii)*	199.875.000.000	100.565.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK *(ix)*	138.658.000.000	147.318.000.000
Đặt cọc	6.606.910.099	1.620.496.695
TỔNG CỘNG	**685.496.112.484**	**458.681.875.074**
Dự phòng phải thu khác khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(39.650.639.012)	(35.347.951.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	**645.845.473.472**	**423.333.923.088**
Trong đó:		
Các bên khác	*677.295.670.877*	*451.600.263.063*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*8.200.441.607*	*7.081.612.011*

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	35.347.951.986	25.481.601.797
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.302.687.026	9.866.350.189
Số cuối năm	39.650.639.012	35.347.951.986

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(i) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 đồng, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 đồng.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(ii) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Trong năm, Công ty đã ghi nhận thu nhập tiền lãi từ khoản góp vốn này theo tỷ lệ 10%, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 9.993.750.000 VND.

(iii) Đây là Hợp đồng Hợp tác Trò chơi trực tuyến ngày 1 tháng 11 năm 2019 với Travellet Tech Limited về giấy phép liên quan đến trò chơi trực tuyến. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

(iv) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam ("VTVcab"). Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh của Dự án với giá trị là 8.761.688.073 VND và ghi nhận khoản phải thu VTVCab theo tỷ lệ phân chia 50% trên khoản lỗ này.

(v) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số BM-HĐĐT/03/2017 ngày 12 tháng 12 năm 2017 với Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures về việc hợp tác sản xuất dự án truyền hình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

(vi) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 021/2017/HĐGV/YES/E18/GV ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Mnet (trước đây là Công ty Cổ phần Góp Vốn) và Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 2018-002/HĐGV/ZOMBIE/MBCS-YEAH1 ngày 21 tháng 6 năm 2018 với Công ty Cổ phần MBC Studio về việc hợp tác sản xuất các dự án làm phim. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(vii) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Võ Thái Phong để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến ("VNO") tương đương với 60% tỷ lệ sở hữu trong VNO theo Biên bản Ghi nhớ ngày 22 tháng 10 năm 2020, Phụ lục 1 ngày 21 tháng 3 năm 2023, Phụ lục 2 ngày 15 tháng 12 năm 2023 gia hạn việc chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 9 năm 2024.

(viii) Theo Nghị quyết phê duyệt bởi Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty nhận được khoản chia cổ tức là 9.565.680.000 VND; được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 1 tháng 11 năm 2025.

(ix) Theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Giải Trí TKK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường. Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 147.318.000.000 VND. Theo Phụ lục 1 ngày 20 tháng 6 năm 2023, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Giải Trí TKK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 47.318.000.000 VND trước ngày 30 tháng 6 năm 2024. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Giải trí TKK đã hoàn trả một phần vốn góp của hợp đồng với số tiền là 8.660.000.000 VND.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**35.648.137.945**	**12.088.646.706**	**(23.559.491.239)**	**33.507.104.056**	**9.131.265.308**	**(24.375.838.748)**
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.024	(9.757.454.054)	13.939.220.078	6.969.610.039	(6.969.610.039)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)	1.112.886.123	333.865.837	(779.020.286)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)	-	-	-
Khác	8.572.413.579	6.163.831.682	(2.408.581.897)	8.921.449.690	1.827.789.432	(7.093.660.258)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**60.116.049.372**	**41.515.166.071**	**(18.600.883.301)**	**57.783.420.177**	**41.536.623.581**	**(16.246.796.596)**
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.858.420.589	(7.268.283.604)	48.126.704.193	40.858.420.589	(7.268.283.604)
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa Phương tiện VINACJ	1.067.991.758	-	(1.067.991.758)	-	-	-
Something Big SAS	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Khác	2.760.903.421	656.745.482	(2.104.157.939)	1.496.265.984	678.202.992	(818.062.992)
Phải thu ngắn hạn khác	**50.640.836.504**	**10.990.197.492**	**(39.650.639.012)**	**35.944.107.385**	**596.155.399**	**(35.347.951.986)**
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Travellet Tech Vietnam Limited	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	3.600.000.000	-	(3.600.000.000)	3.600.000.000	-	(3.600.000.000)
Công ty Cổ phần MBC Studio	1.253.462.535	-	(1.253.462.535)	1.253.462.535	-	(1.253.462.535)
Công ty Cổ phần Mnet	1.130.745.000	-	(1.130.745.000)	1.130.745.000	-	(1.130.745.000)
Khác	16.936.628.969	10.990.197.492	(5.946.431.477)	2.239.899.850	596.155.399	(1.643.744.451)
TỔNG CỘNG	**146.405.023.821**	**64.594.010.269**	**(81.811.013.552)**	**127.234.631.618**	**51.264.044.288**	**(75.970.587.330)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hàng hóa	35.698.707.333	36.264.806.517
Chương trình đang sản xuất	20.000.953.739	3.116.955.304
Dự án đang phát triển dở dang	8.024.666.307	12.060.255.377
Bản quyền chương trình	-	24.025.005.076
TỔNG CỘNG	**63.724.327.379**	**75.467.022.274**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.555.718.986)	(59.956.019.873)
GIÁ TRỊ THUẦN	**29.168.608.393**	**15.511.002.401**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	59.956.019.873	65.378.425.191
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	108.525.811	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	(25.508.826.698)	(5.422.405.318)
Số cuối năm	34.555.718.986	59.956.019.873

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**50.416.954.766**	**27.938.305.891**
Chương trình	48.828.389.284	26.090.326.974
Khác	1.588.565.482	1.847.978.917
Dài hạn	**1.484.504.008**	**3.220.915.857**
Chi phí cải tạo văn phòng	411.547.424	1.383.873.724
Công cụ, dụng cụ	669.341.309	563.172.702
Khác	403.615.275	1.273.869.431
TỔNG CỘNG	**51.901.458.774**	**31.159.221.748**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.837.328.710	16.468.023.064	12.966.951.364	790.845.452	32.063.148.590
Mua mới	-	-	475.577.865	-	475.577.865
Thanh lý	-	(36.363.637)	(8.335.513.909)	(7.196.909)	(8.379.074.455)
Xóa sổ	(113.445.500)	(7.037.054.144)	(2.570.346.546)	-	(9.720.846.190)
Số cuối năm	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*1.723.883.210*	*1.119.184.831*	*830.339.604*	*456.861.841*	*4.130.269.486*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(1.837.328.710)	(15.705.695.825)	(12.007.331.474)	(597.748.349)	(30.148.104.358)
Khấu hao trong năm	-	(467.002.522)	(316.003.979)	(72.847.232)	(855.853.733)
Thanh lý	-	36.363.637	8.131.877.574	7.196.909	8.175.438.120
Xóa sổ	113.445.500	7.029.959.644	2.570.346.546	-	9.713.751.690
Số cuối năm	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	762.327.239	959.619.890	193.097.103	1.915.044.232
Số cuối năm	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Phần mềm máy tính*	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	15.867.542.910	3.185.964.630	19.053.507.540
Mua mới	82.828.580.077	297.416.000	-	83.125.996.077
Số cuối năm	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(7.692.816.029)	(1.048.290.159)	(8.741.106.188)
Hao mòn trong năm	(6.356.744.916)	(1.907.980.582)	(192.393.372)	(8.457.118.870)
Số cuối năm	(6.356.744.916)	(9.600.796.611)	(1.240.683.531)	(17.198.225.058)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	8.174.726.881	2.137.674.471	10.312.401.352
Số cuối năm	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	9.545.454.545	22.565.454.545
Dự án xây dựng phim trường	3.821.563.973	-
TỔNG CỘNG	**13.367.018.518**	**22.565.454.545**

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Lợi thế thương mại khoản đầu tư vào STV
Nguyên giá:	
Số đầu năm	74.716.838.797
Giảm trong năm *(*)*	(36.500.000.000)
Số cuối năm	38.216.838.797
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(3.762.424.285)
Phân bổ trong năm	(3.626.780.475)
Số cuối năm	(7.389.204.760)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	70.954.414.512
Số cuối năm	30.827.634.037

(*) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã mua 2.295.000 cổ phần của STV tương ứng với tỷ lệ sở hữu 51% trong STV với giá mua là 76.500.000.000 VND từ Ông Lê Việt Hùng theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 087/2207/HĐCNCP/YEG-STV ngày 1 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2023, giá mua được điều chỉnh giảm là 40.000.0000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng Số 03 ngày 1 tháng 12 năm 2023.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh 18.1)*	348.572.994.312	132.247.514.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(Thuyết minh 18.2)*	46.002.910.277	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	**394.575.904.589**	**149.963.139.642**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.167.364.491)	(9.615.625.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**383.408.540.098**	**140.347.514.642**

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Quảng cáo, sản xuất chương trình	39,5	35	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35	35	-	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	13,40	20,00	13,40	20,00
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	17,96	35,21	17,96	35,21
Công ty Cổ phần Eco Consumer (*)	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	49,99	49,99	49,99
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	-	-	29,99	30,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	-	-	34,99	35,00

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 35.2)*

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

VND

Tên công ty	*Giá trị đầu tư vào*			*Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*			*Khác*	*Giá trị còn lại*	
	Số đầu năm	*Tăng giá trị đầu tư*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*	*Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*	*Số cuối năm*	*Giảm do phân loại lại (*)*	*Số đầu năm*	*Số cuối năm*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	145.511.720.000	145.511.720.000	-	(2.649.926.936)	(2.649.926.936)	-	-	142.861.793.064
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	103.005.000.000	103.005.000.000	-	(656.029.706)	(656.029.706)	-	-	102.348.970.294
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	92.376.900.000	-	92.376.900.000	(3.034.831.656)	11.701.536	(3.023.130.120)	-	89.342.068.344	89.353.769.880
Công ty Cổ phần Zmedia	12.500.000.000	-	12.500.000.000	1.791.916.046	(407.946.055)	1.383.969.991	-	14.291.916.046	13.883.969.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	1.200.000.000	-	1.200.000.000	(48.246.108)	(1.151.753.892)	(1.200.000.000)	-	1.151.753.892	-
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	158.155.805	-	158.155.805	(33.664.722)	-	(33.664.722)	-	124.491.083	124.491.083
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	22.500.000.000	-	22.500.000.000	(1.246.265.794)	-	(1.246.265.794)	(21.253.734.206)	21.253.734.206	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	6.500.000.000	-	6.500.000.000	(2.416.448.929)	-	(2.416.448.929)	(6.083.551.071)	6.083.551.071	-
TỔNG CỘNG	**137.235.055.805**	**248.516.720.000**	**385.751.775.805**	**(4.987.541.163)**	**(4.853.955.053)**	**(9.841.496.216)**	**(27.337.285.277)**	**132.247.514.642**	**348.572.994.312**

(*) Vào ngày 20 tháng 11 năm 2023, Công ty cam kết chuyển nhượng 30% cổ phần tại Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ ("100 Độ") và 35% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife ("Kolorlife") với tổng giá chuyển nhượng là 28.000.000.000 VND, theo Biên bản ghi nhớ số 2011/2023/CARE/BBGN cùng ngày và phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 3112B/2020/YEG/QĐ-CTHĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, khoản đầu tư vào 100 Độ và Kolorlife được phân loại lại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty khác kể từ ngày này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số đầu năm*			*Số cuối năm*		
		Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	21.253.734.206	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	-	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	6.083.551.071	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
Công ty Cổ phần Tera Group	Lập trình máy tính	950.000.000	-	19,00	-	-	-
TỔNG CỘNG		**46.002.910.277**	**(11.167.364.491)**		**17.715.625.000**	**(9.615.625.000)**	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

19.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Số đầu năm	*Số cuối năm*
Các bên khác	89.696.946.327	73.292.702.317
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	*36.237.031.394*	*33.899.563.425*
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	*16.515.984.079*	*16.515.984.079*
Khác	*36.943.930.854*	*22.877.154.813*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	8.456.156.378	9.889.097.518
TỔNG CỘNG	**98.153.102.705**	**83.181.799.835**

19.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Số đầu năm	*Số cuối năm*
Các bên khác	4.401.307.337	6.268.824.622
Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit	*1.246.622.223*	*3.112.902.549*
Khác	*3.154.685.114*	*3.155.922.073*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	24.754.058.544	137.093.401
TỔNG CỘNG	**29.155.365.881**	**6.405.918.023**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	23.392.798.468	2.384.193.220	(11.349.753.635)	14.427.238.053
Thuế thu nhập cá nhân (*)	3.335.524.048	9.745.155.836	(7.959.273.886)	5.121.405.998
Thuế giá trị gia tăng (*)	5.457.852.714	37.830.633.106	(39.451.241.234)	3.837.244.586
Thuế nhà thầu	4.107.670.578	107.302.761	(1.147.412.536)	3.067.560.803
Khác	5.754.808.685	2.189.612.468	(2.067.688.863)	5.876.732.290
TỔNG CỘNG	**42.048.654.493**	**52.256.897.391**	**(61.975.370.154)**	**32.330.181.730**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	11.733.669.810	21.327.794.398	(19.106.713.720)	13.954.750.488
Khác	155.717.147	90.971.748	(234.064.111)	12.624.784
TỔNG CỘNG	**11.889.386.957**	**21.418.766.146**	**(19.340.777.831)**	**13.967.375.272**

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế phải nộp quá hạn ở các công ty con với số tiền là 15.075.022.780 VND.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	*Số cuối năm*
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	10.379.620.700	9.007.306.187
Chi phí lãi vay	5.373.836.077	4.877.556.101
Chi phí lãi chậm nộp thuế	5.298.545.646	-
Lương tháng 13	2.030.064.776	1.120.560.000
Khác	4.366.607.998	3.750.559.546
TỔNG CỘNG	**27.448.675.197**	**18.755.981.834**
Trong đó		
Các bên khác	*25.392.634.459*	*18.169.067.442*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*2.056.040.738*	*586.914.392*

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số đầu năm	*Số cuối năm*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(*)*	31.500.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.175.245.581	1.686.582.806
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	2.147.650.000
Chi phí lãi vay	595.359.039	1.083.415.758
Phải trả do nhận chuyển nhượng vốn góp	-	56.500.000.000
Khác	7.657.570.639	4.682.179.886
TỔNG CỘNG	**45.075.825.259**	**66.099.828.450**
Trong đó:		
Các bên khác	*42.498.844.217*	*65.768.310.183*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*2.576.981.042*	*331.518.267*

(*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". *(Thuyết minh số 10)*

23. VAY

VND

	Số đầu năm	*Vay trong năm*	*Trả nợ vay trong năm*	*Phân loại lại*	*Giảm khác*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**94.317.807.400**	**514.175.702.075**	**(440.587.457.350)**	**10.000.000.000**	**(6.553.361.213)**	**171.352.690.912**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	9.628.537.096	179.362.108.075	(101.448.687.350)	10.000.000.000	-	97.541.957.821
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 23.2)*	66.193.361.213	30.970.824.000	(56.410.000.000)	-	(6.553.361.213)	34.200.824.000
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 23.3)*	12.395.909.091	271.901.250.000	(256.437.250.000)	-	-	27.859.909.091
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.4 và 34)*	6.100.000.000	31.941.520.000	(26.291.520.000)	-	-	11.750.000.000
Dài hạn	**1.000.000.000**	**50.742.808.874**	**(2.728.376.018)**	**(10.000.000.000)**	**-**	**39.014.432.856**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	-	50.000.000.000	(2.500.000.000)	(10.000.000.000)	-	37.500.000.000
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.4 và 34)*	1.000.000.000	742.808.874	(228.376.018)	-	-	1.514.432.856
TỔNG CỘNG	**95.317.807.400**	**564.918.510.949**	**(443.315.833.368)**	**-**	**(6.553.361.213)**	**210.367.123.768**

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngân hàng*

Nhóm Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	38.046.792.705	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2024 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024	8,2	Tín chấp
Khoản vay 2	29.999.324.427	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 12 năm 2024	9,8	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 3	17.734.991.689	Ngày 21 tháng 3 năm 2024	9,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố HCM				
Khoản vay 1	1.760.849.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2024	11,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**87.541.957.821**			

Nhóm Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Thế chấp*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	47.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba

Trong đó

Vay dài hạn	*37.500.000.000*
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.000.000.000*

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay cá nhân*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Nguyễn Thị Khánh Hòa	11.314.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 24 tháng 11 năm 2024	10,5 - 15
Lê Đình Trọng	10.100.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	10,5 - 12
Nguyễn Minh Đức	2.000.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2024	13
Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	Ngày 15 tháng 12 năm 2024	10,5
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 20 tháng 4 năm 2024	8
Vũ Thị Tuyết Vân	800.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2024 đến ngày 24 tháng 3 năm 2024	11
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 6 tháng 4 năm 2024	6
TỔNG CỘNG	**27.859.909.091**		

23.2 *Vay các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn các tổ chức khác			
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	30.000.000.000	Theo yêu cầu	-
Công ty Cổ phần Ban Media	2.560.824.000	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**34.200.824.000**		

23. VAY (tiếp theo)

23.4 *Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* VND	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* %/năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	5.300.000.000	Ngày 27 tháng 6 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Việt Nam Music Award	200.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**11.750.000.000**		
Vay dài hạn bên liên quan			
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6
Công Ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	342.808.874	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	171.623.982	Ngày 16 tháng 1 năm 2025	6
TỔNG CỘNG	**1.514.432.856**		

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	20.536.615.720	884.209.773.974
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.903.987.113	10.903.987.113
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	1.357.233.547	1.357.233.547
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Số cuối năm	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Năm nay				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược (*)	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (**)	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	26.858.708.163	26.858.708.163
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097

(*) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 45.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023 và phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND.

(**) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, SSC thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 55.073.296 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:722 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 607-2311-NQ-ĐHĐCĐ-YEG ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 612-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 641-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 24 tháng 11 năm 2023. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 762.799.680.000 VND lên 1.313.532.640.000 VND.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	312.799.680.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	1.000.732.960.000	-
Số cuối năm	1.313.532.640.000	312.799.680.000

24.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu đã phát hành	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần sau thuế *(VND)*	26.858.708.163	10.903.987.113
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	**26.858.708.163**	**10.903.987.113**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	47.513.447	31.279.968
Lãi cơ bản và lãi suy giảm *(VND/cổ phiếu)*	565	349

(*) Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	12.551.387.798	(6.506.464.721)
(Lỗ) lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(339.748.836)	13.986.873.201
Tăng do chuyển nhượng công ty con	-	4.714.979.554
Tăng do mua công ty con	-	1.713.233.311
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	(1.357.233.547)
Số cuối năm	12.211.638.962	12.551.387.798

27. DOANH THU

27.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**414.366.625.633**	**317.854.901.716**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	*167.958.869.763*	-
Doanh thu quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	*112.179.327.639*	*163.108.070.053*
Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình	*93.878.719.534*	*77.094.221.620*
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	*39.141.918.506*	*70.133.212.252*
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	*1.207.790.191*	*7.519.397.791*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(2.699.840.733)**	**(3.730.595.402)**
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	*(2.699.840.733)*	*(3.730.595.402)*
DOANH THU THUẦN	**411.666.784.900**	**314.124.306.314**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	*167.958.869.763*	-
Doanh thu thuần quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	*112.179.327.639*	*163.108.070.053*
Doanh thu thuần quảng cáo trên kênh truyền hình	*91.178.878.801*	*73.363.626.218*
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	*39.141.918.506*	*70.133.212.252*
Doanh thu thuần về bán lẻ và bán hàng khác	*1.207.790.191*	*7.519.397.791*
Trong đó:		
Các bên khác	*266.551.845.191*	*301.521.568.382*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*147.814.780.442*	*16.333.333.334*

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.571.169.984	6.955.431.234
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	19.987.500.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	40.333.840.583
Khác	27.731.696	51.116.382
TỔNG CỘNG	**43.586.401.680**	**47.340.388.199**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	97.874.743.396	-
Giá vốn quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	95.442.734.555	120.960.912.021
Giá vốn quảng cáo trên kênh truyền hình	88.057.013.072	57.966.749.713
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	37.727.970.359	25.432.070.022
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	2.778.792.497	10.708.294.124
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho *(Thuyết minh số 12)*	(25.400.300.887)	(5.422.405.318)
TỔNG CỘNG	**296.480.952.992**	**209.645.620.562**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	21.505.000.199	6.906.877.175
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.551.739.491	1.757.625.000
Khác	425.675.889	357.245.001
TỔNG CỘNG	**23.482.415.579**	**9.021.747.176**

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**14.260.496.293**	**20.658.752.305**
Chi phí nhân viên	9.335.604.697	9.708.031.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.280.314.061	10.843.145.343
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.480.174	107.575.886
Chi phí khác	641.097.361	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**66.900.478.155**	**93.384.172.422**
Chi phí nhân viên	26.841.890.320	28.885.702.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.472.516.094	12.345.318.851
Chi phí dự phòng	5.733.887.576	36.600.664.091
Phân bổ lợi thế thương mại	3.626.780.475	6.434.592.624
Chi phí khấu hao và hao mòn	922.517.364	4.241.173.155
Chi phí khác	4.302.886.326	4.876.721.135
TỔNG CỘNG	**81.160.974.448**	**114.042.924.727**

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**1.799.158.515**	**19.096.477.919**
Thanh lý tài sản cố định	1.614.777.273	5.851.730.858
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	2.943.200.000
Khác	184.381.242	10.301.547.061
Chi phí khác	**(22.149.929.089)**	**(19.441.769.061)**
Xóa sổ phần mềm quản lý phân phối DMS	(13.020.000.000)	-
Lãi chậm nộp thuế	(5.298.545.646)	-
Tiền phạt thuế	(3.169.913.731)	(4.512.551.487)
Chi phí từ thiện	-	(12.012.022.397)
Khác	(661.469.712)	(2.917.195.177)
LỖ KHÁC	**(20.350.770.574)**	**(345.291.142)**

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.286.636.280	217.036.819.527
Chi phí nhân viên	84.543.090.051	53.763.948.028
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 14 và 15)*	9.312.972.603	4.566.632.213
Trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 7,8,10 và 11)*	5.840.426.222	36.600.664.091
Phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 17)*	3.626.780.475	6.434.592.624
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho *(Thuyết minh số 12)*	(25.400.300.887)	(5.422.405.318)
Khác	9.432.322.696	10.708.294.124
TỔNG CỘNG	**377.641.927.440**	**323.688.545.289**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	365,033,626	5.597.012
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.910.594.081)	6.450.677.437
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.545.560.455)	6.456.274.449
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	3.950.719.062	(2.432.126.402)
TỔNG CỘNG	**2.405.158.607**	**4.024.148.047**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**28.924.117.934**	**28.915.008.361**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	5.784.823.587	5.783.001.672
Các điều chỉnh:		
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	6.923.968.829	10.077.634.415
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.603.198.495	5.257.292.702
Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết	970.791.011	(101.179.491)
Phân bổ lợi thế thương mại	725.356.095	1.286.918.525
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.910.594.081)	6.450.677.437
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	(4.459.937.207)	-
Lợi nhuận từ thanh lý các công ty con	-	(8.066.768.117)
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(12.232.448.122)	(16.663.429.096)
Chi phí thuế TNDN	**2.405.158.607**	**4.024.148.047**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(7.895.844.762)	-	(7.895.844.762)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	29.460.823.943	17.614.260.119	11.846.563.824	(2.432.126.402)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			***3.950.719.062***	***(2.432.126.402)***

33.4 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 829.024.430.168 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 890.186.670.778 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*
2019	2024	18.321.554.642	(18.321.554.642)	-
2020	2025	453.621.189.557	(35.959.820.469)	417.661.369.088
2020	2025	2.250.136.597	-	2.250.136.597
2021	2026	363.538.343.389	-	363.538.343.389
2022	2027	32.110.741.265	(6.880.865.499)	25.229.875.766
2023	2028	20.344.705.328	-	20.344.705.328
TỔNG CỘNG		**890.186.670.778**	**(61.162.240.610)**	**829.024.430.168**

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Nhóm Công ty trong năm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Thành viên chủ chốt có liên quan đến Nhóm công ty
Công ty TNHH Phức hợp Truyền thông T.H	Thành viên chủ chốt có liên quan đến Nhóm công ty
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua bản quyền	48.556.395.000	-
	Thu hồi cho vay	27.421.435.836	59.677.764.164
	Cung cấp dịch vụ	21.811.053.569	8.000.000.001
	Cho vay	17.600.000.000	98.434.533.333
	Vay	15.550.000.000	13.600.000.000
	Trả gốc vay	13,528,376,018	11.600.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	10.492.769.249	-
	Mua dịch vụ	4.513.238.687	3.513.346.122
	Thu hồi lãi cho vay	659.641.225	15.593.965.239
	Lãi cho vay	555.237.062	911.548.165
	Trả lãi vay	172.001.306	-
	Lãi vay	108.966.573	289.486.757
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	13.500.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	6.668.231.073	-
	Trả gốc vay	8.200.000.000	-
	Cho vay	2.328.800.000	-
	Thu hồi cho vay	2.328.800.000	-
	Lãi vay	251.967.124	-
	Lãi cho vay	46.603.398	-
	Thu hồi lãi cho vay	46.603.398	-
	Trả lãi vay	20.967.123	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Thu hồi cho vay	26.189.396.607	12.734.090.909
	Cung cấp dịch vụ	5.869.523.810	-
	Thu hồi lãi cho vay	2.480.674.519	380.000.000
	Lãi cho vay	1.192.452.719	1.288.221.800
	Cho vay	1.250.000.000	166.824.456
	Vay	342.808.874	1.500.000.000
	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	90.427.097.143	-
	Cho vay	36.750.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	5.618.632.220	-
	Mua dịch vụ	5.601.851.852	-
	Lãi cho vay	1.469.830.275	-
	Thu hồi cho vay	1.014.000.000	-
	Góp vốn	950.000.000	
Công ty TNHH Big Cat	Mua bản quyền	11.665.638.876	-
	Cho vay	2.800.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.800.000.000	-
	Bán bản quyền	1.857.142.857	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	775.246.004	-
	Cung cấp dịch vụ	755.674.247	-
	Lãi cho vay	1.610.959	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Phức hợp Truyền thông T.H	Cho vay	23.129.873.700	-
	Thu hồi cho vay	9.007.040.000	-
	Cung cấp dịch vụ	2.404.207.928	8.333.333.333
	Lãi cho vay	680.481.034	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	14.859.000.000	-
	Lãi cho vay	651.555.494	-
	Cung cấp dịch vụ	-	7.370.161.019
	Mua dịch vụ	-	543.931.817
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
	Lãi cho vay	38.901.230	-
	Thu hồi lãi cho vay	5.490.411	-
	Góp vốn	-	8.100.000.000
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	1.135.202.342	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	600.000.000	-
	Trả gốc vay	300.000.000	-
	Cho vay	110.000.000	-
	Thu hồi cho vay	110.000.000	-
	Lãi vay	7.364.383	-
	Lãi cho vay	1.338.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	1.338.768	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	200.000.000	-
	Chi phí lãi vay	172.603	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	160.000.000	-
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	59.999.998	-
	Thu hồi lãi cho vay	11.955.159	-
Ông Đào Phúc Trí	Góp vốn	35.000.000.000	-
	Tạm ứng	10.679.535.966	6.418.422.833
	Thu hồi tạm ứng	10.300.000.000	4.114.141.440
Bà Lê Phương Thảo	Góp vốn	42.000.000.000	-
	Tạm ứng	358.612.451	-
Ông Chế Đoàn Viên	Góp vốn	37.000.000.000	-
	Tạm ứng	37.000.000	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.470.022	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	87.902.530.164	-
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Cung cấp dịch vụ	11.770.573.444	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cung cấp dịch vụ	8.080.206.311	7.959.773.900
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Cung cấp dịch vụ	6.731.991.724	6.731.991.724
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	1.154.383.491	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	999.999.958	999.999.958
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Cung cấp dịch vụ	643.697.131	523.907.131
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	547.505.377	6.480.000.000
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	387.340.150	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	-	2.421.533.432
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp dịch vụ	-	1.080.000.000
		118.218.227.750	**35.197.206.145**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	24.750.000	24.750.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	35.736.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	14.859.000.000	-
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Cho vay	14.122.833.700	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	-	24.939.396.607
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	13.271.435.836
		64.717.833.700	**38.210.832.443**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
Ông Đào Phúc Trí	Tạm ứng	5.327.908.126	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi cho vay	1.384.252.111	-
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Lãi cho vay	554.536.312	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	531.123.083	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	213.178.763	317.582.927
Công ty Cổ phần Zmedia	Lãi cho vay	147.899.158	147.899.158
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Lãi cho vay	33.410.819	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Lãi cho vay	-	1.288.221.800
		8.200.441.607	**7.081.612.011**
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	3.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
		4.900.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Mua dịch vụ	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	2.270.759.876	4.014.307.984
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Mua dịch vụ	222.411.825	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Mua dịch vụ	84.450.744	25.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	28.744.399	-
		8.456.156.378	**9.889.097.518**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.310.867.823	-
	Cung cấp dịch vụ	137.093.401	137.093.401
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.306.097.320	-
		24.754.058.544	**137.093.401**
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty TNHH Big Cat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	1.173.700.000	42.162.411
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	270.000.000	277.000.000
	Lãi vay	240.657.534	80.657.534
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	119.894.318	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	191.788.886	127.094.447
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	60.000.000	60.000.000
		2.056.040.738	**586.914.392**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Phải trả hợp tác kinh doanh	2.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Lãi vay	207.573.065	207.573.065
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	183.945.200	123.945.202
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	148.150.685	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	16.241.979	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Lãi vay	7.364.383	-
		2.576.981.042	**331.518.267**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	5.950.000.000	4.100.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	5.300.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	300.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	200.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Vay	-	2.000.000.000
		11.750.000.000	**6.100.000.000**
Vay dài hạn			
Công ty TNHH Nội dung số	Vay	342.808.874	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	171.623.982	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	1.000.000.000	1.000.000.000
		1.514.432.856	**1.000.000.000**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.549.007.000	2.653.384.900
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.250.000.000	-
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	1.063.307.700	-
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)	502.449.000	1.339.864.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2024)	123.981.550	495.926.200
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	2.009.796.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)	-	743.148.922
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2022)	-	350.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)	-	350.000.000
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)		
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
TỔNG CỘNG		**6.488.745.250**	**7.942.120.022**

35. CÁC CAM KẾT

35.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	24.261.360.000	14.900.133.847
Trên 1 – 5 năm	94.132.300.000	28.067.251.100
Trên 5 năm	67.729.068.000	1.343.971.200
TỔNG CỘNG	**186.122.728.000**	**44.311.356.147**

35.2 *Cam kết góp vốn*

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Số cuối năm và số đầu năm		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty TNHH Adlink Network *(*)*	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000
Công ty TNHH 1 Talent *(*)*	2.000.000.000	120.000.000	1.880.000.000
TỔNG CỘNG	**39.630.060.000**	**10.720.000.000**	**28.910.060.000**

(*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ vào các công ty này.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện, quảng cáo trên kênh truyền hình, cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông và bán lẻ.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	*Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện*	*Cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông*	*Bán lẻ và bán hàng khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	65.808.304.312	112.179.327.639	232.524.429.540	1.154.723.409	-	411.666.784.900
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	99.255.262.853	-	(99.255.262.853)	-
Tổng doanh thu thuần	**65.808.304.312**	**112.179.327.639**	**331.779.692.393**	**1.154.723.409**	**(99.255.262.853)**	**411.666.784.900**
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	(87.678.306.264)	42.136.893.971	201.886.361.224	(1.632.423.669)	(39.526.693.354)	115.185.831.908
Chi phí không phân bổ						(81.160.974.448)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						(4.853.955.053)
Doanh thu tài chính						43.586.401.680
Chi phí tài chính						(23.482.415.579)
Lợi nhuận khác						(20.350.770.574)
Lợi nhuận trước thuế						**28.924.117.934**
Chi phí thuế TNDN						1.545.560.455
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						(3.950.719.062)
Lợi nhuận sau thuế						**26.518.959.327**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	239.921.365.090	94.910.625.581	1.118.636.288.508	421.062.663.621	(368.751.341.730)	1.505.779.601.070
Tài sản không phân bổ						354.618.441.299
Tổng tài sản						**1.860.398.042.369**
Công nợ bộ phận	203.530.940.123	271.619.801.315	336.354.653.828	52.133.832.137	(453.439.134.593)	410.200.092.810
Công nợ không phân bổ						66.898.810.500
Tổng công nợ						**477.098.903.310**

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

VND

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	*Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện*	*Cung dịch vụ và thương mại truyền thông*	*Bán lẻ và bán hàng khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	73.363.626.218	163.108.070.053	70.133.212.252	7.519.397.791	-	314.124.306.314
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	298.309.091	6.816.944	18.270.921.985	13.911.187.839	(32.487.235.859)	-
Tổng doanh thu thuần	**73.661.935.309**	**163.114.886.997**	**88.404.134.237**	**21.430.585.630**	**(32.487.235.859)**	**314.124.306.314**
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	15.396.876.505	42.147.158.032	54.256.230.831	3.735.030.354	(11.056.609.970)	104.478.685.752
Chi phí không phân bổ						(114.042.924.727)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						505.897.455
Doanh thu tài chính						47.340.388.199
Chi phí tài chính						(9.021.747.176)
Lợi nhuận khác						(345.291.142)
Lợi nhuận trước thuế						**28.915.008.361**
Chi phí thuế TNDN						(6.456.274.449)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						2.432.126.402
Lợi nhuận sau thuế						**24.890.860.314**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	102.577.141.405	204.397.542.988	1.312.558.513.247	508.814.231.471	(1.098.671.475.205)	1.029.675.953.906
Tài sản không phân bổ						211.301.929.154
Tổng tài sản						**1.240.977.883.060**
Công nợ bộ phận	71.569.577.112	281.883.197.165	149.721.516.997	35.776.189.332	(222.367.037.397)	316.583.443.209
Công nợ không phân bổ						17.614.260.119
Tổng công nợ						**334.197.703.328**

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài các sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh số 4.3, 24.1 và 35.2* không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 0 5 2 3 1 5 quyển số: 01 SCT/BS
Ngày: 13 -12- 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC
Vũ Thu Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
---------***---------
Số: 686/2405/CV/YEG
V/v Thông tin trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.**

Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.**

Ngày 29 tháng 03 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công ty**") đã công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và trang thông tin điện tử của Công ty. Tuy nhiên, qua rà soát sau đó, Công ty đã phát hiện sai sót trong thông tin được trình bày tại **Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu** của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do sơ suất trong khâu soạn thảo. Chi tiết như sau:

Thông tin có sai sót được trình bày tại Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Báo cáo tài chính riêng đã phát hành:

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm/Điều chỉnh giảm*	*Số đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	863.341.881	14.238.615.910	(14.090.954.080)	1.011.003.711
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.333	4.232.739.147	(4.453.815.747)	292.770.733
Thuế nhà thầu	-	234.097.989	-	234.097.989
Khác	2.064.245.638	-	(2.064.245.638)	-
TỔNG CỘNG	**3.441.434.852**	**18.705.453.046**	**(20.609.015.465)**	**1.537.872.433**

Thông tin đúng của Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Báo cáo tài chính riêng:

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm/Điều chỉnh giảm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	863.341.881	14.238.615.910	(14.090.954.080)	1.011.003.711
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.333	4.232.739.147	(4.453.815.747)	292.770.733
Thuế nhà thầu	-	234.097.989	-	234.097.989
Khác	2.064.245.638	-	(2.064.245.638)	-
TỔNG CỘNG	**3.441.434.852**	**18.705.453.046**	**(20.609.015.465)**	**1.537.872.433**

Thông tin có sai sót được trình bày tại Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu của Báo cáo tài chính riêng đã phát hành:

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã đăng ký	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu quỹ	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Thông tin đúng của Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu của Báo cáo tài chính riêng:

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã đăng ký	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu đã phát hành	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**31.279.968**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*31.279.968*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã công bố.

Chúng tôi xin thông tin đến Uỷ ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quý cổ đông Công ty các nội dung như trên.

Văn bản này được đính kèm với Báo cáo tài chính riêng kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: VT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã xem xét và đồng ý với các giải trình tại Công văn số 686/2405/CV/YEG ngày 29 tháng 05 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công ty**") liên quan tới thông tin trình bày tại **Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu** của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã phát hành ngày 29 tháng 03 năm 2024.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng phát hiện sai sót trong thông tin về số Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của Kiểm toán viên Tôn Thiện Bảo Ngọc được trình bày tại Báo cáo kiểm toán độc lập của Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, do sơ suất trong khâu soạn thảo. Theo đó, thông tin đúng về số Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của Kiểm toán viên Tôn Thiện Bảo Ngọc là 4177-2022-004-1.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC HOÀNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05231 9 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày: 13-12-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Vũ Thu Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1

Số: 35-2401-UQ-YEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp HCM, ngày 30 tháng 1 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

- *Căn cứ GCNDKKD số 0304592171 do Sở KH-ĐT Tp. HCM cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;*
- *Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;*
- *Căn cứ quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;*

Tôi, ký tên dưới đây, **NGÔ THỊ VÂN HẠNH,** là Bên ủy quyền, với tư cách là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công ty**"), ủy quyền cho:

Ông	: **CHẾ ĐOÀN VIÊN**
Sinh ngày	: 04/09/1985
CCCD số	: 068085004068 Cấp ngày: 09/01/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Thường trú tại	: 05 Lê Hồng Phong, phường 4, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng
Chức vụ	: Phó Tổng Giám đốc Tài chính

("**Bên nhận ủy quyền**")

Bằng giấy ủy quyền này, Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền kí các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan đến các báo cáo tài chính của Công ty với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty.

Bên nhận ủy quyền chỉ được thực hiện công việc trong phạm vi ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo Bên ủy quyền kết quả xử lý công việc trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024 cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Nơi nhận:
- Ông Chế Đoàn Viên;
- Các phòng ban, bộ phận, đơn vị có liên quan;
- Lưu Văn thư.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

CHẾ ĐOÀN VIÊN

BÊN ỦY QUYỀN
Đại diện theo pháp luật

NGÔ THỊ VÂN HẠNH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05232.0 Quyển số: 01SCT/BS

Ngày: 13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Vũ Thu Hải

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 57

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hanh ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày như được trình bày trong *Thuyết minh số 17.1* của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 12925844/67736242/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

EY
Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05379 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày: 23-12-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Lê Anh Tuấn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**632.649.559.933**	**550.345.281.762**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	*5*	***108.466.715***	***6.392.544.437***
111	1. Tiền		108.466.715	2.192.544.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	*6*	***230.000.000***	***230.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***608.074.835.398***	***522.012.565.290***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	124.663.664.356	112.326.811.147
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	20.652.084.188	2.549.093.165
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	308.876.088.402	270.238.767.925
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	176.988.188.225	159.015.726.054
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(23.105.189.773)	(22.117.833.001)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***23.941.409.104***	***18.471.428.571***
141	1. Hàng tồn kho	12	23.941.409.104	18.471.428.571
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***294.848.716***	***3.238.743.464***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	294.848.716	3.238.743.464
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.423.904.093.132**	**1.393.011.400.848**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***241.265.483.496***	***227.793.196.854***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	11.843.075.396	21.412.263.754
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	229.422.408.100	206.380.933.100
220	***II. Tài sản cố định***		***95.116.117.544***	***78.555.370.522***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	339.592.111	181.819.198
222	Nguyên giá		903.492.862	695.101.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(563.900.751)	(513.282.756)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	94.776.525.433	78.373.551.324
228	Nguyên giá		112.422.555.209	85.512.962.231
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.646.029.776)	(7.139.410.907)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***5.000.000.000***	***5.000.000.000***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	5.000.000.000	5.000.000.000
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	*17*	***1.079.795.494.777***	***1.080.639.622.715***
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.415.064.412.233	1.342.337.412.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		128.756.250.000	231.761.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.715.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(481.740.792.456)	(511.174.664.518)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***2.726.997.315***	***1.023.210.757***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.726.997.315	1.023.210.757
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.056.553.653.065**	**1.943.356.682.610**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**371.575.792.513**	**259.891.332.597**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***332.546.909.895***	***165.525.413.280***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	61.404.457.720	67.795.676.253
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	23.239.123.098	24.616.965.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	5.957.500.738	1.537.872.433
314	4. Phải trả người lao động		4.382.928.361	1.529.147.261
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.851.229.025	5.287.267.886
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31	319.400.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	65.033.102.099	41.747.660.304
320	8. Vay ngắn hạn	23	168.359.168.854	23.010.824.000
330	***II. Nợ dài hạn***		***39.028.882.618***	***94.365.919.317***
338	1. Vay dài hạn	23	39.028.882.618	94.365.919.317
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.684.977.860.552**	**1.683.465.350.013**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24***	***1.684.977.860.552***	***1.683.465.350.013***
411	1. Vốn cổ phần		1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.313.532.640.000*	*1.313.532.640.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.518.254	*140.518.254*
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		371.304.702.298	369.792.191.759
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*369.792.191.759*	*317.666.606.594*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*1.512.510.539*	*52.125.585.165*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.056.553.653.065**	**1.943.356.682.610**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
10	1. **Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ**	25.1	**105.433.919.116**	**28.797.278.573**
11	2. **Giá vốn dịch vụ cung cấp**	26	**(79.046.244.542)**	**(21.074.843.218)**
20	3. **Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**		**26.387.674.574**	**7.722.435.355**
21	4. **Doanh thu hoạt động tài chính**	25.2	**13.872.592.832**	**33.613.598.865**
22	5. **Chi phí tài chính**	27	**(7.521.209.279)**	**(9.732.071.627)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(7.521.209.279)*	*(9.732.071.627)*
26	6. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**	28	**(30.302.718.175)**	**(7.957.814.626)**
30	7. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.436.339.952**	**23.646.147.967**
31	8. **Thu nhập khác**		**280.407**	**-**
32	9. **Chi phí khác**		**(924.109.820)**	**(2.296.984)**
40	10. **Lỗ khác**		**(923.829.413)**	**(2.296.984)**
50	11. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.512.510.539**	**23.643.850.983**
51	12. **Chi phí thuế TNDN hiện hành**	30	**-**	**-**
52	13. **Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	30	**-**	**-**
60	14. **Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**1.512.510.539**	**23.643.850.983**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.512.510.539**	**23.643.850.983**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	14, 15	10.557.236.864	85.746.588
03	Dự phòng		987.356.772	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.872.470.012)	(23.619.653.896)
06	Chi phí lãi vay	27	7.521.209.279	9.732.071.627
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**6.705.843.442**	**9.842.015.302**
09	Tăng các khoản phải thu		(20.662.336.829)	(31.917.890.797)
10	Tăng hàng tồn kho		(5.469.980.533)	(69.884.800)
11	Tăng các khoản phải trả		6.803.651.037	1.245.653.183
12	Giảm chi phí trả trước		1.240.108.190	1.945.511.537
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.032.669.498)	(975.048.928)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(15.415.384.191)**	**(19.929.644.503)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(39.654.622.943)	(1.120.247.959)
23	Tiền chi cho vay		(71.208.266.640)	(67.559.714.853)
24	Tiền thu hồi cho vay		42.140.134.521	102.710.608.605
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(42.782.400.000)	(353.071.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.000.000.000	13.983.200.000
27	Thu lãi tiền gửi và cổ tức		14.625.153.376	25.318.142.353
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(80.880.001.686)**	**(279.739.261.854)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	23	138.899.656.007	327.135.916.260
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(48.888.347.852)	(41.266.141.217)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**90.011.308.155**	**285.869.775.043**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(6.284.077.722)**	**(13.799.131.314)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**6.392.544.437**	**17.365.013.108**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**5**	**108.466.715**	**3.565.881.794**

Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 95 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 17.1*, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 *Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")*

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần tương ứng với 16% tỷ lệ sở hữu trong Netlink Việt Nam từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 47.088.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 186-2404-HĐCNCP.Netlink-YEG-Ventures ngày 19 tháng 4 năm 2024 và tại ngày này, Netlink Việt Nam sở hữu hai công ty con là Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Yeah1 Publishing") và Netlink Communication Technology Ltd. ("Netlink Communication"). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 35% lên 51% và Netlink Việt Nam, Yeah1 Publishing và Netlink Communication trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4.2 *Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu*

Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV, công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV cùng ngày. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51% kể từ ngày này.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% tỷ lệ sở hữu trong STV cho đối tác với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này và STVPro cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ ("YES")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 730.000 cổ phần, tương ứng với 67% cổ phần của YES cho đối tác với giá chuyển nhượng là 10.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 788-2406-HĐCNCP/YEG-NTTV cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YES giảm từ 67% xuống 0% và YES không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần YAG Entertainment ("YAG")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.564.000 cổ phần, tương ứng với 85% cổ phần của YAG cho đối tác với giá chuyển nhượng là 85.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 789/2506/HDCNCP/YEG/LAK và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YAG giảm từ 85% xuống 0% và YAG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam ("AppNews")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần, tương ứng với 70% cổ phần của AppNews cho đối tác với giá chuyển nhượng là 3.050.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 790/2406/HDCNCP/YEG/DDB cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AppNews giảm từ 70% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.3 *Góp vốn thành lập các công ty con và công ty liên kết*

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 81/2403/NQHĐQT/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") và đã nhận được GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label là 51%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 776/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam ("Meta Blossom") với số vốn cam kết góp là 2.000.000.000 VND tương ứng 40% vốn điều lệ của Meta Blossom. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn điều lệ tại Meta Blossom. *(Thuyết minh số 32.2)*

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Tiền gửi ngân hàng	108.466.715	2.192.544.437
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	**108.466.715**	**6.392.544.437**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Công ty Cổ phần Tera Group	48.131.049.443	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Ban Media	23.194.638.193	22.854.759.622
Công ty Cổ phần Tổ hợp truyền thông STV *(*)*	6.770.205.688	22.360.890.688
Khác	46.567.771.032	14.654.208.837
TỔNG CỘNG	**124.663.664.356**	**112.326.811.147**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(1.798.983.364)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**122.864.680.992**	**112.326.811.147**
Trong đó:		
Các bên khác	*91.864.713.242*	*25.788.366.350*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*32.798.951.114*	*86.538.444.797*

(*) Khoản phải thu này và khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 9 và 10* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh	14.500.000.000	-
Công ty Cổ phần King Production	5.081.590.807	2.396.400.000
Khác	1.070.493.381	152.693.165
TỔNG CỘNG	**20.652.084.188**	**2.549.093.165**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	(329.450)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**20.651.754.738**	**2.549.093.165**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*14.500.000.000*	*-*
Các bên khác	*6.152.084.188*	*2.549.093.165*

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**308.876.088.402**	**270.238.767.925**
Cho các bên khác vay	295.176.088.402	172.970.431.925
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 31)*	13.700.000.000	97.268.336.000
Dài hạn	**11.843.075.396**	**21.412.263.754**
Cho bên khác vay	7.618.075.396	7.171.575.396
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 31)*	4.225.000.000	14.240.688.358
TỔNG CỘNG	**320.719.163.798**	**291.651.031.679**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	114.106.821.919	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	45.220.500.000	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2024 đến ngày 14 tháng 3 năm 2025	10,5 – 11	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Tera Group	43.840.000.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2024 đến ngày 21 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.663.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến ngày 17 tháng 8 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	5.307.568.421	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.660.000.000	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ	1.547.188.358	Ngày 2 tháng 1 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Zeroz Creative	300.000.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	45.000.000	Ngày 26 tháng 1 năm 2025	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**295.176.088.402**			

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 31)*				
Công ty TNHH Yeah1 Up	8.394.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 21 tháng 6 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	4.856.000.000	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần 1Game	450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**13.700.000.000**			
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	4.074.300.000	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ	1.762.500.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8 – 8,7	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**7.618.075.396**			
Cho các bên liên quan vay dài hạn *(Thuyết minh số 31)*				
Công ty Cổ phần 1Game	2.525.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	8 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Care	930.000.000	Từ ngày 23 tháng 8 năm 2025 đến ngày 2 tháng 10 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty TNHH 1Production	480.000.000	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 đến ngày 14 tháng 6 năm 2026	10,5 – 11	Tín chấp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	290.000.000	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2026	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**4.225.000.000**			

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**176.988.188.225**	**159.015.726.054**
Tạm ứng nhân viên	71.372.333.165	66.600.322.319
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	62.605.963.908	67.911.013.887
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	*26.163.157.895*	*26.163.157.895*
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (ii)	*19.600.000.000*	*19.600.000.000*
Công ty TNHH STV Production (iii)	*9.679.042.569*	*7.773.261.957*
Phải thu từ đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)	*7.163.763.444*	*4.380.844.035*
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	-	*9.993.750.000*
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	13.145.000.000	-
Nguyễn Ngọc Quỳnh (v)	*10.000.000.000*	-
Các cá nhân khác	*3.145.000.000*	-
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.098.932.351	21.952.487.777
Phải thu từ thu hộ	7.204.336.473	-
Công ty TNHH 1Production (iii)	*6.124.336.473*	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam (iii)	*1.080.000.000*	-
Đặt cọc	1.358.422.450	1.512.711.125
Khác	203.199.878	1.039.190.946
Dài hạn	**229.422.408.100**	**206.380.933.100**
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh *(vi)*	199.875.000.000	199.875.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp *(v)*	24,000,000,000	-
Đặt cọc	5.547.408.100	6.505.933.100
TỔNG CỘNG	**406.410.596.325**	**365.396.659.154**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(21.305.876.959)	(22.117.833.001)
GIÁ TRỊ THUẦN	**385.104.719.366**	**343.278.826.153**
Trong đó:		
Các bên khác	*397.374.585.646*	*319.086.920.523*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*9.036.010.679*	*46.309.738.631*

(i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong *Mục (iv)* với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này và khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 7 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(iii) Theo Hợp đồng Ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Hợp đồng số 66-2402-HĐTH-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty và STVPro, Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho các Dự án như được nêu ở *Mục (iv)*. Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho các Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

Theo hợp đồng ủy quyền số 51-2403-HDUQ-1PRO-YEG ngày 1 tháng 2 năm 2024 và 195/2406/HĐUQ/1PRO-YEG ngày 19 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty và 1Production, Công ty ủy quyền cho 1Production sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại. Đây là khoản phải thu 1Production từ thu chi hộ theo các Biên bản đối soát Công nợ.

Theo các hợp đồng ủy quyền giữa Công ty và Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N"), Công ty ủy quyền cho Y1N thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại. Đây là khoản phải thu Y1N từ thu chi hộ theo các Biên bản đối soát Công nợ.

(iv) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với VTVcab. Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với VTVCab để tập hợp và nghiệm thu toàn bộ doanh thu, chi phí của Dự án.

(v) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của STV *(Thuyết minh số 4.2)*, đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(vi) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	3.522.790.853	1.988.430.308	(1.534.360.545)	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Up	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	119.783.496	(404.123.635)	523.907.131	261.953.565	(261.953.566)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	149.824.729	-	(149.824.729)	149.824.729	-	(149.824.729)
Khác	3.689.832.379	3.272.951.515	(416.880.864)	1.675.335.920	1.316.302.214	(359.033.706)
TỔNG CỘNG	**28.486.355.092**	**5.381.165.319**	**(23.105.189.773)**	**25.439.137.780**	**3.321.304.779**	**(22.117.833.001)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Chương trình và phim được mua *(*)*	18.471.428.571	18.471.428.571
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	3.069.116.645	-
Bản quyền chương trình	2.400.863.888	-
TỔNG CỘNG	**23.941.409.104**	**18.471.428.571**

(*) Đây là chi phí mua quyền sử dụng các bản ghi âm, ghi hình, phim và các chương trình thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của STV. Công ty dự kiến chuyển nhượng lại quyền này cho các đối tác.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**294.848.716**	**3.238.743.464**
Công cụ, dụng cụ	218.458.186	23.183.793
Phí dịch vụ trả trước	36.390.530	2.608.454.005
Khác	40.000.000	607.105.666
Dài hạn	**2.726.997.315**	**1.023.210.757**
Công cụ, dụng cụ	2.259.318.042	294.937.452
Phí dịch vụ trả trước	32.336.585	203.358.285
Chi phí cải tạo văn phòng	-	411.547.424
Khác	435.342.688	113.367.596
TỔNG CỘNG	**3.021.846.031**	**4.261.954.221**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	695.101.954
Mua mới	208.390.908
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	903.492.862
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*263.246.000*
Giá trị khấu hao lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(513.282.756)
Khấu hao trong kỳ	(50.617.995)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(563.900.751)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	181.819.198
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	339.592.111

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	82.863.580.077	2.489.382.154	160.000.000	85.512.962.231
Mua mới	26.909.592.978	-	-	26.909.592.978
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	109.773.173.055	2.489.382.154	160.000.000	112.422.555.209
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(6.356.744.916)	(769.332.656)	(13.333.335)	(7.139.410.907)
Hao mòn trong kỳ	(10.461.163.805)	(29.455.062)	(16.000.002)	(10.506.618.869)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(16.817.908.721)	(798.787.718)	(29.333.337)	(17.646.029.776)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.506.835.161	1.720.049.498	146.666.665	78.373.551.324
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	92.955.264.334	1.690.594.436	130.666.663	94.776.525.433

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 17.1)*	1.415.064.412.233	1.342.337.412.233
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 17.2)*	128.756.250.000	231.761.250.000
Đầu tư dài hạn khác *(Thuyết minh số 17.3)*	17.715.625.000	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	**1.561.536.287.233**	**1.591.814.287.233**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(481.740.792.456)	(511.174.664.518)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.079.795.494.777**	**1.080.639.622.715**

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 12 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Công nghệ, bán buôn	588.167.412.233	-	99,99	588.167.412.233	-	99,99
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Quảng cáo, sản xuất chương trình	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98
3	Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	150.345.000.000	-	51,00	-	-	-
4	Công ty TNHH 1 Production	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	139.000.000.000	-	100,00	139.000.000.000	-	100,00
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,89	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,89
6	Công ty Cổ phần Giải trí Ana (trước đây là "Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	23.000.000.000	(8.620.503.672)	92,00	23.000.000.000	(8.620.503.672)	92,00

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 12 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
8	Công ty TNHH 1Talents	Dịch vụ quảng cáo	2.000.000.000	-	100,00	120.000.000	-	100,00
9	Công ty TNHH Adlink Network	Dịch vụ quảng cáo	2.000.000.000	-	100,00	40.000.000	-	100,00
10	Công ty Cổ phần 1Label *(Thuyết minh số 4.3)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	1.020.000.000	-	51,00	-	-	-
11	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
12	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số *(*)*	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00
13	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV *(Thuyết minh số 4.2)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	40.000.000.000	-	51,00
14	Công ty Cổ phần YAG Entertainment *(Thuyết minh số 4.2)*	Dịch vụ quảng cáo	-	-	-	15.640.000.000	(15.640.000.000)	85,00

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 12 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
15	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam *(Thuyết minh số 4.2)*	Dịch vụ quảng cáo	-	-	-	10.538.000.000	(7.493.872.062)	70,00
16	Công ty TNHH STV Production *(Thuyết minh số 4.2)*	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	-	10.000.000.000	-	100,00
17	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ Trẻ *(Thuyết minh số 4.2)*	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	-	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00
	TỔNG CỘNG		**1.415.064.412.233**	**(470.573.427.965)**		**1.342.337.412.233**	**(500.007.300.027)**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 32.2)*.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 4 công ty con gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3 công ty con gián tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
			Quyền sở hữu	*Quyền biểu quyết*	*Quyền sở hữu*	*Quyền biểu quyết*
			%	*%*	*%*	*%*
1	Công ty Cổ phần Gigagoods *(*)*	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Dịch vụ quảng cáo	47,94	94,00	-	-
4	Netlink Communication Technology Ltd	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	51,00	100,00	-	-
5	Công ty TNHH MTV Style TV	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	100,00

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 32.2)*.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty liên kết trực tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
			Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") *(*)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	128.756.250.000	-	35,00	128.756.250.000	-	35,00
2	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	-	103.005.000.000	-	35,00
	TỔNG CỘNG		**128.756.250.000**	**-**		**231.761.250.000**	**-**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các công ty con sở hữu 4 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
			Quyền sở hữu	*Quyền biểu quyết*	*Quyền sở hữu*	*Quyền biểu quyết*
			%	%	%	%
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
2	Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
3	Công ty Cổ phần Eco Consumer	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	49,99
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	13,40	20,00
5	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	-	-	17,96	35,21

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.3 *Đầu tư vào các công ty khác*

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
1	Công ty Cổ phần 1Game (trước đây là "Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
3	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
4	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
	TỔNG CỘNG		**17.715.625.000**	**(11.167.364.491)**		**17.715.625.000**	**(11.167.364.491)**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Công ty TNHH STVProduction	45.112.400.002	41.866.666.668
Công ty TNHH 1Production	10.208.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	19.395.000.000
Các bên khác	6.084.057.718	6.534.009.585
TỔNG CỘNG	**61.404.457.720**	**67.795.676.253**
Trong đó:		
Các bên khác	*49.950.103.444*	*4.263.249.709*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*11.454.354.276*	*63.532.426.544*

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Trả trước từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	21.488.569.372	24.616.965.143
Trả trước từ các bên khác	1.750.553.726	-
TỔNG CỘNG	**23.239.123.098**	**24.616.965.143**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Thuế giá trị gia tăng	1.011.003.711	1.154.014.760	(1.011.003.711)	1.154.014.760
Thuế thu nhập cá nhân	292.770.733	3.285.468.869	(968.330.628)	2.609.908.974
Thuế nhà thầu	234.097.989	1.970.470.257	(334.740.048)	1.869.828.198
Khác	-	323.748.806	-	323.748.806
TỔNG CỘNG	**1.537.872.433**	**6.733.702.692**	**(2.314.074.387)**	**5.957.500.738**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Mua hàng	1.775.940.019	1.775.940.019
Chi phí lãi vay	1.315.777.320	191.764.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.510.910	529.510.910
Lương tháng 13	230.000.776	2.018.064.776
Chi phí phải trả Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình	-	771.987.797
TỔNG CỘNG	**3.851.229.025**	**5.287.267.886**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*3.091.717.339*	*1.967.704.403*
Các bên khác	*759.511.686*	*3.319.563.483*

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(i)*	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình *(ii)*	10.175.547.341	-
Lãi vay	7.042.343.600	4.677.816.755
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp *(iii)*	2.200.078.659	928.353.799
Phải trả do nhận chuyển nhượng cổ phần *(Thuyết minh số 4.1)*	9.417.600.000	-
Khác	4.697.532.499	4.641.489.750
TỔNG CỘNG	**65.033.102.099**	**41.747.660.304**
Trong đó:		
Các bên khác	*50.004.137.621*	*38.826.473.587*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*15.028.964.478*	*2.921.186.717*

(i) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". *(Thuyết minh số 10).*

(ii) Đây là khoản phải trả cho 1Production liên quan đến nhờ chi hộ các khoản phải trả nhà cung cấp phục vụ cho việc sản xuất các Dự án sản xuất chương trình theo các hợp đồng ủy quyền. *(Thuyết minh số 10).*

(iii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang ghi nhận khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp quá hạn với số tiền là 1.732.432.638 VND.

23. VAY

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Vay trong kỳ*	*Trả nợ vay trong kỳ*	*Phân loại lại*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Vay ngắn hạn	**23.010.824.000**	**128.349.377.544**	**(47.724.682.168)**	**64.723.649.478**	**168.359.168.854**
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)*	-	-	-	51.713.842.260	51.713.842.260
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 23.3)*	2.000.000.000	51.387.000.000	(8.932.000.000)	-	44.455.000.000
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	-	46.962.377.544	(16.968.259.538)	-	29.994.118.006
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)*	8.750.000.000	25.220.000.000	(11.553.598.630)	-	22.416.401.370
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.1)*	10.000.000.000	-	(5.000.000.000)	13.009.807.218	18.009.807.218
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 23.4)*	2.260.824.000	4.780.000.000	(5.270.824.000)	-	1.770.000.000
Vay dài hạn	**94.365.919.317**	**10.550.278.463**	**(1.163.665.684)**	**(64.723.649.478)**	**39.028.882.618**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	37.500.000.000	9.850.278.463	(820.856.810)	(13.009.807.218)	33.519.614.435
Vay bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)*	56.865.919.317	700.000.000	(342.808.874)	(53.633.110.443)	3.590.000.000
Vay tổ chức khác *(Thuyết minh số 23.4)*	-	-	-	1.919.268.183	1.919.268.183
TỔNG CỘNG	**117.376.743.317**	**138.899.656.007**	**(48.888.347.852)**	**-**	**207.388.051.472**

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngân hàng*

Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	29.994.118.006	Từ ngày 2 tháng 6 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba

Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Thế chấp*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	42.500.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	9.029.421.653	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027	8	
	51.529.421.653			
Trong đó				
Vay dài hạn	*33.519.614.435*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*18.009.807.218*			

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	15.040.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	2.330.000.000	Ngày 14 tháng 3 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Thu Hương	1.600.000.000	Ngày 13 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Tingting Network	700.000.000	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink	506.401.370	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	200.000.000	Ngày 4 tháng 6 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	**22.416.401.370**		
Vay dài hạn từ các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	54.603.842.260	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 16 tháng 8 năm 2025	8 – 10,5
Công ty TNHH 1Talents	700.000.000	Từ ngày 13 tháng 6 năm 2026 đến ngày 21 tháng 6 năm 2026	10,5
TỔNG CỘNG	**55.303.842.260**		
Trong đó			
Vay dài hạn đến hạn trả	*51.713.842.260*		
Vay dài hạn	*3.590.000.000*		

23. VAY (tiếp theo)

23.3 *Vay cá nhân*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vũ Thị Tuyết Vân	38.000.000.000	Ngày 25 tháng 4 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Khánh Hòa	6.455.000.000	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	**44.455.000.000**		

23.4 *Vay các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn từ các bên khác			
Công ty Cổ phần Ban Media	1.770.000.000	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2025 đến 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Vay dài hạn từ các bên khác			
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	1.919.268.183	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1. *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	23.643.850.983	23.643.850.983
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	341.310.457.577	1.204.983.615.831
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.512.510.539	1.512.510.539
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	371.304.702.298	1.684.977.860.552

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	1.313.532.640.000	312.799.680.000

24.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Cổ phiếu đăng ký	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu đã phát hành	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*131.353.264*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*131.353.264*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 *Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	54.635.310.697	2.504.351.460
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	28.565.017.510	-
Doanh thu thuần về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	22.233.590.909	26.292.927.113
TỔNG CỘNG	**105.433.919.116**	**28.797.278.573**
Trong đó		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*56.781.831.443*	*25.097.891.433*
Doanh thu đối với bên khác	*48.652.087.673*	*3.699.387.140*

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.771.597.950	11.489.799.456
Lãi do thanh lý khoản đầu tư *(Thuyết minh số 4.1 và 4.2)*	100.872.062	-
Thu nhập cổ tức	-	12.129.854.440
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	9.993.750.000
Khác	122.820	194.969
TỔNG CỘNG	**13.872.592.832**	**33.613.598.865**
Trong đó:		
Các bên khác	*9.400.884.151*	*30.388.051.738*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*4.471.708.681*	*3.225.547.127*

26. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Giá vốn về quảng cáo và tư vấn truyền thông	54.589.485.082	2.352.790.909
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	16.286.447.681	18.722.052.309
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	8.170.311.779	-
TỔNG CỘNG	**79.046.244.542**	**21.074.843.218**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí lãi vay	7.521.209.279	9.732.071.627
Trong đó:		
Các bên khác	*4.439.959.806*	*8.219.178.273*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*3.081.249.473*	*1.512.893.354*

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí nhân viên	15.329.180.068	5.249.838.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.016.421.130	2.480.853.873
Chi phí khấu hao và hao mòn	96.073.059	24.834.146
Khác	6.861.043.918	202.287.684
TỔNG CỘNG	**30.302.718.175**	**7.957.814.626**

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.924.857.448	10.669.576.544
Chi phí nhân viên	22.475.805.020	17.499.463.078
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 14 và 15)*	10.557.236.864	85.746.588
Khác	6.861.043.918	723.326.180
TỔNG CỘNG	**114.818.943.250**	**28.978.112.390**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 *Chi phí thuế TNDN*

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.512.510.539**	**23.643.850.983**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	302.502.108	4.728.770.197
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	1.244.512.748	458.748
Thu nhập cổ tức	-	(2.425.970.888)
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(1.547.014.856)	(2.303.258.057)
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

30.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

30.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 101.640.802.505 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 109.375.876.785 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024*
2021 (*)	2026	149.743.146.862	(48.102.344.357)	101.640.802.505

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con
Công ty TNHH Adlink Network	Công ty con
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty con (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH STV Production	Công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BigCat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tingting Network (trước đây là "Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác của công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	34.519.709.573	-
	Vay	15.080.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	1.725.000.000	11.498.639.127
	Lãi vay	643.369.930	4.027.397
	Mua dịch vụ	3.500.000	2.581.125.000
	Cho vay	-	13.600.000.000
	Lãi cho vay	-	290.493.231
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	62.455.166	657.534
	Cung cấp dịch vụ	-	3.228.325.338
	Vay	-	3.000.000.000
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	3.565.000.000	10.020.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.765.000.000	1.558.550.484
	Lãi cho vay	350.562.943	166.296.298
	Mua dịch vụ	28.909.091	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Lãi vay	2.214.195.736	1.195.478.289
	Cung cấp dịch vụ	9.090.909	54.545.454
	Vay	-	56.813.842.260
	Cho vay	-	900.000.000
	Lãi cho vay	-	28.165.982
Công ty Cổ phần Tổng hợp Truyền thông STV	Cho vay	19.152.000.000	22.430.000.000
	Chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.310.326.514	-
	Lãi cho vay	1.002.878.961	430.504.384
	Cung cấp dịch vụ	-	5.534.926.696
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi cho vay	112.001.918	21.212.876
	Cho vay	40.000.000	2.550.000.000
	Nhận tiền chia cổ tức	-	18.852.040.000
	Cổ tức được chia	-	12.127.228.889
	Cấn trừ gốc vay và phải thu cổ tức	-	10.275.000.000
	Lãi vay	-	227.391.781
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Nhờ thu hộ	8.100.000.000	-
	Vay	4.370.000.000	4.900.000.000
	Cung cấp dịch vụ	924.000.000	3.221.004.334
	Lãi vay	61.860.822	3.969.863
	Cho vay	-	900.000.000
	Lãi cho vay	-	82.886.576
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.475.412.928
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	1.300.000.000	-
	Lãi vay	11.065.902	-
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	-	990.164.282
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	48.691.236	8.834.257
	Cho vay	-	390.090.851
	Lãi vay	-	5.228.754
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	29.160.000.000	3.900.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	5.685.857.143	-
	Lãi cho vay	1.714.508.353	80.778.082
	Cung cấp dịch vụ	225.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	Chi hộ	2.200.000.000	-
	Góp vốn	1.880.000.000	20.000.000
	Vay	1.700.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	144.000.000	-
	Lãi vay	7.853.423	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	344.345.056	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Công ty TNHH 1Production	Chi hộ	25.250.470.387	-
	Nhờ thu hộ	5.629.586.583	-
	Cho vay	1.520.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	513.000.000	-
	Vay	470.000.000	-
	Lãi cho vay	26.421.165	-
	Lãi vay	2.163.288	-
	Góp vốn	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	749.494.386	745.376.288
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	1.525.000.000	450.000.000
	Lãi cho vay	114.704.099	5.490.411
	Cung cấp dịch vụ	102.000.000	-
Công ty TNHH 1Label	Góp vốn	1.020.000.000	-
	Đặt cọc	300.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	246.000.000	-
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	25.804.111	-
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	714.521
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.112.502.248	-
	Cung cấp dịch vụ	4.026.000.000	-
	Mua bản quyền	987.600.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Lãi vay	43.012.602	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	225.000.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	14.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	570.000.000	5.750.000.000
	Lãi cho vay	214.940.847	172.726.030
	Chi hộ	-	53.378.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	1.905.000.000	-
	Lãi cho vay	137.504.773	155.300.511
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	-	76.139.736
Công ty TNHH MTV Style TV	Cung cấp dịch vụ	-	1.900.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	236.111.639	72.654.974
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	208.046.838	65.371.655
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
	Lãi vay	9.468.493	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Thuê văn phòng và cung cấp bản quyền nội dung số	21.156.900.000	-
Công ty TNHH Bigcat	Cung cấp bản quyền nội dung số	4.358.340.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp và thuê văn phòng	3.656.900.782	2.375.535.228
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.154.383.491	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	766.119.710	387.340.148
Công ty TNHH 1Production	Thuê văn phòng	564.300.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	523.907.131	523.907.131
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Thuê văn phòng	247.500.000	-
Công ty TNHH 1Talents	Thuê văn phòng	158.400.000	-
Công ty Cổ phần 1Game	Thuê văn phòng	112.200.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Thuê kho	100.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	408.922.194
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	22.360.890.688
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	6.467.782.550
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	312.731.367
TỔNG CỘNG		**32.798.951.114**	**86.538.444.797**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	14.500.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	8.394.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	4.856.000.000	4.286.000.000
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	-	36.118.500.000
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	-	23.730.000.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Cho vay	-	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	9.090.000.000
TỔNG CỘNG		**13.700.000.000**	**97.268.336.000**
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.525.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Cho vay	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH 1Production	Cho vay	480.000.000	1.735.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	290.000.000	3.680.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	-	3.136.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Cho vay	-	3.309.688.358
TỔNG CỘNG		**4.225.000.000**	**14.240.688.358**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH 1Production	Nhờ thu hộ	6.124.336.473	-
	Lãi cho vay	72.495.000	59.709.040
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Nhờ thu hộ	1.080.000.000	-
	Lãi cho vay	-	37.964.381
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi cho vay	583.898.871	368.958.024
	Chi hộ	53.378.600	53.378.600
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi cho vay	317.540.128	205.538.210
	Phải thu cổ tức	2.625.551	2.625.551
Công ty TNHH Yeah1 Up	Lãi cho vay	251.371.026	264.884.189
Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.118.950	-
Công ty Cổ phần 1Game	Lãi cho vay	148.114.918	33.410.819
Lê Phương Thảo	Tạm ứng	109.760.378	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	83.021.796	34.330.560
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	52.522.276	6.522.276
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	1.610.959
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	215.753	215.753
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Phải thu do cấn trừ công nợ	-	26.163.157.895
	Lãi cho vay	-	946.587.368
Công ty TNHH STV Production	Nhờ thu hộ	-	7.773.261.957
Đào Phúc Trí	Tạm ứng	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	-	3.323.051.162
Công ty TNHH Tera Group	Lãi cho vay	-	689.243.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Lãi cho vay	-	658.136.912
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	-	359.243.836
TỔNG CỘNG		**9.036.010.679**	**46.309.738.631**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH 1Production	Sản xuất chương trình	10.208.000.000	-
Công ty TNHH BigCat	Mua bản quyền	1.242.574.276	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	3.780.000	-
Công ty TNHH STV Production	Sản xuất chương trình	-	41.866.666.668
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Mua bản quyền	-	19.395.000.000
TỔNG CỘNG		**11.454.354.276**	**63.532.426.544**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	15.059.511.102	21.310.867.823
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	5.446.713.425	-
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	982.344.845	3.306.097.320
TỔNG CỘNG		**21.488.569.372**	**24.616.965.143**
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
Công ty Cổ phần 1Label	Thuê văn phòng	319.400.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Mua dịch vụ	1.775.940.019	1.775.940.019
	Lãi vay	191.591.781	191.591.781
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	Lãi vay	1.107.097.868	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Lãi vay	11.161.644	-
Công ty TNHH 1Talents	Lãi vay	3.078.081	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	2.243.836	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi vay	604.110	172.603
TỔNG CỘNG		**3.091.717.339**	**1.967.704.403**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH 1Production	Nhờ thu hộ	10.175.547.341	-
	Lãi vay	2.163.288	-
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Lãi vay	3.734.256.992	2.627.159.124
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	652.685.094	9.315.164
Công ty Cổ phần 1Label	Nhận ký quỹ	300.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Network	Lãi vay	55.359.452	4.660.274
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi vay	42.581.095	-
Công ty TNHH Tingting Network	Lãi vay	33.168.494	7.364.383
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	16.053.796	63.661.644
Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	9.468.493	-
Công ty TNHH 1Talents	Lãi vay	4.775.342	-
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Lãi vay	2.905.091	13.705.730
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	-	192.242.316
Công ty TNHH STV Production	Lãi vay	-	3.078.082
TỔNG CỘNG		**15.028.964.478**	**2.921.186.717**
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	15.040.000.000	5.950.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Vay	2.330.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.040.000.000	200.000.000
Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	700.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	506.401.370	2.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	200.000.000	-
TỔNG CỘNG		**22.416.401.370**	**8.750.000.000**
Vay dài hạn đến hạn trả			
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	51.713.842.260	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	2.890.000.000	54.603.842. 260
Công ty TNHH 1Talents	Vay	700.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	-	342.808.874
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	-	1.919.268.183
TỔNG CỘNG		**3.590.000.000**	**56.865.919.317**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	1.500.000.000	750.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	708.871.800	354.435.900
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	-	1.699.338.000
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	502.449.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	123.981.550
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	-	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS	-	-
TỔNG CỘNG		**2.208.871.800**	**3.430.204.450**

32. CÁC CAM KẾT

32.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Đến 1 năm	22.762.167.500	24.261.360.000
Trên 1 năm đến 5 năm	92.990.060.000	94.132.300.000
Trên 5 năm	64.650.474.000	67.729.068.000
TỔNG CỘNG	**180.402.701.500**	**186.122.728.000**

32.2 *Cam kết góp vốn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty TNHH Meta Blossom	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Công ty Cổ phần Gigagoods	918.000.000	-	918.000.000
TỔNG CỘNG	**21.310.060.000**	**22.000.000**	**21.288.060.000**

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG, Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại một số công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương Mại Giga1 trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.360 cổ phần tương ứng với 18% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam") từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 52.974.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 898-2408-HDCNCP.NETLINK-VENTURES-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 51% lên 69%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") từ các bên với giá trị chuyển nhượng là 127.088.550.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 896-2408-HDCNCP.Y1D-ANA-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 897-2408-HDCNCP.Y1D-DPD-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 899-2408-HDCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 69,55% và Edigital trở thành công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương góp thêm vốn vào Công ty TNHH 1Production ("1Production") với số tiền 211.000.000.000 VND trong năm 2024 hoặc quý 1 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất góp vốn, vốn điều lệ của 1Production tăng từ 139.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 7 tháng 8 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 918/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 22 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc vay vốn từ các cá nhân với tổng số tiền là 227.480.150.000 VND nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Lưu Anh Khoa Người lập	Nguyễn Thị Khánh Trang Kế toán trưởng	Chế Đoàn Viên Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 71

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 12925844/67736242/LR/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Limited Liability Company of Ernst & Young Vietnam Limited

EY

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300611008 - C.T.T.N
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.067.907.198.861**	**947.639.699.363**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	*5*	***7.229.712.423***	***8.461.339.357***
111	1. Tiền		7.229.712.423	4.261.339.357
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***230.000.000***	***230.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	230.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.009.903.506.467***	***845.395.421.575***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	246.404.006.033	239.558.303.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	224.127.900.197	80.957.663.203
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	327.186.003.049	266.334.265.625
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	296.919.583.861	340.356.202.385
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(84.733.986.673)	(81.811.013.552)
140	***IV. Hàng tồn kho***	*12*	***37.515.420.810***	***29.168.608.393***
141	1. Hàng tồn kho		71.923.526.484	63.724.327.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.408.105.674)	(34.555.718.986)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***13.028.559.161***	***64.384.330.038***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.850.106.993	50.416.954.766
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	11.175.899.643	13.954.750.488
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	2.552.525	12.624.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**928.713.487.125**	**912.758.343.006**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		**375.035.983.496**	***389.469.485.495***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	45.420.575.396	44.329.575.396
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	329.615.408.100	345.139.910.099
220	***II. Tài sản cố định***		**107.706.824.307**	***86.305.316.088***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.985.368.128	1.324.037.529
222	Nguyên giá		4.745.222.044	14.438.805.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.759.853.916)	(13.114.768.281)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	105.721.456.179	84.981.278.559
228	Nguyên giá		136.386.306.270	102.179.503.617
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.664.850.091)	(17.198.225.058)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***15.917.336.396***	***13.367.018.518***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	15.917.336.396	13.367.018.518
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***18***	***278.009.503.254***	***383.408.540.098***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	244.123.957.468	348.572.994.312
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	45.052.910.277	46.002.910.277
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***152.043.839.672***	***40.207.982.807***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.972.741.106	1.484.504.008
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	3.842.174.603	7.895.844.762
269	3 Lợi thế thương mại	17	144.228.923.963	30.827.634.037
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.996.620.685.986**	**1.860.398.042.369**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**595.558.123.580**	**477.098.903.310**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***529.071.421.703***	***408.623.646.511***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	156.696.778.875	98.153.102.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	25.222.706.158	29.155.365.881
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	37.131.199.889	32.330.181.730
314	4. Phải trả người lao động		5.754.638.248	5.107.804.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	32.593.085.325	27.448.675.197
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	68.998.162.266	45.075.825.259
320	7. Vay ngắn hạn	24	202.674.850.942	171.352.690.912
330	***II. Nợ dài hạn***		***66.486.701.877***	***68.475.256.799***
338	1. Vay dài hạn	24	37.454.882.618	39.014.432.856
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	29.031.819.259	29.460.823.943
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.401.062.562.406**	**1.383.299.139.059**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***1.401.062.562.406***	***1.383.299.139.059***
411	1. Vốn cổ phần	25.1	1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.313.532.640.000*	*1.313.532.640.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	140.518.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	86.549.411.608	57.414.341.843
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*57.414.341.843*	*30.555.633.680*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*29.135.069.765*	*26.858.708.163*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	839.992.544	12.211.638.962
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.996.620.685.986**	**1.860.398.042.369**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	284.036.464.970	143.294.334.475
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	-	(1.337.689.458)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	284.036.464.970	141.956.645.017
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(252.385.224.394)	(107.453.253.529)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.651.240.576	34.503.391.488
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	76.991.631.271	21.054.855.244
22	7. Chi phí tài chính	30	(10.756.892.904)	(10.229.150.422)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(8.306.578.721)*	*(10.048.072.400)*
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	18.1	(2.740.102.409)	(315.454.050)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(9.552.339.701)	(8.209.283.230)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(57.928.647.472)	(26.828.981.190)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.664.889.361	9.975.377.840
31	12. Thu nhập khác		42.339.632	480.200.000
32	13. Chi phí khác	32	(2.193.656.348)	(5.245.544.193)
40	14. Lỗ khác		(2.151.316.716)	(4.765.344.193)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.513.572.645	5.210.033.647
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(434.455.909)	3.929.753.635
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.1	(3.624.665.475)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.454.451.261	9.139.787.282

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**29.135.069.765**	**9.969.594.703**
62	**20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	**27**	**(7.680.618.504)**	**(829.807.421)**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**26**	**213**	**168**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**26**	**213**	**168**

Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**25.513.572.645**	**5.210.033.647**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	14, 15,17	17.319.691.169	5.761.103.385
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		10.801.953.926	(28.698.461.916)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(72.255.653.930)	(11.102.309.090)
06	Chi phí lãi vay	30	8.306.578.721	10.048.072.400
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(10.313.857.469)**	**(18.781.561.574)**
09	Tăng các khoản phải thu		(208.586.233.226)	(12.123.100.990)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(65.949.687.031)	21.580.919.080
11	Tăng các khoản phải trả		212.032.103.673	7.088.982.674
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		25.110.953.327	(13.893.294.220)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.390.926.893)	(5.615.843.128)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(151.736.409)	(5.500.000.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(53.249.384.028)**	**(27.243.898.158)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(61.290.018.796)	(1.332.114.959)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	570.109.091
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(51.284.736.065)	(52.225.997.700)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		50.018.134.521	84.379.667.278
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(34.186.277.729)	(343.361.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.695.795.174	37.231.370.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		22.735.725.627	5.762.653.158
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(58.311.377.268)**	**(268.975.563.132)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	24	200.819.383.783	337.355.335.825
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(90.490.249.421)	(60.134.933.874)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**110.329.134.362**	**277.220.401.951**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(1.231.626.934)**	**(18.999.059.339)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**8.461.339.357**	**26.473.013.864**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**5**	**7.229.712.423**	**7.473.954.525**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 260 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 193).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 12 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

					Ngày 30 tháng 6 năm 2024		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
1	Công ty Cổ phần Giải trí Ana (trước đây là "Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1")	GCNĐKDN số 0310275558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 25 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	GCNĐKDN số 0311776620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	GCNĐKDN số 0102349978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 8 năm 2007, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNĐKDN số 0314526114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
5	Công ty TNHH 1 Production	GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 2 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH Yeah1 Up	GCNĐKDN số 0317420589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
7	Công ty TNHH 1 Talents	GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023 và các GCNĐKDN điều chỉnh	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty TNHH Adlink Network	GCNĐKDN số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
9	Công ty Cổ phần 1Label *(Thuyết minh số 4.3)*	GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2024 và các GCNĐKDN điều chỉnh	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	51,00%	-	-

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
10	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 *(*)*	GCNĐKDN số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số *(*)*	GCNĐKDN số 1301092937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	GCNĐKDN số 0109406470 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 5 tháng 11 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Việt Nam.	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	51,00%	51,00%	35,00%	35,00%
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0313491606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	67,00%	67,00%
14	Công ty Cổ phần YAG Entertainment *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0315171182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18 tháng 7 năm 2018, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	95,00%	95,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
15	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0315852128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 8 năm 2019, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	70,00%	70,00%
16	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0102768915 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00%	51,00%
17	Công ty TNHH STV Production *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0317800358 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	100,00%	100,00%
18	Công ty Cổ phần Gigagoods *(*)*	GCNĐKDN số 0316763583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	50,99%	51,00%	50,99%	51,00%
19	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin *(*)*	GCNĐKDN số 0316703552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	58,99%	59,00%	58,99%	59,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
20	Công ty TNHH Yeah1 Publishing *(Thuyết minh số 4.1)*	GCNĐKDN số 0314688330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 10 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	47,94%	94,00%	-	-
21	Netlink Communication Technology Ltd *(Thuyết minh số 4.1)*	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	British Virgin Islands	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	51,00%	100,00%	-	-
22	Công ty TNHH MTV Style TV	GCNĐKDN số 0311730425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 4 năm 2012, và cácGCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 58, Đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00%	100,00%

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 36.2)*

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình* (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Thông tin bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao bao gồm hoạt động kinh doanh cung cấp bản quyền nội dung số, dịch vụ giải trí và truyền thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 *Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")*

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần tương ứng với 16% tỷ lệ sở hữu trong Netlink Việt Nam từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 47.088.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 186-2404-HĐCNCP.Netlink-YEG-Ventures ngày 19 tháng 4 năm 2024 và tại ngày này, Netlink Việt Nam sở hữu hai công ty con là Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Yeah1 Publishing") và Netlink Communication Technology Ltd. ("Netlink Communication"). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 35% lên 51% và Netlink Việt Nam, Yeah1 Publishing và Netlink Communication trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Netlink Việt Nam tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	3.756.122.271
Các khoản phải thu	68.986.675.589
Tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.895.072.042
Tài sản khác	2.535.404.994
	84.173.274.896
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	61.238.564.890
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	249.352.355
Phải trả người lao động	65.431.713
Vay	16.952.315.859
	78.505.664.817
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	**5.667.610.079**
Cổ đông không kiểm soát	(3.249.711.581)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh *(Thuyết minh số 17)*	147.927.101.502
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	**150.345.000.000**
Trong đó:	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	*101.856.443.352*
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý tạm tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 28.2)	*1.400.556.648*
Giá phí mua thêm 16% tỷ lệ sở hữu	*47.088.000.000*
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền chi để mua công ty con	37.922.400.000
Tiền thu về từ công ty con	3.756.122.271
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	**34.166.277.729**

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.2 *Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu*

Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV, công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV cùng ngày. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51% kể từ ngày này.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% tỷ lệ sở hữu trong STV cho đối tác với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này và STVPro cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 23.201.744.973 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ ("YES")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 730.000 cổ phần, tương ứng với 67% cổ phần của YES cho đối tác với giá chuyển nhượng là 10.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 788-2406-HĐCNCP/YEG-NTTV cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YES giảm từ 67% xuống 0% và YES không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 4.538.845.539 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

Công ty Cổ phần YAG Entertainment ("YAG")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty và công ty con đã chuyển nhượng 1.748.000 cổ phần, tương ứng với 95% cổ phần của YAG cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 95.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 789/2506/HDCNCP/YEG/LAK, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 02-2407-HDCNCP-YAG cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong YAG giảm từ 95% xuống 0% và YAG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 30.937.458.046 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam ("AppNews")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần, tương ứng với 70% cổ phần của AppNews cho đối tác với giá chuyển nhượng là 3.050.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 790/2406/HDCNCP/YEG/DDB cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AppNews giảm từ 70% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 924.709.925 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.3 Góp vốn thành lập các công ty con và công ty liên kết

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 81/2403/NQHĐQT/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") và đã nhận được GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label là 51%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 776/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam ("Meta Blossom") với số vốn cam kết góp là 2.000.000.000 VND tương ứng 40% vốn điều lệ của Meta Blossom. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn điều lệ tại Meta Blossom. *(Thuyết minh số 36.2)*

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Tiền mặt	7.236.887	-
Tiền gửi ngân hàng	7.222.475.536	4.261.339.357
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	**7.229.712.423**	**8.461.339.357**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Google Asia Pacific Pte. Ltd	60.245.675.301	-
Công ty Cổ phần Tera Group	48.131.049.443	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Ban Media	23.194.638.193	26.327.695.034
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	13.939.220.078
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (*)	6.770.205.688	22.360.890.688
Công ty TNHH Shopee	6.641.573.399	5.012.424.632
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	-	7.395.539.564
Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	-	7.382.202.120
Khác	87.481.643.931	104.683.379.798
TỔNG CỘNG	**246.404.006.033**	**239.558.303.914**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(30.630.657.916)	(26.716.111.468)
GIÁ TRỊ THUẦN	**215.773.348.117**	**212.842.192.446**
Trong đó:		
Các bên khác	*211.753.285.728*	*121.340.076.164*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*34.650.720.305*	*118.218.227.750*

(*) Khoản phải thu này và khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 9 và 10* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	26.716.111.468	24.375.838.749
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.479.478.787	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(98.805.489)	(2.372.293.204)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(1.466.126.850)	-
Số cuối kỳ *(Thuyết minh số 11)*	30.630.657.916	22.003.545.545

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh ("BCA") *(*)*	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	48.126.704.193
Something Big SAS	8.160.450.000	8.160.450.000
Khác	14.040.746.004	10.170.509.010
TỔNG CỘNG	**224.127.900.197**	**80.957.663.203**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	(18.524.575.342)	(18.449.320.801)
GIÁ TRỊ THUẦN	**205.603.324.855**	**62.508.342.402**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*154.024.750.000*	*14.524.750.000*
Các bên khác	*70.103.150.197*	*66.432.913.203*

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	18.449.320.801	16.246.796.596
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	75.254.541	-
Số cuối kỳ *(Thuyết minh số 11)*	18.524.575.342	16.246.796.596

(*) Đây là khoản tạm ứng cho BCA theo Hợp đồng Xây dựng số 08/HĐXD-1Studio ngày 22 tháng 11 năm 2023 ("Hợp đồng xây dựng") về việc xây lắp công trình "Nhà ở kết hợp văn phòng" tại địa chỉ 41-49 An Phú, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng là 142.795.425.415 VND và số tiền tạm ứng ban đầu là 34.500.000.000 VND.

Ngoài ra, Nhóm Công ty còn tạm ứng cho BCA với số tiền 104.800.000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng số 04 ngày 3 tháng 4 năm 2024 của Hợp đồng xây dựng để ủy quyền cho BCA tìm kiếm, nhận báo giá phù hợp, đàm phán nội dung hợp đồng chuyển nhượng, đặt cọc và thiết kế khảo sát khu bất động sản khác.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**327.186.003.049**	**266.334.265.625**
Cho các bên khác vay	314.689.788.402	197.330.431.925
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 35)*	12.496.214.647	69.003.833.700
Dài hạn	**45.420.575.396**	**44.329.575.396**
Cho bên khác vay	42.895.575.396	39.429.575.396
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 35)*	2.525.000.000	4.900.000.000
TỔNG CỘNG	**372.606.578.445**	**310.663.841.021**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	114.106.821.919	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	57.545.500.000	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	7 – 11	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Tera Group	46.740.000.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2024 đến ngày 21 tháng 6 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.823.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến ngày 17 tháng 8 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	5.307.568.421	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.660.000.000	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
Nhimdo properties LLC	2.768.700.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2025	-	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ	1.547.188.358	Ngày 2 tháng 1 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Zeroz Creative	300.000.000	Ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	45.000.000	Ngày 26 tháng 1 năm 2025	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**314.689.788.402**			

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 35)*				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.030.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	4.856.000.000	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	8 – 10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.960.214.647	Ngày 22 tháng 5 năm 2025	4	Tín chấp
Công ty Cổ phần 1Game	550.000.000	Từ ngày 31 tháng 10 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Vietnam Music Award	100.000.000	Từ ngày 30 tháng 10 năm 2024	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**12.496.214.647**			
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8	Tín chấp
Đinh Tấn Danh	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	4.074.300.000	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sử Trẻ	1.762.500.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8 – 8,7	Tín chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	1.519.500.000	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	8 – 10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	1.500.000.000	Ngày 3 tháng 8 năm 2025	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**42.895.575.396**			
Cho các bên liên quan vay dài hạn *(Thuyết minh số 35)*				
Công ty Cổ phần 1Game	2.525.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	8 – 10,5	Tín chấp

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**296.919.583.861**	**340.356.202.385**
Tạm ứng nhân viên	111.110.157.878	230.004.766.104
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	70.725.963.908	48.078.801.570
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	*26.163.157.895*	-
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (ii)	*19.600.000.000*	*19.600.000.000*
Công ty TNHH STV Production (iii)	*9.679.042.569*	-
Travellet Tech Limited (iv)	*8.120.000.000*	*8.120.000.000*
Phải thu đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	*7.163.763.444*	*4.380.844.035*
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	-	*9.993.750.000*
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	-	*3.600.000.000*
Công ty Cổ phần MBC Studio	-	*1.253.462.535*
Công ty Cổ phần Mnet	-	*1.130.745.000*
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK *(x)*	38.658.000.000	-
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	13.145.000.000	-
Nguyễn Ngọc Quỳnh (vi)	*10.000.000.000*	-
Các cá nhân khác	*3.145.000.000*	-
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần *(vii)*	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.174.317.543	19.750.861.017
Phải thu cổ tức *(viii)*	7.213.579.158	7.213.579.158
Đặt cọc	1.939.609.850	1.701.978.525
Khác	2.952.955.524	3.606.216.011
Dài hạn	**329.615.408.100**	**345.139.910.099**
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture *(ix)*	199.875.000.000	199.875.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK *(x)*	100.000.000.000	138.658.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp *(vi)*	24.000.000.000	-
Đặt cọc	5.740.408.100	6.606.910.099
TỔNG CỘNG	**626.534.991.961**	**685.496.112.484**
Dự phòng phải thu khác khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(35.578.753.415)	(36.645.581.283)
GIÁ TRỊ THUẦN	**590.956.238.546**	**648.850.531.201**
Trong đó:		
Các bên khác	*624.757.206.761*	*676.873.334.253*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*1.777.785.200*	*8.622.778.231*

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	36.645.581.283	39.324.809.713
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.493.770.399	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(131.000)	(961.800.000)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(6.560.467.267)	-
Số cuối kỳ *(Thuyết minh số 11)*	35.578.753.415	38.363.009.713

(i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong *Mục (v)* với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này và khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 8 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(iii) Theo Hợp đồng Ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Hợp đồng số 66-2402-HĐTH-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty và STVPro, Nhóm Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho các Dự án như được nêu ở *Mục (v)*. Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho các Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

(iv) Đây là Hợp đồng Hợp tác Trò chơi trực tuyến ngày 1 tháng 11 năm 2019 với Travellet Tech Limited về giấy phép liên quan đến trò chơi trực tuyến. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(v) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với VTVcab. Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Nhóm Công ty và VTVcab là 50:50. Nhóm Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với VTVCab để tập hợp và nghiệm thu toàn bộ doanh thu, chi phí của Dự án.

(vi) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông STV *(Thuyết minh số 4.2)*, đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(vii) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Võ Thái Phong để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến ("VNO") tương đương với 60% tỷ lệ sở hữu trong VNO theo Biên bản Ghi nhớ ngày 22 tháng 10 năm 2020, Phụ lục 1 ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Phụ lục 2 ngày 15 tháng 12 năm 2023 gia hạn việc chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 9 năm 2024.

(viii) Theo Nghị quyết phê duyệt bởi Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty nhận được khoản chia cổ tức là 9.565.680.000 VND; được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 1 tháng 11 năm 2025.

(ix) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân.

(x) Theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Giải Trí TKK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường. Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 147.318.000.000 VND. Theo Phụ lục 2 ngày 28 tháng 6 năm 2024, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Giải Trí TKK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 38.658.000.000 VND trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**39.663.048.042**	**9.032.390.126**	**(30.630.657.916)**	**34.152.349.427**	**7.436.237.959**	**(26.716.111.468)**
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)	13.939.220.078	4.181.766.024	(9.757.454.054)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)
Yeah1 Network Pte Ltd	5.080.920.081	999.876.024	(4.081.044.057)	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)
Khác	7.292.902.307	2.605.713.079	(4.687.189.228)	6.863.123.773	1.511.422.935	(5.351.700.838)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**59.997.870.077**	**41.473.294.735**	**(18.524.575.342)**	**59.987.391.076**	**41.538.070.275**	**(18.449.320.801)**
Something Big SAS	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa Phương tiện VINACJ	1.067.991.758	-	(1.067.991.758)	1.067.991.758	-	(1.067.991.758)
Khác	2.642.724.126	847.534.512	(1.795.189.614)	2.632.245.125	912.310.052	(1.719.935.073)
Phải thu ngắn hạn khác	**42.474.174.245**	**6.895.420.830**	**(35.578.753.415)**	**38.047.671.390**	**1.402.090.107**	**(36.645.581.283)**
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Travellet Tech Vietnam Limited	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Netlink Online Corporation	7.065.680.000	2.119.704.000	(4.945.976.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Khác	6.688.494.245	4.775.716.830	(1.912.777.415)	9.327.671.390	1.402.090.107	(7.925.581.283)
TỔNG CỘNG	**142.135.092.364**	**57.401.105.691**	**(84.733.986.673)**	**132.187.411.893**	**50.376.398.341**	**(81.811.013.552)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Hàng hóa	35.002.011.472	35.698.707.333
Chương trình đang sản xuất dở dang	25.900.077.015	20.000.953.739
Dự án quảng cáo đang sản xuất dở dang	11.021.437.997	8.024.666.307
TỔNG CỘNG	**71.923.526.484**	**63.724.327.379**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.408.105.674)	(34.555.718.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	**37.515.420.810**	**29.168.608.393**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	34.555.718.986	59.956.019.873
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(147.613.312)	(25.364.368.711)
Số cuối kỳ	34.408.105.674	34.591.651.162

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**1.850.106.993**	**50.416.954.766**
Công cụ, dụng cụ	1.341.260.465	608.505.819
Chương trình	-	48.828.389.284
Khác	508.846.528	980.059.663
Dài hạn	**3.972.741.106**	**1.484.504.008**
Công cụ, dụng cụ	3.003.948.652	669.341.309
Bản quyền âm nhạc	217.494.168	-
Chi phí cải tạo văn phòng	-	411.547.424
Khác	751.298.286	403.615.275
TỔNG CỘNG	**5.822.848.099**	**51.901.458.774**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
Mua mới	-	208.390.908	-	1.418.134.159	1.626.525.067
Giảm do thanh lý công ty con	(1.723.883.210)	(8.077.102.850)	(934.577.865)	(584.544.908)	(11.320.108.833)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	1.525.893.341	1.602.090.909	1.617.237.794	4.745.222.044
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	*437.460.214*	*1.211.636.363*	*199.103.635*	*1.848.200.212*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
Khấu hao trong kỳ	-	(120.061.224)	(82.805.592)	(48.750.190)	(251.617.006)
Giảm do thanh lý công ty con	1.723.883.210	7.863.039.134	507.244.433	512.364.594	10.606.531.371
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(1.363.397.156)	(1.196.672.492)	(199.784.268)	(2.759.853.916)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	162.496.185	405.418.417	1.417.453.526	1.985.368.128

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Phần mềm máy tính*	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
Mua mới	26.909.592.978	41.867.000	-	26.951.459.978
Tăng do hợp nhất công ty con	-	4.213.800.000	4.196.057.675	8.409.857.675
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(1.154.515.000)	-	(1.154.515.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	109.738.173.055	19.266.110.910	7.382.022.305	136.386.306.270
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	*156.487.000*	-	*156.487.000*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(6.356.744.916)	(9.600.796.611)	(1.240.683.531)	(17.198.225.058)
Hao mòn trong kỳ	(10.461.163.805)	(1.728.098.779)	(273.938.922)	(12.463.201.506)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	(1.582.309.884)	(1.582.309.884)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	578.886.357	-	578.886.357
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(16.817.908.721)	(10.750.009.033)	(3.096.932.337)	(30.664.850.091)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	92.920.264.334	8.516.101.877	4.285.089.968	105.721.456.179

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	9.545.454.545	9.545.454.545
Dự án xây dựng phim trường	3.952.473.064	3.821.563.973
Dự án triển khai phần mềm chăm sóc khách hàng	2.419.408.787	-
TỔNG CỘNG	**15.917.336.396**	**13.367.018.518**

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	STV	*Netlink Việt Nam*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	38.216.838.797	-	38.216.838.797
Tăng do hợp nhất công ty con	-	147.927.101.502	147.927.101.502
Giảm do thoái vốn công ty con	(38.216.838.797)	-	(38.216.838.797)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	147.927.101.502	147.927.101.502
Giá trị phân bổ lũy kế:			
Số đầu năm	(7.389.204.760)	-	(7.389.204.760)
Phân bổ trong năm	(906.695.118)	(3.698.177.539)	(4.604.872.657)
Giảm do thoái vốn công ty con	8.295.899.878	-	8.295.899.878
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(3.698.177.539)	(3.698.177.539)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	30.827.634.037	-	30.827.634.037
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	144.228.923.963	144.228.923.963

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh 18.1)*	244.123.957.468	348.572.994.312
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(Thuyết minh 18.2)*	45.052.910.277	46.002.910.277
TỔNG CỘNG	**289.176.867.745**	**394.575.904.589**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
GIÁ TRỊ THUẦN	**278.009.503.254**	**383.408.540.098**

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Quảng cáo, sản xuất chương trình	39,50	39,55	39,50	39,55
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	35,00	35,00

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các công ty con sở hữu 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2023: các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Eco Consumer *(*)*	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	13,40	20,00
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	-	-	17,96	35,21

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại công ty này *(Thuyết minh số 36.2)*

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 *Đầu tư vào công ty liên kết* (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

VND

Tên công ty	*Giá trị đầu tư vào*			*Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*				*Giá trị còn lại*	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Tăng (giảm) giá trị đầu tư*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*	*Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	145.511.720.000	-	145.511.720.000	(2.649.926.936)	(1.183.274.968)	-	(3.833.201.904)	142.861.793.064	141.678.518.096
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	103.005.000.000	(103.005.000.000)	-	(656.029.706)	(744.526.942)	1.400.556.648	-	102.348.970.294	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	92.376.900.000	-	92.376.900.000	(3.023.130.120)	(434.445.376)	-	(3.457.575.496)	89.353.769.880	88.919.324.504
Công ty Cổ phần Zmedia	12.500.000.000	-	12.500.000.000	1.383.969.991	(377.855.123)	-	1.006.114.868	13.883.969.991	13.506.114.868
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	158.155.805	(158.155.805)	-	(33.664.722)	-	33.664.722	-	124.491.083	-
Công ty Cổ phần 1Social	-	20.000.000	20.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000
TỔNG CỘNG	**353.551.775.805**	**(103.143.155.805)**	**250.408.620.000**	**(4.978.781.493)**	**(2.740.102.409)**	**1.434.221.370**	**(6.284.662.532)**	**348.572.994.312**	**244.123.957.468**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
		Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	21.253.734.206	-	30,00	21.253.734.206	-	30,00
Công ty Cổ phần 1Game (trước đây là "Công ty Cổ phần Yean1 Gaming")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	6.083.551.071	-	35,00	6.083.551.071	-	35,00
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
Công ty Cổ phần Tera Group	Lập trình máy tính	-	-	-	950.000.000	-	19,00
TỔNG CỘNG		**45.052.910.277**	**(11.167.364.491)**		**46.002.910.277**	**(11.167.364.491)**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Công ty Cổ phần ZHoldings	53.422.546.042	-
Công ty TNHH STVProduction	45.112.400.002	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.515.984.079	16.515.984.079
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	7.092.520.047	36.237.031.394
Khác	34.553.328.705	45.400.087.232
TỔNG CỘNG	**156.696.778.875**	**98.153.102.705**
Trong đó:		
Các bên khác	*148.408.957.097*	*89.696.946.327*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*8.287.821.778*	*8.456.156.378*

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Tăng trong kỳ*	*Tăng do hợp nhất công ty con*	*Giảm trong kỳ*	*Giảm do thoái vốn công ty con*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.427.238.053	434.455.909	300.133.080	(151.736.409)	(392.512.064)	14.617.578.569
Thuế thu nhập cá nhân (*)	5.121.405.998	7.221.775.409	166.667.128	(2.619.350.791)	(2.056.454.841)	7.834.042.903
Thuế giá trị gia tăng (*)	3.837.244.586	15.918.320.676	4.009.487	(15.269.461.275)	(373.197.535)	4.116.915.939
Thuế nhà thầu	3.067.560.803	1.990.951.231	-	(346.636.140)	(153.689.628)	4.558.186.266
Khác	5.876.732.290	325.305.581	-	(1.556.775)	(196.004.884)	6.004.476.212
TỔNG CỘNG	**32.330.181.730**	**25.890.808.806**	**470.809.695**	**(18.388.741.390)**	**(3.171.858.952)**	**37.131.199.889**
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	13.954.750.488	12.931.512.290	1.245.247.988	(14.072.918.702)	(2.882.692.421)	11.175.899.643
Khác	12.624.784	88.559.140	-	(98.449.729)	(181.670)	2.552.525
TỔNG CỘNG	**13.967.375.272**	**13.020.071.430**	**1.245.247.988**	**(14.171.368.431)**	**(2.882.874.091)**	**11.178.452.168**

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế, phí phải nộp quá hạn ở các công ty con với số tiền là 26.295.062.685 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.075.022.780 VND).

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	13.785.540.280	10.379.620.700
Chi phí lãi chậm nộp thuế	6.523.927.415	5.298.545.646
Chi phí lãi vay	5.212.642.288	5.373.836.077
Lương tháng 13	230.000.776	2.030.064.776
Khác	6.840.974.566	4.366.607.998
TỔNG CỘNG	**32.593.085.325**	**27.448.675.197**
Trong đó		
Các bên khác	*30.390.784.743*	*25.392.030.349*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*2.202.300.582*	*2.056.644.848*

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 35)*	16.491.855.947	24.754.058.544
Các bên khác	8.730.850.211	4.401.307.337
TỔNG CỘNG	**25.222.706.158**	**29.155.365.881**

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(*)*	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả do nhận chuyển nhượng cổ phần	22.857.600.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp *(**)*	4.854.989.218	3.175.245.581
Chi phí lãi vay	3.672.204.656	595.359.039
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	2.147.650.000
Khác	3.965.718.392	7.657.570.639
TỔNG CỘNG	**68.998.162.266**	**45.075.825.259**
Trong đó:		
Các bên khác	*53.263.319.786*	*42.498.844.217*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*15.734.842.480*	*2.576.981.042*

(*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". *(Thuyết minh số 10)*

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang khi nhận khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp quá hạn thanh toán với số tiền là 1.732.432.638 VND.

24. VAY

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Vay trong kỳ*	*Trả nợ vay trong kỳ*	*Phân loại lại*	*Tăng do hợp nhất công ty con*	*(Giảm) tăng do thoái vốn công ty con*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Ngắn hạn	**171.352.690.912**	**188.953.105.320**	**(90.490.249.421)**	**14.345.096.884**	**15.496.209.605**	**(96.982.002.358)**	**202.674.850.942**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 24.1)*	87.541.957.821	106.871.105.320	(57.509.759.737)	-	15.496.209.605	(67.997.002.358)	84.402.510.651
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 24.2)*	27.859.909.091	57.772.000.000	(13.546.000.000)	-	-	(24.985.000.000)	47.100.909.091
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 24.3)*	34.200.824.000	4.930.000.000	(5.720.824.000)	-	-	-	33.410.000.000
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 24.4 và 35)*	11.750.000.000	19.380.000.000	(7.892.808.874)	514.432.856	-	(4.000.000.000)	19.751.623.982
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 24.1)*	10.000.000.000	-	(5.820.856.810)	13.830.664.028	-	-	18.009.807.218
Dài hạn	**39.014.432.856**	**11.866.278.463**	**-**	**(14.345.096.884)**	**-**	**919.268.183**	**37.454.882.618**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 24.1)*	37.500.000.000	9.850.278.463	-	(13.830.664.028)	-	-	33.519.614.435
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 24.2)*	-	2.016.000.000	-	-	-	-	2.016.000.000
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 24.3)*	-	-	-	-	-	1.919.268.183	1.919.268.183
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 35)*	1.514.432.856	-	-	(514.432.856)	-	(1.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**210.367.123.768**	**200.819.383.783**	**(90.490.249.421)**	**-**	**15.496.209.605**	**(96.062.734.175)**	**240.129.733.560**

24. VAY (tiếp theo)

24.1 *Vay ngân hàng*

Nhóm Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	29.994.118.006	Từ ngày 2 tháng 6 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	19.739.971.071	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	8,2	Tín chấp
Khoản vay 3	19.179.892.555	Từ ngày 13 tháng 12 năm 2024 đến ngày 28 tháng 2 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 4	13.712.281.371	Ngày 28 tháng 2 năm 2025	9,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố HCM				
Khoản vay 1	1.776.247.648	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2024 đến ngày 28 tháng 9 năm 2024	8,9 – 9,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**84.402.510.651**			

24. VAY (tiếp theo)

24.1 *Vay ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là các chương trình phim ngắn độc quyền phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Thế chấp*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	42.500.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	9.029.421.653	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027	8	
	51.529.421.653			
Trong đó				
Vay dài hạn	*33.519.614.435*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*18.009.807.218*			

24. VAY (tiếp theo)

24.2 *Vay cá nhân*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay cá nhân ngắn hạn			
Vũ Thị Tuyết Vân	39.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 19 tháng 6 năm 2025	8 – 10,5
Nguyễn Thị Khánh Hòa	6.455.000.000	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	10,5
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 20 tháng 4 năm 2025	8
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 6 tháng 4 năm 2025	6
TỔNG CỘNG	**47.100.909.091**		
Vay cá nhân dài hạn			
Nguyễn Thị Khánh Hòa	2.016.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2028	8

24.3 *Vay các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn các tổ chức khác			
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	30.000.000.000	Theo yêu cầu	-
Công ty Cổ phần Ban Media	1.770.000.000	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**33.410.000.000**		
Vay dài hạn các tổ chức khác			
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	1.919.268.183	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8

24. VAY (tiếp theo)

24.4 *Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Vay ngắn hạn các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	15.211.623.982	Ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Việt Nam Music Award	2.040.000.000	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Thu Hương	1.600.000.000	Ngày 13 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Tingting Network (trước đây là "Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng")	700.000.000	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	200.000.000	Ngày 4 tháng 6 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	**19.751.623.982**		

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.969.594.703	9.969.594.703
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	40.525.228.383	904.198.386.637
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	29.135.069.765	29.135.069.765
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	86.549.411.608	1.400.222.569.862

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	1.313.532.640.000	312.799.680.000

25.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Cổ phiếu đăng ký	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu đã phát hành	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*131.353.264*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*131.353.264*

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	29.135.069.765	9.969.594.703
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	131.353.264	31.279.968
Điều chỉnh cho số cổ phiếu phổ thông phát hành không thu tiền *(cổ phiếu) (*)*	5.648.190	28.232.327
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm *(cổ phiếu)*	137.001.454	59.512.295
Lãi cơ bản và lãi suy giảm *(VND/cổ phiếu)*	213	168

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 1.000:722 trong năm 2023 và việc phát hành 5.648.190 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024 *(Thuyết minh số 38)*.

27. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	12.211.638.962	12.551.387.798
Tăng do hợp nhất và thành lập công ty con	4.229.711.581	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(7.920.739.495)	-
Lỗ trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(7.680.618.504)	(829.807.421)
Số cuối kỳ	839.992.544	11.721.580.377

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tổng doanh thu	**284.036.464.970**	**143.294.334.475**
Trong đó:		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	*239.132.465.885*	*107.334.741.836*
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	*26.254.690.996*	*15.031.828.794*
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	*17.981.419.489*	*20.609.126.926*
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	*667.888.600*	*318.636.919*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	**(1.337.689.458)**
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	-	*(1.337.689.458)*
DOANH THU THUẦN	**284.036.464.970**	**141.956.645.017**
Trong đó:		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	*239.132.465.885*	*105.997.052.378*
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	*26.254.690.996*	*15.031.828.794*
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	*17.981.419.489*	*20.609.126.926*
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	*667.888.600*	*318.636.919*
Trong đó:		
Các bên khác	*238.552.671.039*	*120.393.774.560*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*45.483.793.931*	*22.900.559.915*

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Lãi do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 4.2)*	59.703.630.545	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.891.569.146	11.051.290.384
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.995.874.932	-
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh *(Thuyết minh số 4.1)*	1.400.556.648	
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	9.993.750.000
Khác	-	9.814.860
TỔNG CỘNG	**76.991.631.271**	**21.054.855.244**
Trong đó:		
Các bên khác	*75.462.983.690*	*19.102.719.872*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*1.528.647.581*	*1.952.135.372*

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	231.155.565.812	89.562.825.139
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	12.460.316.018	19.406.567.750
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	5.959.502.255	23.448.542.536
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	2.957.453.621	399.686.815
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho *(Thuyết minh số 12)*	(147.613.312)	(25.364.368.711)
TỔNG CỘNG	**252.385.224.394**	**107.453.253.529**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí lãi vay	8.306.578.721	10.048.072.400
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.444.065.891	-
Khác	6.248.292	181.078.022
TỔNG CỘNG	**10.756.892.904**	**10.229.150.422**
Trong đó		
Các bên khác	*9.948.724.923*	*10.054.918.037*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*808.167.981*	*174.232.385*

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí bán hàng	**9.552.339.701**	**8.209.283.230**
Chi phí nhân viên	7.277.614.255	4.660.617.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.637.285	3.013.649.422
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.480.174	-
Chi phí khác	1.903.607.987	535.016.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**57.928.647.472**	**26.828.981.190**
Chi phí nhân viên	20.963.461.599	16.991.684.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.970.821.415	6.505.467.815
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	10.949.567.238	(3.334.093.204)
Phân bổ lợi thế thương mại	4.604.872.657	3.735.841.940
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.814.405.984	1.459.009.387
Chi phí khác	7.625.518.579	1.471.071.050
TỔNG CỘNG	**67.480.987.173**	**35.038.264.420**

32. CHI PHÍ KHÁC

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tiền phạt thuế	1.225.381.769	4.526.264.010
Khác	968.274.579	719.280.183
TỔNG CỘNG	**2.193.656.348**	**5.245.544.193**

33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.734.726.289	129.426.187.565
Chi phí nhân viên	41.025.411.655	33.060.601.261
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 14 và 15)*	12.714.818.512	2.025.261.445
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	10.949.567.238	(3.334.093.205)
Phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 17)*	4.604.872.657	3.735.841.940
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(147.613.312)	(25.364.368.711)
Khác	2.776.218.460	2.942.087.654
TỔNG CỘNG	**337.658.001.499**	**142.491.517.949**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.455.909	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.455.909	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.624.665.475	-
TỔNG CỘNG	**4.059.121.384**	**(3.929.753.635)**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**25.513.572.645**	**5.210.033.647**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	5.102.714.529	1.042.006.729
Các điều chỉnh:		
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.237.388.433	2.561.384.445
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.546.510.732	1.023.600.918
Phân bổ lợi thế thương mại	920.974.531	747.168.388
Lỗ trong công ty liên kết	548.020.482	63.090.810
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	24.367.826	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết	(280.111.330)	
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(2.354.811.789)	(5.437.251.290)
Lãi từ thanh lý công ty con	(7.685.932.030)	-
Chi phí thuế TNDN	**4.059.121.384**	**(3.929.753.635)**

34.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(3.842.174.603)	(7.895.844.762)	4.053.670.159	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	29.031.819.259	29.460.823.943	(429.004.684)	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			**3.624.665.475**	-

34.4 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 647.635.811.616 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 699.764.989.350 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Sử dụng*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024*
2020	2025	383.107.399.146	(53.809.804.499)	329.297.594.647
2021	2026	265.637.151.364	(3.202.920.170)	262.434.231.194
2022	2027	26.533.593.746	(6.973.019.211)	19.560.574.535
2023	2028	20.156.469.072	-	20.156.469.072
2024	2029	16.186.942.168	-	16.186.942.168
TỔNG CỘNG		**711.621.555.496**	**(63.985.743.880)**	**647.635.811.616**

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Social	Công ty liên kết
Công ty TNHH Meta Blossom	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tingting Network	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT – Thành viên độc lập
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	34.519.709.573	-
	Vay	15.080.000.000	400.000.000
	Cho vay	1.800.000.000	17.050.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.725.000.000	12.314.234.577
	Mua dịch vụ	702.644.920	5.195.101.255
	Lãi vay	648.504.544	76.259.782
	Lãi cho vay	185.110.684	371.832.271
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	-	6.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	3.228.325.338
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
	Mua dịch vụ	-	4.400.000
	Lãi vay	-	657.534
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	7.154.000.000
	Mua dịch vụ	4.333.333.334	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.216.523.810	-
	Lãi cho vay	988.325.015	139.333.562
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Vay	1.300.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	21.046.577	6.163.000.000
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	20.288.167	990.164.282
	Lãi vay	11.065.902	17.972.603
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	6.138.502.248	-
	Mua dịch vụ	987.600.000	1.291.070.000
	Cho vay	50.000.000	-
	Lãi cho vay	43.151	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	416.666.667	-
	Mua dịch vụ	198.375.000	-
	Lãi vay	43.012.602	-
	Lãi cho vay	2.617.809	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	1.525.000.000	450.000.000
	Lãi cho vay	117.321.908	5.490.411
	Cung cấp dịch vụ	102.000.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	344.345.056	-

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	25.804.111	-
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	570.000.000	7.010.000.000
	Lãi cho vay	214.940.847	368.958.024
	Cung cấp dịch vụ	-	1.195.000.000
	Chi hộ	-	53.378.600
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bố Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	79.780.822	79.342.466
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	86.000.000	-
	Thu hồi tạm ứng	40.000.000	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	236.111.639	72.654.974
	Thu hồi tạm ứng	126.348.251	40.593.474
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	208.046.838	65.371.655
	Thu hồi tạm ứng	52.927.888	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.475.412.928
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	29.753.424

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.621.705.073	547.505.377
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Cung cấp dịch vụ	6.731.991.724	6.731.991.724
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	4.358.340.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	766.119.710	387.340.150
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Cung cấp dịch vụ	643.697.131	643.697.131
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cung cấp dịch vụ	416.666.667	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cung cấp dịch vụ	112.200.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	-	999.999.958
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	87.902.530.164
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Cung cấp dịch vụ	-	11.770.573.444
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cung cấp dịch vụ	-	8.080.206.311
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.154.383.491
		34.650.720.305	**118.218.227.750**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh	Mua dịch vụ	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	224.750.000	24.750.000
		154.024.750.000	**14.524.750.000**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	5.030.000.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	4.856.000.000	4.286.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	1.960.214.647	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	550.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cho vay	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	-	35.736.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	14.859.000.000
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Cho vay	-	14.122.833.700
		12.496.214.647	**69.003.833.700**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi cho vay	583.898.871	368.958.024
	Chi hộ	53.378.600	53.378.600
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	409.745.333	213.178.763
Công ty Cổ phần 1Game	Lãi cho vay	155.134.098	33.410.819
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.118.950	-
Công ty Cổ phần Zmedia	Lãi cho vay	147.899.158	147.899.158
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	109.760.378	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Lãi cho vay	101.654.246	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	52.522.276	6.522.276
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi cho vay	7.019.180	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.654.110	1.610.959
Ông Đào Phúc Trí	Tạm ứng	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi cho vay	-	1.384.252.111
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Lãi cho vay	-	554.536.312
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	-	531.123.083
		1.777.785.200	**8.622.778.231**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.525.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	3.450.000.000
		2.525.000.000	**4.900.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Mua dịch vụ	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	1.242.574.276	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	1.110.760.968	28.744.399
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Mua dịch vụ	25.000.000	84.450.744
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Mua dịch vụ	59.697.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Mua dịch vụ	-	222.411.825
		8.287.821.778	**8.456.156.378**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	15.059.511.102	21.310.867.823
	Cung cấp dịch vụ	-	137.093.401
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	982.344.845	3.306.097.320
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cung cấp dịch vụ	450.000.000	-
		16.491.855.947	**24.754.058.544**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty TNHH Big Cat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	1.173.700.000	1.173.700.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	384.914.280	191.788.886
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	320.438.356	240.657.534
	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Chi phí hoạt động quảng cáo	50.400.000	-
	Lãi vay	604.110	604.110
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	2.243.836	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	119.894.318
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	60.000.000
		2.202.300.582	**2.056.644.848**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Phải trả chuyển nhượng cổ phần	13.070.000.000	-
	Lãi vay	664.842.480	16.241.979
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Phải trả hợp tác kinh doanh	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Lãi vay	-	207.573.065
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	183.945.200
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	-	148.150.685
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	-	13.705.730
Công ty TNHH Tingting Network	Lãi vay	-	7.364.383
		15.734.842.480	**2.576.981.042**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	15.211.623.982	5.950.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.040.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	700.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	-	5.300.000.000
		19.751.623.982	**11.750.000.000**
Vay dài hạn			
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	-	342.808.874
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	-	171.623.982
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	-	1.000.000.000
		-	**1.514.432.856**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	1.500.000.000	750.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	708.871.800	354.435.900
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	-	1.699.338.000
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	502.449.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	123.981.550
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	-	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS	-	-
TỔNG CỘNG		**2.208.871.800**	**3.430.204.450**

36. CÁC CAM KẾT

36.1 *Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)*

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Dưới 1 năm	22.762.167.500	24.261.360.000
Từ 1 đến 5 năm	92.990.060.000	94.132.300.000
Trên 5 năm	64.650.474.000	67.729.068.000
TỔNG CỘNG	**180.402.701.500**	**186.122.728.000**

36.2 *Cam kết góp vốn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Meta Blossom	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Công ty Cổ phần Gigagoods	918.000.000	-	918.000.000
TỔNG CỘNG	**26.310.060.000**	**22.000.000**	**26.288.060.000**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là truyền thông và giải trí và cung cấp bản quyền nội dung số.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Truyền thông và giải trí	*Cung cấp bản quyền nội dung số*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	257.781.773.974	26.254.690.996	-	284.036.464.970
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	43.246.572.842	4.521.136.038	(47.767.708.880)	-
Tổng doanh thu thuần	301.028.346.816	30.775.827.034	(47.767.708.880)	284.036.464.970
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	11.682.403.394	22.605.515.255	(2.636.678.073)	31.651.240.576
Chi phí không phân bổ				(67.480.987.173)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(2.740.102.409)
Doanh thu tài chính				76.991.631.271
Chi phí tài chính				(10.756.892.904)
Lợi nhuận khác				(2.151.316.716)
Lợi nhuận trước thuế				**25.513.572.645**
Chi phí thuế TNDN				(434.455.909)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(3.624.665.475)
Lợi nhuận sau thuế				**21.454.451.261**
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	(36.651.185.694)	(24.638.833.102)	-	(61.290.018.796)
Khấu hao và hao mòn	(2.253.654.707)	(10.461.163.805)	-	(12.714.818.512)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	1.817.594.106.346	217.206.581.464	(323.649.217.501)	1.711.151.470.309
Tài sản không phân bổ				285.469.215.677
Tổng tài sản				**1.996.620.685.986**
Công nợ bộ phận	776.637.352.805	68.813.851.876	(321.810.738.497)	523.640.466.184
Công nợ không phân bổ				71.917.657.396
Tổng công nợ				**595.558.123.580**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Truyền thông và giải trí	*Cung cấp bản quyền nội dung số*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	126.924.816.223	15.031.828.794	-	141.956.645.017
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	10.378.360.186	-	(10.378.360.186)	-
Tổng doanh thu thuần	137.303.176.409	15.031.828.794	(10.378.360.186)	141.956.645.017
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	40.401.602.987	(8.416.713.742)	2.518.502.243	34.503.391.488
Chi phí không phân bổ				(35.038.264.420)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(315.454.050)
Doanh thu tài chính				21.054.855.244
Chi phí tài chính				(10.229.150.422)
Lợi nhuận khác				(4.765.344.193)
Lợi nhuận trước thuế				**5.210.033.647**
Chi phí thuế TNDN				3.929.753.635
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế				**9.139.787.282**
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	(1.332.114.959)	-	-	(1.332.114.959)
Khấu hao và hao mòn	(2.025.261.445)	-	-	(2.025.261.445)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	1.677.444.641.686	197.086.301.114	(368.751.341.730)	1.505.779.601.070
Tài sản không phân bổ				354.618.441.299
Tổng tài sản				**1.860.398.042.369**
Công nợ bộ phận	788.628.515.649	75.010.711.754	(453.439.134.593)	410.200.092.810
Công nợ không phân bổ				66.898.810.500
Tổng công nợ				**477.098.903.310**

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại một số công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care và Công ty Cổ phần Công nghệ Thương Mại Giga1 trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.360 cổ phần tương ứng với 18% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam") từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 52.974.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 898-2408-HDCNCP.NETLINK-VENTURES-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 51% lên 69%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") từ các bên với giá trị chuyển nhượng là 127.088.550.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 896-2408-HDCNCP.Y1D-ANA-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 897-2408-HDCNCP.Y1D-DPD-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 899-2408-HDCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 69,55% và Edigital trở thành công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương góp thêm vốn vào Công ty TNHH 1Production ("1Production") với số tiền 211.000.000.000 VND trong năm 2024 hoặc quý 1 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất góp vốn, vốn điều lệ của 1Production tăng từ 139.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 7 tháng 8 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 918/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 22 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc vay vốn từ các cá nhân với tổng số tiền là 227.480.150.000 VND nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Lưu Anh Khoa	Nguyễn [illegible]	[illegible]
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05378 Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày: 23-12-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

Lê Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
	Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
	Ông Kim Min Soo	Thành viên
	Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
	Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
	Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
	Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
	Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đoàn Viên được bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền kí báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan theo Giấy Ủy Quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024	
Trụ sở chính	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 3 đến trang 48. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2024 VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**686.425.922.568**	**550.345.281.762**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**2.382.011.091**	**6.392.544.437**
111	Tiền		2.382.011.091	2.192.544.437
112	Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**230.000.000**	**230.000.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**656.511.999.116**	**522.012.565.290**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	107.743.643.379	112.326.811.147
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		138.387.666.257	2.549.093.165
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	301.537.900.044	270.238.767.925
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	131.947.979.209	159.015.726.054
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(23.105.189.773)	(22.117.833.001)
140	**Hàng tồn kho**		**25.144.368.554**	**18.471.428.571**
141	Hàng tồn kho		25.144.368.554	18.471.428.571
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**2.157.543.807**	**3.238.743.464**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.316.958.977	3.238.743.464
152	Thuế GTGT được khấu trừ		840.584.830	-

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2024 VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.641.416.881.184**	**1.393.011.400.848**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**240.102.983.496**	**227.793.196.854**
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	10.680.575.396	21.412.263.754
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	229.422.408.100	206.380.933.100
220	**Tài sản cố định**		**113.624.458.801**	**78.555.370.522**
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	307.893.445	181.819.198
222	Nguyên giá		903.492.862	695.101.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(595.599.417)	(513.282.756)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	113.316.565.356	78.373.551.324
228	Nguyên giá		137.830.274.787	85.512.962.231
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.513.709.431)	(7.139.410.907)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**5.000.000.000**	**5.000.000.000**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.000.000.000	5.000.000.000
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**1.261.858.044.777**	**1.080.639.622.715**
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.723.883.212.233	1.342.337.412.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	2.000.000.000	231.761.250.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.715.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(481.740.792.456)	(511.174.664.518)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**20.831.394.110**	**1.023.210.757**
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	20.831.394.110	1.023.210.757
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**2.327.842.803.752**	**1.943.356.682.610**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2024 VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**633.075.826.718**	**259.891.332.597**
310	**Nợ ngắn hạn**		**590.827.068.822**	**165.525.413.280**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	50.452.084.141	67.795.676.253
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	10.623.529.848	24.616.965.143
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.707.516.717	1.537.872.433
314	Phải trả người lao động		4.226.735.761	1.529.147.261
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	17.381.425.844	5.287.267.886
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.218.448.094	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	165.036.199.048	41.747.660.304
320	Vay ngắn hạn	17	335.181.129.369	23.010.824.000
330	**Nợ dài hạn**		**42.248.757.896**	**94.365.919.317**
338	Vay dài hạn	17	42.248.757.896	94.365.919.317
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.694.766.977.034**	**1.683.465.350.013**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**1.694.766.977.034**	**1.683.465.350.013**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	140.518.254	140.518.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	324.611.918.780	369.792.191.759
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		313.310.291.759	317.666.606.594
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		11.301.627.021	52.125.585.165
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**2.327.842.803.752**	**1.943.356.682.610**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số		Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**86.887.787.766**	**16.991.194.509**	**192.321.706.882**	**45.788.473.082**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**86.887.787.766**	**16.991.194.509**	**192.321.706.882**	**45.788.473.082**
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(50.012.175.087)	(12.722.187.645)	(129.058.419.629)	(33.797.030.863)
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**36.875.612.679**	**4.269.006.864**	**63.263.287.253**	**11.991.442.219**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.087.102.527	10.616.903.129	19.959.695.359	44.230.501.994
22	Chi phí tài chính	23	(6.607.027.732)	(5.638.120.305)	(14.128.237.011)	(15.370.191.932)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(6.607.027.732)*	*(5.638.120.305)*	*(14.128.237.011)*	(15.370.191.932)
25	Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(26.448.831.891)	(4.538.914.378)	(56.751.550.066)	(12.496.729.004)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**9.906.855.583**	**4.708.875.310**	**12.343.195.535**	**28.355.023.277**
31	Thu nhập khác		-	-	280.407	-
32	Chi phí khác		(117.739.101)	(8.109.049)	(1.041.848.921)	(10.406.033)
40	**Lỗ khác**		**(117.739.101)**	**(8.109.049)**	**(1.041.568.514)**	**(10.406.033)**

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**9.789.116.482**	**4.700.766.261**	**11.301.627.021**	**28.344.617.244**
51	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	25	-	-	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25	-	-	-	-
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**9.789.116.482**	**4.700.766.261**	**11.301.627.021**	**28.344.617.244**

Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**11.301.627.021**	**28.344.617.244**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại		17.456.615.185	133.953.216
03	Các khoản dự phòng		(28.446.515.290)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.857.100.677)	(17.109.827.585)
06	Chi phí lãi vay	23	14.128.237.011	15.370.191.932
08	**(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**(5.417.136.750)**	**26.738.934.807**
09	Tăng các khoản phải thu		(137.008.099.865)	(76.920.492.056)
10	Tăng hàng tồn kho		(6.672.939.983)	(383.218.133)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả		265.593.220.391	(47.289.560.804)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(17.886.398.866)	2.423.092.216
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.020.560.693)	(12.450.057.448)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**94.588.084.234**	**(107.881.301.418)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		(96.570.534.908)	(113.204.714.853)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		80.203.091.147	166.176.879.955
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác		(466.023.800.000)	(513.071.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7(a)	99.144.000.000	13.983.200.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.595.482.233	26.492.526.074
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(358.651.761.528)**	**(419.623.358.824)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	450.000.000.000
33	Tiền thu từ vay		433.159.432.945	384.868.725.134
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(173.106.288.997)	(318.802.391.217)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**260.053.143.948**	**516.066.333.917**
50	**Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(4.010.533.346)**	**(11.438.326.325)**
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	3	6.392.544.437	17.365.013.108
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**2.382.011.091**	**5.926.686.783**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Ngày 25 tháng 10 năm 2024

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 66 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 13 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền mặt	21.912.000	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.360.099.091	2.192.544.437
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	**2.382.011.091**	**6.392.544.437**

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	30.09.2024				31.12.2023			
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Ana (vi)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care (vi)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	399.900.000.000	99,98	399.900.000.000	(*)	399.900.000.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ trẻ (i)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	(*)	-	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1 (vi)	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,99	588.167.412.233	(*)	-	99,99	588.167.412.233	(*)	-
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,89	79.910.000.000	(*)	32.352.924.293	99,89	79.910.000.000	(*)	32.352.924.293
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment (i)	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hoạt động hậu kỳ, ghi âm và xuất bản âm nhạc	-	-	(*)	-	85,00	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000
7	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (ii)	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-		-	51,00	40.000.000.000	(*)	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam (i)	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	-	-	(*)	-	70,00	10.538.000.000	(*)	7.493.872.062
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	139.000.000.000	(*)	-	100,00	139.000.000.000	(*)	-
12	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	92,00	23.000.000.000	(*)	8.620.503.672	92,00	23.000.000.000	(*)	8.620.503.672

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	30.09.2024				31.12.2023			
				Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
				%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
13	Công ty TNHH STVProduction (ii)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-		-	100,00	10.000.000.000	(*)	-
14	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	40.000.000	(*)	-
15	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	120.000.000	(*)	-
16	Công ty Cổ phần 1Label (iii)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	1.020.000.000	(*)	-	-	-		-
17	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (iv)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	203.319.000.000	(*)	-	-	-		-
18	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (v)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	255.844.800.000	(*)	-	-	-		-
	TỔNG CỘNG				**1.723.883.212.233**		**470.573.427.965**		**1.342.337.412.233**		**500.007.300.027**

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ, Công ty Cổ phần YAG Entertainment và Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam. Tính đến ngày 28 tháng 06 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại các công ty con này, qua đó các công ty này không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(ii) Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") cho Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%. Tiếp đến vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày, qua đó STV không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

(iii) Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn ban hành quyết định số 81/2403/QĐ/CTHĐQT/YEG thông qua việc góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") với vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Label trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn với tỉ lệ sở hữu 51,00% trên vốn chủ sở hữu.

(iv) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần, tương ứng với 16% cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink") theo Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT, qua đó nâng tổng tỉ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 51,00%. Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam cũng trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn kể từ ngày này.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn cũng đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 45.360 cổ phần, tương ứng với 18% cổ phần Netlink, qua đó nâng tổng tỉ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 69,00%.

(v) Vào ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigial ("Y1D") theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG, qua đó nâng tổng tỉ lệ sở hữu tại Y1D lên thành 69,55%. Công ty Cổ phần Yeah1 Edigial cũng trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

(vi) Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, thời gian thực hiện trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Tập đoàn.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	51,00	51,00	51,00	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	59,00	59,00	59,00	59,00
3	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	100,00	35,00	35,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	32,90	32,90
5	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	20,15	20,15
6	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	39,51	39,51
7	Công ty TNHH Ting Ting Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	39,51	39,51
8	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	69,55	100,00	39,51	39,51
9	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	31,61	31,61
10	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	23,69	23,69
11	Công ty TNHH MTV Style TV	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	100,00

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

STT	Tên công ty	Tại ngày 30.09.2024					Tại ngày 31.12.2023				
		Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	-	-	-		-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	-	-		-	39,50	39,50	128.756.250.000	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	-	-		-	35,00	35,00	103.005.000.000	(*)	-
	TỔNG CỘNG			**2.000.000.000**					**231.761.250.000**		

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30.09.2024					31.12.2023				
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
2	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lí dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000
4	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	1.551.739.491	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	1.551.739.491
	TỔNG CỘNG				**17.715.625.000**		**11.167.364.491**			**17.715.625.000**		**11.167.364.491**

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	69.676.443.968	25.788.366.350
Công ty Cổ phần Tera Group	*28.278.222.886*	-
Công ty Cổ phần Ban Media	*20.097.907.390*	*22.854.759.622*
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	*6.770.205.688*	-
Công ty Cổ phần King Production	*5.803.300.000*	-
Khác	*8.726.808.004*	*2.933.606.728*
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	38.067.199.411	86.538.444.797
TỔNG CỘNG	**107.743.643.379**	**112.326.811.147**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	(1.798.983.363)	(1.158.799.295)
GIÁ TRỊ THUẦN	**105.944.660.016**	**111.168.011.852**

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	287.176.900.044	175.096.431.925
Công ty Cổ phần Vital Investment Group	*114.106.821.919*	*119.000.000.000*
Ông Trần Minh Việt	*39.360.311.001*	*45.960.311.001*
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	*45.220.500.000*	-
Công ty Cổ phần Tera Group	*51.736.000.000*	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	*10.043.836.000*	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	*9.090.000.000*	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	*5.067.000.000*	*2.140.000.000*
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	*5.134.862.703*	*6.316.138.099*
Các tổ chức khác	*7.417.568.421*	*1.679.982.825*
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	14.361.000.000	95.142.336.000
TỔNG CỘNG	**301.537.900.044**	**270.238.767.925**

(b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	5.855.575.396	5.045.575.396
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	*4.074.300.000*	*3.564.300.000*
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	*1.181.275.396*	*1.181.275.396*
Các tổ chức khác	*600.000.000*	*300.000.000*
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	4.825.000.000	16.366.688.358
TỔNG CỘNG	**10.680.575.396**	**21.412.263.754**

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	67.786.413.793	67.911.013.887
Phải thu thu hộ theo hợp đồng	36.339.823.321	-
Phải thu lãi cho vay	12.362.289.810	21.952.487.777
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.829.921.648	66.600.322.319
Đặt cọc	1.278.422.450	1.512.711.125
Khác	351.108.187	1.039.190.946
TỔNG CỘNG	**131.947.979.209**	**159.015.726.054**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	(21.306.206.410)	(20.959.033.706)
GIÁ TRỊ THUẦN	**110.641.772.799**	**138.056.692.348**
Trong đó:		
Bên thứ ba	108.117.418.080	112.705.987.423
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	23.830.561.129	46.309.738.631

(b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	199.875.000.000	199.875.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	24.000.000.000	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	5.547.408.100	6.505.933.100
TỔNG CỘNG	**229.422.408.100**	**206.380.933.100**

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.09.2024			31.12.2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**3.163.801.860**	**1.364.818.497**	**(1.798.983.363)**	**3.163.801.860**	**2.005.002.565**	**(1.158.799.295)**
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)	523.907.131	261.953.565	(261.953.566)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	149.824.729	-	(149.824.729)	149.824.729	-	(149.824.729)
					-	
Phải thu ngắn hạn khác	**25.322.553.232**	**4.016.346.822**	**(21.306.206.410)**	**22.275.335.920**	**1.316.302.214**	**(20.959.033.706)**
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
Khác	4.722.553.232	3.716.346.822	(1.006.206.410)	1.675.335.920	1.016.302.214	(659.033.706)
TỔNG CỘNG	**28.486.355.092**	**5.381.165.319**	**(23.105.189.773)**	**25.439.137.780**	**3.321.304.779**	**(22.117.833.001)**

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Công cụ, dụng cụ	216.852.051	23.183.793
Chi phí dịch vụ trả trước	1.100.106.926	3.215.559.671
TỔNG CỘNG	**1.316.958.977**	**3.238.743.464**

(b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	18.399.099.359	411.547.424
Công cụ, dụng cụ	1.973.963.409	294.937.452
Chi phí dịch vụ trả trước	458.331.342	316.725.881
TỔNG CỘNG	**20.831.394.110**	**1.023.210.757**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	695.101.954	**695.101.954**
Mua trong năm	208.390.908	**208.390.908**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	903.492.862	**903.492.862**
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(513.282.756)	**(513.282.756)**
Khấu hao trong năm	(82.316.661)	**(82.316.661)**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	(595.599.417)	**(595.599.417)**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	181.819.198	**181.819.198**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	307.893.445	**307.893.445**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	Bản quyền nội dung	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.489.382.154	160.000.000	82.863.580.077	**85.512.962.231**
Mua trong năm	-	-	52.317.312.556	**52.317.312.556**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	2.489.382.154	160.000.000	135.180.892.633	**137.830.274.787**
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(769.332.656)	(13.333.335)	(6.356.744.916)	**(7.139.410.907)**
Khấu hao trong năm	(43.599.279)	(24.000.003)	(17.306.699.242)	**(17.374.298.524)**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	(812.931.935)	(37.333.338)	(23.663.444.158)	**(24.513.709.431)**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.720.049.498	146.666.665	76.506.835.161	**78.373.551.324**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	1.676.450.219	122.666.662	111.517.448.475	**113.316.565.356**

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	**5.000.000.000**	**5.000.000.000**

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	27.364.696.585	4.263.249.709
Công ty TNHH STVProduction	*20.576.400.002*	-
Khác	*6.788.296.583*	*4.263.249.709*
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	23.087.387.556	63.532.426.544
TỔNG CỘNG	**50.452.084.141**	**67.795.676.253**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	5.984.216.423	-
Hunan Mgtv.com Interactive Entertainment Media Co., Ltd.	*1.086.536.423*	-
Khác	*4.897.680.000*	-
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	4.639.313.425	24.616.965.143
TỔNG CỘNG	**10.623.529.848**	**24.616.965.143**

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30.09.2024 VND
(a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	-	15.848.902.168	(15.008.317.338)	**840.584.830**
TỔNG CỘNG	-	15.848.902.168	(15.008.317.338)	**840.584.830**
(b) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế GTGT	1.011.003.711	16.162.332.098	(16.628.715.853)	**544.619.956**
Thuế thu nhập cá nhân	292.770.733	4.365.682.736	(2.559.803.806)	**2.098.649.663**
Thuế khác	234.097.989	2.491.637.963	(661.488.854)	**2.064.247.098**
TỔNG CỘNG	**1.537.872.433**	**23.019.652.797**	**(19.850.008.513)**	**4.707.516.717**

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	16.595.744.706	529.510.910
Lương và thưởng cho nhân viên	230.000.776	2.018.064.776
Chi phí lãi vay	26.169.452	1.967.531.800
Khác	529.510.910	772.160.400
TỔNG CỘNG	**17.381.425.844**	**5.287.267.886**
Trong đó:		
Bên thứ ba	17.366.302.967	3.319.563.483
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	15.122.877	1.967.704.403

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	89.999.000.000	-
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.427.266.335	-
Chi phí lãi vay	6.795.505.095	4.677.816.755
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	987.660.556	928.353.799
Khác	4.326.767.062	4.641.489.750
TỔNG CỘNG	**165.036.199.048**	**41.747.660.304**
Trong đó:		
Bên thứ ba	131.866.999.843	38.826.473.587
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	33.169.199.205	2.921.186.717

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

17 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2024 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
Vay ngân hàng	**10.000.000.000**	**118.642.861.292**	**(42.057.881.923)**	**86.584.979.369**		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*10.000.000.000*	*118.642.861.292*	*(42.057.881.923)*	*86.584.979.369*	*8,2%*	*Ngày 31/01/2025*
Vay bên thứ ba	**4.260.824.000**	**248.997.150.000**	**(18.115.824.000)**	**235.142.150.000**		
Bà Vũ Thị Tuyết Vân	-	*117.147.080.000*	-	*117.147.080.000*	*8,0%*	*Từ ngày 24/04/2025 đến ngày 07/08/2025*
Ông Võ Xuân Huy	-	*55.590.000.000*	-	*55.590.000.000*	*8,0%*	*Ngày 07/08/2025*
Bà Nguyễn Hải Tường Vi	-	*54.743.070.000*	-	*54.743.070.000*	*8,0%*	*Ngày 07/08/2025*
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	-	*13.787.000.000*	*(7.655.000.000)*	*6.132.000.000*	*10,5%-11%*	*Từ ngày 04/01/2025 đến ngày 07/06/2025*
Công ty Cổ phần Ban Media	*2.260.824.000*	*7.730.000.000*	*(8.460.824.000)*	*1.530.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 10/05/2025 đến 14/06/2025*
Bà Vũ Thị Ngọc Trinh	*2.000.000.000*	-	*(2.000.000.000)*	-		
Vay bên liên quan	**8.750.000.000**	**95.683.842.260**	**(90.979.842.260)**	**13.454.000.000**		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	*5.950.000.000*	*24.050.000.000*	*(25.811.000.000)*	*4.189.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 27/12/2024 đến ngày 14/06/2025*
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	*9.920.000.000*	*(5.900.000.000)*	*4.020.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 12/03/2025 đến ngày 11/06/2025*
Công ty TNHH Vietnam Music Award	*200.000.000*	*2.100.000.000*	*(260.000.000)*	*2.040.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 29/03/2025 đến ngày 17/05/2025*
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	*1.900.000.000*	*(400.000.000)*	*1.500.000.000*	*12,0%*	*Ngày 13/12/2024*
Công ty TNHH 1Talents	-	*4.100.000.000*	*(3.000.000.000)*	*1.100.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 13/06/2025 đến ngày 31/06/2025*
Công ty TNHH TingTing Network	*300.000.000*	*400.000.000*	*(95.000.000)*	*605.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 25/10/2024 đến ngày 27/05/2025*
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	*51.713.842.260*	*(51.713.842.260)*	-		
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	*2.300.000.000*	-	*(2.300.000.000)*	-		
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	*1.500.000.000*	*(1.500.000.000)*	-		
TỔNG CỘNG	**23.010.824.000**	**463.323.853.552**	**(151.153.548.183)**	**335.181.129.369**		

17 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2024 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
Vay ngân hàng	**37.500.000.000**	**9.029.421.653**	**(16.330.663.757)**	**30.198.757.896**		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*37.500.000.000*	*9.029.421.653*	*(16.330.663.757)*	*30.198.757.896*	*11,0%*	*Ngày 15/08/2028*
Vay bên liên quan	**56.865.919.317**	**12.520.000.000**	**(57.335.919.317)**	**12.050.000.000**		
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	*54.603.842.260*	-	*(54.603.842.260)*	-		
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	*1.919.268.183*	-	*(1.919.268.183)*	-		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	*12.050.000.000*	-	*12.050.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 16/08/2026 đến 19/08/2026*
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	*342.808.874*	-	*(342.808.874)*	-		
Công ty TNHH 1Production	-	*470.000.000*	*(470.000.000)*	-		
	94.365.919.317	**21.549.421.653**	**(73.666.583.074)**	**42.248.757.896**		

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.09.2024 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2023 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	137.001.454	131.353.264

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2024		31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	7.892.748	5,76	7.232.400	5,51
Ông Chế Đoàn Viên	6.833.725	4,99	6.371.400	4,85
Cổ đông khác	122.274.981	89,25	117.749.464	89,64
TỔNG CỘNG	**137.001.454**	**100,00**	**131.353.264**	**100,00**

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	31.279.968	31.279.968	**31.279.968**
Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược	45.000.000	45.000.000	**45.000.000**
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	55.073.296	55.073.296	**55.073.296**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	131.353.264	131.353.264	**131.353.264**
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	5.648.190	5.648.190	**5.648.190**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	137.001.454	137.001.454	**137.001.454**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	**1.181.339.764.848**
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	450.000.000.000	-	-	**450.000.000.000**
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	**52.125.585.165**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	**1.683.465.350.013**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.301.627.021	**11.301.627.021**
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (*)	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	324.611.918.780	**1.694.766.977.034**

(*) Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	111.700.575.301	4.873.889.657
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại	39.091.914.983	40.914.583.425
Doanh thu bản quyền nội dung	41.529.216.598	-
TỔNG CỘNG	**192.321.706.882**	**45.788.473.082**

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	103.630.484.129	2.285.205.608
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại	16.286.447.681	31.511.825.255
Giá vốn bản quyền nội dung	9.141.487.819	-
TỔNG CỘNG	**129.058.419.629**	**33.797.030.863**

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.857.100.677	17.109.827.585
Lãi thoái vốn công ty con	100.872.062	-
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	1.722.620	194.969
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	14.990.625.000
Cổ tức được chia	-	12.129.854.440
TỔNG CỘNG	**19.959.695.359**	**44.230.501.994**

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí lãi vay	14.128.237.011	15.370.191.932

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.452.072.615	5.125.001.773
Chi phí nhân viên	25.154.182.736	7.329.072.587
Chi phí khấu hao TSCĐ	149.915.943	40.185.965
Khác	8.022.000	2.468.679
Dự phòng phải thu khó đòi	987.356.772	-
TỔNG CỘNG	**56.751.550.066**	**12.496.729.004**

25 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.301.627.021	28.344.617.244
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	2.260.325.404	5.668.923.449
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	208.369.784	2.081.207
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.468.695.188)	(5.671.004.655)
Chi phí thuế TNDN (*)	**-**	**-**

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.311.020.945	24.430.241.958
Chi phí nhân viên	32.905.466.974	19.436.130.155
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.456.615.185	133.953.216
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	987.356.772	-
Khác	8.022.000	8.228.930
TỔNG CỘNG	**176.668.481.876**	**44.008.554.259**

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Brandlink	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024) Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Gigagoods	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con trực tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH STV Production	Công ty con trực tiếp (đến ngày 15 tháng 3 năm 2024) Công ty con gián tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024) Công ty con trực tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Công ty con trực tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH BigCat	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác của công ty con
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác của công ty con
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác của công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024 Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024) Tổng giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Người liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Công ty mà người nội bộ là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	Công ty mà người có liên quan của người nội bộ là Giám đốc

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	42.891.137.134	18.177.090.296
	Vay	24.050.000.000	7.000.000.000
	Lãi vay	820.054.604	4.027.397
	Mua dịch vụ	3.500.000	2.315.617.971
	Cho vay	-	13.600.000.000
	Lãi cho vay	-	290.493.231
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	3.600.000.000	2.328.800.000
	Lãi vay	62.899.792	20.967.123
	Lãi cho vay	20.165.753	46.603.398
	Mua dịch vụ	2.200.000	220.000
	Cung cấp dịch vụ	-	4.988.559.103
	Vay	-	6.400.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	51.713.842.260	59.703.842.260
	Lãi vay	2.785.993.536	2.329.803.164
	Cung cấp dịch vụ	9.090.909	81.818.181
	Cho vay	-	900.000.000
	Lãi cho vay	-	28.165.982
Công ty Cổ phần Tổng hợp Truyền thông STV	Cho vay	19.152.000.000	41.330.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.310.326.514	7.810.453.277
	Mua dịch vụ	2.210.809.524	
	Lãi cho vay	1.002.878.961	1.036.540.486
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	724.300.000	4.370.000.000
	Mua dịch vụ	142.170.068	-
	Lãi cho vay	118.972.191	99.459.448
	Lãi vay	-	227.391.781
	Cổ tức được chia	-	12.129.854.440
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Lãi vay	97.002.738	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Vay	21.970.000.000	4.900.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.876.000.000	4.977.246.346
	Lãi vay	311.579.586	3.969.863
	Cho vay	-	3.000.000.000
	Lãi cho vay	-	95.486.575
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	8.492.000.000	12.600.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.963.000.000	2.408.345.006
	Lãi cho vay	583.701.568	287.901.285
	Mua dịch vụ	28.909.091	21.388.889

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	543.497.378	692.165.844
Công ty Cổ phần 1Label	Cung cấp dịch vụ	522.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	412.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	Vay	4.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	287.000.000	-
	Lãi vay	20.453.423	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	1.500.000.000	342.808.874
	Lãi vay	12.446.724	4.633.034
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	-	1.192.452.719
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	73.304.388	9.956.175
	Cho vay	-	490.090.853
	Lãi vay	-	5.228.754
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Mua dịch vụ	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	10.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.216.523.810	1.758.363.556
	Lãi cho vay	674.030.959	240.406.848
Công ty TNHH 1Production	Mua dịch vụ	41.122.111.112	-
	Cho vay	2.000.000.000	1.665.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.275.000.000	-
	Vay	470.000.000	-
	Lãi cho vay	39.124.727	15.542.876
	Lãi vay	2.163.288	-
Công ty TNHH STVProduction	Mua hàng hóa, dịch vụ	15.506.172.840	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	749.494.386	1.124.241.584
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.465.000.000	730.000.000
	Lãi cho vay	199.606.697	16.719.589
	Cung cấp dịch vụ	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	1.905.000.000	-
	Cho vay	1.547.188.358	-
	Lãi cho vay	137.504.773	229.728.088

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty TNHH TingTing Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	44.029.524	-
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	1.338.768
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	-	114.840.596
Công ty TNHH MTV Style TV	Cung cấp dịch vụ	-	1.900.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	324.083.204	250.462.693
	Thu hồi tạm ứng	235.730.160	109.141.043
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	390.379.789	92.817.405
	Thu hồi tạm ứng	276.307.959	-
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	345.425.046	9.000.000
	Thu hồi tạm ứng	345.425.046	9.000.000
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.702.878.573
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.900.000.000	-
	Lãi vay	60.032.875	-

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
TỔNG CỘNG		-	-
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	2.025.000.000	1.500.000.000
Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc	1.055.371.800	708.871.800
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	300.200.000	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	2.549.007.000
Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	502.449.000
Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	123.981.550
TỔNG CỘNG		**3.380.571.800**	**5.384.309.350**

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	27.453.074.929	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.874.700.782	2.375.535.228
Công ty TNHH Big Cat	2.466.893.498	-
Công ty TNHH 1Production	1.402.500.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.154.383.491	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.130	523.907.131
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	346.772.026	
Công ty TNHH 1Talents	315.700.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	219.067.555	387.340.148
Công ty Cổ phần 1Game	187.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	123.200.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	-	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	22.360.890.688
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	6.467.782.550
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	408.922.194
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	312.731.367
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	-	90.000.000
TỔNG CỘNG	**38.067.199.411**	**86.538.444.797**
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Up	10.185.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần 1Game	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	36.118.500.000
Công ty Cổ phần Tera Group	-	23.730.000.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	9.090.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	500.000.000
TỔNG CỘNG	**14.361.000.000**	**95.142.336.000**
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	14.500.000.000	-

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty Cổ phần 1Game	3.015.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Care	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH 1Production	480.000.000	1.735.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	400.000.000	3.680.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	3.309.688.358
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	3.136.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	-	2.126.000.000
TỔNG CỘNG	**4.825.000.000**	**16.366.688.358**
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH 1Production	20.821.428.023	59.709.040
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	2.268.000.000	37.964.381
Công ty Cổ phần 1Game	233.017.516	33.410.819
Công ty TNHH Yeah1 Up	160.159.929	264.884.189
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	114.071.830	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	107.634.948	34.330.560
Bà Lê Phương Thảo	88.350.034	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	20.165.753	-
Ông Chế Đoàn Viên	6.522.276	6.522.276
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	5.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	4.384.109	208.163.761
Công ty TNHH Big Cat	1.610.958	1.610.959
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	215.753	215.753
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	27.109.745.263
Công ty TNHH STV Production	-	7.773.261.957
Ông Đào Phúc Trí	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	3.323.051.162
Công ty Cổ phần Tera Group	-	689.243.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	658.136.912
Công ty Cổ phần Finbase	-	422.336.624
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	359.243.836
TỔNG CỘNG	**23.830.561.129**	**46.309.738.631**

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH 1Production	18.267.580.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	4.239.310.835	-
Công ty TNHH Big Cat	322.596.003	2.270.759.876
Công ty Cổ phần 1Label	147.708.709	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	110.192.009	-
Công ty TNHH STV Production	-	41.866.666.668
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	19.395.000.000
TỔNG CỘNG	**23.087.387.556**	**63.532.426.544**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.423.513.425	-
Công ty Cổ phần 1Label	215.800.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	21.310.867.823
Công ty TNHH Big Cat	-	3.306.097.320
TỔNG CỘNG	**4.639.313.425**	**24.616.965.143**
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	11.161.644	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.357.123	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	604.110	172.603
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	1.967.531.800
TỔNG CỘNG	**15.122.877**	**1.967.704.403**

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Công ty TNHH 1Production	24.964.262.732	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.960.245.107	4.660.274
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	826.012.645	9.315.164
Công ty Cổ phần 1Label	765.608.205	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	321.777.045	13.705.730
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	139.654.570	2.627.159.124
Công ty TNHH Vietnam Music Award	96.571.231	-
Công ty TNHH TingTing Network	51.393.907	7.364.383
Công ty TNHH 1Talents	20.453.423	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	15.320.548	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	63.661.644
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	-	192.242.316
Công ty TNHH STV Production	-	3.078.082
TỔNG CỘNG	**33.169.199.205**	**2.921.186.717**
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	4.189.000.000	5.950.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.020.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.500.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	1.100.000.000	-
Công ty TNHH TingTing Network	605.000.000	300.000.000
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	2.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	-
TỔNG CỘNG	**13.454.000.000**	**8.750.000.000**

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Vay dài hạn (Thuyết minh 17(b))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	12.050.000.000	-
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	54.603.842.260
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	342.808.874
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	-	1.919.268.183
TỔNG CỘNG	**12.050.000.000**	**56.865.919.317**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 10 năm 2024.

Lưu Anh Khoa Người lập	Nguyễn Thị Khánh Trang Kế toán trưởng	Chế Đoàn Viên Phó Tổng Giám đốc Ngày 25 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
	Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
	Ông Kim Min Soo	Thành viên
	Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
	Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
	Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
	Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
	Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đoàn Viên được bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền kí báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan theo Giấy Ủy Quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024	
Trụ sở chính	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 3 đến trang 55. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2024 VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.230.791.218.278**	**947.639.699.363**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**4**	**16.748.532.915**	**8.461.339.357**
111	Tiền		16.748.532.915	4.261.339.357
112	Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**230.000.000**	**230.000.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.132.569.610.483**	**845.395.421.575**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	320.344.513.844	239.558.303.914
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	343.993.016.060	80.957.663.203
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8(a)	311.764.900.044	266.334.265.625
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	244.143.425.410	340.356.202.385
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(87.676.244.875)	(81.811.013.552)
140	**Hàng tồn kho**	**11**	**53.682.386.266**	**29.168.608.393**
141	Hàng tồn kho		88.013.570.313	63.724.327.379
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.331.184.047)	(34.555.718.986)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**27.560.688.614**	**64.384.330.038**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	12(a)	6.865.325.307	50.416.954.766
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	17	18.375.878.722	13.954.750.488
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.319.484.585	12.624.784

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2024 VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.192.285.230.469**	**912.758.343.006**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**472.250.683.853**	**389.469.485.495**
215	Phải thu về cho vay dài hạn	8(b)	104.018.575.396	44.329.575.396
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	368.232.108.457	345.139.910.099
220	**Tài sản cố định**		**177.184.794.519**	**86.305.316.088**
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	7.543.383.033	1.324.037.529
222	Nguyên giá		14.494.295.824	14.438.805.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.950.912.791)	(13.114.768.281)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	169.641.411.486	84.981.278.559
228	Nguyên giá		212.116.679.331	102.179.503.617
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(42.475.267.845)	(17.198.225.058)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**16.920.578.873**	**13.367.018.518**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		16.920.578.873	13.367.018.518
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**138.800.985.158**	**383.408.540.098**
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(a)	104.915.439.372	348.572.994.312
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	45.052.910.277	46.002.910.277
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**387.128.188.066**	**40.207.982.807**
261	Chi phí trả trước dài hạn	12(b)	86.425.834.741	1.484.504.008
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.694.285.714	7.895.844.762
269	Lợi thế thương mại	14	297.008.067.611	30.827.634.037
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**2.423.076.448.747**	**1.860.398.042.369**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2024 VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**988.370.218.475**	**477.098.903.310**
310	**Nợ ngắn hạn**		**927.123.641.320**	**408.623.646.511**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	15	166.366.273.176	98.153.102.705
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	16.645.470.682	29.155.365.881
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	48.765.440.726	32.330.181.730
314	Phải trả người lao động		9.962.442.179	5.107.804.827
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	18	41.935.390.293	27.448.675.197
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		9.996.856.650	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	19	131.913.835.766	45.075.825.259
320	Vay ngắn hạn	20(a)	498.686.814.040	171.352.690.912
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.851.117.808	-
330	**Nợ dài hạn**		**61.246.577.155**	**68.475.256.799**
338	Vay dài hạn	20(b)	32.214.757.896	39.014.432.856
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		29.031.819.259	29.460.823.943
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.434.706.230.272**	**1.383.299.139.059**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**1.434.706.230.272**	**1.383.299.139.059**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21,22	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.370.014.540.000*	*1.313.532.640.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	140.518.254	140.518.254
418	Quỹ đầu tư phát triển		10.913.360.672	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	4.129.032.828	57.414.341.843
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*932.441.843*	*30.555.633.680*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*3.196.590.985*	*26.858.708.163*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	49.508.778.518	12.211.638.962
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**2.423.076.448.747**	**1.860.398.042.369**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số		Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**345.034.035.848**	**111.509.776.815**	**629.070.500.818**	**254.804.111.290**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	(1.337.689.458)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25**	**345.034.035.848**	**111.509.776.815**	**629.070.500.818**	**253.466.421.832**
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(265.879.426.987)	(89.559.836.123)	(518.264.651.381)	(197.013.089.652)
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**79.154.608.861**	**21.949.940.692**	**110.805.849.437**	**56.453.332.180**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	24.509.238.436	10.763.981.555	101.500.869.707	31.818.836.799
22	Chi phí tài chính	28	(9.718.769.139)	(7.105.559.421)	(20.475.662.043)	(17.334.709.843)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(8.044.891.313)*	*(6.895.386.329)*	*(16.351.470.034)*	*(16.943.458.729)*
24	Phần lỗ trong công ty liên kết		(11.390.634.698)	(3.486.648.015)	(14.130.737.107)	(3.802.102.065)
25	Chi phí bán hàng	29	(7.083.564.942)	(4.056.522.842)	(16.635.904.643)	(12.265.806.072)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(39.384.437.102)	(15.411.356.745)	(97.313.084.574)	(42.240.337.935)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**36.086.441.416**	**2.653.835.224**	**63.751.330.777**	**12.629.213.064**
31	Thu nhập khác		1.403.477	605.464.451	43.743.109	1.085.664.451
32	Chi phí khác		(2.077.959.173)	(48.038.504)	(4.271.615.521)	(5.293.582.697)
40	**Lỗ khác**	**31**	**(2.076.555.696)**	**557.425.947**	**(4.227.872.412)**	**(4.207.918.246)**

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30.09.2023 VND
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**34.009.885.720**	**3.211.261.171**	**59.523.458.365**	**8.421.294.818**
51	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	32	434.455.909	-	-	3.929.753.635
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	(147.888.889)	-	(3.772.554.364)	-
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**34.296.452.740**	**3.211.261.171**	**55.750.904.001**	**12.351.048.453**
	Phân bổ cho					
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		26.075.448.752	6.127.106.507	55.210.518.517	16.096.701.210
62	Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		8.221.003.988	(2.915.845.336)	540.385.484	(3.745.652.757)
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**23(a)**	**190**	**62**	**403**	**230**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**23(b)**	**190**	**62**	**403**	**230**

Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**59.523.458.365**	**8.421.294.818**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại		31.536.317.622	7.154.269.631
03	Các khoản dự phòng		5.640.696.384	(28.459.683.869)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.412.396.791)	(13.003.587.555)
06	Chi phí lãi vay	27	16.351.470.034	16.943.458.729
08	**Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**105.639.545.614**	**(8.944.248.246)**
09	Tăng các khoản phải thu		(302.872.792.439)	(239.191.883.154)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(24.289.242.934)	19.692.180.157
11	Tăng các khoản phải trả		147.154.288.191	140.663.514.752
12	Tăng chi phí trả trước		(41.389.701.274)	(12.769.102.236)
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.944.334.011)	(14.543.993.920)
15	Thuế TNDN đã nộp		(65.736.084)	(7.300.000.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(127.767.972.937)**	**(122.393.532.647)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(56.689.425.275)	(69.355.287.528)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		35.307.455	1.084.472.728
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		(157.925.336.689)	(200.249.624.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		86.828.890.628	108.627.156.127
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(216.335.070.000)	(343.361.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		99.144.000.000	37.231.370.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.135.981.445	18.649.552.023
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(219.805.652.436)**	**(447.373.610.650)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	450.000.000.000
33	Tiền thu từ vay		497.287.515.301	461.569.657.664
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(141.426.696.370)	(358.582.296.808)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**355.860.818.931**	**552.987.360.856**
50	**Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ**		**8.287.193.558**	**(16.779.782.441)**
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	4	**8.461.339.357**	**26.473.013.864**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	4	**16.748.532.915**	**9.693.231.423**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
		Ngày 25 tháng 10 năm 2024

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác..

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Tập đoàn có 315 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 193 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Tập đoàn có 23 công ty con và 5 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 18 công ty con và 8 công ty liên kết) được trình bày như sau:

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
I	**Công ty con trực tiếp**						
1	Công ty Cổ phần Giải trí Ana	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00	99,00	99,00	99,00
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98	99,98	99,98	99,98
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ, bán buôn	99,99	99,99	99,99	99,99
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00	100,00	100,00	100,00
5	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	50,98	50,98	50,98
6	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	51,00	51,00	51,00
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99	100,00	99,99	100,00
8	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	100,00	100,00	100,00
9	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	100,00	100,00	100,00
10	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	100,00	100,00	100,00
11	Công ty Cổ phần 1Label	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	51,00	-	-
12	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	69,00	35,00	35,00
13	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	69,55	39,51	39,55
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	67,00	67,00
15	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	95,00	95,00
16	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	70,00	70,00
17	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	51,00
18	Công ty TNHH STVProduction	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	100,00	100,00

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
II	**Công ty con gián tiếp**						
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	51,00	51,00	51,00	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	59,00	59,00	59,00	59,00
3	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	100,00	35,00	35,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	32,90	32,90
5	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	20,15	20,15
6	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	39,51	39,51
7	Công ty TNHH Ting Ting Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	39,51	39,51
8	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	69,55	100,00	39,51	39,51
9	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	31,61	31,61
10	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	23,69	23,69
11	Công ty TNHH MTV Style TV	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	100,00
III	**Công ty liên kết**						
1	Công ty Cổ phần Zmedia	TP. Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	25,00	25,00	25,00	25,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	50,00	50,00	50,00	50,00
3	Công ty Cổ phần Eco Consumer	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	50,00	50,00	49,99	50,00
4	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	40,00	40,00	-	-
5	Công ty Cổ phần 1Social	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	49,00	49,00	-	-
6	Công ty Cổ phần Công nghệ Ting Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ thông tin	-	-	20,00	20,00
7	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	39,51	39,55
8	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	35,00	35,00
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, sản xuất phim và các dịch vụ liên quan	-	-	13,40	20,00
10	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính	-	-	17,96	35,21

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh giữa niên độ như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ 9 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty và các công ty con còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Khi hợp nhất giữa niên độ báo cáo tài chính hợp nhất, nếu báo cáo tài chính của các công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty, Công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con sang đồng tiền báo cáo của Công ty theo nguyên tắc sau:

- Tài sản, nợ phải trả, và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- LNST/(lỗ lũy kế) chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát". Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toán bộ cho Công ty;

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất giữa niên độ chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất giữa niên độ.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất giữa niên độ phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán ghi nhận tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Thuyết minh 2.5).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đến ngày tới hạn thu hồi.

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	10% – 17%/năm
Phần mềm máy tính, nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

TSCĐ khác	10% – 20%/năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn phát hành và được mua lại bởi chính Tập đoàn, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế): phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập nhằm chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và khen thưởng cán bộ, công nhân viên.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí làm nội dung quảng cáo, chi phí sản xuất chương trình, chi phí thuê đường truyền phát sóng, chi phí truyền thông, chi phí hợp tác chia sẻ hoạt động quảng cáo, các chi phí khác và được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay; chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá tình quản lý chung của Tập đoàn.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

2.31 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.31 Ước tính kế toán (tiếp theo)

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 5);
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 10);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

3.1 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Qua đó, STV không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

3.2 Thành lập mới Công ty Cổ phần 1Label

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn ban hành quyết định số 81/2403/QĐ/CTHĐQT/YEG thông qua việc góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") với vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Label trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn với tỉ lệ sở hữu 51,00%.

3.3 Thành lập mới Công ty Cổ phần 1Social

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn ban hành quyết định số 196/2404/QĐ/CSH/YEG thông qua việc Công ty TNHH 1Talents góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Social ("1Social") với vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Social trở thành công ty liên kết của Tập đoàn với tỉ lệ sở hữu 49,00%.

3.4 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần, tương ứng với 16% cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink") theo Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT, qua đó nâng tổng tỉ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 51,00%. Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam cũng trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn kể từ ngày này.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn cũng đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 45.360 cổ phần, tương ứng với 18% cổ phần Netlink, qua đó nâng tổng tỉ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 69,00%.

3.5 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ, Công ty Cổ phần YAG Entertainment và Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ, Công ty Cổ phần YAG Entertainment và Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam. Tính đến ngày 28 tháng 06 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại các công ty con này, qua đó các công ty này không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này

3.6 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty: Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí ANA, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, thời gian thực hiện trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Tập đoàn

3.7 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigial

Vào ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigial ("Y1D") theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG, qua đó nâng tổng tỉ lệ sở hữu tại Y1D lên thành 69,55%. Công ty Cổ phần Yeah1 Edigial cùng với các công ty con trực thuộc bao gồm:

- Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số ;
- Công ty TNHH Ting Ting Network ;
- Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+ ;
- Công ty TNHH Big Cat ;
- Công ty Cổ phần Tstudio; và
- Công ty TNHH Việt Nam Music Award

cũng trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.694.682.528	4.261.339.357
Tiền mặt	53.850.387	-
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	**16.748.532.915**	**8.461.339.357**

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tên công ty	Tại ngày 30.09.2024					Tại ngày 31.12.2023				
		Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	49,99	50,00	88.919.324.504	(*)	-	49,99	50,00	89.353.769.880	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Zmedia	24,99	25,00	13.506.114.868	(*)	-	24,99	25,00	13.883.969.991	(*)	-
3	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	-	-	-		-
4	Công ty Cổ phần 1Social	49,00	49,00	490.000.000	(*)	-	-	-	-		-
5	Công ty Cổ phần Eco Comsumer	49,99	49,99	-	(*)	-	49,99	49,99	-	(*)	-
6	Công ty Cổ phần Công nghệ Ting Việt Nam	-	-	-		-	20,00	20,00	-	(*)	-
7	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	-	-		-	39,50	39,50	142.861.793.064	(*)	-
8	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	-	-		-	35,00	35,00	102.348.970.294	(*)	-
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	-	-	-		-	13,40	20,00	-	(*)	-
10	Công ty Cổ phần Sóng Toàn Cầu	-	-	-		-	17,96	35,21	124.491.083	(*)	-
	TỔNG CỘNG			**104.915.439.372**					**348.572.994.312**		

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	348.572.994.312	132.247.514.642
Đầu tư tăng thêm trong kỳ/năm	2.490.000.000	248.516.720.000
Giảm do thoái vốn trong kỳ	(124.491.083)	-
Lỗ từ các công ty liên kết	(14.130.737.107)	(4.853.955.053)
Chuyển từ công ty liên kết thành công ty con/đầu tư khác	(231.892.326.750)	(27.337.285.277)
Số dư cuối kỳ/năm	**104.915.439.372**	**348.572.994.312**

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30.09.2024					31.12.2023				
			Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
			%	%	VND	VND	VND	%	%	VND	VND	VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí 100D (*)	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	30,00	30,00	21.253.734.206	(**)	-	30,00	30,00	21.253.734.206	(**)	-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(**)	(1.551.739.491)	18,00	18,00	8.100.000.000	(**)	(1.551.739.491)
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife (*)	Dịch vụ giải pháp số	35,00	35,00	6.083.551.071	(**)	-	35,00	35,00	6.083.551.071	(**)	-
4	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(**)	(6.000.000.000)	4,40	4,40	6.000.000.000	(**)	(6.000.000.000)
5	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(**)	(1.858.000.000)	15,00	15,00	1.858.000.000	(**)	(1.858.000.000)
6	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(**)	(1.757.625.000)	10,00	10,00	1.757.625.000	(**)	(1.757.625.000)
7	Công ty Cổ phần Tera Group	Lập trình máy tính	-	-	-		-	19,00	19,00	950.000.000	(**)	-
					45.052.910.277		(11.167.364.491)			46.002.910.277		(11.167.364.491)

(*) Vào ngày 20 tháng 11 năm 2023, Công ty cam kết chuyển nhượng 30% cổ phần tại Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ ("100 Độ") và 35% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife ("Kolorlife") với tổng giá chuyển nhượng là 28.000.000.000 VND, theo Biên bản ghi nhớ số 2011/2023/CARE/BBGN cùng ngày và phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 3112B/2020/YEG/QĐ-CTHĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, khoản đầu tư vào 100 Độ và Kolorlife được phân loại lại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty khác kể từ ngày này.

(**) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	312.781.824.990	121.340.076.166
Google Asia Pacific Pte. Ltd	*82.812.304.071*	-
Công ty Cổ phần Tera Group	*28.305.101.105*	-
Công ty TNHH BanMedia	*20.097.907.390*	*26.327.695.034*
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	*13.939.220.078*	*13.939.220.078*
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	*7.087.640.621*	-
Khác	*160.539.651.725*	*81.073.161.054*
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	7.562.688.854	118.218.227.748
TỔNG CỘNG	**320.344.513.844**	**239.558.303.914**
Dự phòng phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 10)	(33.572.916.117)	(26.716.111.468)
GIÁ TRỊ THUẦN	**286.771.597.727**	**212.842.192.446**

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	204.693.016.060	66.432.913.203
Công ty Cổ phần Tera Group	*131.760.000.000*	-
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	*48.126.704.193*	*48.126.704.193*
Something Big SAS	*8.160.450.000*	*8.160.450.000*
Khác	*16.645.861.867*	*10.145.759.010*
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	139.300.000.000	14.524.750.000
TỔNG CỘNG	**343.993.016.060**	**80.957.663.203**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)	(18.524.575.338)	(18.449.320.801)
GIÁ TRỊ THUẦN	**325.468.440.722**	**62.508.342.402**

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	309.088.900.044	197.330.431.925
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	*114.106.821.919*	*119.000.000.000*
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	*59.045.500.000*	-
Công ty Cổ phần Tera Group	*52.797.000.000*	-
Ông Trần Minh Việt	*39.360.311.001*	*45.960.311.001*
Khác	*43.779.267.124*	*32.370.120.924*
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.676.000.000	69.003.833.700
TỔNG CỘNG	**311.764.900.044**	**266.334.265.625**

(b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	101.003.575.396	39.429.575.396
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	*54.600.000.000*	-
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	*25.608.000.000*	*23.708.000.000*
Ông Đinh Tấn Danh	*8.550.000.000*	*8.550.000.000*
Khác	*12.245.575.396*	*7.171.575.396*
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	3.015.000.000	4.900.000.000
TỔNG CỘNG	**104.018.575.396**	**44.329.575.396**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

9 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2024 Giá trị VND	31.12.2023 Giá trị VND
Tạm ứng cho nhân viên (*)	88.796.669.178	213.316.402.472
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	75.906.413.793	64.767.165.202
Phải thu từ chuyển nhượng công ty con	10.000.000.000	-
Đặt cọc mua cổ phần	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu lãi vay	12.756.345.152	19.750.861.017
Phải thu thu hộ chương trình	13.335.593.860	-
Phải thu cổ tức	7.213.579.158	7.213.579.158
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	3.277.805.350	1.701.978.525
Khác	2.857.018.919	3.606.216.011
TỔNG CỘNG	**244.143.425.410**	**340.356.202.385**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 10)	(35.502.753.420)	(36.569.581.283)
GIÁ TRỊ THUẦN	**208.640.671.990**	**303.786.621.102**
Trong đó:		
Bên thứ ba	243.553.564.596	331.733.424.154
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	589.860.814	8.622.778.231

(*) Đây là các khoản tạm ứng nhân viên chủ yếu liên quan đến việc thực hiện các dự án sản xuất nội dung truyền hình và nội dung số trên nền tảng internet.

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	30.09.2024 Giá trị VND	31.12.2023 Giá trị VND
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	338.533.000.000	338.533.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng công ty con	24.000.000.000	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	4.478.710.925	6.606.910.099
Phải thu lãi vay dài hạn	1.220.397.532	-
TỔNG CỘNG	**368.232.108.457**	**345.139.910.099**
Dự phòng phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 10)	(76.000.000)	(76.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**368.156.108.457**	**345.063.910.099**
Trong đó:		
Bên thứ ba	368.222.442.701	345.139.910.099
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	9.665.756	-

(*) Chi tiết số dư tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Công ty Cổ Phần Unicorn Venture (i)	199.875.000.000	199.875.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí TKK (ii)	138.658.000.000	138.658.000.000
	338.533.000.000	338.533.000.000

(i) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

(ii) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư xây dựng phim trường. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

10 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.09.2024			31.12.2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc (*)	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**46.596.717.729**	**13.023.801.612**	**(33.572.916.117)**	**34.152.349.427**	**7.436.237.959**	**(26.716.111.468)**
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)
Khác	25.925.505.927	8.842.035.589	(17.083.470.338)	13.481.137.625	3.254.471.936	(10.226.665.689)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**59.997.870.077**	**41.473.294.739**	**(18.524.575.338)**	**59.987.391.076**	**41.538.070.275**	**(18.449.320.801)**
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)
Something Big SAS	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Khác	3.710.715.884	847.534.516	(2.863.181.368)	3.700.236.883	912.310.052	(2.787.926.831)
Phải thu ngắn hạn khác	**42.398.174.245**	**6.895.420.825**	**(35.502.753.420)**	**37.971.671.390**	**1.402.090.107**	**(36.569.581.283)**
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty TNHH Travellet Tech Việt Nam	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Khác	14.678.174.245	6.895.420.825	(7.782.753.420)	10.251.671.390	1.402.090.107	(8.849.581.283)
Phải thu dài hạn khác	**76.000.000**	**-**	**(76.000.000)**	**76.000.000**	**-**	**(76.000.000)**
CÔNG TY TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn Villaja	76.000.000	-	(76.000.000)	76.000.000	-	(76.000.000)
TỔNG CỘNG	**149.068.762.051**	**61.392.517.176**	**(87.676.244.875)**	**132.187.411.893**	**50.376.398.341**	**(81.811.013.552)**

(*) Giá gốc, giá trị có thể thu hồi và dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh phân loại lại cho phù hợp theo bản chất giao dịch và mục đích so sánh số liệu.

11 HÀNG TỒN KHO

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Hàng hóa	35.149.240.017	35.698.707.333
Chương trình	52.864.330.296	28.025.620.046
TỔNG CỘNG	**88.013.570.313**	**63.724.327.379**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.331.184.047)	(34.555.718.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	**53.682.386.266**	**29.168.608.393**

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Số đầu kỳ	34.555.718.986	59.956.019.873
Hoàn nhập dự phòng	(224.534.939)	(25.400.300.887)
Số cuối kỳ	**34.331.184.047**	**34.555.718.986**

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Công cụ, dụng cụ	215.452.054	608.505.819
Chương trình	-	48.828.389.284
Khác	6.649.873.253	980.059.663
TỔNG CỘNG	**6.865.325.307**	**50.416.954.766**

(b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chương trình nội dung	62.886.337.423	-
Chi phí cải tạo văn phòng	18.399.099.359	411.547.424
Công cụ, dụng cụ	2.711.595.579	669.341.309
Khác	2.428.802.380	403.615.275
TỔNG CỘNG	**86.425.834.741**	**1.484.504.008**

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	**14.438.805.810**
Mua trong năm	-	2.107.615.067	-	-	**2.107.615.067**
Tăng do hợp nhất	-	9.086.165.598	181.818.182	-	**9.267.983.780**
Giảm do thoái vốn công ty con	(1.723.883.210)	(8.077.102.850)	(934.577.865)	(584.544.908)	**(11.320.108.833)**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	-	12.511.283.098	1.783.909.091	199.103.635	**14.494.295.824**
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	**(13.114.768.281)**
Khấu hao trong năm	-	(332.223.529)	(10.096.970)	-	**(342.320.499)**
Tăng do hợp nhất	-	(3.849.654.288)	(181.818.182)	-	**(4.031.472.470)**
Giảm do thoái vốn công ty con	1.723.883.210	7.816.167.908	491.391.837	506.205.504	**10.537.648.459**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	-	(5.472.084.975)	(1.321.634.648)	(157.193.168)	**(6.950.912.791)**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	**1.324.037.529**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	-	7.039.198.123	462.274.443	41.910.467	**7.543.383.033**

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Bản quyền nội dung VND	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	**102.179.503.617**
Mua trong năm	54.581.810.208	-	-	**54.581.810.208**
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(1.112.648.000)	-	**(1.112.648.000)**
Tăng do đầu tư công ty con	48.300.545.506	8.167.468.000	-	**56.468.013.506**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	185.710.935.791	23.219.778.910	3.185.964.630	**212.116.679.331**
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(6.356.744.916)	(9.600.796.611)	(1.240.683.531)	**(17.198.225.058)**
Khấu hao trong năm	(18.671.401.391)	(1.424.550.898)	(142.836.654)	**(20.238.788.943)**
Giảm do thoái vốn công ty con	-	504.313.396	-	**504.313.396**
Tăng do đầu tư công ty con	(3.778.210.917)	(1.764.356.323)	-	**(5.542.567.240)**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	(28.806.357.224)	(12.285.390.436)	(1.383.520.185)	**(42.475.267.845)**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	**84.981.278.559**
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	156.904.578.567	10.934.388.474	1.802.444.445	**169.641.411.486**

14 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Biến động về lợi thế thương mại trong kỳ/năm như sau:

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	30.827.634.037	70.954.414.512
Phân bổ trong kỳ/năm	(10.955.208.180)	(3.626.780.475)
Tăng do mua công ty con	307.056.580.673	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(29.920.938.919)	-
Giảm do điều chỉnh giá mua	-	(36.500.000.000)
Số dư cuối kỳ/năm	**297.008.067.611**	**30.827.634.037**

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	156.277.172.807	89.696.946.327
NMP Network Corporation	*37.046.110.784*	-
JF Global LLC	*29.402.421.066*	-
Công ty TNHH STV Production	*20.576.400.002*	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	*16.515.984.079*	*16.515.984.079*
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	-	*36.237.031.394*
Khác	*52.736.256.876*	*36.943.930.854*
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	10.089.100.369	8.456.156.378
TỔNG CỘNG	**166.366.273.176**	**98.153.102.705**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	16.645.470.682	4.401.307.337
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	*6.349.275.121*	-
Khác	*10.296.195.561*	*4.401.307.337*
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	*24.754.058.544*
TỔNG CỘNG	**16.645.470.682**	**29.155.365.881**

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2024	Tăng trong kỳ	Tăng do hợp nhất công ty con	Giảm trong kỳ	Giảm do thoái vốn công ty con	Tại ngày 30.09.2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	13.954.750.488	38.893.330.015	3.656.513.656	(31.785.162.533)	(6.343.552.904)	18.375.878.722
Thuế khác	12.624.784	1.421.750.716	1.156.579.878	(219.609.490)	(51.861.303)	2.319.484.585
TỔNG CỘNG	**13.967.375.272**	**40.315.080.731**	**4.813.093.534**	**(32.004.772.023)**	**(6.395.414.207)**	**20.695.363.307**
(b) Phải nộp						
Thuế TNDN	14.427.238.053	-	967.585.051	(65.736.084)	-	15.329.087.020
Thuế thu nhập cá nhân	5.121.405.998	14.042.855.975	2.906.534.278	(10.828.909.227)	(1.910.350.194)	9.331.536.830
Thuế GTGT	3.837.244.586	46.473.192.680	2.996.006.217	(39.601.743.127)	(1.023.124.716)	12.681.575.640
Thuế nhà thầu và thuế khác	8.944.293.093	2.392.061.592	1.347.210.068	(1.025.717.430)	(234.606.087)	11.423.241.236
TỔNG CỘNG	**32.330.181.730**	**62.908.110.247**	**8.217.335.614**	**(51.522.105.868)**	**(3.168.080.997)**	**48.765.440.726**

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	26.748.416.848	10.379.620.700
Lãi chậm nộp thuế	6.532.663.523	5.298.545.646
Chi phí lãi vay	6.108.077.462	5.373.836.077
Lương và thưởng cho nhân viên	628.197.619	2.030.064.776
Khác	1.918.034.841	4.366.607.998
TỔNG CỘNG	**41.935.390.293**	**27.448.675.197**
Trong đó:		
Bên thứ ba	41.584.732.759	25.392.030.349
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	350.657.534	2.056.644.848

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	89.999.000.000	-
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Chi phí lãi vay	5.863.750.020	595.359.039
Khác	4.551.085.746	12.980.466.220
TỔNG CỘNG	**131.913.835.766**	**45.075.825.259**
Trong đó:		
Bên thứ ba	129.906.210.560	42.498.844.217
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.007.625.206	2.576.981.042

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

20 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Vay trong kỳ VND	Trả nợ vay trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Điều chỉnh do thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con VND	Tại ngày 30.09.2024 VND	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
Vay ngân hàng	**97.541.957.821**	**208.289.943.648**	**(101.913.938.774)**	**13.009.807.218**	**(2.389.014.964)**	**214.538.754.949**		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*95.781.108.821*	*203.454.000.000*	*(97.185.170.126)*	*13.009.807.218*	*(2.389.014.964)*	*212.670.730.949*	*8,2%*	*Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 28/02/2025*
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TPHCM	*1.760.849.000*	*4.835.943.648*	*(4.728.768.648)*	-	-	*1.868.024.000*	*11,5%*	*Ngày 28/09/2024*
Vay cá nhân	**27.859.909.091**	**248.952.150.000**	**(16.569.000.000)**	-	**(24.985.000.000)**	**235.258.059.091**		
Bà Vũ Thị Tuyết Vân	*800.000.000*	*119.447.080.000*	*(3.100.000.000)*	-	-	*117.147.080.000*	*8,0%*	*Từ ngày 24/04/2025 đến ngày 07/08/2025*
Ông Võ Xuân Huy	-	*55.590.000.000*	-	-	-	*55.590.000.000*	*8,0%*	*Ngày 07/08/2025*
Bà Nguyễn Hải Tường Vi	-	*54.743.070.000*	-	-	-	*54.743.070.000*	*8,0%*	*Ngày 07/08/2025*
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	*11.314.000.000*	*13.787.000.000*	*(10.969.000.000)*	-	*(8.000.000.000)*	*6.132.000.000*	*10,5%-11%*	*Từ ngày 04/01/2025 đến ngày 07/06/2025*
Ông Trần Thanh Tân	*1.117.909.091*	-	-	-	-	*1.117.909.091*	*8,0%*	*Ngày 20/04/2025*
Ông Trần Minh Việt	*528.000.000*	-	-	-	-	*528.000.000*	*6,0%*	*Ngày 06/04/2025*
Ông Lưu Anh Khoa	-	*5.385.000.000*	-	-	*(5.385.000.000)*	-		
Ông Lê Đình Trọng	*10.100.000.000*	-	-	-	*(10.100.000.000)*	-		
Ông Nguyễn Minh Đức	*2.000.000.000*	-	*(500.000.000)*	-	*(1.500.000.000)*	-		
Bà Vũ Thị Ngọc Trinh	*2.000.000.000*	-	*(2.000.000.000)*	-	-	-		
Vay các tổ chức khác	**34.200.824.000**	**7.730.000.000**	**(8.460.824.000)**	-	**13.430.000.000**	**46.900.000.000**		
Công ty TNHH Phân phối NKG Quốc tế	*30.000.000.000*	-	-	-	-	*30.000.000.000*	-	*Thỏa thuận*
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	-	-	-	-	*10.530.000.000*	*10.530.000.000*	*8,0%*	*Ngày 01/01/2025*
Công ty Cổ phần Finbase	-	-	-	-	*3.200.000.000*	*3.200.000.000*	*8,0%*	*Ngày 11/09/2025*
Công ty TNHH BanMedia	*2.560.824.000*	*7.730.000.000*	*(8.460.824.000)*	-	*(300.000.000)*	*1.530.000.000*	*10,5%*	*Từ ngày 10/05/2025 đến 14/06/2025*
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC Việt Nam	*1.640.000.000*	-	-	-	-	*1.640.000.000*	*10,5%*	*Ngày 24/09/2024*

20 VAY (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

	Tại ngày 1.1.2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	Điều chỉnh do thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con	Tại ngày 30.09.2024	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Vay bên liên quan	**11.750.000.000**	**21.270.000.000**	**(8.900.000.000)**	**171.623.982**	**(22.301.623.982)**	**1.990.000.000**		
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	*1.900.000.000*	*(400.000.000)*	-	-	*1.500.000.000*	*12,0%*	*Ngày 13/12/2024*
Công ty Cổ phần 1Social	-	*490.000.000*	-	-	-	*490.000.000*	*8,0%*	*Ngày 22/07/2025*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	*5.950.000.000*	*15.080.000.000*	*(5.990.000.000)*	*171.623.982*	*(15.211.623.982)*	-		
Công ty TNHH Vietnam Music Award	*200.000.000*	*2.100.000.000*	*(260.000.000)*	-	*(2.040.000.000)*	-		
Công ty TNHH TingTing Network	*300.000.000*	*400.000.000*	-	-	*(700.000.000)*	-		
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	*1.300.000.000*	*(1.100.000.000)*	-	*(200.000.000)*	-		
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	*5.300.000.000*	-	*(1.150.000.000)*	-	*(4.150.000.000)*	-		
TỔNG CỘNG	**171.352.690.912**	**486.242.093.648**	**(135.843.762.774)**	**13.181.431.200**	**(36.245.638.946)**	**498.686.814.040**		

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	Điều chỉnh do thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con	Tại ngày 30.09.2024	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	**37.500.000.000**	**9.029.421.653**	**(3.320.856.539)**	**(13.009.807.218)**	-	**30.198.757.896**		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*37.500.000.000*	*9.029.421.653*	*(3.320.856.539)*	*(13.009.807.218)*	-	*30.198.757.896*	*11,0%*	*Ngày 15/08/2028*
Vay cá nhân	-	**2.016.000.000**	-	-	-	**2.016.000.000**		
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	-	*2.016.000.000*	-	-	-	*2.016.000.000*	*8,0%*	*Ngày 26/03/2028*
Vay các tổ chức khác	-	-	**(1.919.268.183)**	-	**1.919.268.183**	-		
Công Ty Cổ Phần AppNews Việt Nam	-	-	*(1.919.268.183)*	-	*1.919.268.183*	-		
Vay bên liên quan	**1.514.432.856**	-	**(342.808.874)**	**(171.623.982)**	**(1.000.000.000)**	-		
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	*1.000.000.000*	-	-	-	*(1.000.000.000)*	-		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	*171.623.982*	-	-	*(171.623.982)*	-	-		
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	*342.808.874*	-	*(342.808.874)*	-	-	-		
TỔNG CỘNG	**39.014.432.856**	**11.045.421.653**	**(5.582.933.596)**	**(13.181.431.200)**	**919.268.183**	**32.214.757.896**		

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.09.2024 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2023 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	137.001.454	131.353.264

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2024		31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	7.892.748	5,76	7.232.400	5,51
Ông Chế Đoàn Viên	6.833.725	4,99	6.371.400	4,85
Cổ đông khác	122.274.981	89,25	117.749.464	89,64
TỔNG CỘNG	**137.001.454**	**100,00**	**131.353.264**	**100,00**

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	31.279.968	31.279.968	**31.279.968**
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	45.000.000	45.000.000	**45.000.000**
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	55.073.296	55.073.296	**55.073.296**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	131.353.264	131.353.264	**131.353.264**
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	5.648.190	5.648.190	**5.648.190**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024	137.001.454	137.001.454	**137.001.454**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	-	30.555.633.680	12.551.387.798	906.780.179.732
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	450.000.000.000	-	-	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	26.858.708.163	(339.748.836)	26.518.959.327
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	**1.313.532.640.000**	**140.518.254**	**-**	**57.414.341.843**	**12.211.638.962**	**1.383.299.139.059**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	55.210.518.517	540.385.484	55.750.904.001
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (*)	56.481.900.000	-	-	(56.481.900.000)	-	-
Thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con	-	-	10.913.360.672	(52.013.927.532)	36.756.754.072	(4.343.812.787)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	**1.370.014.540.000**	**140.518.254**	**10.913.360.672**	**4.129.032.828**	**49.508.778.518**	**1.434.706.230.272**

(*) Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND (trình bày lại)
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	55.210.518.517	16.096.701.210
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau điều chỉnh (cổ phiếu)	137.001.454	70.014.603 (*)
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	**403**	**230**

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 1.000:722 trong năm 2023 và việc phát hành 5.648.190 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 382.792,23 Đô la Mỹ, 77.013,89 Đô la Singapore và 231,57 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 434,79 Đô la Mỹ và 5,88 Đô la Singapore).

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	560.659.065.607	176.048.979.251
Doanh thu bản quyền nội dung	39.822.919.957	44.737.100.482
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	28.887.745.801	34.018.031.557
	629.369.731.365	**254.804.111.290**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(299.230.547)	(1.337.689.458)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần quảng cáo và tư vấn truyền thông	560.359.835.060	174.711.289.793
Doanh thu thuần bản quyền nội dung	39.822.919.957	44.737.100.482
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	28.887.745.801	34.018.031.557
TỔNG CỘNG	**629.070.500.818**	**253.466.421.832**

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	484.673.563.506	149.996.553.261
Giá vốn bản quyền nội dung	16.051.682.541	40.627.173.207
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	17.539.405.334	31.645.206.083
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	-	(25.255.842.900)
TỔNG CỘNG	**518.264.651.381**	**197.013.089.652**

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.543.133.898	16.805.689.620
Lãi từ việc thoái vốn công ty con	59.602.758.484	-
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	16.624.393.250	-
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	3.730.584.075	22.522.179
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	14.990.625.000
TỔNG CỘNG	**101.500.869.707**	**31.818.836.799**

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí lãi vay	16.351.470.034	16.943.458.729
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	4.124.192.009	1.735.961
Chiết khấu thanh toán	-	389.515.153
TỔNG CỘNG	**20.475.662.043**	**17.334.709.843**

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí nhân viên	12.646.897.342	6.440.773.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.976.454.267	5.434.236.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.406.472	16.495.500
Chi phí khác	1.146.562	374.300.454
TỔNG CỘNG	**16.635.904.643**	**12.265.806.072**

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí nhân viên	30.690.936.356	23.155.848.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.263.528.799	14.070.386.514
Lợi thế thương mại phân bổ	10.955.208.180	5.603.762.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.257.630.672	1.534.011.222
Chi phí khác	44.199.111	118.370.257
(Hoàn nhập)/dự phòng phải thu khó đòi	11.101.581.456	(2.242.040.968)
TỔNG CỘNG	**97.313.084.574**	**42.240.337.935**

31 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	35.307.455	1.084.472.728
Khác	8.435.654	1.191.723
	43.743.109	1.085.664.451
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	1.425.785.366	4.724.420.138
Khác	2.845.830.155	569.162.559
	4.271.615.521	5.293.582.697
Lỗ khác	**(4.227.872.412)**	**(4.207.918.246)**

32 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.523.458.365	8.421.294.818
Thuế tính ở thuế suất 20%	11.904.691.673	1.684.258.964
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	854.323.104	1.017.989.272
Thu nhập không chịu thuế	(9.696.830.699)	873.412.795
Phân bổ lợi thế thương mại	2.191.041.636	1.120.752.582
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(9.828.634.913)	(8.437.271.938)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	8.347.963.563	3.740.858.325
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN (*)	**3.772.554.364**	**(3.929.753.635)**
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thu nhập thuế TNDN - hiện hành	-	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	3.772.554.364	-
Chi phí thuế TNDN	**3.772.554.364**	**(3.929.753.635)**

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	**30.09.2023**
	VND	**VND**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	546.192.562.149	241.773.555.552
Chi phí nhân viên	43.337.833.698	29.596.621.632
Phân bổ lợi thế thương mại	10.955.208.180	5.603.762.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.581.109.442	1.550.506.721
(Hoàn nhập)/Dự phòng phải thu khó đòi	11.101.581.456	(2.242.040.968)
(Hoàn nhập)/Dự phòng hàng tồn kho	-	(25.255.842.900)
Khác	45.345.673	492.670.711
TỔNG CỘNG	**632.213.640.598**	**251.519.233.659**

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Social	Công ty liên kết
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024 Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024) Tổng giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Người liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	Công ty mà người có liên quan của người nội bộ là Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Công ty mà người nội bộ là thành viên HĐQT

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	38.323.181.293	18.992.685.746
	Vay	15.580.000.000	7.400.000.000
	Cho vay	1.800.000.000	17.050.000.000
	Mua dịch vụ	808.316.235	4.168.746.530
	Lãi vay	703.954.262	78.855.301
	Lãi cho vay	217.908.081	463.139.119
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	115.010.959	108.908.219
	Mua dịch vụ	11.505.000	307.626.886
	Cung cấp dịch vụ	-	4.988.559.103
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
	Vay	-	7.700.000.000
Công ty Cổ phần 1Social	Vay	490.000.000	-
	Lãi vay	7.625.206	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Mua dịch vụ	250.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Vay	1.500.000.000	342.808.874
	Lãi cho vay	26.947.526	1.192.452.719
	Cung cấp dịch vụ	21.046.577	5.869.523.810
	Lãi vay	12.446.724	
	Cho vay	-	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	22.860.000.000
	Mua dịch vụ	4.333.333.334	-
	Cung cấp dịch vụ	2.216.523.810	1.758.363.556
	Lãi cho vay	988.325.015	617.639.342
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp dịch vụ	6.309.502.248	755.674.247
	Cho vay	320.000.000	-
	Lãi cho vay	819.863	-
	Mua dịch vụ	-	1.743.196.501
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.465.000.000	730.000.000
	Lãi cho vay	204.871.082	16.719.589
	Cung cấp dịch vụ	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	-	119.671.233
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	14.958.903	44.876.711
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	344.345.056	5.492.165.844

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty TNHH TingTing Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	32.046.577	-
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	1.338.768
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	601.851.852	-
	Mua dịch vụ	147.975.000	-
	Lãi vay	61.204.930	-
	Lãi cho vay	3.509.590	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	324.083.204	250.462.693
	Thu hồi tạm ứng	235.730.160	109.141.043
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	390.379.789	101.994.803
	Thu hồi tạm ứng	276.307.959	-
Ông Chế Đoàn Viên	Thu hồi tạm ứng	345.425.046	9.000.000
	Tạm ứng	345.425.046	9.000.000
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.702.878.573
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.900.000.000	-
	Lãi vay	60.032.875	-

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
TỔNG CỘNG		-	-
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	2.025.000.000	1.500.000.000
Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc	1.055.371.800	708.871.800
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	300.200.000	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	2.549.007.000
Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	502.449.000
Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	123.981.550
TỔNG CỘNG		**3.380.571.800**	**5.384.309.350**

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.731.991.724	6.731.991.724
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	643.697.130	643.697.131
Công ty Cổ phần 1Game	187.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	-	87.902.530.164
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	-	11.770.573.444
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	8.080.206.311
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	999.999.958
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	547.505.377
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Tstudio	-	387.340.148
TỔNG CỘNG	**7.562.688.854**	**118.218.227.748**
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh	139.300.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	24.750.000
TỔNG CỘNG	**139.300.000.000**	**14.524.750.000**
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))		
Công ty Cổ phần 1Game	233.017.516	33.410.819
Công ty Cổ phần Zmedia	147.899.158	147.899.158
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	114.071.830	-
Bà Lê Phương Thảo	88.350.034	-
Ông Chế Đoàn Viên	6.522.276	6.522.276
Ông Đào Phúc Trí	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	-	1.384.252.111
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	-	554.536.312
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	531.123.083
Công ty Cổ phần Finbase	-	422.336.624
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	213.178.763
Công ty TNHH BigCat	-	1.610.959
TỔNG CỘNG	**589.860.814**	**8.622.778.231**

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8(a))		
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	4.286.000.000
Công ty Cổ phần 1Game	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	-	35.736.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	14.859.000.000
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	-	14.122.833.700
TỔNG CỘNG	**2.676.000.000**	**69.003.833.700**
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 8(b))		
Công ty Cổ phần 1Game	3.015.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	3.450.000.000
TỔNG CỘNG	**3.015.000.000**	**4.900.000.000**
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b))		
Công ty Cổ phần 1Game	9.665.756	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bổ Công Anh	4.239.310.835	-
Công ty TNHH BigCat	-	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	222.411.825
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	84.450.744
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	28.744.399
TỔNG CỘNG	**10.089.100.369**	**8.456.156.378**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	21.447.961.224
Công ty TNHH BigCat	-	3.306.097.320
TỔNG CỘNG	**-**	**24.754.058.544**

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 18)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	350.657.534	510.657.534
Công ty TNHH BigCat	-	1.173.700.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	191.788.886
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	119.894.318
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	-	60.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	604.110
TỔNG CỘNG	**350.657.534**	**2.056.644.848**
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 19)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần 1Social	7.625.206	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	-	207.573.065
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	-	183.945.200
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	148.150.685
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	16.241.979
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	13.705.730
Công ty TNHH TingTing Network	-	7.364.383
TỔNG CỘNG	**2.007.625.206**	**2.576.981.042**
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a))		
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần 1Social	490.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	5.950.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	5.300.000.000
Công ty TNHH TingTing Network	-	300.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	200.000.000
TỔNG CỘNG	**1.990.000.000**	**11.750.000.000**
Vay dài hạn (Thuyết minh 20(b))		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	171.623.982
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	342.808.874
TỔNG CỘNG	**-**	**1.514.432.856**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 10 năm 2024.

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1024.2404.../GUQ - YEG	*Tp HCM, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

GIẤY ỦY QUYỀN

- *Căn cứ GCNDKKD số 0304592171 do Sở KH-ĐT Tp. HCM cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;*
- *Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;*
- *Căn cứ quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;*

Tôi, ký tên dưới đây, **NGÔ THỊ VÂN HẠNH,** là Bên ủy quyền, với tư cách là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công ty**"), ủy quyền cho:

Ông	: **CHẾ ĐOÀN VIÊN**
Sinh ngày	: 04/09/1985
CCCD số	: 068085004068 Cấp ngày: 09/01/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Thường trú tại	: 05 Lê Hồng Phong, phường 4, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng
Chức vụ	: Phó Tổng Giám Đốc

("**Bên nhận ủy quyền**")

Bằng giấy ủy quyền này, Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền kí các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan đến các báo cáo tài chính của Công ty với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty.

Bên nhận ủy quyền chỉ được thực hiện công việc trong phạm vi ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo Bên ủy quyền kết quả xử lý công việc trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024 cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Nơi nhận:
- Ông Chế Đoàn Viên;
- Các phòng ban, bộ phận, đơn vị có liên quan;
- Lưu Văn thư.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN Phó Tổng Giám Đốc	BÊN ỦY QUYỀN Đại diện theo pháp luật
CHẾ ĐOÀN VIÊN	NGÔ THỊ VÂN HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05231.7 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày: 13-12-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Vũ Thu Hải

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

TỪ NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 2023
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4.	Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024	7 - 9
5.	Bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024	10 - 11

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 29 ngày 02 tháng 11 năm 2023 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 11 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 29: 762.799.680.000 VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30: 1.313.532.640.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tổng Giám đốc HOSE.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Tầng 7, Toà nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 7300 6071
- Fax : 08 3910 1073

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nghiên cứu thị trường.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	Bầu ngày 21 tháng 12 năm 2022
Ông Kim Min Soo	Thành viên	Bầu ngày 02 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Vương Hồ Chí Dũng	Thành viên	Bầu ngày 02 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc đầu tư	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2023
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc chiến lược	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc công nghệ	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 01 tháng 11 năm 2023:

- Bà Lê Phương Thảo – Chủ tịch HĐQT (bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022);
- Ông Đào Phúc Trí – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 2012).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 02 tháng 11 năm 2023 đến nay:

- Bà Lê Phương Thảo – Chủ tịch HĐQT (bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022);
- Bà Ngô Thị Vân Hạnh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023).

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh uỷ quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo theo Giấy ủy quyền số 102B-2404-GUQ-YEG ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Xây dựng và duy trì các kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ theo các nguyên tắc được trình bày tại thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 5 năm 2024

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Head Office 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttvhn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang Lot STH-06A-01, St. No 13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 0151 kttvnt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho 15-15 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttvct@a-c.com.vn
bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 1.1029/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn") của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 5 năm 2024, từ trang 07 đến trang 11 đính kèm, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập theo cơ sở kế toán như mô tả tại thuyết minh số III.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số III.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như mô tả tại thuyết minh số III.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities.

Cơ sở kế toán và giới hạn về đối tượng nhận Báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn về cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo này chỉ được sử dụng để tổng hợp tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND của Công ty, không mở rộng ra cho toàn bộ Báo cáo tài chính. Báo cáo này được lập để giúp Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước làm cơ sở phát hành, niêm yết cổ phiếu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư. Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng	**Võ Thành Công**
Thành viên Ban Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2023-008-1*
Người được ủy quyền	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Cơ sở phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) được thực hiện theo:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc thông qua Tờ trình số 93/2023/YEG/TT-ĐHĐCĐ của Hội đồng quản trị về phương án chào bán cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc triển khai phương án chào bán riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023.

2. Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 45.000.000 cổ phiếu
- Giá chào bán : 10.000 VND/cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 450.000.000.000 VND
- Phương thức chào bán : Chào bán riêng lẻ
- Hạn chế chuyển nhượng : 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
- Đối tượng phát hành : Là nhà đầu tư chiến lược, các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức có năng lực (bao gồm nhưng không giới hạn người nội bộ và người có liên quan của Công ty) có thể hỗ trợ, đồng hành và hợp tác với Công ty trong quản trị điều hành, quá trình kinh doanh và tăng cạnh tranh trên thị trường đồng thời có cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty tối thiểu 03 năm
- Số lượng nhà đầu tư : 15 nhà đầu tư
- Thời gian thực hiện : Trong năm 2023 sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận
- Mục đích phát hành : Tăng quy mô vốn hoạt động, đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty

- Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm:

STT	Phương án sử dụng	Số tiền (VND)	Thời gian giải ngân dự kiến	Phương thức sử dụng
1	Góp vốn vào Công ty TNHH 1Production theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28/02/2023 (không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)	137.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay

STT	Phương án sử dụng	Số tiền (VND)	Thời gian giải ngân dự kiến	Phương thức sử dụng
2	Góp vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24/02/2023 (không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)	23.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay
3	Bổ sung vốn lưu động	290.000.000.000		
3.1	Thanh toán Hợp đồng cho vay số 48/2302/HĐCV/LG/YEG/NVĐ ngày 03/02/2023	70.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.2	Thanh toán Hợp đồng cho vay số 49/2302/HĐCV/LG/YEG/ĐTD ngày 03/02/2023 và Phụ lục	58.756.250.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.3	Thanh toán Hợp đồng cho vay số 50/2302/HĐCV/LG/YEG/PTH ngày 03/02/2023	103.005.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.4	Thanh toán Hợp đồng cho vay tiền số 1507/2022/YEG/HDV ngày 15/7/2022 và Hợp đồng cho vay tiền số 03/27062022/HDV ngày 27/6/2022 và phụ lục	28.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.5	Vốn lưu động khác	30.238.750.000	Năm 2023 và quý I/2024	Thanh toán bổ sung vốn lưu động
	Cộng	**450.000.000.000**		

3. Thực tế thực hiện

Dựa trên phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong khoảng thời gian từ ngày 11 tháng 9 năm 2023 đến ngày 12 tháng 9 năm 2023. Ngày 12 tháng 9 năm 2023 Công ty đã gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với các thông tin chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối : 45.000.000 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Giá chào bán : 10.000 VND/cổ phiếu
- Tổng số nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu : 15 cá nhân trong nước
- Tổng số tiền thu được : 450.000.000.000 VND
- Tổng chi phí : -
- Tổng thu ròng : 450.000.000.000 VND

Trong đó:

Vốn góp của chủ sở hữu : 450.000.000.000 VND

Thặng dư vốn cổ phần : -

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Ngày 02 tháng 11 năm 2023 Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành thêm cổ phiếu này.

II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ 450.000.000.000 VND đã được Công ty sử dụng như sau:

Mục đích sử dụng	Theo phương án phát hành (VND)	Thực tế sử dụng	
		Số tiền sử dụng (VND)	Thời gian sử dụng
Góp vốn vào Công ty TNHH 1Production	137.000.000.000	137.000.000.000	14/9/2023
Góp vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up	23.000.000.000	23.000.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Ông Nguyễn Văn Đài theo Hợp đồng cho vay số 48/2302/HĐCV/LG/YEG/NVĐ ngày 03/02/2023	70.000.000.000	70.000.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Ông Đinh Tấn Danh theo Hợp đồng cho vay số 49/2302/HĐCV/LG/YEG/ĐTD ngày 03/02/2023	58.756.250.000	58.756.250.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Ông Phan Thái Huy theo Hợp đồng cho vay số 50/2302/HĐCV/LG/YEG/PTH ngày 03/02/2023	103.005.000.000	103.005.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Công ty Cổ phần Vital Invesments Group theo Hợp đồng cho vay tiền số 03/27062022/HDV ngày 27/6/2022	8.000.000.000	8.000.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Công ty Cổ phần Vital Invesments Group theo Hợp đồng cho vay tiền số 1507/2022/YEG/HDV ngày 15/7/2022	20.000.000.000	20.000.000.000	14/9/2023
Vốn lưu động khác[(i)]	30.238.750.000	30.238.750.000	
Chi lãi vay		*11.259.368.000*	*14/9/2023*
Chi cho hoạt động kinh doanh (tạm ứng, chi lương, chi nộp bảo hiểm xã hội, chi nộp thuế, chi sửa chữa văn phòng...)		*18.979.382.000*	*Từ 9/2023 đến 3/2024*
Cộng	**450.000.000.000**	**450.000.000.000**	

(i) Số tiền Công ty bổ sung vốn lưu động khác dùng một phần để thanh toán lãi vay cho các Hợp đồng cho vay số 48/2302/HĐCV/LG/YEG/NVĐ, Hợp đồng cho vay số 49/2302/HĐCV/LG/YEG/ĐTD, Hợp đồng cho vay số 50/2302/HĐCV/LG/YEG/PTH, Hợp đồng cho vay số 1507/2022/YEG/HDV và Hợp đồng cho vay số 03/27062022/HDV. Ngoài ra một phần dùng để tạm ứng cho nhân viên Công ty - Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu theo Quyết định số 528-2309-QĐ-YEG ngày 14 tháng 9 năm 2023 với mục đích để tạm ứng chi phí thực hiện các chương trình Content của Công ty, tuy nhiên, do việc thực hiện chậm tiến độ nên Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu đã hoàn ứng lại đủ cho Công ty trong thời gian từ ngày 16 tháng 10 năm 2023 đến ngày 02 tháng 11 năm 2023. Công ty đã sử dụng khoản tiền hoàn ứng này để chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: chi lương, nộp bảo hiểm xã hội, nộp thuế, chi sửa chữa văn phòng,... trong thời gian từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tình hình sử dụng vốn này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số III.1 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc chào bán, sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

1. Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn
Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) được lập trên cơ sở thực chi và là một bộ phận trong dòng tiền chi của Công ty.

Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu trong kỳ được tổng hợp trên cơ sở các nghiệp vụ giải ngân lần đầu thông qua tài khoản số 1190580180 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Thông tin về tình hình sử dụng vốn được trình bày phù hợp và nhất quán với sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan của Công ty.

2. **Kỳ báo cáo**
Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) được lập sau khi Công ty hoàn thành việc sử dụng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được phê duyệt.

3. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn là Đồng Việt Nam (VND).

4. **Mục đích sử dụng báo cáo**
Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) chỉ được sử dụng để báo cáo tình hình sử dụng vốn theo kế hoạch sử dụng vốn được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 cũng như đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, không mở rộng ra cho toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

IV. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

Người lập	Kế toán trưởng	Chế Đoàn Viên Phó Tổng Giám đốc
Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 052316 Quyển số: 01SCT/BS
Ngày: 13-12-2024
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Vũ Thu Hải